

DỰ ÁN “MÙA HÈ XANH”

NHÓM 1-HỌC KÌ I

**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH DẠY THÊM MÔN NGŨ VĂN 9
HỌC KÌ 1**

Buổi	Số tiết	Nội dung	Ghi chú
1	3	Ôn tập văn thuyết minh	
2	3	Ôn tập văn bản nhật dụng (<i>Phong cách HCM, Đấu tranh cho một thế giới hòa bình, tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được phát triển của trẻ em.</i>)	
3	3	- Ôn tập Tiếng Việt: Hoạt động giao tiếp (<i>Các PCHT, Xung hô trong hội thoại, Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp</i>)	
4	3	- Truyện trung Đại chữ Hán (<i>Chuyện người con gái Nam Xương</i>).	
5	3	- Truyện trung Đại chữ Hán (<i>Chuyện cũ trong phủ Chúa Trịnh, Hoàng Lê nhất thống chí – Hồi thứ 14</i>).	
6	3	- Truyện thơ Nôm (<i>Nguyễn Du và Truyện Kiều, Đoạn trích chị em Thúy Kiều, Cảnh ngày xuân</i>)	
7	3	- Truyện thơ Nôm (<i>Đoạn trích Kiều ở Lầu Ngưng Bích, Truyện Lục Vân Tiên – Nguyễn Đình Chiểu</i>)	
8	3	- Thơ Hiện đại VN: + <i>Đồng chí – Chính Hữu.</i>	
9	3	- Thơ Hiện đại VN: + <i>Bài thơ về TĐ xe không kính – Phạm Tiến Duật.</i>	
10	3	- Thơ hiện đại VN (tiếp): + <i>Ánh trăng – Nguyễn Duy.</i>	
11	3	- Thơ hiện đại VN (tiếp): + <i>Bếp lửa – Bằng Việt.</i>	
12	3	- Thơ hiện đại VN (tiếp): + <i>Đoàn thuyền đánh cá – Huy Cận.</i>	
13	3	- Truyện Hiện đại Việt Nam: + <i>Làng – Kim Lân.</i>	

14	3	- Truyện Hiện đại Việt Nam (tiếp): + <i>Lặng lẽ Sa Pa</i> – Nguyễn Thành Long.	
15	3	- Truyện Hiện đại Việt Nam (tiếp): + <i>Chiếc lược ngà</i> – Nguyễn Quang Sáng.	
16	3	- Văn tự sự.	
17	3	- Luyện tập văn tự sự	
18	3	- Cách làm bài tập đọc hiểu	
19	3	- Ôn tập học kì 1	
20	3	- Luyện đề	

BUỔI 1

Ngày soạn : / /2020

Ngày dạy:

ÔN TẬP VĂN THUYẾT MINH**I. Mục tiêu cần đạt:****1. Kiến thức:** Giúp học sinh

- củng cố khái niệm thế nào là văn thuyết minh.
- Các phương pháp thuyết minh chủ yếu.
- Những yêu cầu cơ bản khi làm văn thuyết minh
- Sự đa dạng, phong phú về đối tượng cần giới thiệu trong bài văn thuyết minh.
- Phân biệt được những nét khác nhau cơ bản giữa văn thuyết minh với một số thể văn khác.

2. Kỹ năng:

- Tổng hợp hệ thống lại những kiến thức đã học về văn thuyết minh.
- Nhận diện kiểu bài thuyết minh và nắm vững yêu cầu
- Có kỹ năng tìm hiểu, quan sát đối tượng cần thuyết minh
- Lập dàn ý, viết đoạn văn và bài văn thuyết minh

3. Thái độ, phẩm chất:

- Có ý thức học tập chủ động, tích cực; trang bị đầy đủ kiến thức để vận dụng viết bài văn thuyết minh đúng, đủ, hay, sáng tạo và hấp dẫn người đọc.
- Yêu ngôn ngữ dân tộc, trau dồi vốn từ vựng Tiếng Việt
- Tự lập, tự tin, tự chủ ...

4. Năng lực:

- Năng lực tự chủ và tự học,
- Năng lực giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo
- Năng lực hợp tác
- Năng lực giao tiếp
- Năng lực tạo lập văn bản...

II. Tiến trình lên lớp**Tiết 1:**

A. Hệ thống lại kiến thức đã học

Hoạt động của GV- HS	Kiến thức cần đạt
<p>Gv: Thuyết minh là kiểu văn bản như thế nào? Văn Thuyết minh có vai trò và tác dụng gì trong cuộc sống? Hs trao đổi thảo luận theo bàn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là kiểu văn bản cung cấp các tri thức cho người đọc người nghe. Ví dụ thuyết minh về tà áo dài nhằm cung cấp tri thức về áo dài . Thuyết minh : Vì sao lá cây có màu xanh lục là cung cấp kiến thức về nguyên nhân tại sao lá cây có màu xanh... <p>Gv gọi một số nhóm khác nhận xét, bổ sung sau đó chốt lại kiến thức .</p>	<p>1. Khái niệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết minh là kiểu văn bản phổ biến, thông dụng trong đời sống nhằm cung cấp cho người đọc, người nghe những tri thức về đặc điểm, tính chất, nguyên nhân, ý nghĩa của các hiện tượng, sự việc trong tự nhiên, xã hội bằng phương thức trình bày giới thiệu giải thích.
<p>Gv: Em hãy nêu những nét khác biệt cơ bản giữa văn thuyết minh với văn miêu tả, tự sự, biểu cảm và nghị luận?</p> <p>Hs: Trình bày</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tri thức trong văn thuyết minh đòi hỏi phải mang tính khách quan, xác thực, hữu ích với mọi người - Tự sự là trình bày sự việc (nhân vật, cốt truyện...) - Miêu tả là tái hiện đặc điểm hình dáng...của con người , phong cảnh, con vật,cây cối... - Nghị luận là bày tỏ quan điểm - Biểu cảm là bày tỏ bộc lộ cảm xúc... <p>Gv chốt lại kiến thức</p> <p>Gv: ?/ Lời văn trong văn thuyết minh cần đảm bảo yêu cầu gì?</p> <p>Hs trao đổi theo bàn và trình bày ý kiến</p> <p>Gv nhận xét, chốt kiến thức.</p> <p>Gv?/ các yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận có xuất hiện trong văn thuyết minh không? Tác dụng của từng yếu tố đó như thế nào?</p> <p>Hs trình bày</p> <p>Gv nhận xét, chốt kiến thức.</p>	<p>2. Yêu cầu cơ bản về nội dung tri thức và lời văn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tri thức được trình bày trong văn thuyết minh cần khách quan, xác thực- đáng tin cậy và có ích với mọi người - Lời văn cần rõ ràng, chính xác, dễ hiểu, chặt chẽ, cô đọng và hấp dẫn. - Các yếu tố miêu tả, tự sự, nghị luận, biểu cảm không thể thiếu trong văn thuyết minh nhưng chiếm tỉ lệ nhỏ và chỉ nhằm mục đích làm nổi bật đối tượng thuyết minh.

<p>Gv?/ Muốn làm tốt bài văn thuyết minh cần phải chuẩn bị những gì? Bài văn thuyết minh phải làm nổi bật điều gì?</p> <p>Hs trao đổi theo nhóm và cử đại diện trình bày:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phải tìm hiểu để có kiến thức cũng như những hiểu biết đầy đủ, đa dạng, chính xác về đối tượng thuyết minh - Tìm hiểu trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các phương tiện thông tin đại chúng - Bài văn thuyết minh cần tập trung để làm nổi bật đối tượng thuyết minh. <p>Gv nhận xét bổ sung.</p>	<p>3. Để làm tốt bài văn thuyết minh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phải tìm hiểu kĩ về đối tượng thuyết minh bằng cách: <ul style="list-style-type: none"> + Quan sát trực tiếp + Tìm hiểu qua sách báo, truyền hình, các phương tiện thông tin đại chúng khác - Bài văn thuyết minh cần làm nổi bật được đặc điểm, tính chất, chức năng, tác dụng của đối tượng thuyết minh...đặc biệt là mối quan hệ giữa đối tượng được thuyết minh với đời sống con người.
<p>Gv? /Hãy trình bày những phương pháp thường được sử dụng trong văn thuyết minh? Hãy đưa ra một ví dụ cụ thể</p> <p>Hs: Phương pháp nêu định nghĩa, phương pháp giải thích, liệt kê, nêu ví dụ, dùng số liệu, so sánh, phân loại, phân tích...</p> <p>- Ví dụ : văn bản “Ôn dịch, thuốc lá” Tác giả Nguyễn Khắc Viện đã dùng phương pháp nêu ví dụ và phương pháp dùng số liệu cụ thể để thuyết minh cụ thể về tác hại ghê gớm của thuốc lá ...</p>	<p>4. Những phương pháp thuyết minh thường sử dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu định nghĩa - Giải thích - Liệt kê - Phân loại phân tích - Dùng số liệu - Nêu ví dụ...

Tiết 2

A.Hệ thống lại kiến thức đã học

Hoạt động của GV- HS	Kiến thức cần đạt
<p>Gv?/ Những BPNT nào thường được dùng trong văn thuyết minh? Nêu tác dụng?</p> <p>Hs trình bày</p> <p>Gv nhận xét, chốt kiến thức.</p>	<p>5. Sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Để văn bản thuyết minh thêm sinh động hấp dẫn người đọc ta thường vận dụng một số BPNT như kể chuyện, tự thuật, đối thoại theo lối ẩn dụ, nhân hóa hoặc các hình thức

	<p>về, diễn ca,...</p> <p>- Các BPNT cần được sử dụng hợp lí để làm nổi bật đối tượng thuyết minh.</p>
<p>?/ Yếu tố miêu tả trong văn thuyết minh có vai trò gì?</p> <p>Hs trình bày</p> <p>Gv nhận xét, chốt</p>	<p>6. Sử dụng yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh</p> <p>- Yếu tố miêu tả giúp cho bài thuyết minh thêm cụ thể, sinh động, hấp dẫn và làm đối tượng thuyết minh được nổi bật, gây ấn tượng.</p>
<p>?/ Hãy trình bày dàn ý chung của một bài văn thuyết minh?</p> <p>Hs thảo luận theo nhóm rồi cử đại diện trình bày</p> <p>Gv chia lớp thành 4-6 nhóm tùy theo sĩ số của lớp</p> <p>Gv gọi đại diện các nhóm trình bày, đại diện các nhóm khác nhận xét</p> <p>Gv nhận xét chung và chốt kiến thức</p>	<p>7. Dàn ý khái quát của bài văn thuyết minh.</p> <p>A. Mở bài: Giới thiệu khái quát về đối tượng.</p> <p>B. Thân bài:</p> <p>- Lần lượt giới thiệu từng mặt, từng đặc điểm, phương diện của đối tượng thuyết minh</p> <p>(Có thể đan xen yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận... để làm nổi bật đối tượng thuyết minh)</p> <p>C. Kết bài: Ý nghĩa của đối tượng và bài học</p>

B. Luyện tập :

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>Bài tập 1: Lập dàn ý giới thiệu về chiếc bút bi.</p> <p>- Hình thức tổ chức luyện tập :</p> <p>Giáo viên cho học sinh làm bài tập theo nhóm (2 bàn một nhóm)</p> <p>- HS thực hiện: các nhóm trao đổi cử đại diện ghi sản phẩm ra giấy</p> <p>Gv gọi đại diện các nhóm lên trình bày</p>	<p>I. Mở bài</p> <p>- Giới thiệu chung về cái bút bi, tầm quan trọng của bút bi đối với học tập, công việc.</p> <p>II. Thân bài</p> <p>1. Lịch sử ra đời, nguồn gốc, xuất xứ của bút bi (ai phát minh ra? năm bao nhiêu? ...)</p> <p>- Bút bi được phát minh bởi nhà báo Hungari Lazo Biro vào những năm 1930, ông quyết định nghiên cứu và phát hiện mực in giấy rất nhanh khô tạo ra một loại bút sử dụng mực như thế.</p> <p>2. Cấu tạo cây bút bi:</p> <p>Trong phần nội dung chính thuyết minh về cấu tạo cây bút bi, cần nêu được chiếc bút bi có 2 bộ phận chính:</p> <p>- Vỏ bút: là một ống trụ tròn dài từ 14-15 cm</p>

Các nhóm còn lại nhận xét	<p>được làm bằng nhựa dẻo hoặc nhựa màu, trên thân thường có các thông số ghi ngày, nơi sản xuất.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ruột bút: nằm bên trong vỏ bút, làm từ nhựa dẻo, là nơi chứa mực (mực đặc hoặc mực nước). - Bộ phận đi kèm: lò xo, nút bấm, nắp đậy, trên ngoài vỏ có đai để gắn vào túi áo, vở. <p>3. Phân loại các loại bút bi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bút bi có nhiều kiểu dáng và màu sắc khác nhau tùy theo lứa tuổi và thị hiếu của người tiêu dùng (bút bi bấm, bút bi có nắp, ...) - Hiện nay trên thị trường đã xuất hiện nhiều thương hiệu bút nổi tiếng như: Hồng Hà, Thiên Long, ... <p>4. Nguyên lý hoạt động, bảo quản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyên lý hoạt động: Mũi bút chứa viên bi nhỏ, khi viết sẽ lăn ra mực để tạo chữ. - Bảo quản: giữ gìn cẩn thận, cất giữ trong hộp bút, không vứt bút linh tinh, khi dùng xong phải để vào nơi quy định. <p>5. Ưu điểm, khuyết điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ưu điểm: <ul style="list-style-type: none"> + Bền, đẹp, nhỏ gọn, dễ vận chuyển. + Giá thành rẻ, phù hợp với học sinh. - Khuyết điểm: <ul style="list-style-type: none"> + Vì viết được nhanh nên dễ rây mực và chữ không được đẹp. Nhưng nếu cẩn thận thì sẽ tạo nên những nét chữ đẹp mê hồn. <p>6. Ý nghĩa của cây bút bi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bút bi là vật dụng không thể thiếu trong đời sống hàng ngày của con người: Dùng để viết, để vẽ, ký hợp đồng, ghi chép, ... <p><u>III. Kết bài</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết luận, nêu cảm nghĩ và nhấn mạnh tầm quan trọng của cây bút bi trong cuộc sống
---------------------------	---

Tiết 3

B. Luyện tập :

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>Bài tập 2 :</p> <p>Viết bài văn ngắn giới thiệu về tác</p>	<p>Tác giả Nguyễn Dữ hiện chưa rõ năm sinh năm mất, sống vào khoảng thế kỉ XVI, là người</p>

<p>giả Nguyễn Dữ và tác phẩm “Chuyện người con gái Nam Xương”.</p> <p>Hình thức tổ chức luyện tập (Cá nhân)</p>	<p>huyện Trường Tân, nay là huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.</p> <p>Thời ông sống, các tập đoàn Phong kiến tranh giành quyền lực gây ra liên tiếp các cuộc nội chiến kéo dài. Có giả thiết cho rằng ông là học trò của Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm. Cha ông là tiến sĩ đời Lê Thánh Tông, bản thân ông cũng là người học rộng, tài cao nhưng chỉ làm quan một năm rồi xin về quê ẩn dật. Ông có tác phẩm chữ Hán nổi tiếng Truyền kì mạn lục (Ghi chép tản mạn những điều kì lạ vẫn được lưu truyền)- một tác phẩm thể hiện quan niệm sống và tấm lòng của ông trước cuộc đời.</p> <p>"Chuyện người con gái Nam Xương" là tác phẩm được rút trong tập truyện Truyền kì mạn lục của tác giả. Đây là một trong hai mươi truyện của tập sách này. Tác phẩm ghi lại cuộc đời thảm thương của Vũ Nương, quê ở Nam Xương (thuộc tỉnh Hà Nam) ngày nay. “Chuyện người con gái Nam Xương” thể hiện sự xót thương với những người phụ nữ tài sắc, đức hạnh mà chết oan trong bi kịch gia đình. Vũ Nương là một phụ nữ đảm đang, hiếu thảo, một mình nuôi dạy con thơ, phụng dưỡng mẹ già. Cái chết của Vũ Nương có giá trị tố cáo hiện thực sâu sắc, lên án chiến tranh Phong kiến gây nên bi kịch gia đình, làm tan vỡ hạnh phúc.</p> <p>Vì lẽ đó, “ Chuyện người con gái Nam Xương” có giá trị hiện thực và nhân đạo sâu sắc. Thông điệp bài học mà tác giả Nguyễn Dữ gửi gắm đến hôm nay vẫn còn nguyên giá trị.</p>
<p>Bài tập 3</p> <p>Viết đoạn văn giới thiệu về đặc điểm cấu tạo của chiếc nón lá.</p>	<p>Chiếc nón lá từ lâu đã trở thành một vật dụng gần gũi, quen thuộc của người phụ nữ Việt Nam. Nón lá có cấu tạo đơn giản nhưng cũng đòi hỏi sự</p>

<p>- Hình thức tổ chức luyện tập (Cá nhân)</p> <p>Gv yêu cầu học sinh nghiêm túc viết đoạn văn giới thiệu về đặc điểm hình dáng và công dụng của chiếc nón lá.</p>	<p>khéo léo của người thợ. Nón có hình chóp đều, thành được bao bọc bởi những chiếc vành uốn quanh nhiều lớp. Vành nón làm bằng tre, vót tròn như bộ khung nâng đỡ cái hình hài duyên dáng của nón. Ở phần đáy nón có một chiếc vành uốn quanh, cứng cáp hơn những chiếc vành nón ở trên. Vành nón, vành nón cứng hay giòn sẽ quyết định đến độ cứng cáp, bền lâu của chiếc nón. Chiếc nón lá đã trở thành biểu tượng của người phụ nữ Việt Nam.</p>
<p>Bài tập 3</p> <p>Viết đoạn văn giới thiệu về cấu trúc nội dung của cuốn SGK Ngữ văn 9 tập 1 – NXB giáo dục.</p>	<p>Sách giáo khoa ngữ văn 9 tập 1 do NXB giáo dục ấn hành có nội dung cấu trúc gồm 3 phần .Nội dung kiến thức gồm 17 bài. Mỗi bài được thiết kế đầy đủ cả ba phân môn là văn bản, Tiếng Việt và Tập làm văn. Phần Văn bản bao gồm các tác phẩm văn học Việt Nam và văn học nước ngoài được sắp xếp hợp lí theo tiến trình thời gian để học sinh dễ tiếp cận. Phần Tiếng Việt cung cấp kiến thức về các phương châm hội thoại, sự phát triển của từ vựng...Phần tập làm văn củng cố lại kiến thức về văn thuyết minh, văn tự sự... Cuốn sách giáo khoa Ngữ văn 9 tập 1 là một đồ dùng học tập rất cần thiết và quan trọng đối với mỗi học sinh chúng ta vì nó là công cụ giúp ta học tập ngày càng tốt hơn.</p>
<p>Bài tập 4</p> <p>Viết đoạn văn giới thiệu về một thói quen tốt của bản thân em. (Cá nhân)</p> <p>Gv gợi ý :</p> <p>+ “Thói quen” là những nếp sống, những hành động được lặp đi lặp lại</p>	<p>Một trong những thói quen tốt của tôi là mỗi sáng dậy thật sớm để dành thời gian tập thể dục. Tôi nghĩ rằng đây là một hoạt động rất tốt cho sức khỏe. Có thể trong những ngày đầu bạn sẽ gặp khó khăn vì phải dậy sớm hơn để ra sân tập thể dục nhưng cứ kiên trì và cố gắng thì cơ thể bạn sẽ thích nghi dần dần. Ngay sau khi tập thể</p>

<p>nhiều lần trong cuộc sống hàng ngày.</p> <p>+ “Thói quen tốt” sẽ mang lại cho chúng ta nhiều ý nghĩa tích cực, đem lại một hình ảnh đẹp về một cá nhân, thậm chí là một cộng đồng, một quốc gia, dân tộc</p> <p>+ Các thói quen tốt như : Học tập theo kế hoạch thời gian được xây dựng từ trước, luôn giữ lời hứa, tự giác học bài, thường xuyên đọc sách...</p>	<p>dục cơ thể chúng ta sẽ cảm thấy khoan khoái và dễ chịu hơn, đầu óc chúng ta cũng trở nên minh mẫn vì vậy học bài sẽ có hiệu quả tốt hơn. Đặc biệt sau bài thể dục buổi sáng chúng ta đã tiêu hao một lượng calo nhất định vì vậy mà bữa sáng ta ăn sẽ thấy ngon hơn. Điều này thật có lợi cho hệ tiêu hóa...</p>
--	---

III. củng cố - Dặn dò

- Nắm vững khái niệm văn thuyết minh, đặc điểm của văn thuyết minh và cách làm bài văn thuyết minh.

- Bài tập về nhà:

+ Viết đoạn văn thuyết minh về một con vật nuôi gần gũi với em (Có sử dụng yếu tố miêu tả và một số biện pháp nghệ thuật).

+ Lập dàn ý và viết thành bài văn hoàn chỉnh cho đề bài sau: *Thuyết minh về cây lúa Việt Nam.*

+ Chuẩn bị bài ôn tập về văn bản nhật dụng(Phong cách Hồ Chí Minh, đấu tranh cho một thế giới hòa bình, Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em)

BUỔI 2

Ngày soạn:

Ngày dạy:

ÔN TẬP VĂN BẢN NHẬT DỤNG

**VĂN BẢN:
PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH – LÊ ANH TRÀ
ĐẤU TRANH CHO MỘT THẾ GIỚI HÒA BÌNH – G. MẮC KẾT
SỰ SỐNG CÒN QUYỀN ĐƯỢC BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ EM**

I. Mục tiêu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Củng cố kiến thức về nội dung và nghệ thuật của ba văn bản nhật dụng đã học: Phong cách Hồ Chí Minh, Đấu tranh cho một thế giới hòa bình, Sự sống còn quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em.
- Mở rộng nâng cao nội dung kiến thức của ba văn bản trên.

2. Kỹ năng:

- Vận dụng các biện pháp nghệ thuật trong việc viết văn.
- Rèn kỹ năng học sinh trong việc vận dụng kiến thức cơ bản làm các dạng bài tập

3. Thái độ:

- Lòng kính yêu, khâm phục, tự hào về Bác, yêu hòa bình, tôn trọng quyền và phát triển của trẻ em.
- Có ý thức tu dưỡng học tập tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.....

4. Năng lực:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ giao tiếp, năng lực hợp tác; năng lực cảm thụ, năng lực tư duy, năng lực sáng tạo...

II. Tiến trình lên lớp:

* Ôn định:

* Kiểm tra bài cũ:

* Bài mới:

Tiết 1: Hệ thống lại kiến thức văn bản nhật dụng trong chương trình ngữ văn 9 đã học.

A. Hệ thống kiến thức đã học.

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>GV: Khái quát nhanh nội dung phần giới thiệu chung văn bản:</p> <p>? Nêu khái niệm văn bản nhật dụng là gì?</p> <p>? Kể tên một số kiểu văn bản nhật dụng mà em đã được học?</p> <p>? Trong chương trình Ngữ văn lớp 9 em đã được học những văn bản nhật dụng nào?</p> <p>HS kể - GV nhận xét và chốt</p> <p>? Những văn bản nhật dụng đã học trong chương trình Ngữ văn lớp 9</p>	<p>I. Khái quát chung:</p> <p>1. Khái niệm về văn bản nhật dụng:</p> <p>Văn bản nhật dụng không phải là khái niệm chỉ kiểu văn bản hoặc thể loại. Đó là khái niệm chỉ tính chất nội dung cập nhật (gần gũi, bức thiết đối với đời sống) của văn bản. Văn bản nhật dụng có thể là thơ, văn xuôi, văn nghị luận,...</p> <p>2. Chủ đề văn bản nhật dụng đã học lớp 9.</p> <p>- Phong cách Hồ Chí Minh - Lê Anh Trà:</p>

thuộc chủ đề nào?	Hội nhập với thế giới và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. - <i>Đấu tranh cho một thế giới hòa bình</i> - G. Mác-két: Chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình. - <i>Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em</i> : Quyền sống của con người và Quyền trẻ em.
? Nêu xuất xứ của văn bản?	II. Khái quát nội dung và nghệ thuật của những văn bản nhật dụng lớp 9 đã học 1. Phong cách Hồ Chí Minh - Lê Anh Trà: a. Nội dung: - Sự hiểu biết sâu, rộng về các dân tộc và văn hoá thế giới nhào nặn nên cốt cách Hồ Chí Minh. - Phong cách Hồ Chí Minh là sự giản dị trong lối sống, sinh hoạt hằng ngày, là cách di dưỡng tinh thần, thể hiện một quan niệm thẩm mỹ cao đẹp.
? Nêu khái quát nội dung chính của văn bản <i>Phong cách Hồ Chí Minh</i> ?	b. Nghệ thuật: - Sử dụng ngôn ngữ trang trọng, kết hợp giữa kể và bình luận. - Chọn lọc những chi tiết tiêu biểu, đan xen thơ, dùng từ Hán Việt gợi sự gần gũi giữa HCM với các bậc hiền triết của dân tộc. - Vận dụng các hình thức so sánh, các biện pháp nghệ thuật đối lập
? Nghệ thuật đặc sắc của văn bản <i>Phong cách Hồ Chí Minh</i> ?	2. Đấu tranh cho một thế giới hòa bình - G. Mác-két: a. Nội dung: - Nguy cơ chiến tranh hạt nhân đang đe dọa toàn bộ sự sống trên trái đất. - Nhiệm vụ cấp bách của toàn thể nhân loại là ngăn chặn nguy cơ đó, là đấu tranh cho một thế giới hòa bình. - Chủ đề: Chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình.
? Nêu khái quát nội dung chính của văn bản <i>Đấu tranh cho một thế giới hòa bình</i> - G. Mác-két?	b. Nghệ thuật. - Văn nghị luận giàu sức thuyết phục. - Hệ thống luận điểm, luận cứ rõ ràng, xác
? Nghệ thuật đặc sắc của văn bản <i>Đấu tranh cho một thế giới hòa bình</i> - G. Mác-két?	

<p>? Nêu khái quát nội dung chính của văn bản <i>Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em</i>?</p> <p>? Nêu nội dung ý nghĩa của từng đoạn?</p> <p>? Nêu nhận xét của em về phần mở đầu?</p> <p>? Tìm từ ngữ, chi tiết nói về thực tế cuộc sống của trẻ em hiện nay?</p> <p>GV mở rộng thêm về nạn buôn bán trẻ em, mắc HIV, phạm tội....</p> <p>? Những dẫn chứng đó chứng tỏ tình trạng thực tế cuộc sống trẻ em trên thế giới như thế nào ?</p> <p>? Em có suy nghĩ gì sau khi học xong phần 2 này?</p> <p>? Tóm tắt các điều kiện thuận lợi cơ bản để cộng đồng quốc tế hiện nay có thể đẩy mạnh việc chăm sóc, bảo vệ trẻ em?</p> <p>Nêu và phân tích từng nhiệm vụ đề thấy được tính chất toàn diện của nội dung này?</p> <p>HS thảo luận</p> <p>liệt kê các nhiệm vụ vào giấy</p>	<p>đáng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có lập luận chặt chẽ. - Chứng cứ cụ thể, xác thực. - Sử dụng nghệ thuật so sánh sắc sảo, đầy sức thuyết phục. <p>3. Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em</p> <p>1. Nội dung chính:</p> <p><u>a. Mở đầu:</u> 2 đoạn văn</p> <p>-> Gọn, rõ, có tính chất khẳng định.</p> <p><u>b. Sự thách thức:</u> từ mục 3 - 7</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực tế cuộc sống của trẻ em trên thế giới hiện nay - Bị trở thành nạn nhân của chiến tranh và bạo lực, phân biệt chủng tộc, sự xâm lược, bị bóc lột.... - Chịu đựng những thảm họa của đói nghèo, vô gia cư khủng hoảng kinh tế, dịch bệnh, mù chữ, môi trường xuống cấp. - Nhiều trẻ em chết mỗi ngày do suy dinh dưỡng và bệnh tật. <p>-> Dẫn chứng ngắn gọn, cụ thể làm nổi bật trẻ em hiện nay trong tình trạng bị rơi vào hiểm họa trở thành nạn nhân của bao vấn nạn xã hội</p> <p><u>c. Phần cơ hội:</u> mục 8,9</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự liên kết lại của các quốc gia cùng ý thức cao của cộng đồng quốc tế trên lĩnh vực này. - Sự hợp tác quốc tế ngày càng có hiệu quả trên nhiều lĩnh vực. <p>-> Nhiều tổ chức xã hội tham gia vào phong trào chăm sóc, bảo vệ trẻ em.</p> <p><u>d. Phần nhiệm vụ:</u> Mục 10 - 17</p> <p>-> Nhiệm vụ cấp thiết của cộng đồng quốc tế và từng quốc gia.</p> <p>Những nhiệm vụ này được xác định trên cơ sở tình trạng thực tế cuộc sống của trẻ em trên thế giới hiện nay.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từng quốc gia và cộng đồng quốc tế cần phải nỗ lực phối hợp hành động.
--	--

đại diện trình bày ? Nhận xét gì về các nhiệm vụ được nêu ra trong bản tuyên bố này? ? Nghệ thuật đặc sắc của văn bản <i>Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em?</i>	2. Nghệ thuật: - Trình bày rõ ràng, hợp lí - Mỗi lên hệ logic giữa các phần làm cho văn bản có kết cấu hợp lí - Sử dụng phương pháp nêu số liệu, phân tích khoa học.
---	--

B. Luyện tập:

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
Bài 1: Nêu ý nghĩa phong cách văn hóa Hồ Chí Minh? HS thảo luận nhóm Cử đại diện trình bày HS – GV nhận xét -> GV chốt	A. Văn bản: Phong cách Hồ Chí Minh: Bài 1: Ý nghĩa phong cách văn hóa Hồ Chí Minh: - Bằng lập luận chặt chẽ, chứng cứ xác thực, tác giả đã cho thấy cốt cách văn hoá HCM trong nhận thức và trong hành động. Từ đó nhận ra vấn đề hội nhập: Tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại, đồng thời phải giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc. - Lối sống thanh cao, một cách giản dị, dưỡng tinh thần, một quan niệm thẩm mỹ về cuộc sống. -> Đây là lối sống của một người cộng sản lão thành, một vị chủ tịch nước, đại diện cho linh hồn dân tộc. - Phong cách HCM là một tấm gương lớn lao cho mỗi người VN noi theo. - Trong phát triển nền văn hóa dân tộc, xây dựng lối sống cho con người VN hiện đại, chúng ta cần phải biết học hỏi để hòa nhập với khu vực và quốc tế nhưng cũng cần phải bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Bài 2: Vẻ đẹp nổi bật trong Phong cách HCM: - Kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, nhân loại và dân tộc: tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại để tạo nên một nhân cách, một lối sống rất Việt Nam, rất phương Đông nhưng cũng rất mới, rất hiện đại. - Giản dị, mà thanh cao. Bài 3: Nhận thức về lối sống có văn hoá: - Cái đẹp là sự giản dị, tự nhiên kết hợp giữa truyền thống và hiện đại.
Bài 2: Theo em, vẻ đẹp nổi bật trong Phong cách HCM được nói tới trong văn bản là gì? HS làm việc cá nhân GV gọi 1-3 hs bất kì đứng dậy trả lời GV nhận xét -> chốt	

<p>Bài 3: Từ văn bản này em nhận thức được thể nào là lối sống có văn hoá? GV chia nhóm HS thảo luận Cử đại diện trình bày HS – GV nhận xét -> GV chốt</p> <p>Bài 4: Ngày nay chúng ta nên học tập và rèn luyện theo phong cách HCM như thế nào? (? Em rút ra bài học gì từ phong cách HCM trong cuộc sống hiện tại của mình?)</p> <p>HS làm việc cá nhân GV gọi hs bất kì đứng dậy trả lời GV nhận xét -> chốt</p> <p>Bài 5: Đọc những câu thơ, mẩu chuyện về lối sống giản dị mà thanh cao của chủ tịch Hồ Chí Minh. gọi 1-> 3 em thực hiện GV có thể đọc - kể thêm.</p>	<p>- Xu thế hoà nhập nhưng không hoà tan, cần giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc.</p> <p>Bài 4: Ngày nay chúng ta học tập và rèn luyện theo phong cách HCM:</p> <p>- Nhận thức phong cách HCM là một tấm gương lớn lao cho mỗi người Việt Nam noi theo.</p> <p>- Bồi dưỡng lòng kính yêu, tự hào về Bác.</p> <p>- Tích cực tu dưỡng, học tập, rèn luyện theo tấm gương của Bác</p> <p>- Trong việc phát triển nền văn hoá dân tộc, xây dựng lối sống cho con người VN hiện đại, chúng ta cần thiết phải học hỏi để hoà nhập với khu vực và quốc tế nhưng cũng cần phải bảo vệ, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc .</p> <p>Bài 5: <i>Bác Hồ đó, chiếc áo nâu giản dị Màu quê hương bền bỉ đậm đà Ta bên Người, Người toả sáng trong ta Ta bỗng lớn ở bên Người một chút.</i> (Sáng tháng năm)</p> <p><i>Nhà gác đơn sơ một góc vườn Gỗ thường mộc mạc chẳng mùi sơn Giường mây, chiếu cói, đơn chăn gối Tủ nhỏ vừa treo mấy áo sờn.</i> (Theo chân Bác)</p>
--	---

Tiết 2: Luyện tập (tiếp)

GV dùng hình thức phát phiếu học tập cho học sinh làm

Dưới dạng: Thảo luận nhóm hoặc làm việc độc lập cá nhân

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>Bài 6 : Trong bài «Phong cách Hồ Chí Minh», sau khi nhắc lại việc chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp xúc với nhiều nước, nhiều vùng trên thế giới , tác giả Lê Anh Trà viết :</p>	<p>GỢI Ý :</p> <p>1. Về đẹp phong cách Hồ Chí Minh được kết hợp hài hòa giữa những ảnh hưởng văn hóa Quốc tế và gốc văn hóa dân tộc.</p> <p>- Qua đó tác giả Lê Anh Trà thể hiện tình</p>

« .. Nhưng điều kì lạ là tất cả những ảnh hưởng quốc tế đó đã nhào nặn với cái gốc văn hóa dân tộc không gì lay chuyển được ở Người, để trở thành một nhân cách rất Việt Nam, một lối sống rất bình dị, rất Việt Nam, rất phương Đông, nhưng cũng đồng thời rất mới, rất hiện đại”...

(Trích *Ngữ Văn 9*, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

Câu hỏi

1. ở phần trích trên, tác giả đã cho ta thấy vẻ đẹp của phong cách HCM được kết hợp hài hòa bởi những yếu tố nào ? Em hiểu được điều gì về tình cảm của tác giả dành cho Người ?
2. Xác định hai danh từ được sử dụng như tính từ trong phần trích dẫn, cho biết hiệu quả nghệ thuật của cách dùng từ ấy ?
3. Em hãy suy nghĩ (khoảng 2/3 trang giấy thi) về trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong thời kì hội nhập và phát triển.

Bài 1: Nhan đề “Đấu tranh cho một thế giới hòa bình” có phù hợp với văn bản của nó không? Vì sao?

HS làm việc độc lập

GV gọi HS trả lời

nhận xét – GV chốt

Bài 2: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“Chúng ta đang ở đâu?...đối với vận mệnh thế giới”

1. Xác định phương thức biểu đạt chính

cảm kính trọng, ca ngợi Bác Hồ, tự hào về Người như một đại diện của một con người ưu tú Việt Nam.

2. Hai danh từ được sử dụng như tính từ: Việt Nam, Phương Tây. Cách dùng từ ấy có hiệu quả nghệ thuật cao Tác giả nhấn mạnh bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam, bản sắc Phương Đông trong con người Bác.

3. Trách nhiệm thế hệ trẻ đối với việc giữ gìn văn hóa dân tộc trong thời kỳ hội nhập:

– **Giải thích:** thời kỳ hội nhập: các nền kinh tế thế giới mở cửa, hội nhập dẫn đến sự giao lưu, ảnh hưởng văn hóa giữa các nước.

– **Trách nhiệm thế hệ trẻ:**

+ Giữ gìn và phát huy những bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc; + Nêu cao tinh thần tự tôn dân tộc, niềm tự hào về những truyền thống văn hóa tốt đẹp: truyền thống yêu nước; Uống nước nhớ nguồn; văn hóa lễ hội truyền thống; phong tục tập quán; di sản, di tích lịch sử,...

+ Tiếp tục những ảnh hưởng tích cực từ văn hóa nước ngoài đồng thời gạt bỏ những ảnh hưởng tiêu cực từ văn hóa ngoại lai.

– **Đánh giá:** đây là vấn đề quan trọng đòi hỏi ý thức và nhận thức của thế hệ trẻ cùng đồng lòng, chung tay góp sức.

B. Đấu tranh cho một thế giới hòa bình.

Bài 1: Nhan đề:

- Phù hợp.

- Vì tác giả sau khi nêu tác hại, sự vô lí và tiêu tốn quá mức của vũ khí hạt nhân đã kêu gọi mọi người đấu tranh để không còn sự đe dọa của vũ khí hủy diệt, co người được sống hạnh phúc, no ấm, hòa bình.

Bài 2:

Gợi ý:

1. Xác định phương thức biểu đạt chính là nghị luận.

2. “Nguy cơ ghê gớm” mà tác giả nói đến là nguy cơ chiến tranh hạt nhân.

3. Cách lập luận của tác giả trong đoạn trích là giải thích.

của văn bản “Đấu tranh cho một thế giới hòa bình”?

2. “Nguy cơ ghê gớm” mà tác giả nói đến là gì?

3. Chỉ rõ cách lập luận của tác giả trong đoạn trích “Nói nôm na ra, điều đó có nghĩa là..mọi dấu vết của sự sống trên trái đất”

4. Phân tích giá trị của phép tu từ so sánh trong đoạn văn?

HS làm việc độc lập

GV gọi HS trả lời theo thứ tự câu hỏi nhận xét – GV chốt

Bài 3: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi: “Chúng ta đến đây đểxóa bỏ khỏi vũ trụ này.”

1. “Việc đó” được nhắc đến trong đoạn trích là việc gì?

2. Chỉ ra phép điệp trong đoạn văn cuối cùng và nêu tác dụng của nó?

3. Nhà văn đã bộc lộ tình cảm, thái độ gì? Chép lại câu văn thể hiện rõ nhất điều đó?

4. Viết đoạn văn bày tỏ suy nghĩ của em về chiến tranh hạt nhân?

HS làm việc độc lập

GV gọi HS trả lời theo thứ tự câu hỏi nhận xét – GV chốt

Riêng câu 4 làm ra phiếu học tập

GV thu về chấm

4. Phép tu từ so sánh trong đoạn văn: “Nguy cơ ghê gớm đó đang đè nặng lên chúng ta như thanh gươm Đa-mô-let”. Hình ảnh so sánh là một điển tích trong thần thoại Hy Lạp: Đa-mô-clet treo thanh gươm ngay phía trên đầu bằng sợi lông đuôi ngựa. Qua đó, tác giả muốn nói: chiến tranh hạt nhân có nguy cơ đe dọa trực tiếp đến tính mạng của con người và toàn bộ sự sống trên trái đất. Cái chết khủng khiếp có thể xảy ra bất cứ lúc nào.

Bài 3:

Gợi ý

1. “Việc đó” được nhắc đến trong đoạn trích là việc chạy đua vũ trang

2.

- Phép điệp: “để cho nhân loại tương lai biết/ hiểu” nhằm nhấn mạnh vào mục đích của bản tham luận và mong mỗi tha thiết của nhân dân tiến bộ trên thế giới.

3. Nhà văn đã bộc lộ tình cảm, thái độ mạnh mẽ dứt khoát và mong muốn tha thiết qua câu văn: “Tôi khiêm tốn nhưng cũng rất kiên quyết đề nghị mở ra một nhà băng lưu trữ trí nhớ có thể tồn tại được sau thảm họa hạt nhân.”

4. Viết đoạn văn:

* **Mở đoạn:** Giới thiệu vấn đề nghị luận

* **Thân đoạn:**

- Giải thích: Chiến tranh hạt nhân (hay chiến tranh nguyên tử) là chiến tranh mà trong đó vũ khí hạt nhân - loại vũ khí có sức hủy diệt hàng loạt được sử dụng.

- Bàn luận:

+ Tác hại của chiến tranh hạt nhân :

./ Cuộc chạy đua sản xuất vũ khí hạt nhân gây ra tổn kém khủng khiếp cho các nước (Lấy dẫn chứng từ văn bản “Đấu tranh cho một thế giới hòa bình”)

./ Chiến tranh hạt nhân có sức mạnh hủy diệt kinh hoàng, xóa sổ mọi sự sống trên trái đất. (Ví dụ: Trong thế chiến thứ hai, Mỹ đã ném hai quả bom nguyên tử xuống

Bài 4: Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới.

“Tôi rất khiêm tốn nhưng cũng rất kiên quyết đề nghị mở ra một nhà băng lưu trữ trí nhớ có thể tồn tại được sau thảm họa hạt nhân. Để cho nhân loại tương lai biết rằng sự sống đã từng tồn tại ở đây, bị chi phối bởi đau khổ và bất công nhưng cũng đã từng biết đến tình yêu và biết hình dung ra hạnh phúc. Để cho nhân loại tương lai hiểu điều đó và làm sao cho ở mọi thời đại, người ta đều biết đến tên thủ phạm đã gây ra những lo sợ, đau khổ cho chúng ta, đã giả điếc làm ngơ trước những lời khẩn cầu hòa bình, những lời kêu gọi làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn, để mọi người biết rằng

iHrosima và Nagasaki của Nhật Bản, gây hậu quả vô cùng nghiêm trọng và đã trở thành nỗi ám ảnh kinh hoàng của toàn thế giới.)

/ Việc chạy đua về vũ khí hạt nhân đã gây cho toàn nhân loại nỗi bất an lớn. Nó đi ngược với mong muốn của toàn nhân loại là được sống trong hòa bình, hạnh phúc.

+ Đánh giá: Chiến tranh hạt nhân thực sự là mối đe dọa nguy hiểm với sự sống của toàn nhân loại.

- Mở rộng vấn đề

+ Phê phán những kẻ chạy đua vũ trang.

+ Không chỉ chiến tranh hạt nhân mà mọi cuộc chiến tranh đều cần được ngăn chặn và loại bỏ.

- Bài học

+ Nhân dân toàn thế giới cần liên hiệp lại trong cuộc đấu tranh chống chiến tranh hạt nhân.

+ Mọi phát minh khoa học đều phải hướng tới mục đích tốt đẹp cho cộng đồng và nhân loại, không được dùng vào những mục đích phi nhân đạo.

* **Kết đoạn:** Khẳng định lại vấn đề

* **GỢI Ý:**

a. Mác – kết lên án việc các nước chạy đua vũ trang và sản xuất vũ khí hạt nhân.

b. Gạch chân dưới các trạng ngữ : Để cho nhân loại tương lai biết rằng sự sống đã từng tồn tại ở đây, bị chi phối bởi đau khổ và bất công nhưng cũng đã từng biết đến tình yêu và biết hình dung ra hạnh phúc. Để cho nhân loại tương lai hiểu điều đó và làm sao cho ở mọi thời đại, người ta đều biết đến tên thủ phạm đã gây ra những lo sợ, đau khổ cho chúng ta, đã giả điếc làm ngơ trước những lời khẩn cầu hòa bình, những lời kêu gọi làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn, để mọi người biết rằng bằng những phát minh đã man nào, nhân danh những ti tiện nào, cuộc sống đó đã bị xóa bỏ khỏi vũ trụ này.

- Việc tách các trạng ngữ thành câu riêng để

bằng những phát minh dã man nào, nhân danh những ti tiện nào, cuộc sống đó đã bị xóa bỏ khỏi vũ trụ này ”.

(“Đấu tranh cho một thế giới hòa bình” – G.G. Mác- két).

Câu hỏi

a. G.G. Mác- két đã lên án điều gì trong văn bản “Đấu tranh cho một thế giới hòa bình”?

b. Gạch chân dưới các trạng ngữ trong đoạn văn trên. Việc tách các trạng ngữ thành câu riêng trong đoạn văn có tác dụng gì?

c. Lấy chủ đề “*Khát vọng hòa bình*”, em hãy triển khai thành một đoạn văn diễn dịch dài khoảng 10 đến 12 câu.

nhấn mạnh mục đích của đề xuất mở nhà băng lưu trữ trí nhớ có thể tồn tại sau thảm họa hạt nhân; Tăng sức lên án, tố cáo chạy đua vũ trang, sản xuất và sử dụng vũ khí hạt nhân.

c- Giải thích: Hòa bình là sự bình an vui vẻ, không có chiến tranh, xung đột hay đổ máu. Khát vọng hòa bình là mong muốn vươn tới cuộc sống vui vẻ, an lành, được tôn trọng bình đẳng, tự do và hạnh phúc.

- Bàn luận:

+ Khát vọng hòa bình là biểu tượng của sự bình yên, là khát vọng chung của mỗi người và của toàn nhân loại.

+ Hòa bình giúp mỗi người biết yêu thương nhau, giúp mỗi dân tộc có cuộc sống vui vẻ, hạnh phúc bền lâu.

+ Hòa bình tạo sự hiểu biết lẫn nhau, tránh gây mâu thuẫn căng thẳng; là điều kiện để hợp tác và phát triển...

+ Trái với khát vọng hòa bình là những toan tính ích kỉ hẹp hòi, những hành động chạy đua vũ trang, gây đổ máu và chiến tranh, chúng ta cần quyết liệt lên án những hành vi đó.

+ Dân tộc ta đã phải trải qua bao nhiêu đau thương mất mát trong chiến tranh chống giặc ngoại xâm để bảo vệ hòa bình nên hiểu rất rõ giá trị, tầm quan trọng của khát vọng hòa bình.

- Phê phán: Phê phán những hành vi gây chiến tranh, ảnh hưởng đến cuộc sống bình yên của mỗi người mỗi dân tộc.

- Bài học nhận thức và hành động:

+ Cần biết trân trọng, giữ gìn và thể hiện khát vọng hòa bình ở mọi lúc, mọi nơi; biết sống thân thiện, chan hòa nhân ái với những người xung quanh.

+ Là học sinh, cần ra sức học tập, nâng cao hiểu biết, giải quyết xung đột bằng sự lắng nghe, thấu hiểu, đối thoại chân tình thẳng thắn.. tích cực tham gia vào các hoạt động đấu tranh vì hòa bình và công lý

Bài 5: Một văn bản trong chương trình Ngữ văn 9 có viết:

“Trong thời đại hoàng kim này của khoa học, trí tuệ con người chẳng có gì để tự hào vì đã phát minh ra một biện pháp, chỉ cần bấm nút một cái là đưa cả quá trình vĩ đại và tốn kém đó của hàng bao nhiêu triệu năm trở lại điểm xuất phát của nó”. (Ngữ văn 9 – tập 1)

Câu hỏi

1. Câu văn trên trích từ văn bản nào? Tác giả là ai?
2. “Một biện pháp” mà tác giả đề cập đến trong câu văn trên là việc gì?
3. Tại sao tác giả lại cho rằng: “trí tuệ con người chẳng có gì để tự hào vì đã phát minh ra một biện pháp” ấy? Em hiểu thế nào về thái độ của tác giả về sự việc trên?
4. Đất nước chúng ta đã trải qua những năm tháng chiến tranh đầy khốc liệt và đau thương. Ngày nay, chiến tranh đã đi qua, thế hệ thanh niên đang được sống trong hòa bình. Bằng hiểu biết về văn bản trên và kiến thức xã hội, em hãy viết một đoạn văn ngắn trình bày về ý nghĩa của cuộc sống hòa bình.

GỢI**Ý:**

1. Câu văn trên trích từ văn bản “Đấu tranh cho một thế giới hòa bình” Tác giả là G. Mác-két.

2. “Một biện pháp” mà tác giả đề cập đến trong câu văn trên là chiến tranh hạt nhân.

3. Tác giả lại cho rằng: “trí tuệ con người chẳng có gì để tự hào vì đã phát minh ra một biện pháp” ấy vì biện pháp hạt nhân mà con người phát minh ra là hiểm họa khôn lường và nó ảnh hưởng, đe dọa trực tiếp tới cuộc sống hòa bình của toàn thế giới.

Tác giả thể hiện thái độ phản đối gay gắt đối với vấn đề này.

4. + Giải thích khái niệm “hòa bình”: là sự bình đẳng, tự do, không có bạo động, không có chiến tranh và những xung đột về quân sự.

+ Ý nghĩa của cuộc sống hòa bình:

- Để giành được hòa bình, thế hệ cha anh đi trước – các anh hùng thương binh liệt sĩ đã chiến đấu hết mình, hi sinh xương máu.
- Trạng thái đối lập của hòa bình là chiến tranh. Sống trong chiến tranh, con người sẽ đối diện với những thảm họa về mất mát, đau thương.
- Sống trong hòa bình, con người sẽ được tận hưởng không khí của độc lập, tự do, yên bình và hạnh phúc.

+ Lật lại vấn đề:

Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số tín đồ, đảng phái luôn sử dụng những chiêu trò công kích, kích thích, chống phá, gây ra bạo lực vũ trang,...

+ Bài học nhận thức và hành động:

- Nâng cao nhận thức về ý nghĩa của hòa bình.
- Cần tránh xa những thế lực gây ảnh hưởng đến nền hòa bình, đồng thời

Tiết 3: Luyện tập (tiếp)

GV dùng hình thức phát phiếu học tập cho học sinh làm

Dưới dạng: Thảo luận nhóm hoặc làm việc độc lập cá nhân

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>Bài 1: Theo em, vì sao cộng đồng quốc tế phải ra <i>Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em</i>?</p> <p>HS thảo luận 5 phút liệt kê các nội dung vào giấy đại diện trình bày</p> <p>Bài 2: Phần <i>Nhiệm vụ</i> trong bản Tuyên bố như vậy, theo em đã đầy đủ chưa? Làm thế nào để thực hiện tốt các nhiệm vụ đó?</p> <p>GV phát phiếu học tập cho HS HS làm ra giấy Gọi HS trình bày GV thu bài về chấm</p>	<p>Văn bản: Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em.</p> <p>Bài 1: Vì những lí do sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ em là tương lai của mỗi dân tộc, của nhân loại, là lực lượng xây dựng xã hội mai sau: + Trẻ em có quyền sống trong vui tươi, thanh bình, được vui chơi, được học hành, được phát triển. + Tất cả các trẻ em đều trong trắng, dễ tổn thương và còn phụ thuộc nên cần được bảo vệ, chăm sóc. + Thực tế trẻ em trên thế giới hiện nay đang bị đe dọa từ nhiều phía, đang rơi vào hiểm họa. + Bối cảnh thế giới cũng có những thuận lợi để đẩy mạnh việc chăm sóc, bảo vệ trẻ em. <p>Bài 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần <i>Nhiệm vụ</i> đã xác định nhiều nhiệm vụ cấp thiết của cộng đồng quốc tế và từng quốc gia trên nhiều lĩnh vực: + Các nhiệm vụ được nêu ra khá toàn diện và cụ thể dựa trên cơ sở tình trạng thực tế cuộc sống của trẻ em trên thế giới hiện nay và các cơ hội + Đó là các vấn đề tăng cường sức khỏe và chế độ dinh dưỡng, phát triển giáo dục, củng cố gia đình, xây dựng môi trường xã hội, đảm bảo quyền bình đẳng nam nữ, khuyến khích trẻ em tham gia vào các sinh hoạt văn hóa, xã hội... - Để thực hiện tốt các nhiệm vụ: + Mỗi nước và cả cộng đồng quốc tế cần có những nỗ lực liên tục và sự phối hợp chặt chẽ. + Mỗi tổ chức xã hội, mỗi gia đình, mỗi cá

Bài 3: Nêu những vấn đề mà em biết thể hiện sự quan tâm của Đảng và chính quyền địa phương nơi em ở đối với trẻ em?

HS thảo luận 2 phút

Cử đại diện trình bày

GV nhận xét

Bài 4: Cho đoạn trích:

“Tất cả trẻ em trên thế giới đều trong trắng, dễ bị tổn thương và còn phụ thuộc. Đồng thời chúng hiểu biết, ham hoạt động và đầy ước vọng. Tuổi chúng phải được sống trong vui tươi, thanh bình, được chơi, được học và phát triển. Tương lai của chúng phải được hình thành trong sự hòa hợp và tương trợ. Chúng phải được trưởng thành khi được mở rộng tầm nhìn, thu nhận thêm những kinh nghiệm mới.”

(Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016)

Câu hỏi

a. Xét về mục đích nói, những câu *“Tuổi chúng phải được sống trong vui tươi, thanh bình, được chơi, được học và phát triển. Tương lai của chúng phải được hình thành trong sự hòa hợp và tương trợ. Chúng phải được trưởng thành khi được mở rộng tầm nhìn, thu nhận thêm những kinh nghiệm mới.”* thuộc kiểu câu gì?

Nêu tác dụng của kiểu câu đó trong

nhân đều phải quan tâm và có trách nhiệm.

+ Trẻ em cũng cần thấy được sự quan tâm đó và sống xứng đáng với sự quan tâm, chăm sóc ấy để có được cuộc sống tốt đẹp hơn cho mình và góp phần vào sự phát triển của xã hội, làm cho tương lai nhân loại ngày một tốt đẹp hơn.

Bài 3:

- Thường xuyên kiểm tra sức khỏe trẻ em chống suy dinh dưỡng (hàng tháng)

- Chiến dịch tiêm chủng mở rộng.

- Giúp đỡ trẻ em có hoàn cảnh sống đặc biệt (chế độ, học phí, xd....)

- Huy động 100% trẻ em trong độ tuổi được đến trường...

*** Gợi ý:**

a. Câu cầu khiến.

b. Biện pháp tu từ: Lặp lại cấu trúc câu

- T/d: Tạo giọng điệu mạnh mẽ, dứt khoát.

+ Nhấn mạnh những quyền mà trẻ em được hưởng, khẳng định trẻ em cần được bảo vệ và phát triển.

c. Từ chúng dùng để chỉ Tất cả trẻ em trên thế giới

- Nghĩa là: chúng phải được sống trong môi trường hòa bình, luôn có sự tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trên mọi lĩnh vực; không có hiềm khích, không có chiến tranh. Đó là điều kiện tốt để cho trẻ em phát triển cả về thể chất và tâm hồn.

d. Nguy cơ: đói nghèo, mù chữ, bị bạo hành gia đình, xâm hại, bóc lột.

e- Bảo vệ quyền lợi, chăm lo đến sự phát triển của trẻ em là một trong những nhiệm vụ có ý nghĩa quan trọng hàng đầu của từng quốc gia và của cộng đồng quốc tế. Đây là vấn đề liên quan trực tiếp đến tương lai của một đất nước của toàn nhân loại.

- Qua những chủ trương, chính sách, qua những hành động cụ thể đối với việc bảo vệ,

việc thể hiện nội dung đoạn văn?

b. Chỉ ra biện pháp tu từ có trong đoạn trích trên? Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó?

c. Từ chúng trong đoạn văn trên dùng để chỉ ai? Tại sao tương lai của chúng phải được hình thành trong sự hòa hợp và tương trợ?

d. “Tất cả trẻ em trên thế giới đều trong trắng, dễ bị tổn thương và còn phụ thuộc”. Vậy trong thực tế hiện nay, trẻ em đang đứng trước những nguy cơ nào?

e. Em có nhận thức như thế nào về tầm quan trọng của vấn đề bảo vệ, chăm sóc trẻ em, về sự quan tâm của cộng đồng quốc tế về vấn đề này?

Bài 4: Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Hàng ngày có vô số trẻ em trên thế giới bị phó mặc cho những hiểm họa làm kìm hãm sự tăng trưởng và phát triển của các cháu đó. Chúng phải chịu bao nhiêu nỗi bất hạnh do bị trở thành nạn nhân của chiến tranh và bạo lực, của nạn phân biệt chủng tộc, chế độ a-pác- thai, của sự xâm lược, chiếm đóng và thôn tính của nước ngoàimôi trường xuống cấp”.

(Trích Tuyên bố.....trẻ em, Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục)

Câu hỏi

a. Nội dung chính của đoạn trích trên là gì? Thái độ của tác giả được thể hiện trong đoạn trích như thế nào?

b. Chỉ ra và phân tích hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn: *“Chúng phải chịu bao nhiêu nỗi bất hạnh do bị trở thành nạn nhân của chiến tranh và bạo lực, của nạn phân biệt chủng tộc, chế độ a- pác- thai, của sự xâm lược, chiếm đóng và thôn tính của nước ngoài.”*

chăm sóc trẻ em mà ta nhận ra trình độ văn minh của một xã hội.

- Vấn đề bảo vệ, chăm sóc trẻ em đang được cộng đồng quốc tế dành sự quan tâm thích đáng với các chủ trương, nhiệm vụ đề ra có tính cụ thể toàn diện.

*** Gợi ý:**

a. - Nội dung: Nêu ra những nguy cơ, thách thức đối với trẻ em.

- Thái độ: Lên án, tố cáo, xót thương...

b. - Biện pháp: Liệt kê.

- T/d: Kể ra những nguy cơ mà trẻ em phải hứng chịu

c. Giải thích tính cấp bách của vấn đề này xuất phát từ :

- Vai trò của trẻ em đối với tương lai của một dân tộc, đối với toàn nhân loại.

- Thực trạng cuộc sống của trẻ em trên thế giới hiện nay :

+ Bị trở thành nạn nhân của chiến tranh, và bạo lực, của nạn phân biệt chủng tộc, chế độ A-pác-thai, của sự xâm lược, chiếm đóng và thôn tính của nước ngoài.

+ Chịu đựng những thảm họa của đói nghèo, khủng hoảng kinh tế, của tình trạng vô gia cư, dịch bệnh mù chữ, môi trường xuống cấp.

+ Chết do suy dinh dưỡng và bệnh tật.

c. Tại sao vấn đề chăm sóc, bảo vệ trẻ em ngày càng trở nên cấp bách, được cộng đồng quốc tế quan tâm đến thế? Đọc phần Sự thách thức của Bản tuyên bố em hiểu như thế nào về tình trạng khổ cực của nhiều trẻ em trên thế giới hiện nay?

Bài 5. Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

“Cần tạo cho trẻ em cơ hội tìm biết được nguồn gốc lai lịch của mình và nhận thức được giá trị của bản thân trong một môi trường mà các em cảm thấy là nơi nương tựa an toàn, thông qua gia đình hoặc những người khác trông nom các em tạo ra. Phải chuẩn bị để các em có thể sống một cuộc sống có trách nhiệm trong một xã hội tự do. Cần khuyến khích trẻ em ngay từ lúc còn nhỏ tham gia vào sinh hoạt văn hóa xã hội”.

Câu hỏi

a. Xét theo mục đích nói, các câu trong đoạn văn trên thuộc kiểu câu gì? Tác dụng

của kiểu câu đó trong việc biểu đạt nội dung của đoạn văn trên?

b. Theo em, việc nhận thức được giá trị của bản thân có ý nghĩa quan trọng như thế nào đối với trẻ em? Tại sao ngay từ lúc còn nhỏ, trẻ em cần tham gia vào sinh

hoạt văn hóa xã hội?

*** Gợi ý:**

a.- Câu cầu khiến.

- T/d: Nhấn mạnh nhiệm vụ cấp bách mà các nước cần phải nỗ lực hành động vì quyền trẻ em.

b.- Ý nghĩa: Để phát huy cái mạnh, khắc phục cái yếu của bản thân.

- Ngay từ lúc còn nhỏ, trẻ em cần tham gia vào sinh hoạt văn hóa xã hội, để: trẻ em có cơ hội phát triển toàn diện, được học hỏi và giao lưu với bạn bè, được rèn luyện bản thân về kỹ năng sống.

III. Củng cố - Dặn dò

1. Củng cố:

- HS nhắc lại kiến thức đã học trong 3 tiết:

? Hệ thống lại chủ đề trong 3 văn bản đã học?

? Nêu nội dung và nghệ thuật chính của 3 văn bản đã học?

2. Dặn dò:

- Hoàn thiện tất cả các bài tập vào vở ghi.

- Làm bài tập sau:

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi :

“Lần đầu tiên trong lịch sử Việt nam... cà muối, cháo hoa.”

1. Đoạn văn nói về đức tính nào của Bác? Đức tính đó được biểu hiện qua những phương diện nào?
 2. Chỉ ra thao tác lập luận chủ yếu được sử dụng trong đoạn văn?
 3. Phân tích giá trị của phép tu từ được sử dụng trong đoạn văn?
 4. Suy nghĩ về lối sống giản dị của mỗi con người bằng một đoạn văn 13-15 câu.
- Chuẩn bị buổi học sau ôn tập Tiếng Việt: *Các phương châm hội thoại, Xưng hô trong hội thoại, Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp.*

=====

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BUỔI 3: ÔN TẬP TIẾNG VIỆT: HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP (Các phương châm hội thoại, Xưng hô trong hội thoại, Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp)

I. Mục tiêu cần đạt :

1. Kiến thức
 - Củng cố lại toàn bộ kiến thức về các phương châm hội thoại, Xưng hô trong hội thoại, Lời dẫn trực tiếp và lời dẫn gián tiếp
 - Thực hành làm các dạng bài tập
2. Kỹ năng
 - Rèn kỹ năng phát hiện và phân tích các dữ liệu bài tập.
 - Rèn kỹ năng sử dụng các đơn vị kiến thức tiếng Việt vừa ôn vào trong các hoạt động giao tiếp
3. Thái độ, phẩm chất
 - Học sinh có ý thức tự giác trau dồi ngôn ngữ tiếng Việt
 - Trân trọng, tự hào về sự giàu đẹp của Tiếng Việt
4. Năng lực

Năng lực tự học, năng lực tư duy, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

5. II. Tiến trình lên lớp

Tiết 1:

A. Hệ thống lại kiến thức đã học (10-15 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<i>Hoạt động nhóm: Giáo viên chia lớp</i>	I. Các phương châm hội thoại

thành 6 nhóm, mỗi nhóm 6 người. Nhóm 1,2: Trình bày kiến thức về các phương châm hội thoại; Nhóm 3,4: Xung hô trong hội thoại; Nhóm 5,6: Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp (kiến thức ôn tập đã được giáo viên nhắc lớp về ôn tập)

Các nhóm có thể trình bày kiến thức theo sơ đồ hoặc gạch đầu dòng.

Các nhóm nhận xét.

Giáo viên khắc chốt kiến thức.

Phương châm hội thoại

Các phương châm hội thoại

Các trường hợp không tuân thủ (vi phạm) phương châm hội thoại

1. Các phương châm hội thoại

- **Phương châm về lượng:** Khi giao tiếp, cần nói cho có nội dung; nội dung của lời nói phải đáp ứng yêu cầu của cuộc giao tiếp, không thiếu, không thừa.

- **Phương châm về chất:** Khi giao tiếp, đừng nói những điều mà mình không tin là đúng hay không có bằng chứng xác thực.

- **Phương châm quan hệ:** Khi giao tiếp, cần nói đúng vào đề tài giao tiếp, tránh nói lạc về.

- **Phương châm cách thức:** Khi giao tiếp, cần chú ý nói ngắn gọn, rành mạch; tránh nói mơ hồ.

- **Phương châm lịch sự:** Khi giao tiếp cần khéo léo, tế nhị, tôn trọng người đối thoại.

2. Các trường hợp không tuân thủ các phương châm hội thoại.

- Người nói vô ý, thiếu văn hóa, vụng về trong giao tiếp.

- Người nói cố tình vi phạm một hoặc một vài phương châm hội thoại nào đó để:

+ Ưu tiên cho một phương châm hội thoại khác hoặc một yêu cầu nào đó quan trọng hơn (thường vi phạm phương châm về chất để ưu tiên cho phương châm lịch sự).

+ Gây chú ý cho người nghe hoặc hướng người nghe hiểu câu nói theo một hàm ý nào đó (thường vi phạm phương châm về lượng hoặc phương châm cách thức, phương châm quan hệ để tạo hàm ý)

<p>Xung hô trong hội thoại</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xung hô: là sử dụng các từ ngữ để gọi mình và mọi người giao tiếp với mình là gì đó khi hội thoại. - Khi giao tiếp, cần lựa chọn những từ ngữ xung hô cho phù hợp với đối tượng, hoàn cảnh, mục đích giao tiếp. - Người Việt có truyền thống "Xung khiêm hô tôn ": xung thì tự hạ mình xuống, hô thì nâng người đối thoại lên. 	<p>II. Xung hô trong hội thoại</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tiếng Việt có hệ thống từ ngữ xung hô khá đa dạng và phong phú: Dùng đại từ ngôi thứ nhất (người nói) ở số ít và số nhiều: tôi, tao, tớ, chúng tôi, chúng tao,...; Dùng đại từ ngôi thứ 2 (người nghe) ở số ít và số nhiều: mày, mi, chúng mày, bọn mày,... + Dùng các từ chỉ quan hệ gia đình: ông, bà, bố, mẹ, anh, chị, em,... + Dùng các từ chỉ nghề nghiệp, chức vụ: thầy giáo, cô giáo, bác sĩ, giáo sư, giám đốc, thủ trưởng,... + Dùng các từ chỉ tên riêng.
<p>1. Cách dẫn trực tiếp</p> <p>Ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh thời, Hồ Chủ tịch đã từng nói: "Không có gì quý hơn độc lập tự do". - Bác lái xe cũng rút từ túi cửa xe ra một gói giấy: - Còn đây là sách tôi mua hộ anh. (Nguyễn Thành Long) <p>2. Cách dẫn gián tiếp</p> <p>Ví dụ : Sinh thời, Hồ Chủ tịch đã từng nói rằng độc lập tự do là thứ quý giá nhất.</p>	<p>III. Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp.</p> <p>1. Cách dẫn trực tiếp;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dẫn trực tiếp: là cách trích dẫn lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩa của người khác hoặc của chính người nói. - Cách thức dẫn trực tiếp: <ul style="list-style-type: none"> + Lời dẫn trực tiếp được đặt trong dấu ngoặc kép hoặc xuống dòng sau dấu gạch ngang. + Lời dẫn trực tiếp có thể đứng trước, đứng giữa hoặc đứng sau lời người dẫn. <p>2. Cách dẫn gián tiếp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dẫn gián tiếp: là dẫn lại lời nói hay ý nghĩ của người khác hoặc của chính người nói nhưng có điều chỉnh lời lẽ cho thích hợp.

<p>3. Chuyển lời dẫn trực tiếp thành lời dẫn gián tiếp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bỏ dấu hai chấm và dấu ngoặc kép (hoặc dấu gạch ngang) - Thay đổi từ xưng hô cho thích hợp - Lược bỏ các tình thái từ (nếu có) và thay đổi từ chỉ thời gian cho thích hợp. - Có thể thêm từ rằng hoặc là trước lời dẫn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cách thức dẫn gián tiếp: <ul style="list-style-type: none"> + Lời dẫn gián tiếp tuy không bắt buộc đúng từng từ nhưng phải bảo đảm đúng ý, đúng nội dung. + Lời dẫn gián tiếp không đặt trong dấu ngoặc kép, có thể dùng từ rằng hoặc là đặt phía trước lời dẫn . <p>3. Cách chuyển lời dẫn trực tiếp thành lời dẫn gián tiếp</p>
--	---

B. Luyện tập :

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức tổ chức luyện tập: Trò chơi tiếp sức, mỗi đội 10 hs. - Giáo viên phổ biến luật chơi - HS thực hiện <p>Bài tập 1</p> <p>Liệt kê các từ ngữ xưng hô trong hội thoại</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV chốt kiến thức <p><i>Gợi ý: Ông- cháu, thầy- trò, cha- con,...</i></p>
<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức tổ chức luyện tập: Hs làm việc cá nhân - HS thực hiện <p>Bài tập 2</p> <p>Vận dụng phương châm hội thoại để phân tích lỗi và chữa lại cho đúng đối với các trường hợp sau</p> <p>a. Với cương vị là quyền giám đốc xí nghiệp, tôi xin cảm ơn các đồng chí.</p> <p>b. Thấy bạn đến chậm, Hà liền nói: “Cậu có họ hàng với rùa phải không?”</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV chốt kiến thức <p><i>Gợi ý:</i></p> <p>TH a: Vi phạm phương châm về lượng và phương châm lịch sự.</p> <p>Thay phần trạng ngữ bằng:</p> <p>+ Thay mặt ban lãnh đạo xí nghiệp, ...</p> <p>+ Thay mặt anh em trong xí nghiệp,</p> <p>TH b: Vi phạm phương châm lịch sự.</p> <p>Thay “Nhanh lên cậu, muộn lắm rồi.”</p>

Tiết 2:

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>Bài tập 3</p> <p>- Hoạt động nhóm đôi</p> <p>Hoạt động cặp đôi</p> <p>Trong văn chương, phép tu từ nào được dùng để đảm bảo phương châm lịch sự? Cho ví dụ và phân tích rõ?</p> <p>Học sinh có thể tìm thêm ví dụ khác</p>	<p>Gợi ý:</p> <p>- Phép nói giảm nói tránh:</p> <p>“ Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác” => Từ <i>thăm</i> được dùng thay cho từ <i>viếng</i> để giảm nhẹ nỗi đau thương mất mát, nhấn mạnh Bác còn sống mãi trong lòng nhân dân.</p> <p>“ Ngày mừng một đầu năm hiện lên trên thi thể em bé ngồi giữa những bao diêm...” => Từ thi thể- xác chết để làm giảm đi nỗi ghê sợ</p> <p>- Phép ẩn dụ: Tổ tình trong ca dao kín đáo, tế nhị, lịch sự:</p> <p>“ Đêm trăng thanh anh mới hỏi nàng Tre non đủ lá đan sàng nên chăng”</p>
<p>- Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân</p> <p>- HS thực hiện</p> <p>Bài tập 4: Vận dụng phương châm hội thoại để phân tích nghệ thuật xây dựng nhân vật của Nguyễn Du trong đoạn thơ sau:</p> <p><i>Hỏi tên, rằng: Mã Giám Sinh</i> <i>Hỏi quê, rằng: Huyện Lâm Thanh cũng gần</i></p> <p>- Hình thức tổ chức luyện tập: Hoạt động cặp đôi</p> <p>- HS thực hiện</p>	<p>- GV chốt kiến thức</p> <p>Gợi ý: Mã giám Sinh Đã vi phạm phương châm lịch sự vì đây là một lễ vấn danh, đến nhà để hỏi vợ mà lại trả lời cộc lốc, trịch thượng, thiếu sự tôn trọng đối với người trên.</p>
<p>Bài tập 5</p> <p>Cho đoạn thơ sau:</p> <p>“ Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi Đỡ đần bà dựng lại túp lều tranh Vẫn vững lòng bà dặn cháu đinh ninh Bố ở chiến khu bố còn việc bố Mày có viết thư chớ kể này kể nọ Cứ bảo nhà vẫn được bình yên”</p> <p>(Bếp lửa- Bằng Việt)</p>	<p>- GV chốt kiến thức</p> <p>Gợi ý:</p> <p>- Phương châm hội thoại không được tuân thủ: Phương châm về chất:</p> <p>Bà dặn cháu viết thư cho bố: “<i>Cứ bảo nhà vẫn được bình yên</i>” => Bảo cháu nói không đúng sự thật vì không muốn bố phải lo lắng.</p> <p>Từ đó thấy được phẩm chất của bà: Yêu thương con cháu, yêu nước, giàu đức hi</p>

Trong đoạn thơ trên có phương châm hội thoại nào không được tuân thủ? Tại sao? Từ việc không tuân thủ phương châm hội thoại đó, em hiểu gì về phẩm chất của người bà?	sinh.
<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức tổ chức luyện tập: Nhóm bàn - HS thực hiện - Bài tập 6 - Chuyển các lời dẫn trực tiếp sau đây sang lời dẫn gián tiếp <p>a) <i>Nhân vật ông Giáo trong truyện “Lão Hạc” thắm hứa sẽ nói với con trai của Lão Hạc rằng: “Đây là cái vườn ông cụ thân sinh ra anh đã cố để lại cho anh trọn vẹn, cụ thà chết chứ không chịu bán đi một sào.”</i></p> <p>b) <i>Chiều hôm qua Hoàng tâm sự với tôi: “Hôm nay mình phải cố chạy cho đủ tiền để gửi cho con”</i></p> <p>c) <i>Nam đã hứa với tôi như đinh đóng cột: “Tối mai tôi sẽ gặp các bạn ở bến nhà Rồng”</i></p>	<p>Gợi ý:</p> <p>a) Nhân vật....rằng đó là cái vườn...</p> <p>b) Hôm qua....tôi rằng anh ta đang phải cố chạy.....</p> <p>c) Nam đã....đóng cột là tối mai nó sẽ gặp các bạn ở bến nhà Rồng</p>

Tiết 3:

<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức tổ chức luyện tập: Học sinh làm việc cá nhân - HS thực hiện <p>Bài tập 7</p> <p>Phiếu bài tập</p> <p>Câu 1: Chỉ ra lời dẫn trực tiếp, gián tiếp trong các trường hợp sau:</p> <p><i>Tôi cũng kể cho chúng nghe nhiều về bà tôi, một hôm thằng lớn thờ dài nói:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Có lẽ tất cả các bà đều rất tốt, bà tới ngày trước cũng rất tốt... Nó thường nói một cách buồn bã: Ngày trước, trước kia, đã có thời... dường như nó đã sống trên trái đất này một trăm năm,</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - GV chốt kiến thức <p>Gợi ý trả lời:</p> <p>Phiếu bài tập</p> <p>Câu 1: Chỉ ra lời dẫn trực tiếp, gián tiếp trong các trường hợp sau:</p> <p>a)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lời dẫn trực tiếp: Đặt sau dấu gạch ngang đầu dòng: <p>Có lẽ tất cả các bà đều rất tốt, bà tới ngày trước cũng rất tốt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lời dẫn gián tiếp: đặt sau dấu (:) Ngày trước, trước kia, đã có thời...
--	---

(M.

chứ không phải mười một năm.

(M. Go-rơ-ki)

b) Ngọc Hoàng cân nhắc, tuyên phạt ruồi khổ sai chung thân ; truyền cho chim chóc, cóc, nhái, thần lằn, kiến, nhện ra sức giết bớt ruồi, không cho đẻ nhiều. Ngọc hoàng lại nói với loài người: " Ruồi có tội mà con người cũng có lỗi . Con người phải thường xuyên đây điệem thức ăn, làm vệ sinh môi trường, nhà vệ sinh, chuồng trại phải xây theo lối mới thì mới ngăn chặn ruồi sinh sôi và hạn chế tác hại của ruồi được"

(Theo Tường Lan).

Câu 2: Chuyển những lời dẫn trực tiếp trong các trường hợp sau theo cách dẫn gián tiếp:

a) Họa sĩ nghĩ thầm: " Khách tới bất ngờ, chắc cu cậu chưa kịp quét tước, dọn dẹp, chưa kịp gấp chăn chẳng hạn".

(Nguyễn Thành Long)

b) Vũ Nương nói: "Tôi bị chồng ruồng rẫy, thà già ở chốn làng mây cung nước, chứ còn mặt mũi nào về nhìn thấy người ta nữa". (Nguyễn Dữ)

c) Vua Quang Trung tự mình đốc suất đại binh, cả thủy lẫn bộ cùng ra đi. Ngày 29 đến Nghệ An, vua Quang Trung cho mời người cống sĩ ở huyện La Sơn là Nguyễn Thiếp vào dinh và hỏi:

- Quân Thanh sang đánh, tôi sắp đem binh ra chống cự. Mưu đánh và giữ, cơ được hay thua, tiên sinh nghĩ như thế nào?

b)

- Lời dẫn trực tiếp: Đặt trong dấu ngoặc kép: "Ruồi có tội mà có người cũng có lỗi. Con người phải thường xuyên đây điệem thức ăn, làm vệ sinh môi trường, nhà vệ sinh, chuồng trại phải xây dựng theo lối mới thì mới ngăn chặn ruồi sinh sôi và hạn chế tác hại của ruồi được".

- Lời dẫn gián tiếp:

+ Ruồi khổ sai chung thân;

+ Chim chóc, cóc, nhái, thần lằn, kiến, nhện ra sức giết bớt ruồi, không cho đẻ nhiều.

Câu 2: Chuyển:

a) Họa sĩ nghĩ rằng khách tới bất ngờ chắc anh thanh niên chưa kịp quét tước, dọn dẹp nhà cửa, chăn màn.

b) Vũ Nương nói rằng nàng bị chồng ruồng rẫy, thà già ở chốn làng mây cung nước, chứ chẳng còn mặt mũi nào về gặp Trương Sinh nữa.

c) Vua Quang Trung tự mình đốc suất đại binh, cả thủy lẫn bộ cùng ra đi. Ngày 29 đến Nghệ An, vua Quang Trung cho mời người cống sĩ ở huyện La Sơn là Nguyễn Thiếp vào dinh và hỏi quân Thanh sang đánh , ông sắp đem binh da chống cự. Mưu đánh và giữ, cơ được hay thua thế nào.

d) Nguyễn Thiếp nói rằng hiện giờ trong nước trống không, lòng người tan rã. Quân Thanh ở xa tới, không biết tình hình quân ta yếu hay mạnh. Quanh Trung ra đi chuyển này, không quá mười ngày , quân Thanh sẽ bị dẹp tan.

<p>Thiếp nói:</p> <p>- Bây giờ trong nước trống không, lòng người tan rã. Quân Thanh ở xa tới đây, không biết tình hình quân ta yếu hay mạnh, không hiểu rõ thế nên đánh, nên giữ ra sao. Chúa công ra đi chuyến này, không quá mười ngày, quân Thanh sẽ bị dẹp tan. (Ngô Gia Văn Phái)</p> <p>Câu 3: Viết một đoạn văn khoảng 10-12 câu theo cách diễn dịch phân tích lòng hiếu thảo của Vũ Nương. Trong đoạn văn có sử dụng lời dẫn trực tiếp (gạch chân dưới lời dẫn trực tiếp đó)</p>	<p>Câu 3:</p> <p>Khi viết đoạn văn, chú ý để lời dẫn trực tiếp được đặt trong dấu ngoặc kép. Tham khảo đoạn văn sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu chủ đề: Trong văn bản....tác giả đã cho ta thấy Vũ Nương là một người con dâu hiếu thảo - Các câu triển khai: <ul style="list-style-type: none"> + Khi mẹ chồng ốm,.... (dẫn chứng phân tích) + Khi mẹ chồng mất,... (dẫn chứng phân tích) + Lời trăng trối của bà mẹ chồng.... (dẫn chứng phân tích) - Nghệ thuật: Đặt nhân vật vào tình huống, ngôn ngữ đối thoại..
<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức tổ chức luyện tập: Học sinh làm việc cá nhân - HS thực hiện <p>Bài tập 8:</p> <p>Tìm lời dẫn trong các đoạn trích sau và cho biết đâu là lời dẫn trực tiếp, đâu là lời dẫn gián tiếp.</p> <p>a) Ngọc Hoàng cân nhắc, tuyên phạt Ruồi khổ sai chung thân ; truyền cho chim chóc , cóc , nhái, thần lằn, kiến, nhện ra sức giết bớt ruồi, không cho đẻ nhiều . Ngọc Hoàng lại nói với loài người : " Ruồi có tội mà con người cũng có lỗi . Con người phải thường xuyên dọn dẹp thức ăn , làm vệ sinh môi trường ; nhà vệ sinh , chuồng trại phải</p>	<p>Gợi ý bài 8:</p> <p>Trước hết, cần tìm lời dẫn trong các đoạn trích. Sau đó , dựa theo cách dẫn và các dấu hiệu có/không có ngoặc kép để chỉ ra lời dẫn trực tiếp và lời dẫn gián tiếp.</p> <p>Các lời dẫn gián tiếp:</p> <p>a) Ngọc Hoàng cân nhắc, tuyên phạt Ruồi khổ sai chung thân; truyền cho chim chóc, cóc, nhái, thần lằn, kiến, nhện ra sức giết bớt ruồi, không cho đẻ nhiều.</p> <p>b) Chú ấy nói: nhờ cháu có góp phần phát hiện một đám mây khô mà ngày ấy, tháng ấy, không quân ta hạ được bao nhiêu</p>

<p>xây theo lối mới thì mới ngăn chặn ruồi sinh sôi và hạn chế tác hại của ruồi được " .</p> <p>(<i>Tường Lan, Ngọc Hoàng xử tội Ruồi xanh</i>)</p> <p>b) Quê cháu ở Lào Cai này thôi. Năm trước, cháu tưởng cháu được đi xa lắm cơ đấy, hóa lại không. Cháu có ông bố tuyệt lắm. Hai bố con cùng viết đơn xin ra lính đi mặt trận. Kết quả: bố cháu thắng cháu một-không . Nhân dịp Tết, một đoàn các chú lái máy bay lên thăm cơ quan cháu ở Sa Pa. Không có cháu ở đấy. Các chú lại cử một chú lên tận đây. Chú ấy nói: nhờ cháu có góp phần phát hiện một đám mây khô mà ngày ấy , tháng ấy , không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực Mỹ trên cầu Hàm Rồng . Đối với cháu , thật là đột ngột , không ngờ lại là như thế . Chú lái máy bay có nhắc đến bố cháu , ôm cháu mà lắc " Thế là một -hoà nhé!".</p> <p>(<i>Nguyễn Thành Long, Lặng lẽ Sa Pa</i>)</p> <p>c) Sau có một viên quan sực nhớ đến Nguyễn Hiền bèn tâu vua có thể ông trạng trẻ tuổi chưa thâm thúy nhưng thông minh thì có thừa, may ra ông trạng giải được (câu đố của sứ Tống) thì hay. Vua bèn sai sứ giả đi luôn về Dương A mời ông trạng về kinh đô .</p> <p>(<i>Hà Ân , Ông trạng thả diều</i>)</p>	<p>phản lực Mỹ trên cầu Hàm Rồng.</p> <p>c) Sau có một viên quan sực nhớ đến Nguyễn Hiền bèn tâu vua có thể ông trạng trẻ tuổi chưa thâm thúy nhưng thông minh thì có thừa, may ra ông trạng giải được (câu đố của sứ Tống) thì hay.</p> <p>Lời dẫn trực tiếp:</p> <p>a. "Ruồi có tội mà con người cũng có lỗi . Con người phải thường xuyên đập diêm thức ăn , làm vệ sinh môi trường ; nhà vệ sinh , chuồng trại phải xây theo lối mới thì mới ngăn chặn ruồi sinh sôi và hạn chế tác hại của ruồi được " .</p> <p>b. " Thế là một -hoà nhé!".</p>
---	---

III. Củng cố - Dặn dò

- GV yêu cầu HS nhớ lại đơn vị kiến thức đã học
- Giao bài tập về nhà

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

Ông lão nghệ nhân cố ghim con giận dữ, bảo người đàn ông đứng trước mặt :

- Tôi đã nói rồi. Ông đi đi, kéo con cháu tôi nó về bây giờ. Chúng tôi không bán chác gì sất. Chung quanh chỗ nào cũng rắc thuốc trừ sâu, còn mấy vườn tre với mặt nước đầm sen ở đây, chúng về trú ngụ, các ông đến định xua đuổi nó đi à? Ông muốn bắt chim, mua chim thì đến nhà khác, hay ra chợ.

Người đàn ông tóc gọng kính, mặt con quay, vẫn cười cười nói nói:

- Cụ không bán cho con, qua kì sinh sản chúng cũng bay vẫn đi mất. Con xin trả cụ theo giá chợ. Đêm chúng con tới bắt, bảo đảm êm ru, đủ số đặt cược, chẳng dám bắt hơn. Cô bé không thể biết được đâu cụ ơi.

Ông lão trợn mắt:

- Ông nói gì lạ thế. Ông chỉ biết lời lãi, chẳng hiểu giống chim làm tổ nuôi con, bắt chúng thì chim non kêu khóc, chim bố mẹ dáo dác tìm nhau, inh ỏi suốt ngày. Cháu tôi ăn ngủ sao được?

Gã lái buôn lẳng lặng quay ra.

(*Vũ Lê Mai, bầu trời và tiếng chim*)

a) Tìm từ ngữ xưng hô giữa ông lão nghệ nhân và gã lái buôn.

b) phân tích cách xưng hô của ông lão nghệ nhân và của gã lái buôn . Thử giải thích cách xưng hô của hai người.

Gợi ý:

a) Các từ ngữ xưng hô: tôi - ông ; cụ - con.

b) Ông lão nghệ nhân tự xưng là *tôi* , gọi gã lái buôn là *ông* ; gã lái buôn tự xưng là *con* , gọi ông lão là *cụ*.

Cách xưng hô của ông lão có tính trung hòa để việc từ chối thêm chắc chắn, gã lái buôn xưng khiêm hô tôn ông lão để tỏ vẻ tôn trọng, lấy lòng ông lão, hòng đạt được mục đích mua chim.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BUỔI 4: ÔN TẬP TRUYỆN TRUNG ĐẠI CHỮ HÁN VĂN BẢN: CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG

I. Mục tiêu cần đạt :**1. Kiến thức:**

- Cảm nhận được vẻ đẹp truyền thống trong tâm hồn của người phụ nữ Việt Nam qua nhân vật Vũ Nương
- Thấy rõ số phận oan trái của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến .
- Tìm hiểu những thành công về nghệ thuật của tác phẩm : nghệ thuật dựng truyện, dựng nhân vật, sự sáng tạo trong việc kết hợp những yếu tố kì ảo với những tình tiết có thực tạo nên vẻ đẹp riêng của loại truyện truyền kì .

2. Kỹ năng:

- Rèn kĩ năng cảm thụ tác phẩm văn học.
- Tóm tắt tác phẩm tự sự và phân tích nhân vật trong tác phẩm tự sự.

3. Thái độ, phẩm chất:

Giáo dục tinh thần tôn trọng, yêu thương con người, nhất là phụ nữ. Đồng thời phê phán những bất công trong xã hội.

4. Năng lực:

- Giúp Hs phát huy năng lực đọc- hiểu văn bản tự sự, năng lực giao tiếp và hợp tác và năng lực giải quyết vấn đề.

II. Tiến trình lên lớp**Tiết 1****A. Hệ thống lại kiến thức đã học.**

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
Bước 1: Giao nhiệm vụ Qua phần chuẩn bị ở nhà, các nhóm lên thuyết trình các vấn đề sau trong thời gian (10p): - Thuyết trình về tác giả Nguyễn Dữ. - Tác phẩm truyền kì mạn lục và Chuyện người con gái Nam Xương. - Tóm tắt văn bản. - Ý nghĩa nội dung và những đặc sắc về nghệ thuật của văn bản. Bước 2: Đại diện HS trả lời Bước 3: HS các nhóm nhận xét về phần trả lời Bước 4: GV nhận xét , chốt kiến thức.	

Dự kiến kết quả:**Nhóm 1: Tác giả:**

- Nguyễn Dữ là con của Nguyễn Tường Phiến, tiến sĩ năm Hồng Đức thứ 27 đời vua Lê Thánh Tông.
- Nguyễn Dữ (?-?) quê huyện Trường Tân nay là huyện Thanh Miện tỉnh Hải Dương. Là học trò của Tuyết Giang Phu Tử Nguyễn Bình Khiêm. Sống ở thế kỉ 16, thời kì nhà Lê bắt đầu khủng hoảng, các tập đoàn pk Lê – Mạc – Trịnh tranh giành quyền bính, gây ra các cuộc nội chiến kéo dài. Ông học rộng tài cao nhưng chỉ làm quan một năm rồi xin nghỉ, ở nhà viết sách, nuôi mẹ già, sống ẩn dật như nhiều tri thức đương thời khác.

Nhóm 2: Tác phẩm:

- **Truyện kì mạn lục** (ghi chép tản mạn những chuyện kì lạ được lưu truyền): Là tác phẩm viết bằng chữ Hán, theo thể truyện kì, một loại hình văn xuôi tự sự, có nguồn gốc từ TQ, thịnh hành từ thời Đường. Truyện truyện kì thường mô phỏng những cốt truyện dân gian hoặc đã sử vốn được lưu truyền rộng rãi trong nhân dân. Sau đó bằng tài năng sáng tạo của mình, các tác sắp xếp lại những tình tiết , bồi đắp thêm cho đời sống của các nhân vật, xen kẽ những yếu tố kì ảo... Bởi thế, truyện dù có ma quỷ, thần tiên hay yêu tinh, thủy quái nhưng mạch chính vẫn là những chuyện có thực, chuyện trần thế và nổi lên trên hết vẫn là những con người thực có đời sống, có số phận...

- TKML là đỉnh cao của thể loại này, từng được xem là áng **“thiên cổ kì bút”** (áng văn hay của ngàn đời) .

- **“Chuyện người con gái Nam Xương”** là truyện thứ 16 trong 20 truyện của TKML, có nguồn gốc từ một truyện cổ tích VN có tên “ Vợ chàng Trương”.

-> Đây là một trong những truyện hay nhất của tập truyện kì, đã được chuyển thể thành vở chèo “ Chiếc bóng oan khiên”.

Nhóm 3: Tóm tắt:

Truyện kể về cuộc đời, số phận của Vũ Nương – một người con gái đẹp người, đẹp nết. Nàng có chồng là Trương Sinh – một người thất học, có tính đa nghi. Khi chồng đi lính, Vũ Nương hết lòng nuôi dạy con thơ, chăm sóc mẹ chồng như cha mẹ đẻ. Giặc tan, TS trở về, đau buồn khi nghe tin mẹ mất, vội tin lời con nhỏ mà cho rằng vợ thất tiết nên la mắng, đánh đập, xua đuổi VN. Uất ức vì thanh minh không được, VN đã trẫm mình xuống sông Hoàng Giang tự vẫn, nàng được Linh phi cứu sống. Sau đó TS mới biết vợ bị oan. Ít lâu sau nàng gặp một người cùng làng tên là Phan Lang, người cùng làng chết đuối được Linh Phi cứu trở về. VN kể lại chuyện xưa và nhờ Phan Lang khi trở về nói hộ với TS lập đàn giải oan. Khi TS lập đàn giải oan, VN hiện về trần gian một lúc rồi biến mất.

Nhóm 4. Giá trị nội dung:

- Tác phẩm phản ánh số phận oan nghiệt của người phụ nữ có nhan sắc, đức hạnh dưới chế độ phong kiến. Chỉ vì một lời nói ngây thơ của con trẻ mà bị nghi ngờ, bị sỉ nhục, bị đẩy đến bước đường cùng phải tự kết liễu cuộc đời mình để bày tỏ tấm lòng trong sạch.

- Qua hình tượng Vũ Nương, truyện đề cao, khẳng định những phẩm chất tốt đẹp truyền thống của người phụ nữ VN: đảm đang, hiếu thảo, thủy chung.

- Mặt khác, qua cuộc đời cay đắng, tủi nhục, oan khuất của Vũ Nương, tác giả thể hiện niềm thương cảm cho số phận nhỏ nhoi bất hạnh của người phụ nữ dưới chế độ PK mà nguyên nhân sâu xa chính là thái độ khinh rẻ người phụ nữ, là thói ghen tuông tàn nhẫn của người đàn ông trong gia đình.

- Và để minh oan cho người phụ nữ đức hạnh, nhà văn đã thêm vào chi tiết kì ảo, huyền diệu ở cuối câu chuyện tạo nên một kết thúc có hậu hợp với lòng người. Chính vì vậy mà tác phẩm còn thể hiện ước mơ ngàn đời của nhân dân là lòng tốt bao giờ cũng được đền trả xứng đáng, cho dù chỉ ở thế giới huyền bí.

Giá trị nghệ thuật:

- NT dựng truyện: trên cơ sở có sẵn, tác giả đã sáng tạo thêm và sắp xếp các tình tiết làm cho diễn biến của truyện hợp lí, tự nhiên, tăng kịch tính, hấp dẫn và sinh động.
- NT XD nhân vật: nhân vật được khắc họa tâm lí và tính cách thông qua lời nói và lời tự bạch (độc thoại).
- Sử dụng yếu tố kì ảo làm nổi bật giá trị nhân đạo của tác phẩm.
- Kết hợp các PTBD: tự sự và biểu cảm, làm nên một áng văn xuôi trữ tình sống mãi với thời gian.

B. Luyện tập:

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>Đề 1: Những chi tiết kì ảo và ý nghĩa của các chi tiết kì ảo trong “Chuyện người con gái Nam Xương”?</p> <p>Đề 2: Ý nghĩa của chi tiết cái bóng trong “Chuyện người con gái Nam Xương”?</p> <p>Đề 3: Theo em, nguyên nhân dẫn đến cái chết của Vũ Nương là do con trẻ hay là do ai? Qua đó rút ra bài học ứng xử trong cuộc sống cho bản thân.</p> <p>Đề 4: Chi tiết kì ảo ở cuối truyện nói về sự trở về của VN có làm mất đi tính bi kịch của tác phẩm không?</p> <p>- Hình thức tổ chức luyện tập: thảo luận nhóm, mỗi nhóm một đề.</p> <p>- HS thực hiện:</p> <p>+ Hs thảo luận: 7 phút.</p> <p>+ Đại diện Hs lên bảng trình bày kết quả thảo luận.</p> <p>+ Các Hs khác ở dưới theo dõi, bổ sung, hoàn chỉnh câu trả lời.</p> <p>- Gv diễn giảng và chốt KT.</p>	

Dự kiến kết quả:

Đề 1: Những chi tiết kì ảo và ý nghĩa của các chi tiết kì ảo trong “Chuyện người con gái Nam Xương”.

*** Những chi tiết kì ảo:**

- VN tự tử nhưng không chết, lại được cứu đưa về sống ở động rùa.
- Phan Lang nằm mộng gặp người con gái áo xanh xin tha mạng. Khi được người ta biểu con rùa mai xanh, bèn thả ra; sau khi bị đắm thuyền được Linh Phi (chính là con rùa thuở xưa) cứu sống đưa về trần thế.
- VN hiện về trong lễ giải oan ở bến Hoàng Giang: “ ngồi trên một chiếc kiệu hoa đứng ở giữa dòng, theo sau đến 50 chiếc xe cờ tán, võng lọng rực rỡ đầy sông, lúc ẩn lúc hiện”.

*** Cách đưa chi tiết kì ảo:**

Các yếu tố kì ảo được đưa xen kẽ với những yếu tố thực về địa danh, về thời điểm lịch sử, những chi tiết thực về trang phục của các mỹ nhân, về tình cảnh nhà VN không người chăm sóc sau khi nàng mất.... Cách thức này làm cho thế giới kì ảo lung linh mơ hồ trở

nên gần với cuộc đời thực, làm tăng độ tin cậy, khiến người đọc không cảm thấy ngỡ ngàng.

*** Ý nghĩa của chi tiết kì ảo:**

- Tạo sự lôi cuốn, li kì cho câu chuyện.
- Tạo kết thúc có hậu mang đặc điểm của truyện cổ tích, đó là ước mơ cuộc sống bất tử ở cõi trần, ước mơ về lẽ công bằng (ở hiền gặp lành), người tốt bị hàm oan sẽ được giải oan, được đền đáp xứng đáng.
- Chứng minh cho sự chung thủy của VN; Nó hoàn chỉnh vẻ đẹp vốn có của VN đó là luôn nặng tình nặng nghĩa, tuy sống tốt đẹp ở thủy cung nhưng vẫn không nguôi nhớ về cha mẹ, tổ tiên, khát khao phục hồi danh dự.
- Việc VN chỉ trở về trong chốc lát đã tố cáo XH trần gian oan nghiệt, không có chỗ dung thân cho VN và tăng thêm tính bi kịch cho tác phẩm.

Đề 2: Ý nghĩa của chi tiết cái bóng trong “Chuyện người con gái Nam Xương”:

*** Hình ảnh cái bóng:**

- Với VN: Là cách để dỗ con, làm nguôi đi nỗi nhớ chồng nhưng đó lại là đầu mối của tai họa khiến nàng chết oan.
- Với bé Đản: Chỉ là người đàn ông bí ẩn.
- Với Trương Sinh: Là bằng chứng về sự hư hỏng của vợ, cũng là yếu tố mở mắt cho Trương Sinh thấy sự thật.

*** Ý nghĩa của chi tiết cái bóng:**

- Về NT: Tạo nên cách thắt nút, mở nút hết sức bất ngờ:
 - + Thắt nút: Chiếc bóng của VN thể hiện sự thương con, nhớ chồng, sự cô đơn thủy chung của nàng lúc chồng vắng nhà nhưng nó cũng là nguyên nhân trực tiếp tạo nên nỗi oan khuất, cái chết bi thảm của VN
 - + Mở nút: chính chiếc bóng của TS lại khiến cho TS hiểu được nỗi oan của vợ và giải oan cho VN.
- Về nội dung: Cái bóng của VN tạo nên cái chết oan ức cho nàng, nó có giá trị tố cáo XHPK nam quyền bất công với người phụ nữ. Qua đó tác giả muốn nói rằng thân phận phụ nữ phải chăng cũng mong manh, dễ rung chắt khác nào chiếc bóng trên tường.

Đề 3:

Nguyên nhân khiến cho người phụ nữ đức hạnh như Vũ Nương không thể sống mà phải chết một cách oan uổng:

- **Nguyên nhân trực tiếp:** Do lời nói ngây thơ của bé Đản.

- **Nguyên nhân gián tiếp:**

+ Do người chồng đa nghi, hay ghen.

+ Do cách cư xử hồ đồ, thái độ phũ phàng, thô bạo của Trương Sinh.

(TS là con đẻ của chế độ nam quyền bất công, thiếu lòng tin và thiếu tình thương, ngay cả với người thân yêu nhất.)

+ Do cuộc hôn nhân không bình đẳng:

(VN là “con kẻ khó” còn TS là “con nhà hào phú”. Thái độ tàn tệ, rẻ rúng của TS đã phần nào thể hiện quyền thế của nhà giàu đối với người nghèo trong một XH đồng tiền đã làm đen thối đời.)

+ Do lễ giáo hà khắc.

(Trong lễ giáo ấy, chữ trinh là quan trọng hàng đầu, người phụ nữ khi đã mang tiếng thất tiết thì sẽ bị cả XH hắt hủi, chỉ còn một con đường chết để giải thoát.)

+ Do chiến tranh PK gây nên cảnh sinh li và cũng góp phần dẫn đến cảnh sinh li tử biệt. Nếu không có chiến tranh, TS không phải đi lính thì VN đã không phải chịu ổi oan tày trời dẫn đến cái chết thương tâm như vậy.

=> Có thể nói, bi kịch của VN là một lời tố cáo XHPK xem trọng quyền uy của kẻ giàu có và của người đàn ông trong gia đình, đồng thời bày tỏ niềm cảm thương của tác giả đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ. Người phụ nữ đức hạnh ở đây không được bênh vực, chở che mà lại còn bị đối xử bất công, vô lí. Chỉ vì lời nói ngây thơ của đứa trẻ và sự hồ đồ vũ phu của người chồng hay ghen tuông mà đến nỗi phải tự kết liễu cuộc đời mình.

Bài học: HS tự nêu, lí giải cho hợp lí.

Đề 4:

Chi tiết kì ảo ở cuối truyện nói về sự trở về của VN không làm mất đi tính bi kịch của tác phẩm. VN trở về mà vẫn xa cách ở giữa dòng bởi nàng và chồng con vẫn âm dương chia lìa đôi ngả, hạnh phúc thực sự đã vĩnh viễn rời xa. Nàng sống hạnh phúc dưới thủy cung nhưng đó là thứ hạnh phúc không có thật. Tác giả đưa người đọc vào giấc chiêm bao rồi lại kéo chúng ta sực tỉnh giấc mơ – giấc mơ về những người phụ nữ tài đức vẹn toàn. Sương khói giải oan tan đi, chỉ còn một sự thực cay đắng: nỗi oan của người phụ nữ không một đàn tràng nào giải nổi. Sự ân hận muộn màng của người chồng, đàn cầu siêu của tôn giáo đều không cứu vãn được người phụ nữ. Đây là giấc mơ, cũng là lời cảnh tỉnh của tác giả. Nó để lại dư vị ngậm ngùi trong lòng người đọc và là bài học thấm thía về sự giữ gìn hạnh phúc gia đình.

Tiết 2+3: Luyện tập (tiếp)

Gv phát phiếu học tập cho các nhóm, mỗi nhóm một phiếu, các nhóm làm bài, đại diện nhóm lên trình bày. Các nhóm trao đổi đề, nhận xét. GV NX và chốt đáp án.	B. Luyện tập. DẠNG ĐỀ ĐỌC- HIỂU
--	--

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc đoạn truyện sau và trả lời câu hỏi:

“*Vũ Thị Thiết, người con gái Nam Xương, ...vợ chồng bất hòa*”.

Câu 1: Nêu phương thức biểu đạt và nội dung của đoạn trích?

Câu 2: Nhân vật Vũ Nương được giới thiệu như thế nào? Qua đó em hiểu gì về tình cảm của nhà văn đối với nhân vật?

Câu 3: Giải thích nghĩa của các từ: dung hạnh, thất hòa.

Câu 4: Chi tiết nào đã ngầm hé lộ bi kịch của Vũ Nương về sau?

Dự kiến sản phẩm:

Câu 1:

- Phương thức biểu đạt : Tự sự
- Nội dung của đoạn trích: giới thiệu nhân vật Vũ Nương và cuộc sống hôn nhân của nàng.

Câu 2: Nhân vật Vũ Nương được giới thiệu:

- Quê ở Nam Xương, “tính tình thùy mị, nết na, tư dung tốt đẹp”
- Nàng là người vợ khéo léo, biết giữ gìn khuôn phép, không từng để lúc nào vợ chồng phải đến thất hào.”
- Tình cảm của nhà văn đối với nhân vật: Yêu mến, trân trọng.

Câu 3: Giải thích nghĩa của các từ:

- dung hạnh: nhan sắc và đức hạnh
- thất hòa: mất sự hòa thuận.

Câu 4: Chi tiết đã ngầm hé lộ bi kịch của Vũ Nương về sau là “ Trương Sinh có tính đa nghi, đối với vợ phòng ngừa quá sức”.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi: “**Đoạn rồi nàng tắm gội chay sạch....nhưng việc trót đã qua rồi!**”

Câu 1: Vì sao Vũ Nương tự coi mình là “kẻ bạc mệnh”?

Câu 2: Ghi lại các điển tích được sử dụng trong đoạn trích và nêu tác dụng của việc sử dụng các điển tích đó.

Câu 3: So sánh với truyện “Vợ chàng Trương”, hãy cho biết cách kể của Nguyễn Dữ ở đoạn này có sự sáng tạo như thế nào? Chỉ rõ hiệu quả của sự sáng tạo đó.

Câu 4: Chi tiết nào trong đoạn trích là quan trọng nhất? Nêu ý nghĩa chi tiết đó?

Dự kiến sản phẩm:

Câu 1: Vũ Nương tự coi mình là “kẻ bạc mệnh” vì nàng một lòng một dạ thủy chung với chồng, làm tròn bổn phận của mình nhưng lại bị chồng nghi oan, nghiễm mốc, đánh đuổi, dù đã hết sức thanh minh, phân trần nhưng vô ích. Như vậy, mong mỏi lớn nhất của nàng là thú vui nghi gia nghi thất đã không thể trở thành hiện thực

Câu 2: Các điển tích:

- “Ngọc Mị Nương”: theo tích ngọc trai giếng nước trong truyền thuyết Mị Châu – Trọng Thủy, ý nói đến chết vẫn giữ lòng trong sáng
- “Cổ Ngu Mĩ”: tích về nàng Ngu Cơ, vợ Hạng Vũ. Khi Hạng Vũ thua trận thế cùng, chạy đến Cai Hạ, nàng rút gươm tự vẫn. Tương truyền, hồn Ngu Cơ hóa thành hai nhóm cỏ trên mộ, ngày đêm quấn quýt vào nhau, người ta gọi là cỏ Ngu Mĩ nhân, ý nói đến chết vẫn giữ lòng chung thủy

Câu 3: Trong chuyện “Vợ chàng Trương”, nhân lúc chồng sang nhà hàng xóm, Vũ Nương chạy một mạch ra sông, đâm đầu xuống nước. Còn trong “Chuyện người con gái Nam Xương”, Nguyễn Dữ để nhân vật “tắm gội chay sạch”, ra bến Hoàng Giang, ngửa mặt lên trời mà than rồi mới gieo mình xuống sông tự vẫn

Hiệu quả của sự sáng tạo: Cho thấy việc tìm đến cái chết không phải là hành động bột phát, không có sự kiểm soát của lí trí mà chỉ là sự lựa chọn cuối cùng của Vũ Nương

Câu 4: - Chi tiết quan trọng nhất trong đoạn trích là chi tiết cái bóng.

- Ý nghĩa chi tiết đó:
- + Tạo nên cách thắt nút, mở nút hết sức bất ngờ, hấp dẫn.
- + Là biểu tượng của tình yêu thương, lòng chung thủy, là nguyên nhân trực tiếp của nỗi oan khuất, cái chết bi thảm của nhân vật Vũ Nương.
- + Làm nên sự hồi hận của Trương Sinh và giải oan cho Vũ Nương.
- + Làm tăng giá trị tố cáo xã hội phong kiến nam quyền đầy bất công với người phụ nữ.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Nàng bắt đầu kể:

- Thiếp sở dĩ nương tựa vào chàng, vì có cái thú vui nghi gia nghi thất. Nay đã bình rơi trâm gãy, mây tạnh mưa tan, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió; khóc tuyết bông hoa rụng cuống, kêu xuân cái én lìa đàn, nước thẳm buồn xa, đâu còn có thể lên núi Vọng Phu kia nữa.

(Chuyện người con gái Nam Xương- Nguyễn Dữ)

Câu 1: Vũ Nương nói câu nói trên trong hoàn cảnh nào?

Câu 2: Cụm từ “thú vui nghi gia nghi thất” có nghĩa là gì?

Câu 3: Nội hàm ý của câu “Nay đã bình rơi trâm gãy... Vọng Phu kia nữa.”

Câu 4: Chỉ ra phép tu từ được sử dụng trong đoạn văn trên, nêu tác dụng?

Dự kiến sản phẩm:

Câu 1: Vũ Nương nói câu trên khi bị chồng nghi oan nàng hai lòng, không chung thủy.

Câu 2: Thú vui nghi gia nghi thất: ý nói nên cửa nên nhà, thành vợ thành chồng, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình.

Câu 3: Vũ Nương đau khổ tới tột cùng vì hạnh phúc lứa đôi tan vỡ, ngay cả việc chờ đợi chồng, trông ngóng chồng như trước kia cũng không thể. Vũ Nương thất vọng khi bị Trương Sinh ruồng bỏ, tình vợ chồng gắn bó bấy lâu tan vỡ.

Câu 4: Trong câu nói của Vũ Nương có nhiều hình ảnh mang tính ẩn dụ:

+ *Bình rơi trâm gãy.*

+ *Sen rũ trong ao.*

+ *Liễu tàn trước gió.*

+ *Kêu xuân cái én lìa đàn.*

+ *Nước thẳm buồn xa.*

- Chọn phân tích hình ảnh ẩn dụ “trâm gãy bình tan” hình ảnh của sự chia lìa, tan vỡ, mượn hình ảnh trâm gãy, bình tan để nói về hiện trạng tình vợ chồng của Vũ Nương nay đã tan vỡ.

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

“Chàng bèn theo lời, lập một đàn tràng ba ngày đêm ở bến Hoàng Giang. Rồi quả thấy Vũ Nương ngồi trên chiếc kiệu hoa đứng ở giữa dòng, theo sau đó đến năm mươi chiếc xe cờ tán, vồng lọng, rực rỡ đầy sông, lúc ẩn, lúc hiện.

Chàng vội gọi, nàng vẫn ở giữa dòng mà nói vọng vào:

- Thiếp cảm ơn đức của Linh Phi, đã thề sống chết cũng không bỏ. Đa tạ tình chàng, thiếp chẳng thể trở về nhân gian được nữa.

Rồi trong chốc lát, bóng nàng loang loáng mờ nhạt rồi dần biến mất”.

Câu 1: Đoạn trích trên sử dụng ngôi kể số mấy, nêu tác dụng của ngôi kể đó?

Câu 2: Nêu ngắn gọn nội dung chính của đoạn trích trên?

Câu 3: Chỉ ra chi tiết kì ảo trong đoạn trích trên và nêu tác dụng?

Câu 4: Từ phần kết phía trên, em thấy truyện này kết thúc có hậu hay không có hậu, vì sao?

Câu 5: Hãy nêu tên một số tác phẩm đã học trong chương trình THCS có nói về thân phận người phụ nữ chịu nhiều bất hạnh, khổ cực trong xã hội phong kiến xưa.

Dự kiến sản phẩm:

Câu 1: Đoạn trích trên sử dụng ngôi kể thứ ba. Ngôi kể này người kể giấu mình, ngôi kể này giúp người kể linh hoạt và kể chuyện khách quan hơn.

Câu 2: Nội dung đoạn trích: Nói về việc Trương Sinh lập đàn giải oan cho Vũ Nương bên bến sông Hoàng Giang. Vũ Nương hiện về giữa dòng rồi biến mất.

Câu 3: Chi tiết kì ảo trong truyện:

Vũ Nương ngồi trên kiệu hoa đứng giữa dòng rồi sau đó biến mất.

- Chi tiết này nhấn mạnh nỗi oan khiên mà Vũ Nương cũng như tư tưởng của nhà văn Nguyễn Dữ.

- Vũ Nương hiện về chỉ là ảo ảnh, là một chút an ủi cho người phận bạc, bởi hạnh phúc lứa đôi đã tan vỡ.

- Chi tiết này thể hiện khát vọng về công bằng, hạnh phúc của dân gian, người trong sạch cuối cùng được minh oan.

- Nhưng chi tiết này vẫn gợi lên nỗi đau xót, nỗi ám ảnh với người đọc khi Vũ Nương vẫn nặng tình dương thế.

Câu 4: Cái kết của truyện không là cái kết có hậu bởi lẽ Vũ Nương không được sống cuộc đời hạnh phúc dù nàng là người tiết hạnh, đoan chính. Chi tiết Vũ Nương trở về khi Trương Sinh lập đàn giải oan là sự an ủi phần nào đối với người mệnh bạc như nàng.

Câu 5: Những tác phẩm nói lên thân phận bất hạnh, khổ cực của người phụ nữ trong xã hội xưa.

- Bánh trôi nước – Hồ Xuân Hương.
- Thương vợ - Trần Tế Xương.
- Vở chèo cổ Quan Âm Thị Kính (truyện dân gian).

GV hệ thống một số dạng đề nghị luận văn học cho HS quan sát, lập dàn ý cho đề số 1.	DẠNG ĐỀ NGHỊ LUẬN VĂN HỌC
--	----------------------------------

Đề 1: Phân tích nhân vật VN trong “Chuyện người con gái Nam Xương” để làm sáng tỏ nhận định sau:

“ Qua câu chuyện về cuộc đời và cái chết thương tâm của Vũ Nương, CNCGNX thể hiện niềm cảm thương đối với số phận oan nghiệt của người PNVN dưới chế độ PK, đồng thời khẳng định vẻ đẹp truyền thống của họ.”

Đề 2: Giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo của “ Chuyện người con gái Nam Xương”?

Đề 3: Cảm nhận của em về nhân vật Vũ Nương trong phần trích sau:

“...Chàng quỳ xuống đất vâng lời dạy. Nàng rót chén rượu đầy tiễn chồng mà rằng:
- Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong đeo được ấn phong hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên thế là đủ rồi. Chỉ e việc quân khó liệu, thế giặc khôn lường. Giặc cuồng còn lẩn lút, quân triều còn gian lao, rồi thế chẻ tre chưa có, mà mùa dưa chín quá kì, khiến cho tiệp thiệp bán khoán, mẹ hiền lo lắng. Nhìn trăng soi thành cũ, lại sửa soạn áo rét, gửi người ải xa, trông liễu rủ bãi hoang, lại thổn thức tâm tình, thương người đất thú! Dù có thư tín nghìn hàng, cũng sợ không có cánh hồng bay bổng.

Nàng nói đến đây, mọi người đều ứa hai hàng lệ. Rồi đó, tiệc tiễn vừa tàn, áo chàng đành rút. Ngược mắt cảnh vật vẫn còn như cũ, mà lòng người đã nhuộm mối tình muôn dặm quan san!

Bấy giờ, nàng đương có mang, sau khi xa chồng vừa đầy tuần thì sinh ra một đứa con trai, đặt tên là Đản. Ngày qua tháng lại, thoắt đã nửa năm, mỗi khi thấy bướm lượn đầy vườn, mây che kín núi, thì nỗi buồn góc bể chân trời không thể nào ngăn được. Bà mẹ cũng vì nhớ con mà dần sinh ốm. Nàng hết sức thuốc thang lễ bái thần phật và lấy lời ngọt ngào khôn khéo khuyên lơn. Song bệnh tình mỗi ngày một trầm trọng, bà biết không sống được, bèn trối lại với nàng rằng:

- Ngán dài có số, tươi héo bởi trời. (...) Sau này trời xét lòng lành, ban .cho phúc đức, giống dòng tươi tốt, con cháu đông đàn, xanh kia quyết chẳng phụ con, cũng như con đã chẳng phụ mẹ.

Bà cụ nói xong thì mất. Nàng hết lời thương xót, phàm việc ma chay tế lễ, lo liệu như đối với cha mẹ đẻ mình...”

(Trích “ **Chuyện người con gái Nam Xương**”- Nguyễn Dữ, SGK Ngữ văn 9, tập 1)

GV HD đề 1: - Đề bài yêu cầu gì? - Kiểu bài?	Đề 1: - Phân tích nhân vật VN trong “Chuyện người con gái Nam Xương” - Kiểu bài: Phân tích kết hợp chứng minh:
--	---

<p>- Điều cần chứng minh ở đề bài này là gì?</p> <p>- Phần mở bài cần nêu được ý gì?</p> <p>- Phần thân bài có những luận điểm chính nào?</p> <p>Gv chia lớp thành bốn nhóm:</p> <p>+ Nhóm 1: hai ý đầu của luận điểm a</p> <p>+ Nhóm 2: hai ý sau.</p> <p>+ Nhóm 3: hai ý đầu của luận điểm b.</p> <p>+ Nhóm 4: hai ý sau</p> <p>Hs thảo luận, trình bày.</p> <p>Các nhóm nghe và nhận xét.</p> <p>GV NX, chốt ý</p>	<p>+ Số phận oan nghiệt.</p> <p>+ Vẻ đẹp truyền thống.</p> <p>+ Niềm cảm thương sâu sắc của tác giả.</p> <p>* Mở bài:</p> <p>- Giới thiệu nét chính về tác giả, tác phẩm.</p> <p>- Nêu nhận định.</p> <p>* Thân bài:</p> <p>a. Số phận oan nghiệt của Vũ Nương.</p> <p>- Tình duyên ngang trái.</p> <p>- Mòn mỏi đợi chờ, vất vả gian lao.</p> <p>- Cái chết thương tâm.</p> <p>- Nỗi oan cách trở.</p> <p>b. Vẻ đẹp truyền thống của Vũ Nương</p> <p>- Người con gái “thùy mị, nết na” và “tư - dung tốt đẹp”.</p> <p>- Người vợ thủy chung.</p> <p>- Người mẹ hiền, dâu thảo</p> <p>- Người phụ nữ lý tưởng trong xã hội phong kiến.</p> <p>c. Đánh giá.</p>
---	---

Sản phẩm dự kiến:

Nhóm 1:

a. Số phận oan nghiệt của Vũ Nương.

- Tình duyên ngang trái:

Nguyễn Dữ đã cảm thương cho Vũ Nương người phụ nữ nhan sắc và đức hạnh lại phải lấy Trương Sinh, một kẻ vô học hồ đồ vũ phu. Thương tâm hơn nữa, người chồng còn “có tính đa nghi” nên đối với vợ đã “phòng ngừa quá sức”.

- Mòn mỏi đợi chờ, vất vả gian lao:

+ Đọc tác phẩm, ta thấy được nỗi niềm đau đớn của nhà văn với Vũ Nương – người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Đó là sự xót xa cho hoàn cảnh éo le của người phụ nữ: lấy chồng cha được bao lâu, “chưa thỏa tình chăn gối, chia phôi vì động việc lửa binh”, nàng đã phải tiễn biệt chồng lên đường đi đánh giặc Chiêm.

+ Cảnh tiễn đưa chồng của Vũ Nương mới ái ngại xiết bao. Nàng rót chén rượu đầy ứa hai hàng lệ: “*Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong đeo được ấn phong hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên thế là đủ rồi. Chỉ e việc quân khó liệu, thế giặc khôn lường. Giặc cuồng còn lẩn lút, quân triều còn gian lao, rồi thế chẻ tre chưa có, mà mùa dưa chín quá kì, khiến cho tiện thiếp băn khoăn, mẹ hiền lo lắng*”. Thật buồn thương cho Vũ Nương, trong những ngày vò vốc một mình ngóng trông tin chồng với bao nhớ thương với vợ: “*mỗi khi thấy bướm lượn đầy vườn, mây che kín núi, thì nỗi buồn góc bể chân trời không thể nào ngăn được*”. Hẳn rằng Nguyễn Dữ vô cùng đau đớn cho Vũ Nương nên chỉ cần một câu văn ấy cũng đủ

làm người đọc cảm thấy xót xa với người mệnh bạc có chồng chia xa. Tâm trạng nhớ thương đau buồn ấy của Vũ Nương cũng là tâm trạng chung của những người chinh phụ trong thời phong kiến loạn lạc:

*“Nhớ chàng đằng đẵng đường lên bằng trời
Trời thăm thẳm xa vời khôn thấu
Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong...”*

(Chinh phụ ngâm- Đoàn Thị Điểm).

+ Trương Sinh đi, để lại gánh nặng gia đình, để lại gánh nặng cho người vợ trẻ. Vũ Nương thay chồng vất vả nuôi mẹ, nuôi con. Sau khi mẹ chồng mất, chỉ còn hai mẹ con Vũ Nương trong căn nhà trống vắng cô đơn. Đọc đến những dòng tả cảnh đêm, người vợ trẻ chỉ biết san sẻ buồn vui với đứa con thơ dại, chúng ta không khỏi chạnh lòng thương xót cho mẹ con nàng.

Nhóm 2:

- Cái chết thương tâm:

+ Qua năm sau, *“Việc quân kết thúc”*, Trương Sinh từ miền xa chinh chiến trở về, nhưng Vũ Nương không được hưởng hạnh phúc trong cảnh vợ chồng sum họp. Chỉ vì chuyện chiếc bóng qua miệng đứa con thơ mới tập nói mà Trương Sinh lại định ninh rằng vợ mình hư hỏng nên “mắng nhiếc” và “đánh đuổi đi”. Trương Sinh đã bỏ ngoài tai mọi lời bày tỏ van xin đến rớm máu của vợ, mọi sự “biện bạch” của họ hàng làng xóm. Vũ Nương bị chồng đẩy vào bi kịch, bị vu oan là người vợ mất nết hư thân: *“Nay đã bình rơi trâm gãy, mây tạnh mưa tan, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió; khóc tuyết bông hoa rụng cuống, kêu xuân cái én lìa đàn, nước thẳm buồn xa, đâu còn có thể lại lên núi Vọng Phu kia nữa”*. Bi kịch Vũ Nương là bi kịch gia đình từ chuyện chồng con, nhưng nguyên nhân sâu xa là do chiến tranh loạn lạc gây nên.

+ Chỉ một thời gian ngắn, sau khi Vũ Nương tự tử, một đêm khuya dưới ngọn đèn, chợt đứa con nói rằng: *“Cha Đản lại đến kia kìa”*. Lúc bấy giờ Trương Sinh *“mới tỉnh ngộ thấu nỗi oan của vợ, nhưng việc trót đã qua rồi”*. Người đọc xa cũng chỉ biết thở dài, cùng Nguyễn Dữ xót thương cho người con gái Nam Xương và bao phụ nữ bạc mệnh khác trong cõi đời.

- Nỗi oan cách trở:

Hình ảnh Vũ Nương ngồi kiệu hoa, phía sau có năm mươi chiếc xe cờ tán vồng lọng rực rỡ đầy sông, lúc ẩn, lúc hiện... là những chi tiết hoang đường, nhưng đã tô đậm nỗi đau của người phụ nữ “bạc mệnh” duyên phận hẩm hiu, có giá trị tố cáo lễ giáo phong kiến vô nhân đạo. Câu nói của hồn ma Vũ Nương giữa dòng sông vọng vào: *“Đa tạ tình chàng, thiếp chẳng thể trở về nhân gian được nữa”* làm cho nỗi đau của nhà văn thêm phần bi thiết. Nỗi oan tình của Vũ Nương được minh oan và giải tỏa, nhưng âm – dương đã đôi đường cách trở, nàng chẳng thể trở lại nhân gian và cũng không bao giờ còn được làm vợ, làm mẹ.

Nhóm 3:

b. Vẻ đẹp truyền thống của Vũ Nương

- Người con gái “thùy mị, nết na” và “tư dung tốt đẹp”:

Tác giả đã giới thiệu về Vũ Nương với một chi tiết thật ngắn gọn, khái quát *“Tính đã thủy mị, nét na lại thêm có tư dung tốt đẹp”*. Nàng là một cô gái danh giá nên Trương Sinh, con nhà hào phú *“mến vì dung hạnh”* đã xin với mẹ đem trăm lạng vàng cưới về.

- Người vợ thủy chung:

+ Trong đạo vợ chồng, Vũ Nương là một người phụ nữ khéo léo, đôn hậu, biết chồng có tính *“đa nghi”* nàng đã *“giữ gìn khuôn phép”* không để xảy ra cảnh vợ chồng phải *“thất hoà”*.

+ Khi tiễn chồng đi lính, Vũ Nương rót chén rượu đầy chúc chồng *“được hai chữ bình yên”*. Nàng chẳng mong được đeo ân phong hầu mặc áo gấm trở về quê cũ. Ước mong của nàng thật bình dị, vì nàng đã coi trọng hạnh phúc gia đình hơn mọi công danh phù phiếm ở đời. Vũ Nương còn thể hiện niềm cảm thông trước nỗi vất vả, gian lao mà chồng phải chịu đựng và nói lên nỗi khắc khoải nhớ nhung của mình: *“Nhìn trăng soi thành cũ, lại sửa soạn áo rét, gửi người ải xa, trông liễu rủ bãi hoang, lại thổn thức tâm tình, thương người đất thú! Dù có thư tín nghìn hàng, cũng sợ không có cánh hồng bay bổng.”*

+ Khi xa chồng, Vũ Nương là người vợ thủy chung, yêu chồng tha thiết, nỗi buồn nhớ dài theo năm tháng.

+ Khi bị chồng nghi oan, nàng đã phân trần để chồng hiểu rõ tấm lòng mình. Nàng còn nói đến thân phận mình và nghĩa tình vợ chồng để khẳng định tấm lòng thủy chung trong trắng, cầu xin chồng đừng nghi oan, nghĩa là đã hết lòng tìm cách hàn gắn hạnh phúc gia đình đang có nguy cơ tan vỡ. Nàng nhảy xuống sông Hoàng Giang tự tử để tỏ rõ là người phụ nữ *“đoan trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng”*, mãi mãi soi tỏ với đời *“vào nước xin làm ngọc Mị Nương, xuống đất xin làm cỏ Ngu Mĩ”*. ở dưới thủy cung, tuy Vũ Nương có oán trách Trương Sinh, nhưng nàng vẫn thương nhớ chồng con, quê hương và khao khát được trả lại danh dự: *“Có lẽ không thể gửi hinh ảnh bóng ở đây được mãi, để mang tiếng xấu xa. Vả chăng, ngựa Hồ gầm gió bắc, chim Việt đậu cành nam. Cảm vì nỗi ấy tôi tất phải tìm về có ngày”*.

Nhóm 4:

- Người mẹ hiền, dâu thảo:

+ Vũ Nương là người phụ nữ đảm đang và giàu tình thương mến. Chồng ra trận mới được một tuần, nàng đã sinh con. Mẹ chồng già yếu, ốm đau, nàng *“hết sức thuốc thang”*, *“ngọt ngào khôn khéo khuyên lơn”*. Vừa phụng dưỡng mẹ già, vừa chăm sóc nuôi dạy con thơ. Lúc mẹ chồng qua đời, nàng đã *“hết lời thương xót”*, việc ma chay tế lễ được lo liệu, tổ chức rất chu đáo.

+ Lời của người mẹ chồng trước lúc chết chính là lời ghi nhận công ơn của nàng với gia đình nhà chồng: *“Sau này trời xét lòng lành, ban cho phúc đức, giống dòng tươi tốt, con cháu đông đàn, xanh kia quyết chẳng phụ con, cũng như con đã chẳng phụ mẹ”*. Đó là cách đánh giá thật xác đáng và khách quan. Xưa nay cũng hiếm có lời xác nhận tốt đẹp của mẹ chồng đối với nàng dâu. Điều đó chứng tỏ Vũ Nương là một nhân vật có phẩm hạnh hoàn hảo, trọng đạo nghĩa làm vợ, làm dâu và làm mẹ. Tác giả khẳng định một lần nữa trong lời kể: *“Nàng hết lời thương xót, phàm việc ma chay tế lễ, lo liệu như đối với cha mẹ đẻ mình”*.

- Người phụ nữ lý tưởng trong xã hội phong kiến:

Qua hình tượng Vũ Nương, người đọc thấy trong Vũ Nương cùng xuất hiện ba con người tốt đẹp: nàng dâu hiếu thảo, người vợ đảm đang chung thủy, người mẹ hiền đôn hậu. ở nàng, mọi cái đều sáng tỏ và hoàn hảo đến mức tuyệt vời. Đó là hình ảnh người phụ nữ lý tưởng trong xã hội phong kiến ngày xưa.

<p>- Phần đánh giá, chúng ta cần nêu những ý gì?</p>	<p>c. Đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: - Nghệ thuật xây dựng nhân vật. - Liên hệ: + Tác phẩm khác viết về người phụ nữ pk. + Vai trò của người phụ nữ trong XH ngày nay.
--	--

c. Đánh giá:

- Bi kịch của Vũ Nương là một lời tố cáo xã hội phong kiến xem trọng quyền uy của những kẻ giàu có và những người đàn ông trong gia đình. Những người phụ nữ đức hạnh ở đây không được bênh vực, chở che mà còn bị đối xử bất công, vô lí. Những vẻ đẹp của Vũ Nương rất tiêu biểu cho người phụ nữ Việt Nam từ xưa đến nay. Thể hiện niềm cảm thương đối với số phận oan nghiệt của Vũ Nương và khẳng định vẻ đẹp truyền thống của nàng, tác phẩm đã thể hiện giá trị hiện thực và nhân đạo sâu sắc.

- NT XD nhân vật: nhân vật được khắc họa tâm lí và tính cách thông qua lời nói và lời tự bạch (độc thoại).

- Sử dụng yếu tố kì ảo làm nổi bật giá trị nhân đạo của tác phẩm.

- Kết hợp các PTBD: tự sự và biểu cảm, làm nên một áng văn xuôi trữ tình sống mãi với thời gian.

- Liên hệ:

+ So sánh với những tác phẩm viết về nỗi bất hạnh của người phụ nữ và ca ngợi vẻ đẹp của họ: Văn học dân gian, “Truyện Kiều” – Nguyễn Du, thơ Hồ Xuân Hương, “Chinh phụ ngâm” – Đoàn Thị Điểm, “Cung oán ngâm khúc” – Nguyễn Gia Thiều...

+ Liên hệ vai trò, vị trí của người phụ nữ trong XH ngày nay.

C. Hướng dẫn về nhà.

- Hoàn thành các bài tập.

- Viết đề 1 thành bài văn hoàn chỉnh.

- Vào vai Trương Sinh kể lại “Chuyện người con gái Nam Xương”.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BUỔI 5:

ÔN TẬP VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

(Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh, Hồi thứ 14 - Hoàng Lê nhất thống chí)

I. Mục tiêu cần đạt:

1. Kiến thức : HS được củng cố những kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm, nội dung và nghệ thuật của 2 văn bản: “*Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh*” và “*Hồi thứ 14 - Hoàng Lê nhất thống chí*”

2.Kĩ năng: Vận dụng kiến thức để viết bài, tạo lập đoạn văn và văn bản.

3. Thái độ: Giáo dục học sinh có thái độ học tập tốt; Có ý thức phê phán lối sống hưởng lạc, lãng phí. lòng yêu nước tự hào dân tộc. Giáo dục ý thức trách nhiệm với công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

4. Phẩm chất - năng lực:

- Phẩm chất : HS có phẩm chất tự tin,tự chủ, yêu thương con người, sống có trách nhiệm. Căm ghét cái xấu, có lòng trắc ẩn với con người.

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tư duy, năng lực tự học, năng lực học tập, tổng hợp, năng lực thẩm mĩ, ngôn từ.

II. Chuẩn bị :

- GV : Hệ thống kiến thức và bài tập

- Học sinh : Ôn lại kiến thức đã học

III, tiến trình lên lớp.

A. Hệ thống kiến thức cơ bản.

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
-----------------------	-------------------

GV chia lớp thành 4 nhóm: - Nhóm 1: Vẽ sơ đồ tư duy những nét chính về tác giả Phạm Đình Hồ và đoạn trích truyện “Chuyện cũ trong phủ Chúa Trịnh” - Nhóm 2, 3: Vẽ sơ đồ tư duy những nét chính về nhóm tác giả Ngô Gia Văn Phái và tác phẩm “Hoàng Lê nhất thống chí”, Hồi thứ 14. - Nhóm 4: Tóm tắt đoạn trích truyện “Hồi thứ 14”.	
---	--

Dự kiến sản phẩm:

Nhóm 1:

1- Tác giả: Phạm Đình Hồ (1768 – 1839)

- Ông từng là sinh đồ Quốc Tử Giám, thời Lê- Trịnh- Tây Sơn- đầu triều Nguyễn
- Ông sáng tác văn chương và nghiên cứu nhiều lĩnh vực: văn học, triết học, lịch sử, địa lý... tất cả đều bằng chữ Hán.

2. Tác phẩm:

a. Thể loại: Tùy bút (**Vũ trung tuý bút**: tùy bút viết trong những ngày mưa)

b. Hoàn cảnh: Tác phẩm được viết đầu đời Nguyễn (đầu thế kỷ XIX)

c. Giá trị của tác phẩm

* Giá trị nội dung:

Phản ánh đời sống xa hoa của vua chúa và sự nhũn nh軟 của bọn quan lại dưới quyền thời Lê – Trịnh.

* **Giá trị nghệ thuật:** Lựa chọn ngôi kể phù hợp; sự việc tiêu biểu; miêu tả tỉ mỉ, sinh động, ngôn ngữ khách quan nhưng vẫn thể hiện rõ thái độ bất bình của tác giả.

Nhóm 2, 3:

1. Tác giả:

Ngô Gia Văn Phái là một nhóm tác giả thuộc dòng họ Ngô Thì, ở làng Tả Thanh Oai, nay thuộc huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây, trong đó tác giả chính là Ngô Thì Chí (1753 - 1788) là quan thời Lê Chiêu Thống, và Ngô Thì Du (1722- 1840) làm quan dưới triều nhà Nguyễn.

2. Tác phẩm:

- Thể loại: “Chí” là lối văn ghi chép sự vật, sự việc

- Hoàng Lê nhất thống chí: tác phẩm viết bằng chữ Hán ghi chép về sự thống nhất của vương triều nhà Lê vào thời điểm Tây Sơn diệt Trịnh, trả lại Bắc Hà cho vua Lê.

Cũng có thể xem HLNTC là một cuốn tiểu thuyết lịch sử viết theo lối chương hồi. Nó không chỉ dừng lại ở sự nhất thống của vương triều nhà Lê, mà còn được viết tiếp, tái hiện một giai đoạn lịch sử đầy biến động của XHPK Việt Nam vào khoảng 30 năm cuối của TK 18, mấy năm đầu TK 19.

Cuốn tiểu thuyết có tất cả 17 hồi.

- Vị trí đoạn trích: Hồi thứ 14, viết về sự kiện vua Quang Trung đại phá quân Thanh.

3. Nội dung – Nghệ thuật:

a. Nội dung:

Với quan điểm lịch sử đúng đắn và niềm tự hào dân tộc, các tác giả “HLNTC” đã tái hiện chân thực hình ảnh người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ qua chiến công thần tốc đại phá quân Thanh, sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh và số phận bi đát của vua tôi LCT.

b. Nghệ thuật:

Tuy là tiểu thuyết lịch sử bằng chữ Hán viết theo lối chương hồi của VHTĐ nhưng đoạn trích có những thành công đáng kể về mặt NT:

- Trước hết là lối văn trần thuật sinh động, hấp dẫn với nhiều chi tiết chọn lọc.
- Đoạn trích truyện đã khắc họa đậm nét hình ảnh người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ với lòng yêu nước nồng nàn và tính cách anh hùng xuất chúng qua những chi tiết NT chân thực và sinh động từ cuộc sống và cách đánh giặc của ông.
- Bằng NT đối lập, tác giả đã miêu tả sự thất bại thảm hại của quân xâm lược cùng bè lũ bán nước hại dân như một cái nền để làm nổi bật người anh hùng Nguyễn Huệ cùng với những chiến công vang dội trong mùa xuân 1789.

Nhóm 4:***Tóm tắt hồi thứ 14 “Hoàng Lê nhất thống chí”:***

- Lê Chiêu Thống sợ uy danh của quân Tây Sơn, sang cầu cứu nhà Thanh. Quân Thanh do Tôn Sĩ Nghị cầm đầu kéo vào Thăng Long. Ngô Văn Sở, tướng của Tây Sơn cho quân về núi Tam Điệp để bảo toàn lực lượng và cho quân cấp báo với Nguyễn Huệ
- Thuận lòng tướng sĩ, Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế lấy niên hiệu là Quang Trung sau đó tiến quân ra Nghệ An. Ở Nghệ An, nhà vua lấy thêm quân mở cuộc duyệt binh lớn, huấn dụ quân sĩ, ai nấy đều đồng sức đồng lòng rồi tiến quân ra bắc.
- Đến núi Tam Điệp, gặp hai tướng Sở, Lân, Ngô Thì Nhậm bàn kế hoạch sau khi đánh tan quân Thanh sẽ mở tiệc khao quân. Hẹn với tướng sĩ, tối 30 lên đường, ngày mùng 7 tết sẽ có mặt ở Thăng Long.
- Khi nghỉ quân ra đến sông Thanh Quyết, gặp đám quân do thám của quân Thanh, QT ra lệnh bắt sống hết không để sót một tên.
- Nửa đêm ngày mùng ba tết, Kỉ Dậu, nghỉ quân bắt đầu tấn công đồn Hạ Hồi, quân giặc sợ hãi xin hàng. Sau đó tiếp tục dang thành chữ nhất tiến công đồn Ngọc Hồi, quân Thanh, chống không nổi bỏ chạy tán loạn, rơi vào kế nghi binh của Tây Sơn, bị dồn xuống đầm Mực, bị voi giày đạp, chết hàng vạn người. Giữa trưa hôm ấy, quân Tây Sơn kéo vào Thăng Long, Tôn Sĩ Nghị nghe tin sợ hãi không kịp mặc áo giáp chạy trốn, ngựa không kịp đóng yên chạy về phương Bắc. Vua Lê Chiêu Thống đem hoàng thân quốc thích, rồi bỏ kinh thành chạy theo LCT. Quân Thanh đại bại.

Tiết 2,3: Luyện tập

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV chia lớp thành bốn nhóm, phát phiếu học tập cho HS: Nhóm 1: đề 1 Nhóm 2,3: đề 2	B. Luyện tập. DẠNG BÀI TẬP ĐỌC HIỂU.

Nhóm 4: đề 3 Các nhóm thảo luận và trình bày. Các nhóm khác NX GV NX, chốt kiến thức.	
--	--

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Bọn hoạn quan cung giám lại thường nhờ gió bẻ măng, ra ngoài dọa dẫm. Họ dò xem nhà nào có chậu hoa cây cảnh, chim tốt khướu hay, thì biên ngay hai chữ “phụng thủ” vào. Đêm đến, các cây tre qua tường thành lên ra, sai tay chân binh lính đến lấy phẳng đi, rồi buộc cho tội đem giấu vật cung phụng để dọa lấy tiền. Hòn đá hoặc cây cối gì to lớn quá, thậm chí phải phá hủy tường nhà để khiêng ra. Các nhà giàu bị họ vu cho là giấu vật cung phụng, thường phải bỏ cửa ra kêu van chỉ chết, có khi phải đập bỏ núi non bộ, hoặc phá bỏ cây cảnh để tránh khỏi tai vạ.

Câu 1: Đoạn trích trên sử dụng chủ yếu phương thức biểu đạt nào?

Câu 2: Bọn quan lại hầu cận trong phủ chúa đã những nhiều dân bằng nhưng thủ đoạn nào?

Câu 3: Hình ảnh người dân trong đoạn trích như thế nào?

Câu 4: Qua đoạn trích em cảm nhận về tình trạng nước ta thời vua Lê - Trịnh thế nào?

Dự kiến sản phẩm:

Câu 1: Đoạn trích trên sử dụng phương thức tự sự là chủ yếu.

Câu 2: Sự tham lam, những nhiều của bọn quan lại ở phủ chúa.

- Thời chúa Trịnh Sâm, bọn quan lại lớn nhỏ trong phủ đều được sủng ái, chúng la tay chân đặc lực bày ra các trò ăn chơi, hưởng lạc cho chúa.

- Chúng ỷ thế vào chúa để ra ngoài ăn chơi, hưởng lạc, sách nhiễu dân chúng: “*bọn hoạn quan cung giám thường nhờ gió bẻ măng, ra ngoài dọa dẫm*”.

- Bọn quan lại ra sức cướp bóc, trấn lột khắp nơi, chúng “vừa ăn cướp vừa la làng”.

Câu 3: Hình ảnh người dân khôn đồn, khổ cực, bị vu oan, bị đòi tiền trước những cuộc ăn cướp của bọn quan lại, tay sai.

+ Nhà giàu bị họ vu cho giấu của cung phụng, phải bỏ cửa ra kêu van chỉ chết.

Câu 4: Cảm nhận về tình trạng của đất nước thời vua Lê - chúa Trịnh.

- Thời đại phong kiến Lê Trịnh là thời đại thối nát, mục ruỗng, quan lại không chăm lo cho dân chúng mà ra sức cướp bóc, hà hiếp dân chúng.

- Vua chúa bày ra những trò lơ lửng, kịch cớm, tốn kém để ăn chơi, tiệc tùng.

- Nhân dân không chỉ chịu đói khổ mà còn chịu áp bức bởi bị áp bức vì bị bóc lột, ăn cướp.

→ Triều đại thối nát, mục rỗng dự báo tiền đồ, triều ấy sụp đổ là điều không tránh khỏi.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

Quân Thanh sang xâm lấn nước ta, hiện ở Thăng Long, các người đã biết chưa? Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao ấy, đều phân biệt rõ ràng, phương Nam, phương Bắc chia nhau ra mà cai trị. Người phương Bắc không phải nòi giống nước ta, bụng dạ ắt khác. Từ đời nhà Hán tới nay, chúng đã mấy phen cướp bóc nước ta, giết hại nhân dân,

vơ vét của cải, người mình không thể chịu nổi, ai cũng muốn đuổi chúng đi. Đời Hán có Trưng Vương, đời Tống có Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, đời Nguyên có Trần Hưng Đạo, đời Minh có Lê Thái Tổ, các ngài không nề ngời nhìn chúng ta làm điều tàn bạo, nên đã thuận lòng người, đẩy nghĩa quân, đều chỉ đánh một trận là thắng và đuổi được chúng về phương Bắc. Ở các thời ấy, Bắc, Nam riêng phận, bờ cõi lặng yên, các vua truyền ngôi lâu dài. Từ nhà Đinh tới đây, dân ta không đến nỗi khổ như hồi nội thuộc xưa kia. Mọi việc lợi, hại, được, mất ấy đều là chuyện cũ rành rành của triều đại trước. Nay người Thanh lại sang, mưu đồ lấy nước Nam ta đặt làm quân huyện, không biết trông gương mấy đời Tống, Nguyên, Minh ngày xưa. Vì vậy, ta phải kéo quân ra đánh đuổi chúng. Các người đều là những kẻ có lương tri, lương năng, hãy nên cùng ta đồng tâm hiệp lực, để dựng nên công lớn...

Câu 1: Đoạn văn trên là lời của nhân vật nào, nói trong hoàn cảnh nào?

Câu 2: Nêu nội dung của đoạn trích?

Câu 3: Em hiểu câu “Trong khoảng vũ trụ, đất sao nào ấy, đều đã phân biệt rõ ràng, phương Nam, phương Bắc chia nhau ra mà cai trị” như thế nào? **Câu 4:** Chép lại câu văn trong bài “Nước Đại Việt ta” có nội dung tương tự

Câu 5: Giải thích nghĩa của các từ: *người phương Bắc, nội thuộc, lương năng*

Câu 6: Giải thích lí do sắp xếp trật tự các cụm từ in đậm trong câu: *Đời Hán có Trưng Nữ Vương, đời Tống có Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, đời Nguyên có Trần Hưng Đạo, đời Minh có Lê Thái Tổ, các ngài không nề ngời nhìn chúng ta làm điều tàn bạo, nên đã thuận lòng người, đẩy nghĩa quân, đều chỉ đánh một trận là thắng và đuổi được bọn chúng về phương Bắc.*

Câu 7: Qua đoạn trích, em thấy Quang Trung là người như thế nào?

Câu 8: Hai câu cuối đoạn trích gọi cho em nhớ đến văn bản nào đã học trong chương trình Ngữ Văn THCS cũng là lời kêu gọi đồng thời răn đe quân sĩ? Cho biết tên tác giả?

Dự kiến sản phẩm:

Câu 1: Đoạn văn trên là lời nói của Quang Trung, là lời phủ dụ trước quân lính trong lễ duyệt binh ở Nghệ An.

Câu 2: Nội dung của đoạn trích: Lời phủ dụ quân lính của Quang Trung.

Câu 3: Câu “Trong khoảng vũ trụ, đất sao nào ấy, đều đã phân biệt rõ ràng, phương Nam, phương Bắc chia nhau ra mà cai trị.” khẳng định nền độc lập, chủ quyền lãnh thổ riêng của mỗi nước và quan điểm tôn trọng nền độc lập đó, không xâm phạm lãnh thổ của nhau

- Những câu văn trong bài “Nước Đại Việt ta” có ý nghĩa tương đồng:

*“Như nước Đại Việt ta từ trước
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu
Núi sông bờ cõi đã chia
Phong tục Bắc Nam cũng khác”*

Câu 4: *Người phương Bắc:* chỉ bọn phong kiến Trung Quốc xâm lược nước ta

Nội thuộc: thời nước ta bị bọn phong kiến Trung Quốc cai trị

Lương năng: năng lực tốt bẩm sinh của mỗi con người

Câu 5: Các cụm từ in đậm nêu lên tầm gương các vị anh hùng đã có công lớn, lãnh đạo nhân dân chống giặc ngoại xâm. Các cụm từ đó được sắp xếp theo thời gian, từ xưa đến nay, giúp cho binh lính thấy được:

- Người phương Bắc đã nhiều lần xâm lược nước ta
- Truyền thống yêu nước, chống ngoại xâm trong chiều dài của lịch sử dân tộc ta
- Từ đó, vua Quang Trung muốn khơi dậy lòng căm thù giặc, ý thức trách nhiệm của binh lính đối với vận mệnh đất nước và quyết tâm chiến đấu chống lại lũ cướp nước trong họ

Câu 6: Qua đoạn trích, em thấy vua Quang Trung là người yêu nước, có lòng tự tôn dân tộc, ý thức rõ trách nhiệm của mình đối với đất nước. Đồng thời, ông cũng là một vị chủ tướng rất quyết đoán và nghiêm khắc

Câu 7: “Hịch tướng sĩ” của Trần Quốc Tuấn

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Vua Quang Trung liền gấp rút sau đội quân khiêng ván vừa che vừa xông thẳng lên trước. Khi gươm giáo hai bên đã chạm nhau thì quăng ván xuống đất, ai nấy đều cầm dao ngắn chém bừa, những người cầm binh khí theo sau nhất tề xông tới mà đánh.

Quân Thanh chống không nổi, bỏ chạy tán loạn, giày xéo lên nhau mà chết. Tên Thái Thú Điều Châu là Sầm Nghi Đống tự thắt cổ chết. Quân Tây Sơn thừa thế chém giết lung tung, thấy nằm đầy đồng, máu chảy thành suối, quân Thanh đại bại”.

Câu 1: Các sự việc trong đoạn trích trên được kể theo trình tự như thế nào?

Câu 2: Nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu: “Quân Tây Sơn thừa thế chém giết lung tung, thấy nằm đầy đồng, máu chảy thành suối, quân Thanh đại bại”.

Câu 3: Nêu cảm nghĩ của em về nhân vật vua Quang Trung trong đoạn trích trên.

Câu 4: Em có nhận xét gì về thái độ của tác giả trong đoạn trích trên.

Câu 5: Nhận xét về bút pháp tái hiện sự thực lịch sử của các tác giả Hoàng Lê nhất thống chí qua đoạn trích hồi thứ mười bốn.

Hướng dẫn trả lời

Câu 1: Các sự việc trên được kể theo trình tự thời gian

Câu 2: Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu: “Quân Tây Sơn thừa thế chém giết lung tung, thấy nằm đầy đồng, máu chảy thành suối, quân Thanh đại bại.”

Biện pháp nói quá trong chi tiết “thây nằm đầy đồng, máu chảy thành suối” nhằm nhấn mạnh tới sự thất bại thảm hại của quân giặc.

Câu 3: Cảm nghĩ về nhân vật vua Quang Trung.

- Quang Trung là vị tướng có tài thao lược hơn người.
- + Cuộc hành quân thần tốc do Quang Trung chỉ huy đến nay vẫn làm chúng ta kinh ngạc, chiến thắng thần tốc.
- + Vừa hành quân vừa đánh giặc mà vua Quang Trung lên kế hoạch từ trước đã chiến thắng sớm hơn dự định 2 ngày.
- Hình ảnh vua Quang Trung oai phong lẫm liệt:

+ Vua Quang Trung thân chinh cầm quân, dưới sự lãnh đạo tài tình của vị tổng chỉ huy khiến nghĩa quân Tây Sơn đánh thắng kẻ thù.

+ Hình ảnh nhà vua “cuối voi đi đốc thúc” với áo bào đỏ sạm đen khói súng.

- Hình ảnh người anh hùng được khắc họa đậm nét với tính cách mạnh mẽ, trí tuệ sáng suốt, nhạy bén, tài dùng binh như thần, là người có tổ chức và linh hồn của chiến công vĩ đại.

Câu 4: Thái độ của tác giả

- Ca ngợi trí tuệ, chiến lược của vua Quang Trung: tài dụng binh như thần, lẫm liệt trong trận chiến...

- Tỏ thái độ căm ghét, khinh thường trước sự thất bại thảm hại của quân giặc.

Câu 5: Khi các tác giả Ngô Thì, các tác giả chủ ý viết lại lịch sử, không phải sự sáng tạo văn học. Tâm lý này xuất phát từ việc người trung đại xem tiểu thuyết là thứ thấp kém, không có ý nghĩa với việc tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.

- Nhưng Hoàng Lê nhất thống chí là một tác phẩm văn chương đích thực, chính điều này làm nên sự trường tồn của tác phẩm.

- Sự kết hợp giữa sáng tạo, gia công kết hợp giữa ngòi bút chân thực, nghiêm ngặt với bút pháp viết linh hoạt đã giúp người viết tái hiện một thời kì lịch sử dữ dội TK XVIII:

+ Sự kiện lịch sử được ghi chép cụ thể, chính xác với các mốc thời gian, địa điểm, không gian rõ ràng, tạo sự tin cậy cho người đọc.

+ Nhóm tác giả không chỉ dựa trên sự kiện đơn thuần mà còn chỉ ra bản chất của hiện thực, vẫn giữ nguyên lịch sử nhưng lại xây dựng hình tượng chân dung con người đại diện cho cả hai phía.

+ Lời văn miêu tả có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa giọng kể khách quan, đơn sắc của người viết sử với giọng kể đầy xúc cảm của người sáng tạo văn học.

<p>GV Hướng dẫn HS tìm hiểu đề:</p> <p>? Yêu cầu nghị luận</p> <p>? Phạm vi kiến thức nghị luận</p> <p>? Chỉ ra những phẩm chất của người anh hùng Nguyễn Huệ? Tìm và liệt kê những dẫn chứng cho từng phẩm chất ấy?</p> <p>- HS hoạt động theo cặp đôi</p>	<p>DẠNG ĐỀ NGHỊ LUẬN VĂN HỌC</p> <p>Đề bài: <i>Phân tích hình tượng người anh hùng quang Trung- Nguyễn Huệ trong tác phẩm “Hoàng Lê Nhất thống chí”, hồi thứ 14 của Ngô Gia văn phái.</i></p> <p>- Nghị luận nhân vật văn học (Phân tích hình tượng người anh hùng Nguyễn Huệ)</p> <p>- Phạm vi kiến thức: <i>Hồi 14</i></p> <p>- Người anh hùng Nguyễn Huệ có những phẩm chất:</p> <p>+ <i>Một con người hành động mạnh mẽ quyết đoán:</i></p> <p>+ <i>Một con người có trí tuệ sáng suốt và nhạy bén:</i></p> <p>* <i>Sáng suốt trong việc nhận định tình hình</i></p>
--	--

<p>* Lập dàn ý cho đề bài</p> <p>- Phần mở bài cần nêu những nội dung gì?</p> <p>- Lần lượt làm rõ những vẻ đẹp của người anh hùng Quang Trung – Nguyễn Huệ qua đoạn trích.</p> <p>Hình thức luyện tập: hoạt động nhóm</p> <p>Chia lớp thành 6 nhóm, mỗi nhóm một luận điểm. Riêng LĐ 2 <i>một con người có trí tuệ sáng suốt và nhạy bén chia thành hai ý cho hai nhóm thảo luận.</i></p> <p>- HS thực hiện</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày sản phẩm</p> <p>- Nhận xét, bổ sung.</p> <p>- GV đánh giá, chuẩn kiến thức.</p> <p>- GV chốt kĩ năng xử lí đề, kĩ năng làm bài.</p>	<p>địch và ta.</p> <p><i>* Sáng suốt trong việc xét đoán bề tôi.</i></p> <p>+ <i>Quang Trung là người có tầm nhìn xa trông rộng:</i></p> <p>+ <i>Là vị tướng có tài thao lược hơn người.</i></p> <p>+ <i>Hình ảnh vị vua lâm liệt trong chiến trận.</i></p> <p>Mở bài:</p> <p>- Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nội dung đoạn trích.</p> <p>- Nêu vấn đề nghị luận:</p> <p>Thân bài:</p>
--	---

Dự kiến sản phẩm :

a) Trước hết Quang Trung là một con người hành động mạnh mẽ quyết đoán:

- Từ đầu đến cuối đoạn trích, Nguyễn Huệ luôn luôn là con người hành động một cách xông xáo, nhanh gọn có chủ đích và rất quả quyết.

- Nghe tin giặc đã đánh chiếm đến tận Thăng Long mất cả một vùng đất đai rộng lớn mà ông không hề nao núng “định thân chinh cầm quân đi ngay”.

- Rồi chỉ trong vòng hơn 1 tháng, Nguyễn Huệ đã làm được bao nhiêu việc lớn: “tể cáo trời đất”, lên ngôi hoàng đế, đốc xuất đại binh ra Bắc...

b) Đó là một con người có trí tuệ sáng suốt và nhạy bén:

* Ngay khi mấy chục vạn quân Thanh do Tôn Sĩ Nghị hùng hổ kéo vào nước ta, thế giặc đang mạnh, tình thế khẩn cấp, vận mệnh đất nước “ngàn cân treo sợi tóc”, Nguyễn Huệ đã quyết định lên ngôi hoàng đế để chính danh vị, lấy niên hiệu là Quang Trung.

- Việc lên ngôi đã được tính kỹ với mục đích thống nhất nội bộ, hội tụ anh tài và quan trọng hơn là “để yên kẻ phản trắc và giữ lấy lòng người”, được dân ủng hộ.

** Sáng suốt trong việc nhận định tình hình địch và ta:*

- Qua lời dụ tướng sĩ trước lúc lên đường ở Nghệ An, Quang Trung đã chỉ rõ “đất nào sao ấy”, “người phương Bắc không phải nòi giống nước ta, bụng dạ ắt khác”. Ông còn vạch rõ tội ác của chúng đối với nhân dân ta: “Từ đời nhà Hán đến nay, chúng đã mấy phen cướp bóc nước ta, giết hại nhân dân ta, vợ vết của cải, người mình không thể chịu nổi, ai cũng muốn đuổi chúng đi”.

- Quang Trung đã khích lệ tướng sĩ dưới quyền bằng những tấm gương chiến đấu dũng cảm chống giặc ngoại xâm giành lại độc lập của cha ông từ ngàn xưa như: Trưng nữ Vương, Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành...

- Quang Trung đã dự kiến được việc Lê Chiêu Thống về nước có thể làm cho một số người phụ Lê “thay lòng đổi dạ” với mình nên ông đã có lời dụ với quân lính vừa chí tình, vừa nghiêm khắc: “các người đều là những kẻ có lương tri, hãy nên cùng ta đồng tâm hiệp lực để dựng lên công lớn. Chớ có quên thói cũ, ăn ở hai lòng, nếu như việc phát giác ra sẽ bị giết chết ngay tức khắc, không tha một ai”.

** Sáng suốt trong việc xét đoán bề tôi:*

- Trong dịp hội quân ở Tam Điệp, qua lời nói của Quang Trung với Sở và Lân ta thấy rõ: Ông rất hiểu việc rút quân của hai vị tướng giỏi này. Đúng ta thì “quân thua tại tướng” nhưng ông hiểu lòng họ, sức mình ít không địch nổi đội quân hùng tướng hổ nhà Thanh nên đành phải bỏ thành Thăng Long rút về Tam Điệp để tập hợp lực lượng. Vậy Sở và Lân không bị trừng phạt mà còn được ngợi khen.

- Đối với Ngô Thì Nhậm, ông đánh giá rất cao và sử dụng như một vị quân sư “đa mưu túc trí”. Việc Sở và Lân rút chạy Quang Trung cũng đoán là do Nhậm chủ mưu, vừa là để bảo toàn lực lượng, vừa gây cho địch sự chủ quan. Ông đã tính đến việc dùng Nhậm là người biết dùng lời khéo léo để dẹp việc binh đao.

c) Quang Trung là người có tầm nhìn xa trông rộng:

- Mới khởi binh đánh giặc, chưa giành được tấc đất nào vậy mà vua Quang Trung đã nói chắc như đinh đóng cột “phương lược tiến đánh đã có tính sẵn”.

- Đang ngồi trên lưng ngựa, Quang Trung đã nói với Nhậm về quyết sách ngoại giao và kế hoạch 10 tới ta hoà bình. Đối với địch, thường thì biết là thắng việc binh đao không thể dứt ngay được vì xỉ nhục của nước lớn còn đó. Nếu “chờ 10 năm nữa ta được yên ổn mà nuôi dưỡng lực lượng, bấy giờ nước giàu quân mạnh thì ta có sợ gì chúng”.

d) Quang Trung là vị tướng có tài thao lược hơn người:

- Cuộc hành quân thần tốc do Quang Trung chỉ huy đến nay vẫn còn làm chúng ta kinh ngạc. Vừa hành quân, vừa đánh giặc mà vua Quang Trung hoạch định kế hoạch từ 25 tháng chạp đến mừng 7 tháng giêng sẽ vào ăn tết ở Thăng Long, trong thực tế đã vượt mức 2 ngày.

- Hành quân xa, liên tục như vậy nhưng đội quân vẫn chỉnh tề cũng là do tài tổ chức của người cầm quân.

e) Hình ảnh vị vua lâm liệt trong chiến trận:

- Vua Quang Trung thân chinh cầm quân không phải chỉ trên danh nghĩa. Ông làm tổng chỉ huy chiến dịch thực sự.

- Dưới sự lãnh đạo tài tình của vị tổng chỉ huy này, nghĩa quân Tây Sơn đã đánh những trận thật đẹp, thắng áp đảo kẻ thù.

- Khí thế đội quân làm cho kẻ thù khiếp vía và hình ảnh người anh hùng cũng được khắc hoạ lẫm liệt: trong cảnh “khói toả mù trời, cách gang tấc không thấy gì”, nổi bật hình ảnh nhà vua “cưỡi voi đi đốc thúc” với tấm áo bào màu đỏ đã sạm đen khói súng.

-> Hình ảnh người anh hùng được khắc hoạ khá đậm nét với tính cách mạnh mẽ, trí tuệ sáng suốt, nhạy bén, tài dùng binh như thần; là người tổ chức và là linh hồn của chiến công vĩ đại.

<p>- Phân đánh giá NT cần nêu những ý gì?</p> <p>- Phần kết bài có nhiệm vụ gì? (Khẳng định công lao to lớn của QT – NH)</p>	<p>g) Tổng kết nghệ thuật</p> <p>+ Lựa chọn trình tự kể theo diễn biến các sự kiện lịch sử</p> <p>+ Khắc họa nhân vật qua ngôn ngữ kể, tả, chân thực, sinh động.</p> <p>III/ Kết bài</p> <p>+ H/ả Quang Trung người anh hùng áo vải hiện lên thật đẹp là niềm tự hào của cả dân tộc. Ông có công lao vô cùng to lớn, mãi bất tử trong lòng dân tộc Việt.</p> <p>+ Liên hệ.</p>
--	--

C. Hướng dẫn về nhà.

- Hoàn thành các bài tập.
- Viết đề NLVH thành bài văn hoàn chỉnh.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BUỔI 6: ÔN TẬP TRUYỆN THƠ NÔM

Nguyễn Du và Truyện Kiều, Đoạn trích “Chị em Thúy Kiều”, Đoạn trích “Cảnh ngày xuân”

I. Mục tiêu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Củng cố kiến thức về tác giả Nguyễn Du và Truyện Kiều.
- Củng cố kiến thức về văn bản: “ Chị em Thúy Kiều”, “ Cảnh ngày xuân”, của tác giả Nguyễn Du.

2. Kỹ năng:

Rèn kỹ năng làm phân đọc hiểu, phân làm văn trong bài thi tuyển sinh vào lớp 10.

3. Thái độ, phẩm chất:

- Bồi dưỡng tình yêu văn học, có hứng thú khi làm bài.
- Yêu quê hương đất nước, yêu con người, chăm học, chăm làm, trung thực, trách nhiệm.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.

4. Năng lực:

- **Các năng lực chung:** Năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực sử dụng CNTT
- **Các năng lực chuyên môn:** Năng lực sử dụng ngôn ngữ, Năng lực cảm thụ văn học.

II. Tiến trình lên lớp

Tiết 1:

A. Hệ thống lại kiến thức đã học

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>Qua phần chuẩn bị ở nhà, GV yêu cầu các nhóm lên thuyết trình các vấn đề về tác giả Nguyễn Du:</p> <p>Thời gian chuẩn bị trong thời gian 5 phút:</p> <p>Nhóm 1: Cuộc đời</p> <p>Nhóm 2: Gia đình</p> <p>Nhóm 3: Thời đại</p> <p>Nhóm 4: Sự nghiệp văn học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện các nhóm trình bày. - Các nhóm nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, khích lệ các nhóm trả lời tốt, chốt kiến thức. 	<p>I. Tác giả:</p> <p>1. Cuộc đời:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Du (1765 - 1820), tên chữ là Tố Như, hiệu là Thanh Hiên. - Quê ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. - Nguyễn Du từ nhỏ có cuộc sống sung sướng, thông minh, giỏi văn chương. Nhưng lên 9 tuổi mồ côi cha và 12 tuổi mồ côi mẹ, cuộc sống của Nguyễn Du có nhiều biến đổi, phải sống tự lập từ đây. - Nguyễn Du là người có kiến thức sâu rộng, am hiểu văn hóa dân tộc và văn chương Trung Quốc. Cuộc đời từng trải, đi nhiều, tiếp xúc nhiều đã tạo cho Nguyễn Du một vốn sống phong phú và niềm đồng cảm sâu sắc với những đau khổ của nhân dân. Nguyễn Du là một thiên tài văn học, một nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn. <p>2. Gia đình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ông sinh ra trong một gia đình đại quý tộc có thế lực bậc nhất lúc bấy giờ. Cha là Nguyễn Nghiễm, đỗ

	<p>tiến sĩ, vừa là nhà nghiên cứu sử học vừa là nhà văn, nhà thơ và làm đến chức tể tướng trong triều. Anh trai cùng cha khác mẹ là Nguyễn Khản là người tài hoa, rất giỏi thơ phú, từng làm quan to dưới Triều Lê – Trịnh.</p> <p>- Mẹ là Trần Thị Tần xuất thân bình dân, người xứ Kinh Bắc giỏi nghề ca xướng, là vợ thứ 3 và ít hơn chồng 32 tuổi. Từ thuở nhỏ, Nguyễn Du đã chịu nhiều ảnh hưởng của người mẹ.</p> <p>3. Thời đại: Nguyễn Du sống vào cuối Triều Lê đầu triều Nguyễn. Đây là thời kỳ chế độ phong kiến khủng hoảng trầm trọng, giai cấp thống trị thối nát, đời sống xã hội đen tối. Nông dân nổi dậy nhiều nơi, đỉnh cao là khởi nghĩa Tây Sơn đánh đổ các tập đoàn phong kiến Lê, Trịnh, Nguyễn, quét sạch hai mươi vạn quân Thanh xâm lược.</p> <p>4. Sự nghiệp văn học: Nguyễn Du để lại một di sản văn hóa lớn cho dân tộc gồm những tác phẩm bằng chữ Hán và chữ Nôm: - Tác phẩm chữ Hán: <i>Thanh Hiên thi tập</i>, <i>Bắc hành tạp lục</i>, <i>Nam trung tạp ngâm</i>. - Tác phẩm chữ Nôm: <i>Truyện Kiều</i>, <i>văn chiêu hồn</i>, <i>Văn tế sống hai cô gái Trương Lưu</i>.</p>
<p>GV sử dụng phương pháp vấn đáp cùng HS nhắc lại kiến thức Khái quát về <i>Truyện Kiều</i>. ? Nhớ lại kiến thức đã học, em hãy nhắc lại nguồn gốc của <i>Truyện Kiều</i>?</p> <p>? Nêu giá trị nội dung của <i>Truyện Kiều</i>?</p>	<p>II. Khái quát về <i>Truyện Kiều</i></p> <p>1. Nguồn gốc <i>Truyện Kiều</i> <i>Truyện Kiều</i> có nguồn gốc cốt truyện từ một tác phẩm văn học của Trung Quốc Kim Vân Kiều Truyện của Thanh Tâm Tài Nhân. Nguyễn Du đã mượn cốt truyện và nhân vật. Tuy nhiên, phân sáng tạo của Nguyễn Du là rất lớn. Chính điều này đã làm nên giá trị của kiệt tác <i>Truyện Kiều</i>.</p> <p>2. Giá trị nội dung - <i>Giá trị hiện thực</i>: <i>Truyện Kiều</i> là bức tranh hiện thực về xã hội phong kiến bất công, tàn bạo, phơi bày bộ mặt thối nát của tầng lớp thống trị và nỗi khổ đau của con người, đặc biệt là người phụ nữ. - <i>Giá trị nhân đạo</i>: Nguyễn Du bộc lộ niềm cảm thương sâu sắc trước những đau khổ của con người, tố cáo xã hội và những thế lực đen tối đã chà đạp quyền sống của con người lương thiện. Ông trân trọng đề cao vẻ đẹp hình thức, nhân phẩm, tài năng</p>

<p>? Em hãy đánh giá những thành công về nghệ thuật của <i>Truyện Kiều</i>?</p>	<p>và những khát vọng chân chính của con người về quyền sống, quyền hạnh phúc, tự do, công lí...</p> <p>3. Giá trị nghệ thuật</p> <p>Tác phẩm là sự kết tinh thành tựu nghệ thuật văn học dân tộc trên các phương diện ngôn ngữ, thể loại, bút pháp nghệ thuật...</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Về ngôn ngữ</i>: Tiếng Việt trong <i>Truyện Kiều</i> đã đạt tới đỉnh cao của ngôn ngữ nghệ thuật, có chức năng biểu đạt, biểu cảm và có giá trị thẩm mĩ. Ngôn ngữ kể chuyện có cả ba hình thức: trực tiếp (lời của nhân vật); gián tiếp (lời của tác giả); nửa trực tiếp (lời của tác giả nhưng mang suy nghĩ, giọng điệu của nhân vật). - <i>Về thể loại</i>: nghệ thuật tự sự bằng thơ có sự phát triển vượt bậc, thể lục bát, được sử dụng nhuần nhuyễn đạt tới độ mẫu mực của thể lục bát cổ điển. - Nghệ thuật tả người: Bút pháp ước lệ, chú ý miêu tả ngoại hình, hành động, tâm lí nhân vật làm hiện lên con người hành động và con người cảm nghĩ. - Nghệ thuật tả cảnh thiên nhiên; miêu tả bức tranh chân thực và tả cảnh ngụ tình. <i>Truyện Kiều</i> đã trở thành một kiệt tác của văn học Việt Nam góp phần đưa tên tuổi của Nguyễn Du được vinh danh là một danh nhân văn hóa thế giới.
<p>GV tổ chức hoạt động nhóm, cho các nhóm chuẩn bị trong thời gian 5 phút, các nhóm lên thuyết trình các vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vị trí đoạn trích. - Bố cục. - Nghệ thuật và nội dung của văn bản. <p>Nhóm 1: Văn bản “<i>Chị em Thúy Kiều</i>”</p> <p>Nhóm 2: Văn bản “<i>Cảnh ngày xuân</i>”</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện các nhóm trình bày. - HS các nhóm nhận xét về phần trả lời của nhóm bạn, bổ sung. - GV nhận xét, chốt kiến thức. 	<p>III. Văn bản “Chị em Thúy Kiều”</p> <p>1. Vị trí đoạn trích</p> <p>Nằm ở phần mở đầu của phần thứ nhất: Gặp gỡ và đính ước. Khi giới thiệu gia đình Thúy Kiều, tác giả tập trung miêu tả tài sắc hai chị em Thúy Vân, Thúy Kiều. Gồm 24 câu từ câu 15 đến câu 38.</p> <p>2. Bố cục: Bốn phần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần 1: Bốn câu đầu: Giới thiệu khái quát về hai chị em Thúy Kiều - Phần 2: 4 câu tiếp theo: Gợi tả vẻ đẹp của Thúy Vân - Phần 3: 12 câu tiếp theo: Gợi tả vẻ đẹp nhan sắc và tài năng của Thúy Kiều - Phần 4: 4 câu cuối: Nhận xét chung và phẩm hạnh của hai chị em <p>3. Nghệ thuật, nội dung</p> <p>* Nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bút pháp ước lệ tượng trưng tạo được sức gợi. - Nghệ thuật xây dựng nhân vật tinh tế: xây dựng

	<p>được những bức chân dung đa dạng linh hoạt, thu hút.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghệ thuật sử dụng ngôn từ độc đáo, đặc biệt là lựa chọn những từ ngữ có giá trị gợi tả cao. <p>* Nội dung</p> <p>Đoạn trích ca ngợi vẻ đẹp, tài năng của hai chị em Thúy Kiều và dự cảm về kiếp người tài hoa, bạc mệnh qua cảm hứng nhân văn của Nguyễn Du.</p> <p>IV. Văn bản “Cảnh ngày xuân”</p> <p>1. Vị trí đoạn trích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nằm ở phần đầu Truyện Kiều, phần <i>Gặp gỡ và đính ước</i>. Sau đoạn tả tài sắc chị em Thúy Kiều. - “Cảnh ngày xuân” gồm 18 câu thơ trích từ câu 39 đến 56 của Truyện Kiều, là đoạn thơ tả cảnh ngày mùa xuân trong tiết Thanh minh và cảnh du xuân của chị em Kiều, nằm sau đoạn tả tài sắc hai chị em Kiều, trước đoạn Kiều gặp nấm mộ Đạm Tiên và gặp Kim Trọng. Đoạn trích là bức tranh thiên nhiên, lễ hội mùa xuân tươi đẹp, trong sáng, náo nhiệt. <p>2. Bố cục: 3 phần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần 1: Bốn câu đầu: Cảnh thiên nhiên ngày xuân - Phần 2: 8 câu thơ tiếp: Cảnh lễ hội trong tiết thanh minh. - Phần 3: Sáu câu cuối: Cảnh chị em Thúy Kiều du xuân trở về. <p>3. Nghệ thuật, nội dung</p> <p>* Nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tài sử dụng ngôn ngữ bậc thầy: hệ thống từ láy giàu giá trị biểu cảm - Bút pháp tả cảnh ngụ tình đạt đến mức độ điêu luyện - Biên pháp nghệ thuật so sánh, ẩn dụ... đạt đến độ nhuần nhuyễn <p>* Nội dung: Đoạn trích miêu tả bức tranh thiên nhiên, lễ hội mùa xuân tươi đẹp, trong sáng của tiết Thanh Minh và cảnh du xuân của chị em Thúy Kiều.</p>
--	--

Tiết 2:

B. Luyện tập:

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
- GV cho HS làm bài tập 1 vào phiếu học tập theo nhóm, các nhóm thực hiện,	<i>I. Luyện đề văn bản “Chị em Thúy Kiều”</i>

<p>trao đổi kết quả, nhận xét chéo bài.</p> <p>- HS thực hiện</p> <p>Bài tập đọc hiểu số 1:</p> <p>Cho câu thơ:</p> <p><i>"Vân xem trang trọng khác vời"</i></p> <p>Câu 1: Hãy chép tiếp 3 câu thơ tiếp theo.</p> <p>Câu 2: Phân tích biện pháp nghệ thuật sử dụng trong câu thơ: <i>"Hoa cười ngọc thốt đoan trang"</i>.</p> <p>Câu 3: Viết đoạn văn theo phương thức quy nạp (10 câu) nêu cảm nhận về vẻ đẹp của Thúy Vân trong đoạn trích vừa chép thơ. Trong bài viết có sử dụng lời dẫn trực tiếp và phép nối.</p> <p>- HS các nhóm nhận xét chéo bài của nhóm bạn</p> <p>- GV chốt lại kiến thức.</p>	<p>Bài tập đọc hiểu số 1:</p> <p>Gợi ý:</p> <p>Câu 1: HS hoàn thiện đoạn thơ:</p> <p><i>Vân xem trang trọng khác vời, Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang. Hoa cười ngọc thốt đoan trang, Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da.</i></p> <p>Câu 2: Biện pháp ước lệ tượng trưng trong câu thơ <i>"Hoa cười ngọc thốt đoan trang"</i>. Vẻ đẹp của Vân được so sánh với những điều đẹp đẽ nhất của tự nhiên: hoa, ngọc. ->Thúy Vân hiện lên với vẻ đẹp nền nã, hiền dịu, quý phái.</p> <p>Câu 3:</p> <p>* Đoạn văn tham khảo:</p> <p>(1) Câu thơ mở đầu đoạn khái quát vẻ đẹp của nhân vật, hai chữ “sang trọng” gợi vẻ cao sang, quý phái.</p> <p>(2) Nghệ thuật ước lệ tượng trưng, vẻ đẹp của Vân được so sánh với những thứ cao đẹp nhất trên đời trăng, hoa, mây, tuyết, ngọc.</p> <p>(3) Thúy Vân được miêu tả toàn vẹn từ khuôn mặt tới làn da, mái tóc, nụ cười, giọng nói.</p> <p>(4) Tác giả sử dụng những từ ngữ trau chuốt, chọn lọc: khuôn mặt phúc hậu, đầy đặn, tươi sáng như trăng tròn.</p> <p>(5) Chân dung Thúy Vân là chân dung mang tính cách số phận.</p> <p>(6) Vân đẹp hơn những vẻ đẹp trong tự nhiên.</p> <p>(7) Vẻ đẹp của nàng khiến tự nhiên “thua”, “nhường” dự báo cuộc đời êm đềm, không sóng gió.</p> <p>(9) <i>Có thể nói, với bút pháp ước lệ tượng trưng, Nguyễn Du đã làm hiện lên hình ảnh nàng Thúy Vân có vẻ đẹp hài hòa với thiên nhiên, dự báo trước được cuộc đời êm đềm, suôn sẻ của nàng.</i></p>
GV tiếp tục cho HS làm bài tập 2 vào	Bài tập đọc hiểu số 2:

phiếu học tập theo nhóm, các nhóm thực hiện, trao đổi kết quả, nhận xét chéo bài.

- HS thực hiện

Bài tập đọc hiểu số 2:

Trong Truyện Kiều, Nguyễn Du có viết:
“*Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da*”

“*Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh*”

(Trích *Truyện Kiều*- Nguyễn Du)

Câu 1: Câu thơ trên được trích từ đoạn trích nào của Truyện Kiều, nêu vị trí của đoạn trích đó ?

Câu 2: Hai câu thơ trên, mỗi câu nói về nhân vật nào?

Câu 3: Hai cách miêu tả sắc đẹp của hai nhân vật ấy có gì giống và khác nhau? Sự khác nhau ấy có liên quan gì đến tính cách và số phận của mỗi nhân vật?

Câu 4: Từ câu chủ đề sau: “*Khác với Thúy Vân, Thúy Kiều có vẻ đẹp sắc sảo, mặn mà cả tài lẫn sắc*”. Hãy viết tiếp khoảng 10 câu văn để hoàn thành một đoạn văn theo cách Tổng-Phân-hợp.

- HS các nhóm nhận xét chéo bài của nhóm bạn

- GV chốt lại kiến thức.

Câu 1:

Hai câu thơ trên được trích từ văn bản “***Chi em Thúy Kiều***”.

Đoạn trích nằm ở phần mở đầu của Truyện Kiều “***Gặp gỡ và đính ước***”.

Câu 2: Hai câu thơ trên, câu đầu nói về Thúy Vân, câu sau nói về Thúy Kiều.

Câu 3:

- *Giống nhau:* Tả nhan sắc hai nàng như vậy là Nguyễn Du đã sử dụng bút pháp ước lệ tượng trưng, một bút pháp quen thuộc của thơ ca cổ điển – dùng để tả nhân vật chính diện – lấy cái đẹp của tự nhiên để so sánh hoặc ngầm ví với cái đẹp của nhân vật. Từ đó tôn vinh cái đẹp của nhân vật. Ta dễ dàng hình dung nhan sắc của mỗi người. Thúy Vân tóc mượt mà, óng ả hơn mây, da trắng hơn tuyết. Còn Thúy Kiều, vẻ tươi thắm của nàng đến hoa cũng phải ghen, đến liễu phải hờn.

- *Khác nhau:*

Tả Thúy Vân	Tả Thúy Kiều
Tác giả miêu tả Thúy Vân cụ thể từ khuôn mặt, nét mày, màu da, nước tóc, miệng cười, tiếng nói để khắc họa một Thúy Vân đẹp, đoan trang, phúc hậu.	Nêu ấn tượng tổng quát (sắc sảo, mặn mà), đặc tả đôi mắt. Miêu tả tác động vẻ đẹp của Thúy Kiều. Vẻ đẹp sắc sảo, thông minh của Thúy Kiều làm cho hoa, liễu phải hờn ghen, làm cho nước, thành phải nghiêng đổ. Tác giả miêu tả nét đẹp của Kiều là để gợi tả vẻ đẹp tâm hồn Thúy Kiều.

- Tiếp theo GV cho 3 HS lên bảng thực hiện viết đoạn văn (Câu 4)

Hs nhận xét.

- GV nhận xét, sửa chữa lỗi cho HS.

- Thông điệp nghệ thuật: Qua cái đẹp ấy, tác giả còn dự báo cho số phận của mỗi người. Thuý Vân đẹp đoan trang, phúc hậu, sẽ có một số phận may mắn, hạnh phúc. Còn Thuý Kiều đẹp sắc sảo, mặn mà sẽ có số phận đầy giông tố, bất hạnh.

Câu 4:

** Đoạn văn tham khảo:*

(1) Khác với Thuý Vân, Thuý Kiều có vẻ đẹp sắc sảo, mặn mà cả tài lẫn sắc.

(2) Vẻ đẹp ấy được gợi tả qua đôi mắt Kiều, bởi đôi mắt là sự thể hiện phần tinh anh của tâm hồn và trí tuệ.

(3) Hình ảnh ước lệ “làn thu thủy” – làn nước mùa thu gợn sóng gợi lên thật sống động vẻ đẹp của đôi mắt trong sáng, long lanh, linh hoạt.

(4) Còn hình ảnh ước lệ “nét xuân sơn” – nét núi mùa xuân lại gợi lên đôi lông mày thanh tú trên gương mặt trẻ trung.

(5) Vẻ đẹp quá hoàn mỹ và sắc sảo của Kiều có sức quyến rũ lạ lùng khiến thiên nhiên không thể dễ dàng chịu thua, chịu nhường mà phải nảy sinh lòng đố kỵ, ghen ghét ở báo hiệu lành ít, dữ nhiều- “Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh”.

(6) Không chỉ mang một vẻ đẹp “nghiêng nước, nghiêng thành”, Kiều còn là một cô gái thông minh và rất mực tài hoa: “Thông minh vốn sẵn tính trời Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm Cung thương lầu bậc ngũ âm Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương”

(7) Tài của Kiều đạt tới mức lí tưởng theo quan niệm thẩm mỹ phong kiến, gồm đủ cả cầm (đàn), kỳ (cờ), thi (thơ), họa (vẽ).

(8) Đặc biệt nhất vẫn là tài đàn của nàng, đã là sở trường, năng khiếu (nghề riêng), vượt lên trên mọi người (ăn đứt).

(9) Đặc tả cái tài của Kiều cũng là để ngợi ca cái tâm đặc biệt của nàng: Cung đàn “bạc mệnh” mà Kiều tự sáng tác nghe thật da diết buồn thương, ghi lại tiếng lòng của một trái

	<p>tim đa sâu, đa cảm. (10) Vẻ đẹp của Kiều là sự kết hợp của cả sắc – tài – tình. Tác giả dùng thành ngữ “ngiêng nước, nghiêng thành” để cực tả giai nhân, đồng thời là lời ngợi ca nhân vật. (11) Chân dung của Thuý Kiều cũng là chân dung mang tính cách số phận. Vẻ đẹp của Kiều làm cho tạo hoá phải ghen ghét, phải đố kị “hoa ghen, liễu hờn” nên số phận nàng sẽ éo le, đau khổ. (12) <i>Như vậy, chỉ bằng mấy câu thơ trong đoạn trích, Nguyễn Du đã không chỉ miêu tả được nhân vật mà còn dự báo được trước số phận của nhân vật; không những truyền cho người đọc tình cảm yêu mến nhân vật mà còn truyền cả nỗi lo âu phấp phồng về tương lai số phận nhân vật.</i></p>
--	--

<p>- GV cùng HS đàm thoại để hoàn thiện yêu cầu đề bài. Bài tập 3: Đề văn NLVH Cảm hứng nhân văn của Nguyễn Du trong đoạn thơ sau: <i>"Vân xem trang trọng khác vời, Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang. Hoa cười ngọc thốt đoan trang, Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da. Kiều càng sắc sảo mặn mà, So bề tài sắc lại là phần hơn: Làn thu thủy nét xuân sơn, Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh. Một hai nghiêng nước, nghiêng thành, Sắc đành đòi một tài đành họa hai. Thông minh vốn sẵn tính trời, Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm. Cung thương lầu bậc ngũ âm, Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương. Khúc nhà tay lựa nên chương, Một thiên Bạc mệnh lại càng não nhân."</i> (Trích "Chị em Thuý Kiều" - Ngữ</p>	<p>Bài tập 3: Đề văn NLVH: GV chốt kiến thức và hướng dẫn HS làm bài.</p> <p>* Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dẫn dắt vấn đề: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, văn bản, đoạn thơ. - Nêu vấn đề: Đoạn thơ gọi tả vẻ đẹp của Thuý Vân và Thuý Kiều. Thể hiện rõ nét cảm hứng nhân văn của nhà thơ.
--	--

<p>văn 9 Tập 1, Nhà XBGD Việt Nam, trang 81)</p> <p>Hs đọc yêu cầu đề ? Phần mở bài cần đạt những yêu cầu gì? - HS trả lời. - GV chốt.</p> <p>? Phần thân bài cần đảm bảo những luận điểm nào? - GV gọi 1 - 3 HS trả lời các luận điểm. - GV chốt các luận điểm của đề.</p>	<p>* Thân bài</p> <p>1. Giải thích : Cảm hứng nhân văn: cảm hứng trân trọng, ngợi ca vẻ đẹp, tài năng của con người, yêu thương, lo lắng cho số phận con người.</p> <p>2. Biểu hiện, cảm hứng nhân văn của Nguyễn Du</p> <p><u>2.1. Trân trọng, ngợi ca vẻ đẹp nhan sắc của con người.</u></p> <p>* Vẻ đẹp của Thúy Vân (4 câu đầu): + "<i>Trang trọng khác vời</i>": Lời giới thiệu và nhận xét về đẹp cao sang, quý phái, khác thường, ít người sánh được + "<i>Khuôn trăng, nét ngài, hoa cười, ngọc thốt, mây thua tóc, tuyết nhường da</i> ": Miêu tả chi tiết, cụ thể: <i>khuôn mặt, đôi mày, mái tóc, làn da, nụ cười, giọng nói</i> - Hình ảnh: ước lệ tượng trưng, nghệ thuật ẩn dụ, kết hợp đối, liệt kê => Gọi ra vẻ đẹp đầy sức sống nhưng phúc hậu, đoan trang, đầy đặn trong sự hòa hợp với thiên nhiên</p> <p>* Vẻ đẹp của Thúy Kiều: Có vẻ đẹp sắc sảo tinh anh của trí tuệ, mặn mà, đậm thắm của tâm hồn + <i>Làn thu thủy, nét xuân sơn</i>: đôi mắt trong sáng, long lanh như nước mùa thu, đôi mày thanh tú trẻ trung như nét núi mùa xuân. Vẻ đẹp mang chiều sâu tâm hồn, tình cảm và trí tuệ của con người (Đôi mắt thể hiện nét tinh anh của trí tuệ và tâm hồn). + <i>Hoa ghen- liễu hờn</i>: vẻ đẹp tươi thắm, thiên nhiên kém tươi xanh trước vẻ đẹp của nàng + <i>Nghiêng nước nghiêng thành</i>: vẻ đẹp say đắm lòng người + <i>Sắc đành đòi một</i>: đỉnh cao của sắc đẹp, không ai bằng => Bút pháp nghệ thuật cổ điển với hình ảnh ước lệ tượng trưng qua các hình ảnh ẩn dụ, kết hợp điển cố, tiểu đối, từ gọi tả. Nguyễn Du miêu tả khái quát mà không đi vào miêu tả chi tiết, nhà thơ chọn cách đặc tả. ...</p>
---	---

- Gọi ra vẻ đẹp của Kiều: Kiều diễm, lồng lẩy, sắc sảo mặn mà, hấp dẫn cuốn hút trẻ trung đầy sức sống, rung động lòng người vượt trội thiên nhiên. Kiều đẹp toàn vẹn, cả về hình thể lẫn tâm hồn, không có cái đẹp nào sánh kịp.

2.2. Trân trọng, ngợi ca tài năng của con người.

- Thúy Kiều tư chất thông minh thiên bẩm

+ "*Thông minh vốn sẵn tính trời./ Pha nghề: thi họa, ca ngâm*": Tài năng thiên bẩm, đa tài "đàn, ca, thơ, vẽ. .."

+ "*làu bậc ngũ âm, nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương*": thông hiểu âm luật, lại có tài đàn nổi bật nhất

+ "*thiên Bạc mệnh - nào nhân*". Đó là bản nhạc hay là tiếng lòng của trái tim đa sầu, đa cảm nghe náo nê lòng người.

=> Vẻ đẹp của Kiều là sự kết hợp của cả sắc

- tài - tình. Đúng là một giai nhân tuyệt thế, tài hoa trí tuệ mà đa sầu đa cảm.

2.3. Yêu thương, quan tâm, dự cảm, lo lắng cho tương lai, số phận con người.

- Thúy Vân có vẻ đẹp trang trọng, phúc hậu, quý phái khiến "*mây thua*", "*tuyết nhường*" dự báo trước một cuộc đời yên ổn, vinh hoa phú quý.

- Thúy Kiều có vẻ đẹp "*sắc sảo mặn mà*" khiến thiên nhiên phải ghen ghét, đố kị dự báo về một cuộc đời gặp nhiều trắc trở của nàng. Tài hoa nhan sắc vào bậc nhất, thiên nhiên phải hờn ghen ắt sẽ đố kị, trả thù, lại thêm tài năng "*vốn sẵn tính trời, lầu bậc đủ mùi*" và tâm hồn đa sầu đa cảm như chính nàng dự báo "*thiên bạc mệnh*". Từ giọng điệu, hình tượng thơ đều phảng phất một tình thương, sự lo lắng, quan tâm cho số phận nàng Kiều và gọi nên dự cảm về một kiếp đời bạc mệnh, trắc trở, truân chuyên, éo le...

3. Đánh giá:

- Nguyễn Du thành công với nghệ thuật tả người đạt bậc thầy:

+ Tả người với bút pháp nghệ thuật cổ điển,

<p>? Nhiệm vụ của phần kết bài cần thực hiện được là gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời. - GV chốt. 	<p>lí tưởng hoá nhân vật chính diện thông qua các hình ảnh ước lệ tượng trưng, kết hợp điển cố (thành ngữ) với từ ngữ gợi tả cùng các phép ẩn dụ, so sánh, tiểu đối, liệt kê.... Nghiêng về nghệ thuật gợi, tác động tới người đọc thông qua sự liên tưởng tượng tượng chứ không miêu tả đường nét, hình dáng cụ thể.</p> <p>- Qua đó thể hiện niềm yêu thương, trân trọng, ngợi ca vẻ đẹp của con người đồng thời cũng dự cảm về kiếp người "<i>tài hoa bạc mệnh</i>". Nhưng cảm hứng ngợi ca vẫn bao trùm tạo nên một nét tươi sáng cho cảm hứng nhân văn của Nguyễn Du, làm vơi đi nỗi ám ảnh về triết lí "<i>Tài hoa bạc mệnh</i>".</p> <p>* Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định lại giá trị và cảm hứng nhân đạo của đoạn thơ nói riêng, đoạn trích và Truyện Kiều nói chung - Suy nghĩ, liên hệ
--	---

Tiết 3:

B. Luyện tập (Tiếp):

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm trong bàn (cặp đôi) - HS thực hiện <p>Bài tập đọc hiểu số 1:</p> <p>Cho câu thơ sau:</p> <p style="text-align: center;"><i>"Ngày xuân con én đưa thoi"</i> (Trích "<i>Truyện Kiều</i>")</p> <p>Câu 1: Chép chính xác ba câu thơ tiếp theo. Những câu thơ em vừa chép thuộc đoạn trích nào của Truyện Kiều? Nêu tên tác giả?</p> <p>Câu 2: Theo em, hình ảnh "con én đưa thoi" trong đoạn thơ được hiểu như thế</p>	<p>II. Luyện đề văn bản "<i>Cảnh ngày xuân</i>"</p> <p>Bài tập đọc hiểu số 1:</p> <p>Câu 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chép chính xác 3 câu thơ tiếp theo hoàn thiện đoạn thơ: <p style="text-align: center;"><i>Ngày xuân con én đưa thoi,</i> <i>Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.</i> <i>Cỏ non xanh tận chân trời,</i> <i>Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được đoạn trích "<i>Cảnh ngày xuân</i>" - Nêu tên tác giả Nguyễn Du <p>Câu 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh "<i>con én đưa thoi</i>" có thể hiểu

<p>nào?</p> <p>Câu 3: Trong chương trình Ngữ văn lớp 9 cũng có một bài thơ sử dụng hình ảnh “thoi”. Em hãy chép lại câu thơ đó và ghi rõ tên tác phẩm, tác giả? Nghĩa chung hình ảnh “thoi” trong hai câu thơ này là gì?</p> <p>Câu 4: Hãy viết một đoạn văn khoảng 10 câu theo cách lập luận qui nạp, trình bày cảm nhận của em về cảnh ngày xuân trong đoạn thơ đã dẫn ở trên. Trong đoạn có sử dụng câu dùng lời dẫn trực tiếp và một câu ghép. (Gạch chân và chú thích rõ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện theo bàn trả lời. - Các bạn khác nhận xét, bổ sung. - GV chốt lại kiến thức chuẩn. 	<p>theo hai cách:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cánh én chao liệng đầy trời + Thời gian trôi rất nhanh tựa như những cánh én vút bay trên bầu trời → Mùa xuân chín mười ngày thì sáu mươi ngày đã trôi qua <p>Câu 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chép đúng câu thơ: “Cá thu biển Đông như đoàn thoi/ Đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng” - Bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” – tác giả Huy Cận - Nghĩa chung của hình ảnh “thoi” trong hai câu thơ là rất nhiều, tập nập và nhanh <p>Câu 4:</p> <p>Học sinh có nhiều cách diễn đạt để hoàn thành đoạn văn nhưng cần biết triển khai lí lẽ và dẫn chứng hợp lí:</p> <p>* <u>Về nội dung:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được cảm nhận về cảnh thiên nhiên trong đoạn thơ dựa vào các tín hiệu nghệ thuật trong đoạn thơ: + Bức họa tuyệt đẹp về mùa xuân với màu sắc, đường nét hài hòa + Cảnh khoáng đạt, trong trẻo + Cảnh sinh động, có hồn. - Nghệ thuật miêu tả thiên nhiên chân thực, sinh động với những nét chấm phá tài tình. → Tâm hồn yêu đời, yêu cuộc sống <p>* <u>Về hình thức:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt yêu cầu về số câu và kiểu đoạn văn qui nạp. - Có sử dụng một câu ghép và câu có lời dẫn trực tiếp (Nếu không chú thích rõ ràng thì không cho điểm)
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm 2 bàn (4 bạn thành 1 nhóm) - HS thực hiện <p>Bài tập đọc hiểu số 2</p> <p>Cho đoạn thơ sau:</p> <p style="padding-left: 40px;"><i>Tà tà bóng ngả về tây, Chị em thơ thẩn dan tay ra về.</i></p>	<p>Bài tập đọc hiểu số 2</p> <p>Câu 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn trích Cảnh ngày xuân - Tác giả: Nguyễn Du - Nội dung đoạn thơ: Cảnh buổi chiều mùa xuân khi tan hội và tâm trạng của con người (hoặc cảnh chị em Thúy Kiều du

*Bước dần theo ngọn tiểu khê,
Lần xem phong cảnh cỏ bề thanh thanh.
Nao nao dòng nước uốn quanh,
Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.
(Ngữ văn 9, Tập 1)*

Câu 1:

Những câu thơ trên trích trong đoạn trích nào? Của ai? Hãy nêu ngắn gọn nội dung của những câu thơ đó?

Câu 2:

Nao nao là một từ láy diễn tả tâm trạng con người, vậy mà Nguyễn Du lại viết *Nao nao dòng nước uốn quanh*. Cách dùng từ như vậy mang lại ý nghĩa như thế nào cho câu thơ?

Câu 3:

Trong Truyện Kiều, cách dùng từ tả tâm trạng người để tả cảnh vật không chỉ xuất hiện một lần. Hãy chép lại hai câu thơ liền nhau trong đoạn trích “*Kiều ở lầu Ngưng Bích*” có cách dùng từ như vậy.

Câu 4:

Viết đoạn văn theo cách lập luận tổng-phân- hợp khoảng 12 câu diễn tả cảm nhận của em về đoạn thơ trên. Trong đoạn văn có sử dụng phép nối.

- Đại diện nhóm trả lời.
- Các bạn khác nhận xét, bổ sung.
- GV chốt lại kiến thức chuẩn.

xuân trở về).

Câu 2:

Từ “*nao nao*” là từ láy diễn tả tâm trạng con người nhưng Nguyễn Du đã sử dụng cho việc diễn tả cảnh vật. Nó đâu chỉ gọi về hình ảnh dòng nước chảy liu diu, thoáng chút gợn trên bề mặt, mà còn diễn tả một nỗi buồn dịu nhẹ đang tỏa lan. Điều này cho thấy cảnh đã được nhân hóa một cách tự nhiên và nhuốm màu tâm trạng của con người. Cảm giác một ngày vui đang còn mà đã linh cảm một điều gì đó không bình thường sắp xuất hiện, những dự báo về cảnh và người sẽ gặp, cuộc gặp gỡ định mệnh với năm mờ nằng Đạm Tiên bất hạnh và chàng thư sinh *phong tư tài mạo* tốt vời *Kim Trọng*

Câu 3:

VD:

*Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác biết là về đâu.*

Câu 4:

Đoạn văn cần làm rõ cảnh chị em Kiều du xuân trở về

- Cảnh chuyển động nhẹ nhàng, thanh dịu của mùa xuân.
- Không khí rộn ràng không còn nữa mà đang nhạt dần lặng dần.
- Cảnh được cảm nhận qua tâm trạng: xao xuyến, băng khuâng, man mác một nỗi buồn vô cớ.

Đoạn văn mẫu:

Đoạn trích Cảnh ngày xuân được kết thúc bằng 6 câu thơ:

Tà tà bóng ngả về tây,

Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.
Cảnh vật hiện lên vẫn mang cái thanh, cái dịu của mùa xuân: nắng nhạt, khe nước nhỏ, một nhịp cầu nhỏ bắc ngang. Mọi chuyển động đều nhẹ nhàng: mặt trời từ từ ngả bóng về tây, bước chân người thơ thẩn, dòng nước uốn quanh nao nao. Tuy nhiên,

	<p>không khí rộn ràng, nhộn nhịp của lễ hội ko còn nữa, tất cả đang nhạt dần, lặng dần. So với 4 câu thơ đầu trong đoạn trích, những câu thơ này, thời gian và không gian đã thay đổi: sáng và chiều tà, lúc vào hội và lúc tan hội, nhưng điều quan trọng hơn là cảnh đã nhuộm màu tâm trạng. Thời gian được nhắc tới trong đoạn thơ là buổi hoàng hôn - thời gian muôn thuở gọi buồn. Chữ <i>thơ thần</i> diễn tả tâm trạng bất thần, tiếc nuối, kết hợp với hàng loạt các từ láy giảm nghĩa <i>thanh thanh, nao nao, nho nhỏ</i> không chỉ diễn tả sắc thái của cảnh vật mà còn bộc lộ tâm trạng của con người. Từ <i>nao nao</i> gợi dòng nước lững lờ, quanh co và gợi cả cảm giác bang khuâng, xao xuyến về một ngày xuân đang còn và sự linh cảm về điều sắp xảy ra. Đó là cuộc gặp gỡ với nắm mồ Đạm Tiên - một ca nhi tài sắc mà yếu mệnh: <i>Sống làm vợ khắp người ta / Lại thay thác xuống làm ma không chồng</i>; gặp chàng thư sinh Kim Trọng phong tư tài mạo tốt vời. Tả cảnh ngụ tình như thế đã khéo, chuyển ý như thế đã tự nhiên. <u>Như vậy</u>, với từ ngữ chọn lọc, tinh tế, bút pháp tả cảnh ngụ tình độc đáo, 6 câu thơ đã gợi tả cảnh chị em Thúy Kiều du xuân trở về trong buổi hoàng hôn vừa đẹp vừa buồn.</p> <p><i>* Phép liên kết câu: phép nối: hai từ gạch chân</i></p>
<p>GV tổ chức vấn đáp để hoàn thiện đề bài.</p> <p>Bài tập 3: Đề văn NLVH:</p> <p>Cảm nhận của em về vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên trong đoạn thơ sau:</p> <p style="text-align: center;"><i>Ngày xuân con én đưa thoi, Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi. Cỏ non xanh tận chân trời, Cành lê trắng điểm một vài bông hoa. (...) Tà tà bóng ngả về tây, Chị em thơ thẩn dan tay ra về.</i></p>	<p>Bài tập 3: Đề văn NLVH:</p>

*Bước dần theo ngọn tiểu khê,
Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh.
Nao nao dòng nước uốn quanh,
Nhịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc
ngang.*

(“**Cảnh ngày xuân**”, trích “[Truyện Kiều](#)”, Nguyễn Du, Ngữ văn 9, Tập một, NXB GDVN, 2015, trang 84-85)

Hs đọc yêu cầu đề

? Phần mở bài cần đạt những yêu cầu gì?

- HS trả lời.
- GV chốt.

? Phần thân bài cần đảm bảo những luận điểm nào?

- GV gọi 1 - 3 HS trả lời các luận điểm.
- GV chốt các luận điểm của đề.

*** Mở bài:**

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn thơ.
- Nội dung đoạn thơ: Vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên mùa xuân trong cuộc du xuân của chị em Thúy Kiều

*** Thân bài:**

1. Giới thiệu vị trí đoạn trích.

2. Bức tranh thiên nhiên của mùa xuân vào lúc sáng sớm.

- Hai câu đầu: chim én đưa thoi, thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi
- + Câu thơ “Ngày xuân con én đưa thoi” là câu thơ gợi tả về không gian. Trên nền trời cao rộng, đàn én lượn qua lượn lại, chao liệng như thoi đưa vào những tháng cuối của mùa xuân.

+ “Thiều quang” là chỉ ánh sáng của mùa xuân, nó không chói chang như mùa hạ hay yếu ớt của mùa đông mà nó là ánh sáng ấm áp, mang đến sức sống cho muôn loài.

=> Mặc dù đã cuối mùa xuân nhưng vẫn thấy những chú chim én đang bay lượn trên bầu trời, mới đây thôi mà đã bước sang thứ ba rồi, cũng như chỉ thời gian trôi qua nhanh quá,...

- Hai câu sau: sử dụng hai gam màu xanh và trắng, màu xanh của thảm cỏ non, trắng tinh khôi của hoa lê,... màu xanh bát ngát trải rộng cả vùng trời làm nền để nổi bật màu trắng tinh khôi, trong trẻo của bông hoa lê.

+ Chữ “tận” mở ra một không gian bao la bát ngát không có điểm dừng.

+ Từ “điểm” tĩnh như không tĩnh, làm cho ta liên tưởng thiên nhiên có tâm hồn, biết làm đẹp giống như một con người.

=> Bằng một vài nét chấm phá, tác giả đã vẽ lên một bức tranh sinh động, hấp dẫn, khiến cho người đọc cảm giác mình đang đứng trước khung cảnh của mùa xuân.

3. Bức tranh thiên nhiên lúc chiều tà khi chị em Thúy Kiều du xuân trở về:

+ “Tà tà bóng ngả” mặt trời đã xuống núi, chỉ còn lại vệt sáng yếu ớt chiếu lên bầu trời.

+ Bước chân thơ thần: người ta chỉ dùng chỉ suy nghĩ của con người, nhưng ở đây lại nói bước chân biết thơ thần giống như không tự chủ được mà cứ bước đi.

+ “Dòng nước uốn quanh” chỉ sự nhẹ nhàng êm đềm của con suối nhỏ,....

+ Các từ láy thanh thanh, nao nao, tà tà, thơ thần gợi tả sắc thái của cảnh vật và cũng chính là tâm trạng của con người. -> Đường như cảnh vật cũng thấu hiểu lòng người, cũng khoác lên mình một màu u buồn.

-> Tất cả mọi thứ không còn ồn ào, náo nhiệt như lúc lễ hội mới bắt đầu thay vào đó là một khung cảnh êm đềm, trôi qua nhẹ nhàng,...

=> Nguyễn Du sử dụng thủ pháp nghệ thuật tả cảnh ngụ tình mượn cảnh vật để nói lên tâm trạng của con người. Một tâm trạng bàng khuâng, thơ thần như đang suy nghĩ về một vấn đề nào đó và dự cảm có điều gì đó sẽ xảy ra trong tương lai sắp tới.

4. Đánh giá khái quát:

- Nghệ thuật: Sử dụng ngôn từ giàu hình ảnh mang tính chọn lọc, bút pháp tả cảnh thiên nhiên đặc sắc tả cảnh điểm xuyết, tả cảnh ngụ tình, các từ láy, các biện pháp tu từ...

- Nội dung: Đây là một bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp có cảnh có tình.

+ Khẳng định được cái tài của Nguyễn Du: Bức tranh ngày xuân vui tươi, rộn ràng, náo nức và có chút buồn phiền được Nguyễn Du khắc họa thành công với sự

<p>? Nhiệm vụ của phần kết bài cần thực hiện được là gì?</p> <p>- HS trả lời.</p> <p>- GV chốt kiến thức chuẩn.</p>	<p>cảm nhận tinh tế cũng như sự tài hoa trong cách dụng công xây dựng ngôn ngữ.</p> <p>* Kết bài:</p> <p>- Nêu cảm nghĩ của bản thân về đoạn thơ.</p>
---	--

III. Củng cố - Dặn dò

- **Nắm vững kiến thức về tác giả Nguyễn Du và tác phẩm Truyện Kiều, hai đoạn trích đã ôn tập trong buổi học.**

- **Thực hiện yêu cầu đề bài sau:**

Cho đoạn thơ sau:

*Kiều càng sắc sảo mặn mà,
So bề tài sắc lại là phần hơn.
Làn thu thủy nét xuân sơn,
Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh.
Một hai nghiêng nước nghiêng thành,
Sắc đành đòi một tài đành họa hai.
Thông minh vốn sẵn tính trời,
Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm.
Cung thương lầu bạc ngũ âm,
Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương.
Khúc nhà tay lựa nên chương,
Một thiên bạc mệnh lại càng não nhân.*

Câu 1: Em hiểu thế nào về hình tượng “thu thủy”, “xuân sơn”. Cách nói “làn thu thủy, nét xuân sơn” là cách nói ẩn dụ hay hoán dụ? Vì sao?

Câu 2: Dụng ý của tác giả trong câu “Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh”? Theo em có nên thay thế từ “hờn” bằng từ “buồn” được không?

Câu 3: Qua cung đàn của Thúy Kiều (ở câu thơ cuối đoạn trích) em hiểu thêm gì về nhân vật này?

Câu 4: Qua đoạn trích, tác giả Nguyễn Du bày tỏ tình cảm gì với nàng Kiều?

Câu 5: Chép chính xác một câu thơ trong bài thơ em đã học trong chương trình ngữ văn THCS nói về vẻ đẹp của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

Câu 6: Viết đoạn văn quy nạp khoảng 10 câu để phân tích nghệ thuật miêu tả ngoại hình nhân vật của Nguyễn Du trong đoạn trích. Trong đoạn trích có sử dụng câu ghép và phép thế.

- **Chuẩn bị buổi sau ôn tập:**

+ Đoạn trích: *Kiều ở lầu Ngưng Bích* (Trích *Truyện Kiều* – Nguyễn Du)

+ Đoạn trích *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* (Trích *Truyện Lục Vân Tiên* – Nguyễn Đình Chiểu)

Kí duyệt của Tổ chuyên môn	Ký duyệt của Ban giám hiệu
----------------------------	----------------------------

Ngày soạn:

Buổi 7

Ngày dạy:

TRUYỆN THƠ NÔM
KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH
 (Trích: “Truyện Kiều”- Nguyễn Du)
LỤC VÂN TIÊN CỨU KIỀU NGUYỆT NGÀ
 (Trích: “Truyện Lục Vân Tiên”- Nguyễn Đình Chiểu)

I. Mục tiêu cần đạt:

1. Kiến thức : Củng cố kiến thức về:

*** Đoạn trích: Kiều ở lầu Ngưng Bích:**

- Nỗi bẽ bàng, buồn tủi, cô đơn của Thúy Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích.
- Ngôn ngữ độc thoại và nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc của Nguyễn Du.

*** Đoạn trích: Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga:**

- Những hiểu biết bước đầu về TG Nguyễn Đình Chiểu và TP *Truyện Lục Vân Tiên*.
- Thể loại thơ lục bát của dân tộc qua TP *Truyện Lục Vân Tiên*.
- Những hiểu biết bước đầu về nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong TP *Truyện LVT*.
- Khát vọng cứu người, giúp đời của tác giả và phẩm chất của 2 nhân vật LVT và KNN

2. Kỹ năng:

- Đọc- hiểu 1 đoạn trích truyện thơ.
- Nhận ra và thấy được tác dụng của ngôn ngữ độc thoại và NT tả cảnh ngụ tình trong : “Kiều ở lầu Ngưng Bích”.
- Phân tích tâm trạng nhân vật qua 1 đoạn trích trong tác phẩm “Truyện Kiều”.

- Nhận diện và hiểu được tác dụng của các từ địa phương Nam Bộ được sử dụng trong đoạn trích: “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga” .

- Cảm nhận được vẻ đẹp của nhân vật lí tưởng theo quan niệm đạo đức mà Nguyễn Đình Chiểu khắc hoạ trong đoạn trích .

3. Thái độ, phẩm chất :

- Có thái độ cảm thông với nỗi khổ tâm của nhân vật.

- Cảm phục tài năng và đức độ của tác giả.

4. Năng lực:

- Giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp...

II. Tiến trình lên lớp

Tiết 1,2 : Luyện tập: Kiều ở lầu Ngưng Bích (Nguyễn Du)

Hoạt động của GV-HS	Kiến thức cần đạt		
Hoạt động 1: Hệ thống kiến thức	A. Hệ thống kiến thức đã học		
<ul style="list-style-type: none"> - 3 nhóm mang sơ đồ tư duy đã chuẩn bị treo trên bảng và thuyết trình kiến thức cơ bản về đoạn trích - GV nhận xét và chốt ý 	Kiều ở lầu Ngưng Bích		
	Vị trí đoạn trích	Nghệ thuật chính	Nội dung chính
	Thuộc phần 2: Gia biến và lưu lạc (từ câu 1033 -> 1054).	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn từ ngữ, sử dụng các biện pháp tu từ - Miêu tả nội tâm nhân vật: diễn biến tâm trạng được thể hiện qua ngôn ngữ độc thoại và tả cảnh ngụ tình đặc sắc 	- Đoạn trích thể hiện tâm trạng cô đơn, buồn tủi và tấm lòng thủy chung, hiếu thảo của Thúy Kiều
Hoạt động 2: Luyện tập	B. Luyện tập		
Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân <ul style="list-style-type: none"> - GV phát phiếu học tập - HS thực hiện - HS trình bày kết quả, lớp nhận xét 	1. Bài tập đọc hiểu		
	Bài tập 1. Cho 6 câu thơ đầu		
	1.1		

<p>- GV nhận xét, chốt kiến thức</p> <p>1.1. Nêu nội dung chính của đoạn thơ?</p> <p>1.2. Giải thích từ và cụm từ sau:</p> <p>- Bể bàng</p> <p>- Mây sớm đèn khuya</p> <p>1.3. Không gian nơi lầu NB được miêu tả như thế nào dưới con mắt Thúy Kiều?</p> <p>1.4. Cảnh có thể coi là đẹp không nếu theo quan niệm của Nguyễn Du: “Cảnh buồn người có vui đâu bao giờ” ?</p> <p>2.1. Chép 7 câu thơ tiếp</p> <p>2.2. Nhân vật đang ở trong hoàn cảnh nào? Em hãy nêu nội dung của đoạn thơ trên?</p> <p>2.3. Cụm từ “tấm son” có nghĩa gì? Được dùng với biện pháp tu từ gì?</p> <p>2.4. Giải nghĩa từ “nguyệt”. Đó là từ thuần Việt hay Hán Việt?</p> <p>2.5. Nêu ý nghĩa của</p>	<p>- Miêu tả thiên nhiên trước lầu NB hoang vắng, rợn ngợp</p> <p>- Tâm trạng cô đơn, buồn tủi của TK</p> <p>1.2</p> <p>- Bể bàng: xấu hổ, tủi thẹn;</p> <p>- Mây sớm đèn khuya: thời gian tuần hoàn, khép kín</p> <p>1.3</p> <p>- Không gian rộng lớn, hoang vắng giữa mênh mông trời nước, gợi cảm giác cô đơn, rợn ngợp</p> <p>- Giữa không gian ấy, con người hiện lên nhỏ bé, cô đơn, không 1 ai bầu bạn, không có cả 1 bóng người qua lại</p> <p>- Các hình ảnh: non xa, trăng gần, cát vàng...có thể là thực cũng có thể là ẩn dụ gợi sự mênh mông hoang vắng của không gian vô tận đối lập với thân phận nhỏ nhoi mang bao đau khổ của 1 kiếp người</p> <p>1.4. Cảnh được nhìn qua tâm trạng buồn tủi của Thúy Kiều nên chỉ thấy sự hoang vắng, mênh mông rợn ngợp nên không thể coi là đẹp.</p> <p>Bài tập 2. Cho câu thơ: Tưởng người dưới nguyệt chén đồng</p> <p>2.2</p> <p>- TK bị Tú Bà ép tiếp khách làng chơi nhưng nàng không chịu và rút dao tự vẫn nên hiện tại nàng bị Tú Bà giam lỏng ở lầu Ngưng Bích.</p> <p>- ND: Đoạn trích diễn tả nỗi nhớ thương cha mẹ và người yêu của Thúy Kiều khi nàng bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích.</p> <p>2.3</p> <p>- Tấm son: Tấm lòng thủy chung, son sắt với KT không bao giờ nhạt phai .</p> <p>- Ẩn dụ</p> <p>2.4</p> <p>- Nguyệt: trăng - Từ Hán Việt</p> <p>2.5</p> <p>- Tưởng: nhớ ở mức độ cao, có thể hình dung, tưởng tượng</p> <p>- Đồng nghĩa: nghĩ, nhớ, mơ, mong</p> <p>- Không. Trong hoàn cảnh này, “tưởng” được dùng với nghĩa: tơ tưởng, mơ màng, mong nhớ...Kiều nhìn trăng mà tưởng nhớ tới Kim Trọng , nhớ kỉ niệm về đêm thề nguyện cùng uống rượu dưới trăng và nỗi niềm hiện tại. Như vậy,</p>
---	--

<p>từ : “tưởng”. Tìm 2 từ đồng nghĩa với từ “tưởng”. Có thể thay thế từ tìm được với từ “tưởng” không? Vì sao?</p> <p>2.6 . Cụm từ “chén đồng” được hiểu là gì? Tác giả nói “người dưới nguyệt chén đồng” là chỉ ai? Cách nói đó qua phép tu từ nào? Qua cách nói, em hiểu gì về Thúy Kiều?</p> <p>2.7. Cụm từ “Người tựa cửa hôm mai” được nói đến trong đoạn thơ là ai? Những suy nghĩ của Kiều về người đó được thể hiện như thế nào?</p> <p>2.8 . Ý nghĩa của từ “xót” trong đoạn trích.</p> <p>2.9. Ý nghĩa của từ “nắng, mưa” trong đoạn thơ. Thời gian xa nhà chưa lâu, tại sao Kiều nghĩ “Sân Lai cách mấy nắng mưa?”</p> <p>2.10. Đặc sắc về nghệ thuật của đoạn thơ. Để làm nổi bật tâm trạng nhân vật, nhà thơ sử dụng cách miêu tả</p>	<p>“tưởng” vừa bộc lộ cảm xúc, vừa miêu tả hoạt động của tư duy, vừa nhớ, vừa hoài niệm. Nghĩa của từ “Tưởng” bao hàm nghĩa của tất cả các từ trên cộng lại nên không thay được.</p> <p>2.6</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chén đồng: chén rượu thề nguyện cùng đồng lòng, đồng dạ với nhau. - Chỉ Kim Trọng - Phép hoán dụ (lấy kỉ niệm để chỉ người trong kỉ niệm) - Kiều rất nhớ Kim Trọng, luôn thủy chung với Kim Trọng <p>2.7. Là cha mẹ Thúy Kiều</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiều xót xa, đau đớn khi tưởng tượng cha mẹ ngày đêm ngóng trông mình - Lo lắng, băn khoăn, không biết ai sẽ chăm sóc cha mẹ, day dứt vì ko thể phụng dưỡng cha mẹ <p>2.8. Nỗi xót xa, đau đớn của Kiều khi tưởng tượng cha mẹ ngày đêm ngóng trông mình, khi mình ở xa không thể phụng dưỡng cha mẹ</p> <p>2.9. Nắng mưa: chỉ hiện tượng thời tiết (nghĩa tường minh), chỉ sự xa cách về thời gian (hàm ý)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện sự nhớ nhung, lo lắng, quan tâm của Kiều với cha mẹ. Vì xa cha mẹ cùng những tai họa ... khiến Kiều thấy thời gian xa nhà đã rất lâu. <p>2.10.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng điển tích, thành ngữ: quạt nồng ấp lạnh - Dùng nhiều hình ảnh có giá trị biểu cảm cao - Miêu tả trực tiếp tâm lí nhân vật - Tả cảnh ngụ tình, ngôn ngữ độc thoại <p>2.11. Là người tình thủy chung, người con hiếu thảo và có tâm lòng vị tha</p>
--	---

<p>nào?</p> <p>2.11. Đoạn thơ cho thấy vẻ đẹp gì của Thúy Kiều?</p>	
<p>3.1. Cảnh vật trong đoạn thơ được miêu tả theo những <i>trình tự</i> nào? Tác dụng của trình tự miêu tả đó?</p> <p>3.2. Em hãy nêu tác dụng của hai câu hỏi tu từ được sử dụng trong đoạn thơ trên.</p> <p>3.3. Ghi lại các từ láy có trong đoạn thơ trên và cho biết dụng ý nghệ thuật của chúng.</p> <p>3.4. Hai câu cuối gợi lên tâm trạng gì của Kiều trong hiện tại và cuộc sống của Kiều trong tương lai?</p> <p>3.5. Chứng minh nghệ thuật tả cảnh ngụ tình của đoạn thơ.</p>	<p>Bài tập 3</p> <p>3.1. Tả cảnh: từ xa đến gần, tả âm thanh từ tĩnh đến động</p> <p>- Tác dụng: Diễn tả nỗi buồn của TK từ man mác, mông lung đến sợ hãi</p> <p>+ Thể hiện sự tăng tiến về 1 nỗi buồn ngày càng lan rộng, thấm sâu vào tâm hồn Kiều</p> <p>3.2. Thuyền ai...xa xa? : hình ảnh cánh buồm nhỏ, đơn độc giữa mênh mông sóng nước khiến Kiều liên tưởng đến hoàn cảnh xa nhà, xa quê, phiêu dạt giữa bể đời dài rộng không biết ngày nào mới được đoàn tụ. Thể hiện tâm trạng nhớ nhà, nhớ quê của TK</p> <p>- Hoa trôi...về đâu? : Hình ảnh những cánh hoa mỏng manh trôi nổi trên dòng nước khiến K liên tưởng đến số phận mỏng manh, trôi dạt vô định giữa dòng đời ngang trái</p> <p>3.3</p> <p>- Thấp thoáng: gợi sự nhỏ nhoi, đơn độc giữa biển nước mênh mông</p> <p>- Man mác: Tâm trạng buồn khi thấy bản thân lênh đênh vô định, chìm nổi vì sóng gió cuộc đời.</p> <p>- Xanh xanh: Chỉ màu sắc nhạt nhòa của nội cỏ, gợi lên tương lai mờ mịt của Kiều.</p> <p>- Âm âm: Tiếng sóng dữ dội biểu tượng cho những tai họa luôn bủa vây.</p> <p>-> Các từ láy tô đậm nỗi buồn, sự hoang mang lo sợ của Thúy Kiều trước 1 tương lai đầy bất trắc</p> <p>3.4. Tâm trạng buồn bã, cô đơn, lo sợ, hãi hùng và dự cảm về cuộc đời sóng gió, trắc trở trong tương lai.</p> <p>3.5</p> <p>- 8 câu miêu tả cảnh thực mà cũng là tâm cảnh. Mỗi cảnh là 1 h/a ẩn dụ về cảnh ngộ, tâm trạng con người:</p> <p>+ Cảnh buồm nơi cửa bể: Gợi cảnh ngộ cô đơn, nỗi nhớ nhà, nhớ quê của Kiều</p> <p>+ Hoa trôi mặt nước: Gợi liên tưởng về số phận mong manh,</p>

<p>3.6. Phân tích biện pháp điệp ngữ đặc sắc của tác giả Nguyễn Du trong đoạn trích</p>	<p>trôi giạt vô định của Kiều</p> <p>+ Nội cỏ rầu rầu: gợi liên tưởng về tương lai mờ mịt, cuộc đời tàn úa</p> <p>+ Sóng kêu, gió cuốn: Tai họa bủa vây, rình rập quanh nàng Kiều</p> <p>-> Mỗi cảnh khơi dậy ở Kiều 1 nỗi buồn khác nhau. Nỗi buồn tác động vào cảnh khiến cảnh thêm buồn và cảnh làm nỗi buồn thêm sâu sắc</p> <p>3.6. Điệp ngữ “Buồn trông” đứng đầu và lặp lại ở các câu 6 : Gợi tả K buồn mà trông ra 4 phía, trông ngóng 1 cái gì sẽ đến để thay đổi hiện tại nhưng Kiều càng trông càng vô vọng.</p> <p>+ Từ “Buồn trông” chứa đựng sự lo âu, hãi hùng của người con gái lần đầu lạc bước giữa cuộc đời</p> <p>+ Từ “Buồn trông” kết hợp các từ “cửa bể chiều hôm”, “hoa trôi man mác”...gợi tả thân phận cô đơn, lênh đênh, phiêu dạt của Kiều và nỗi buồn với những sắc độ khác nhau, ngày càng tăng</p> <p>+ Từ “Buồn trông”: kết hợp các từ láy tượng hình, tượng thanh (thấp thoáng, xa xa...) khiến nỗi buồn dâng lên lớp lớp tạo âm hưởng buồn. Nó vừa là điệp khúc của đoạn thơ, vừa là điệp khúc của tâm trạng con người</p>
<p>Hình thức luyện tập: nhóm</p> <p>- Chia lớp thành 3 nhóm</p> <p>? Xây dựng dàn ý cho các đề sau:</p> <p>- Nhóm 1: Cảm nhận 6 câu đầu đoạn trích</p> <p>- Nhóm 2: Cảm nhận 8 câu giữa đoạn trích</p> <p>- Nhóm 3: Cảm nhận 8 câu cuối đoạn trích.</p> <p>Câu hỏi gợi ý:</p> <p>1. Nội dung bao trùm đoạn thơ đó là gì?</p> <p>2. Nội dung đó được diễn tả qua những khía</p>	<p>2. Bài tập cảm thụ văn bản</p> <p>2.1. Sáu câu đầu: Cảnh trước lầu Ngưng Bích và tâm trạng Thúy Kiều:</p> <p>- Cảnh trước lầu Ngưng Bích: mênh mông, hoang vắng, rợn ngợp: non xa, trăng gần, cát vàng, bụi hồng...</p> <p>- Cảnh ngộ và tâm trạng Thúy Kiều: bị giam lỏng, cô đơn, buồn tủi: bể bàng mây sớm đèn khuya...</p> <p>- Nghệ thuật: Liệt kê, ước lệ tượng trưng, đối lập, tương đồng</p> <p>2.2. Tám câu giữa: Tâm trạng nhớ thương của Thúy Kiều</p> <p>- Nhớ người yêu da diết:</p> <p>+ Nhớ buổi thề nguyện: tưởng người...chén đồng</p> <p>+ Hình dung Kim Trọng đang uống công chờ đợi: Tin sương...mai chờ</p> <p>+ Khẳng định tấm lòng thủy chung: Tấm son... cho phai</p>

<p>cạnh nào?</p> <p>3. Mỗi khía cạnh được thể hiện qua từ ngữ nào?</p> <p>4. Để làm nổi bật nội dung, tác giả sử dụng thành công những biện pháp nghệ thuật đặc sắc gì?</p> <p>- HS thực hiện (7 phút)</p> <p>- Các nhóm trình bày kết quả, lớp nhận xét</p> <p>- GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>- Nhớ cha mẹ :</p> <p>+ Xót xa khi hình dung cha mẹ ngóng trông: Xót người...hôm mai</p> <p>+ Day dứt vì không phụng dưỡng được cha mẹ: Quạt nồng...đó giờ</p> <p>+ Hình dung mình xa nhà đã lâu, cha mẹ ngày càng già yếu: Sân Lai...người ôm</p> <p>-> Thúy Kiều thủy chung, hiếu thảo, vị tha</p> <p>- Nghệ thuật: ước lệ tượng trưng, điển tích, ẩn dụ...</p> <p>2.3 Tám câu cuối:</p> <p>- Tâm trạng lo sợ hãi hùng:</p> <p>+ Hình ảnh cánh buồm thấp thoáng gợi nỗi cô đơn, nhớ nhà, nhớ quê</p> <p>+ Hình ảnh hoa trôi mặt nước: gợi số phận mỏng manh, trôi giạt vô định</p> <p>+ Hình ảnh nội cỏ rầu rầu: gợi tương lai mờ mịt, cuộc đời tàn úa</p> <p>+ Hình ảnh gió cuốn, sóng kêu: gợi ra tương lai bất trắc</p> <p>- Nghệ thuật: Tả cảnh ngụ tình, điệp ngữ, từ láy, ẩn dụ, câu hỏi tu từ...</p>
---	---

Tiết 3: Luyện tập:

Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga (Nguyễn Đình Chiểu)

Hoạt động của GV-HS	Kiến thức cần đạt
Hoạt động 1: Hệ thống kiến thức	A. Hệ thống kiến thức đã học
<p>Trò chơi: Ai nhanh hơn?</p> <p>Luật chơi: lớp chia thành 2 nhóm</p> <p>- Mỗi nhóm cử 1 đại diện vẽ sơ đồ tư duy trên bảng thể hiện những thông tin cơ bản nhất về tác giả, vị trí</p>	<p>1. Tác giả:</p> <p>- Nguyễn Đình Chiểu: 1822 - 1888.</p> <p>- Quê: Phong Điền - Thừa Thiên Huế</p> <p>- Ông học giỏi, hiếu thảo, sống nhân nghĩa, yêu nước, thương dân</p> <p>- Là nhà văn đau khổ nhất: mù lòa, bị từ hôn, học vấn dang dở, nghèo khổ, mất nước.</p> <p>- Sống cuộc sống đầy nghị lực, khí phách và sáng tạo với</p>

<p>đoạn trích, giá trị nội dung và nghệ thuật tác phẩm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nhận xét - GV đánh giá, cho điểm 	<p>nhân cách đạo đức cao đẹp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Để lại 1 sự nghiệp văn chương có giá trị lớn: truyện, thơ, văn tề... <p>2. Tác phẩm:</p> <p>a. Hoàn cảnh ra đời: vào khoảng những năm 50 của TK19, khi Nguyễn Đình Chiểu đã mù</p> <p>b. Vị trí đoạn trích: <i>“Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga”</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuộc phần 1 (từ câu 123 đến câu 180) của tác phẩm. <p>c. Nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngôn ngữ mộc mạc, bình dị, gần với lời nói thông thường, đậm bản sắc Nam bộ phù hợp với tình tiết diễn biến truyện. - NV được khắc họa tính cách qua hành động, cử chỉ, ngôn ngữ. <p>d. Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn trích ca ngợi phẩm chất cao đẹp của 2 nhân vật Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga và khát vọng hành đạo cứu đời của tác giả.
<p>Hoạt động 2: Luyện tập</p>	<p>B. Luyện tập</p> <p>1. Bài tập đọc-hiểu:</p>
<p>Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV phát phiếu học tập - HS thực hiện - HS trình bày kết quả, lớp nhận xét - GV nhận xét, chốt kiến thức <p>Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi: “Vân Tiên nghe nói liền cười...phi anh hùng”</p> <p>1.1 Lời của LVT được trích theo cách nào? Vì sao em biết?</p> <p>1.2 Đoạn thơ cho thấy</p>	<p>1.1. Trực tiếp: nhắc lại nguyên văn lời nói của Vân Tiên, đứng sau dấu 2 chấm và gạch đầu dòng</p> <p>1.2. Vô tư, hào hiệp, trọng nghĩa khinh tài, trọng danh dự</p> <p>1.3 . Thấy việc nghĩa mà không làm thì không xứng đáng là người anh hùng</p>

<p>những phẩm chất gì của Vân Tiên?</p> <p>1.3 Em hiểu nội dung 2 câu sau thế nào?</p> <p>“Nhớ câu kiến nghĩa bất vi Làm người thế ấy cũng phi anh hùng”</p> <p>1.4 .Có ý kiến cho rằng: Ngày nay, hành động nghĩa hiệp như Vân Tiên có khi lại mang phiền toái vào thân. Ý kiến của em như thế nào?</p>	<p>1.4 . Đó là thực tế trong cuộc sống. Nhưng không vì thế mà không làm việc nghĩa. Xã hội còn nhiều bất công, cái xấu, cái ác nên vẫn cần nhiều người có lòng dũng cảm và nghĩa hiệp. Những hiệp sĩ như Nguyễn Sin... vẫn hành động trọng nghĩa mang lại sự bình an cho nhân dân.</p>
<p>Hình thức luyện tập: nhóm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chia lớp thành 2 nhóm, xây dựng dàn ý cho đề sau: - Nhóm 1: Cảm nhận nhân vật Lục Vân Tiên - Nhóm 2: Cảm nhận nhân vật Kiều Nguyệt Nga <p>Câu hỏi gợi ý:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nhân vật hiện lên với những phẩm chất đáng quý nào? 2. Phẩm chất đó được thể hiện qua cử chỉ, hành động, suy nghĩ hay lời nói nào? 3. Nhân vật được xây dựng qua những biện pháp nghệ thuật đặc sắc gì? 	<p>2. Bài tập cảm thụ văn bản</p> <p>2.1 .Nhân vật Lục Vân Tiên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là người anh hùng, tài năng, có tấm lòng vì nghĩa + Thấy nhân dân gặp nạn liền ra tay cứu giúp, không tính toán thiệt hơn: Vân Tiên ghé lại...xông vô + Hành động nhanh, gọn, dứt khoát, cảnh cáo bọn cướp: Kêu rằng....hại dân + Dũng cảm, chủ động trong vòng vây: Vân Tiên tả đột...Đương Dang - Nghệ thuật: miêu tả, so sánh, điển tích - Vân Tiên là người nhân hậu, cư xử tế nhị mẫu mực, đúng khuôn phép + Ân cần hỏi han người bị nạn: Hỏi ai...xe này?; + An ủi người bị nạn: “Ta đã trừ dong lâu la”... + Hỏi lai lịch: Tiểu thơ con gái...đến đây + Giữ lễ giáo phong kiến: Khoan khoan...phận trai - Vân Tiên trọng nghĩa khinh tài, coi làm việc nghĩa là bổn phận: Vân Tiên nghe nói...phi anh hùng - Nghệ thuật: sử dụng điển tích, ngôn ngữ bình dị

<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện (7 phút) - Các nhóm trình bày kết quả, lớp nhận xét - GV nhận xét, chốt kiến thức 	
	<p>2.2 . Kiều Nguyệt Nga</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiếu thảo: Làm con dâu dám cãi cha...cũng đành - Thùy mị, nét na, có học thức: <ul style="list-style-type: none"> + Xung hô khiêm nhường: Trước xe quân tử...sẽ thừa + Cử chỉ thành kính: lạy, thưa - Kiều Nguyệt Nga trọng ân nghĩa: <ul style="list-style-type: none"> + Mời Vân Tiên về chỗ cha để trả ơn: Hà Khê...cho chàng + Áy náy vì không có gì đền ơn Vân Tiên: Gặp đây...cũng không - Nghệ thuật: Lời thơ bình dị

III. Củng cố- Dặn dò:

? Nhắc lại nội dung, nghệ thuật chính của hai đoạn trích.

- Học thuộc hai đoạn trích
- Nắm chắc kiến thức cơ bản của 2 đoạn trích.
- Viết các đoạn văn cảm thụ văn bản theo dàn ý đã xây dựng.

* GV hướng dẫn cách dựng đoạn văn cảm thụ:

- Cách trình bày nội dung đoạn văn: diễn dịch, qui nạp hoặc tổng-phân-hợp.
- Câu chủ đề là nội dung bao trùm của đoạn văn bản sẽ cảm thụ.
- Các câu phát triển đoạn là các khía cạnh của nội dung, có tác dụng làm rõ nội dung.
- Cần trích dẫn chứng cụ thể
- Cần phân tích, bình luận dẫn chứng để làm nổi bật nội dung.
- Kết hợp phân tích nghệ thuật của phần văn bản.

Đoạn văn cảm thụ tham khảo:

Không chỉ nhớ về người yêu mà Thúy Kiều còn nhớ về cha mẹ với nỗi xót xa đau đớn vô bờ:

Xót người tựa cửa hôm mai
Quạt nồng ẩm lạnh những ai đó chờ
Sân Lai cách mấy nắng mưa
Có khi ngòi gốc tứ đã vừa người ôm

Nếu diễn tả nỗi Kim Trọng, nhà thơ dùng từ “tưởng” thì diễn tả nỗi nhớ cha mẹ, ông lại dùng từ “xót”. “Xót” là thương, thương đến độ xót xa trong lòng. Vì sao Kiều lại xót xa đến vậy? Bởi nàng tưởng tượng ra cảnh cha mẹ tuổi cao sức yếu mà ngày ngày phải ngóng tin con trong vô vọng, khắc khoải suốt “hôm mai”. Điều đó khiến nàng không

khỏi xót thương. Sự xa cách về không gian, sự trói buộc về thân phận đã khiến Kiều không thể “quạt nồng ấp lạnh” gần gũi phụng dưỡng cha mẹ sớm hôm. Điều đó khiến nàng vô cùng day dứt. Nàng cảm thấy thời gian xa nhà đã rất lâu “cách mấy nắng mưa” và cha mẹ đã già yếu đi nhiều “gốc tử đã vừa người ôm”. Tác giả sử dụng thành công thành ngữ “quạt nồng ấp lạnh” và điển cố “Sân Lai”, “gốc tử” để khắc sâu thêm nỗi nhớ, niềm xót thương cha mẹ của Thúy Kiều. **Đằng sau nỗi nhớ đó ta thấy tấm lòng hiếu thảo đáng quý của Thúy Kiều.**

I. Mục tiêu cần đạt :

1. Kiến thức: Hướng dẫn học sinh ôn tập lại kiến thức bài thơ “Đồng chí”, rèn luyện làm bài tập đọc hiểu và làm văn liên quan đến kiến thức bài thơ “Đồng chí”
2. Kỹ năng: Đọc diễn cảm, cảm nhận một số hình ảnh thơ, viết đoạn và bài phân tích thơ hiện đại.
3. Thái độ, phẩm chất: Yêu quý, trân trọng tình đồng chí, đồng đội.
4. Năng lực: Cảm thụ thơ.

II. Tiến trình lên lớp**Tiết 1:****A. Hệ thống lại kiến thức đã học (10-15 phút)**

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc thuộc lòng, diễn cảm bài thơ. - GV: Hãy nhắc lại những nét chính về tác giả và hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ, thể thơ của bài thơ. - HS: trả lời. - GV cung cấp thêm thông tin: Bài thơ “Đồng chí” được sáng tác vào đầu năm 1948 – sau chiến dịch Việt Bắc Thu - Đông năm 1947. Trong chiến dịch này, Chính Hữu là chính trị viên đại đội, ông có nhiều nhiệm vụ, nhất là việc chăm sóc anh em thương binh và chôn cất một số tử sĩ. Sau chiến dịch, vì là rất vất vả, nên ông bị ốm nặng, phải nằm lại điều trị. Đơn vị đã cử một đồng chí ở lại để chăm sóc cho Chính Hữu và người đồng đội ấy rất tận tâm giúp ông vượt qua những khó khăn, ngặt nghèo của bệnh tật. Cảm động trước tấm lòng của người bạn, ông đã viết bài thơ “Đồng chí” như một lời cảm ơn chân thành nhất gửi tới người đồng đội, người bạn nông dân của 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tác giả: <ul style="list-style-type: none"> - Chính Hữu tên khai sinh là Trần Đình Đắc (1926 - 2007), quê ở Hà Tĩnh - Là nhà thơ trưởng thành trong quân đội. tác phẩm của ông viết về người lính. và cuộc chiến tranh - Thơ ông cảm xúc dồn nén, ngôn ngữ, hình ảnh chọn lọc, hàm súc - Nhận giải thưởng HCM về văn học nghệ thuật năm 2000. 2. Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ sáng tác năm 1948, thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp khó khăn, gian khổ, sau khi tác giả cùng đồng đội tham gia chiến dịch Việt Bắc – Thu đông (1947) <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: in trong tập thơ “Đầu súng trăng treo” - Thể thơ: tự do. 3. Bố cục: chia làm 3 phần với nội dung

<p><i>mình.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Nhắc lại bố cục của bài thơ và nội dung chính của từng phần. - HS: trả lời. <p>- Ý nghĩa nội dung của bài thơ?</p>	<p>chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cơ sở hình thành tình đồng chí. + Biểu hiện của tình đồng chí. + Biểu tượng đẹp của tình đồng chí, đồng đội. <p>4. Nội dung:</p> <p>Tình đồng chí của những người lính dựa trên cơ sở cùng chung cảnh ngộ và lí tưởng chiến đấu; nó thể hiện tự nhiên, bình dị mà sâu sắc trong mọi hoàn cảnh, góp phần tạo nên sức mạnh và vẻ đẹp tinh thần của người lính cách mạng.</p>
<ul style="list-style-type: none"> - GV: Hãy nêu một vài nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ. - HS: trả lời. - GV: Hãy kể ra một vài hình ảnh biểu tượng đẹp, giàu ý nghĩa. - HS: Các hình ảnh: đầu, súng, trăng, ... 	<p>5. Nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể thơ tự do. - Ngôn ngữ bình dị, mộc mạc mà cô đúc. - Nhiều hình ảnh biểu tượng đẹp, giàu ý nghĩa.

B. Luyện tập :

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức tổ chức luyện tập: trả lời cá nhân - HS thực hiện <p>Bài tập 1: Em hãy nêu mạch cảm xúc của bài thơ.</p>	<p>1. Mạch cảm xúc: Mạch cảm xúc của bài thơ được khơi gợi từ cơ sở hình thành tình đồng chí (cùng chung hoàn cảnh xuất thân nghèo khó, chung nhiệm vụ lí tưởng và chung khó khăn gian khổ), mạch cảm xúc được phát triển lan tỏa ở biểu hiện của tình đồng chí và lắng kết trong hình ảnh đẹp giàu ý nghĩa biểu tượng ở cuối bài thơ.</p>
<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức tổ chức luyện tập (nhóm 4 HS theo bàn) - HS thực hiện <p>Bài tập 2: Em hãy nêu ý nghĩa nhan đề bài thơ.</p>	<p>2. Ý nghĩa nhan đề “Đồng chí”</p> <ul style="list-style-type: none"> - “Đồng chí” là tên gọi của một tình cảm mới, đặc biệt xuất hiện và phổ biến trong

	<p>những năm cách mạng và kháng chiến. Tên bài thơ khẳng định sức mạnh và vẻ đẹp tinh thần của người lính Cụ Hồ – những con người cùng chung cảnh ngộ, chung chí hướng, lý tưởng, gắn bó keo sơn trong chiến đấu gian khổ thời kì chống Pháp. “Đồng chí”, đó là tiếng gọi thiêng liêng, hội tụ, kết tinh của bao tình cảm đẹp: tình giai cấp, tình bạn, tình người trong chiến tranh.</p>
<p>Bài tập 1: Ghi lại bảy dòng thơ nói về cơ sở hình thành tình đồng chí. Chỉ ra một thành ngữ có trong đoạn thơ vừa nêu và giải nghĩa thành ngữ ấy. Nêu ý nghĩa của câu thơ “Đồng chí!”.</p> <p>- Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân</p> <p>Bài tập 2: Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:</p>	<p>I. Bài tập đọc hiểu.</p> <p>1.</p> <p>- Ghi lại bảy dòng thơ nói về cơ sở hình thành tình đồng chí:</p> <p><i>Quê hương anh nước mặn, đồng chua Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá. Anh với tôi đôi người xa lạ Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau, Súng bên súng, đầu sát bên đầu, Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỷ. Đồng chí!</i></p> <p>- Chỉ ra một thành ngữ : <i>nước mặn, đồng chua</i></p> <p>- Giải nghĩa thành ngữ: <i>nước mặn, đồng chua</i>: vùng đất nhiễm mặn ở ven biển và vùng đất phèn có độ chua cao, là những vùng đất xấu khó trồng trọt.</p> <p>- Nêu ý nghĩa của câu thơ “<i>Đồng chí!</i>”:</p> <p>+ Là câu đặc biệt cũng là nhan đề thể hiện chủ đề của bài thơ;</p> <p>+ Là tiếng gọi thiêng liêng cất lên từ những trái tim cùng chung nhiệm vụ, lý tưởng;</p> <p>+ Là bản lề cảm xúc khép lại ý đoạn một và mở ra ý đoạn hai.</p> <p>2.</p> <p>a. Nội dung chính đoạn thơ: Những biểu hiện của tình đồng chí.</p> <p>b. Bài thơ “Đồng chí”- Chính Hữu. Hoàn cảnh sáng tác: năm 1948, thời kì đầu của cuộc</p>

<p>“Đồng đội ta là hóp nước uống chung, Năm com bẻ nửa Là chia nhau một trưa nắng, một chiều mưa Chia khắp anh em một mẩu tin nhà Chia nhau chỗ đứng trong chiến hào chật hẹp Chia nhau cuộc đời, chia nhau cái chết.”</p> <p>(Giá từng thước đất- Chính Hữu)</p> <p>a. Nêu nội dung chính của đoạn thơ trên.</p> <p>b. Từ nội dung đoạn thơ trên, em liên tưởng đến văn bản nào đã học trong chương trình Ngữ văn lớp 9 tập 1? Nêu hoàn cảnh sáng tác của bài thơ.</p> <p>c. Ghi lại ba dòng cuối của bài thơ vừa tìm được ở câu b và chỉ ra ý nghĩa biểu tượng đẹp có trong câu thơ cuối bài.</p>	<p>kháng chiến chống Pháp khó khăn, gian khổ.</p> <p>c. Ba dòng cuối:</p> <p>“Đêm nay rừng hoang sương muối Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới Đầu súng trăng treo.”</p> <p>Ý nghĩa biểu tượng của “súng” và “trăng”: gần và xa, thực tại và mơ mộng, chất chiến đấu và chất trữ tình, hiện thực và lãng mạn, chiến sĩ và thi sĩ, chất thép và chất thơ,...</p>
---	--

Tiết 2:

Luyện tập :

GV đưa ra hệ thống bài tập để luyện tập lại các kiến thức vừa ôn

- Bài tập có kèm theo đáp án

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>Bài tập 3: Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:</p> <p>Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh, Sốt run người, vầng trán ướt mồ hôi. Áo anh rách vai Quần tôi có vài mảnh vá Miệng cười buốt giá Chân không giày Thương nhau tay nắm lấy bàn tay!</p> <p>a. Nêu tên bài thơ, tên tác giả và nội dung đoạn thơ trên.</p> <p>b. Các từ in đậm được dùng với nghĩa</p>	<p>3.</p> <p>a. Bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu. Nội dung đoạn thơ: Những biểu hiện của tình đồng chí cùng nhau chia sẻ khó khăn, gian khổ, thiếu thốn, bệnh tật của đời lính.</p> <p>b. Các từ in đậm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghĩa gốc: miệng, chân - Nghĩa chuyển: vai (hoán dụ) <p>c. Hình ảnh người lính trong thời kì kháng chiến chống Pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Họ phải trải qua nhiều khó khăn, bệnh tật,

<p>gốc hay nghĩa chuyển, nếu là nghĩa chuyển thì xác định phương thức chuyển nghĩa của từ đó.</p> <p>c. Qua đoạn thơ trên, em cảm nhận gì về hình ảnh người lính thời kì kháng chiến chống Pháp?</p>	<p>thiếu thốn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong hoàn cảnh đó họ vẫn rất lạc quan để vượt qua tất cả. - Và hơn hết họ luôn đoàn kết, yêu thương, gắn bó, sẵn sàng sẻ chia với nhau. <p>-> Họ thật đáng để chúng ta ngưỡng mộ và học tập theo.</p>
<p>GV nêu một số dạng đề:</p> <p>Đề 1 : Phân tích bài thơ Đồng chí của nhà thơ Chính Hữu</p> <p>Đề 2: Kết thúc bài thơ đồng chí, Chính Hữu viết:</p> <p style="padding-left: 40px;"><i>Đêm nay rừng hoang sương muối</i></p> <p style="padding-left: 40px;"><i>Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới</i></p> <p style="padding-left: 40px;"><i>Đầu súng trăng treo.</i></p> <p>Viết đoạn văn trình bày cảm nhận sâu sắc của em về vẻ đẹp của đoạn thơ trên.</p> <p>- Những nội dung cần nêu trong phần mở bài?</p> <p>? Em hãy nêu các luận điểm cơ bản của bài văn phân tích bài thơ Đồng chí?</p> <p>* Luận điểm 1: Cơ sở hình thành tình đồng chí(7 câu thơ đầu)</p> <p>* Luận điểm 2: Những biểu hiện của tình đồng chí(10 câu thơ tiếp)</p> <p>* Luận điểm 3: Sức mạnh và vẻ đẹp của tình đồng chí, đồng đội</p>	<p>2. Dạng bài NLVH:</p> <p>Đề 1:</p> <p>* Mở bài : Cần nêu được:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả - Phong cách sáng tác - Giới thiệu văn bản. - Nêu vấn đề nghị luận. <p>* Thân bài:</p>

<p>* Đánh giá về nghệ thuật của bài thơ. Chia bốn nhóm, mỗi nhóm viết một luận điểm trong thời gian (7p)</p> <p>Nhóm 1: Luận điểm 1: Cơ sở hình thành tình đồng chí(7 câu thơ đầu)</p> <p>Nhóm 2: Luận điểm 2: Những biểu hiện của tình đồng chí(10 câu thơ tiếp)</p> <p>Nhóm 3: Luận điểm 3: Sức mạnh và vẻ đẹp của tình đồng chí, đồng đội</p> <p>Nhóm 4: Đánh giá về nghệ thuật của bài thơ.</p> <p>Sau đó các nhóm đại diện báo cáo kết quả, các nhóm nhận xét, bổ sung. Gv nhận xét chiều kết quả.</p>	
<p>Nhóm 1: Luận điểm 1: Cơ sở hình thành tình đồng chí(7 câu thơ đầu)</p> <p>a, Cơ sở thứ nhất: Cùng chung hoàn cảnh xuất thân</p> <p>- Những chiến sĩ xuất thân từ những người nông dân lao động. Từ cuộc đời thật họ bước thẳng vào trang thơ và tỏa sáng một vẻ đẹp mới, vẻ đẹp của tình đồng chí, đồng đội:</p> <p><i>Quê hương anh nước mặn, đồng chua</i> <i>Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá</i></p> <p>+ Thủ pháp đối được sử dụng chặt chẽ ở hai câu thơ đầu, gọi lên sự đối xứng, tương đồng trong cảnh ngộ của người lính. Từ những miền quê khác nhau, họ đã đến với nhau trong một tình cảm mới mẻ.</p> <p>+ Giọng thơ nhẹ nhàng, gần gũi như lời tâm tình, thủ thỉ của hai con người” anh” và “tôi”.</p> <p>+ Mượn thành ngữ “ nước mặn đồng chua” để nói về những vùng đồng chiêm , nước trũng, ngập mặn ven biển, khó làm ăn. Cái đói, cái nghèo như manh nha từ trong những làn nước</p> <p>+ Hình ảnh “ đất cày lên sỏi đá” để gọi về những vùng trung du, miền núi, đất đá bị ong hóa, bạc màu, khó canh tác. Cái đói, cái nghèo như ăn sâu vào trong lòng đất</p> <p>-> “ Quê hương anh”- “ làng tôi” tuy có khác nhau về địa giới, người miền xuôi, kẻ miền ngược thì cũng đều khó làm ăn canh tác, đều chung cái nghèo, cái khổ. Đó chính là cơ sở đồng cảm giai cấp của những người lính.</p> <p>-> Anh bộ đội cụ Hồ là những người có nguồn gốc xuất thân từ nông dân. Chính sự tương đồng về cảnh ngộ, sự đồng cảm về giai cấp là sợi dây tình cảm đã nối họ lại với nhau, từ đây họ đã trở thành những người đồng chí, đồng đội với nhau.</p> <p>b, Cơ sở thứ 2: Cùng chung lí tưởng, nhiệm vụ và lòng yêu nước</p> <p><i>“Anh với tôi đôi người xa lạ</i> <i>Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau</i></p>	

Súng bên súng, đầu sát bên đầu

- Những con người chưa từng quen biết, đến từ những phương trời xa lạ đã gặp nhau ở một điểm chung: cùng chung nhịp đập trái tim, cùng chung một lòng yêu nước và cùng chung lí tưởng cách mạng. Những cái chung đó đã thôi thúc họ lên đường nhập ngũ.

- Hình ảnh thơ “súng bên súng, đầu sát bên đầu” mang ý nghĩa tượng trưng sâu sắc diễn tả sự gắn bó của những người lính trong quân ngũ:

+ “Súng bên súng” là cách nói giàu hình tượng để diễn tả về những người lính cùng chung lí tưởng, nhiệm vụ chiến đấu. Họ ra đi để chiến đấu và giải phóng cho quê hương, dân tộc, đất nước; đồng thời giải phóng cho chính số phận của họ.

+ “Đầu sát bên đầu” là cách nói hoán dụ, tượng trưng cho ý chí quyết tâm chiến đấu của những người lính trong cuộc kháng chiến trường kì của dân tộc.

- Điệp từ “Súng, bên, đầu” khiến câu thơ trở nên chắc khỏe, nhấn mạnh sự gắn kết, cùng chung lí tưởng, nhiệm vụ của những người lính.

- Nếu như ở cơ sở thứ nhất “anh”- “tôi” đứng trên từng dòng thơ như một kiểu xưng danh khi gặp gỡ, vẫn còn xa lạ, thì ở cơ sở thứ hai “anh” với “tôi” trong cùng một dòng thơ, thật gần gũi. Từ những người xa lạ họ đã hoàn toàn trở nên gắn kết.

-> Chính lí tưởng và mục đích chiến đấu là điểm chung lớn nhất, là cơ sở để họ gắn kết với nhau, trở thành đồng chí, đồng đội của nhau.

c, Cơ sở thứ 3: Cùng trải qua những khó khăn , thiếu thốn.

- Bằng một hình ảnh cụ thể, giản dị mà giàu sức gợi, tác giả đã miêu tả rõ nét tình cảm của những người lính:

“Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ”

+ “Đêm rét chung chăn” có nghĩa là chung cái khắc nghiệt, gian khổ của cuộc đời người lính; là chung hơi ấm để vượt qua giá lạnh nơi núi rừng. Đó là một hình ảnh đẹp, chân thực và đầy ắp những kỉ niệm.

+ Đắp chung chăn đã trở thành biểu tượng của tình đồng chí. Nó đã khiến những con người “xa lạ” sát gần lại bên nhau, truyền cho nhau hơi ấm và trở thành” tri kỉ”

+ Cả bài thơ chỉ có duy nhất một chữ “chung” nhưng đã bao hàm được ý nghĩa sâu sắc và khái quát của toàn bài: chung cảnh ngộ, chung giai cấp, chung chí hướng, chung khát vọng giải phóng dân tộc.

- Tác giả đã rất khéo léo trong việc lựa chọn từ ngữ, khi sử dụng từ “đôi” ở câu thơ trên:

+ Chính Hữu không sử dụng từ “hai” mà lựa chọn từ “đôi”. Vì đôi cũng có nghĩa là hai, nhưng đôi còn thể hiện sự gắn kết không thể tách rời.\

+ Từ “đôi người xa lạ” họ đã trở thành “đôi tri kỉ”, thành đôi bạn tâm tình thân thiết, hiểu bạn như hiểu mình.

- Khép lại đoạn thơ, là một câu thơ có một vị trí rất đặc biệt. Câu thơ “*Đồng chí!*” được tách riêng ở một dòng thơ rất đặc biệt, chỉ gồm một từ, hai tiếng và dấu chấm than như một sự phát hiện, một lời khẳng định, nhấn mạnh tính đồng chí là một tình cảm mới mẻ nhưng hết sức thiêng liêng cao đẹp là sự kết tinh của tình bạn, tình người giữa những người lính nông dân trong buổi đầu kháng chiến chống Pháp. Câu thơ “*Đồng chí!*” như một bản lề gắn kết tự nhiên, khéo léo giữa hai phần của bài thơ: khép lại phần giải thích cội nguồn cao quý thiêng liêng của tình đồng chí và mở ra những biểu hiện

cao đẹp hơn của tình đồng chí.

=> Tóm lại, 7 câu thơ đầu, đã đi sâu khám phá, lí giải cơ sở của tình đồng chí. Đồng thời, tác giả đã cho thấy sự biến đổi kì diệu từ những người nông dân hoàn toàn xa lạ trở thành những người đồng chí, đồng đội sống chết có nhau.

*** Luận điểm 2: Nhóm 2: Luận điểm 2: Luôn sẵn sàng sẻ chia, yêu thương gắn bó**

Tất cả những cảm xúc thiêng liêng được dồn nén trong hình ảnh thơ rất thực, rất cảm động, chứa đựng biết bao ý nghĩa:

“Thương nhau tay nắm lấy bàn tay”

- Những cái bắt tay chặt chứa biết bao yêu thương triu mến. Rõ ràng, tác giả đã lấy sự thiếu thốn đến vô cùng về vật chất để tô đậm sự giàu sang vô cùng về tinh thần
- Những cái bắt tay là lời động viên chân thành, để những người lính cùng nhau vượt qua những khó khăn, thiếu thốn.
- Những cái bắt tay của sự cảm thông, mang hơi ấm truyền cho nhau thêm sức mạnh.
- đó còn là lời hứa lập công, của ý chí quyết tâm chiến đấu và chiến thắng quân thù.

=> Có lẽ không ngôn từ nào có thể diễn tả cho hết tình đồng chí thiêng liêng ấy. Chính những tình cảm, tình đoàn kết gắn bó đã nâng bước chân người lính và sưởi ấm tâm hồn họ trên mọi nẻo đường chiến đấu.

Nhóm 3: Luận điểm 3: Sức mạnh và vẻ đẹp của tình đồng chí, đồng đội

- Được xây dựng trên nền thời gian và không gian vô cùng đặc biệt:

“Đêm nay rừng hoang sương muối”

- + Thời gian: Một đêm phục kích giặc
- + Không gian: Căng thẳng, trong một khu rừng hoang vắng lạnh và phr đầy sương muối.
- Trên nền hiện thực khắc nghiệt ấy, những người lính xuất hiện trong tâm thế:

“Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới”

- + Hình ảnh “ đứng cạnh bên nhau” cho thấy tư thế chủ động, hiên ngang, sẵn sàng chiến đấu của người lính.
- Kết thúc bài thơ là một hình ảnh độc đáo, là điểm sáng của một bức tranh về tình đồng chí, rất thực và cũng rất lãng mạn: *Đầu súng trăng treo.*
- + Chất hiện thực: gọi những đêm hành quân, phục kích chờ giặc, nhìn từ xa, vầng trăng như hạ thấp ngang trời. Trong tầm ngắm, người lính đã phát hiện một điều thú vị và bất ngờ: Trăng lơ lửng như treo đầu mũi súng.
- + Chất lãng mạn: Giữa không gian căng thẳng, khắc nghiệt đang sẵn sàng giết giặc mà lại “treo” một vầng trăng lung linh. Chữ “ treo” ở đây rất thơ mộng. nối liền mặt đất với bầu trời.
- + Hình ảnh “ đầu súng trăng treo” rất giàu ý nghĩa: Súng là biểu tượng cho cuộc chiến đấu, trăng biểu tượng cho non nước thanh bình, súng và trăng cùng đặt trên một bình diện đã gợi cho người đọc bao liên tưởng phong phú: chiến tranh và hòa bình, hiện thực và ảo mộng; khắc nghiệt và lãng mạn; chất chiến sĩ- vẻ đẹp tâm hồn thi sĩ. Gợi lên vẻ đẹp của tình đồng chí, giúp tâm hồn người chiến sĩ bay lên giữa cam go khốc liệt. Gợi vẻ đẹp của tâm hồn người lính: Trong chiến tranh ác liệt, họ vẫn rất yêu đời và luôn

<p>hướng về một tương lai tươi sáng. -> Hình ảnh “ đầu súng trắng treo” xứng đáng trở thành biểu tượng cho thơ ca kháng chiến: một nền thơ ca có sự kết hợp giữa chất hiện thực và cảm hứng lãng mạn.</p> <p>Nhóm 4: Với thể thơ tự do, ngôn ngữ thơ mộc mạc giản dị, chi tiết, hình ảnh chân thực cô đọng, hàm súc nhưng giàu sức biểu cảm, bài thơ <i>Đồng chí đã để lại những ấn tượng sâu sắc về tình đồng chí, đồng đội và chân dung anh bộ đội Cụ Hồ thời kì kháng chiến chống Pháp</i> : chân thực, giản dị mà vô cùng cao đẹp.</p>	
<p>- KB cần đảm bảo những nội dung gì?</p>	<p>* KB:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định ý nghĩa bài thơ. - Liên hệ vai trò trách nhiệm của bản thân.

Tiết 3:

Luyện tập (tiếp)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>Phân mở đoạn cần có những nội dung nào?</p> <p>Phân thân đoạn bao gồm những ý gì? (Cần cảm nhận từng câu thơ để thấy vẻ đẹp của những người lính.)</p>	<p>HD đề 2: Viết đoạn văn</p> <ul style="list-style-type: none"> * Phân mở đoạn cần giới thiệu tác giả, tác phẩm, nội dung khái quát tác phẩm và nội dung chính đoạn thơ. * Thân đoạn: <p>Gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu thơ đầu gợi ra hoàn cảnh chiến đấu khắc nghiệt. <p><i>Đêm nay rừng hoang sương muối</i></p> <p>Câu thơ ngắt nhịp 2/2/2 đem đến ba thông tin về thời gian: “ đêm nay”, về không gian: “ Rừng hoang”, về thời tiết, “ Sương muối”. Tất cả đều nhấn vào cái hoang vu, cái lạnh thấu xương khi những người lính đứng gác, nơi rừng sâu giá lạnh trong khi trang phục các anh lại phong phanh: áo rách, quần vá, đầu trần, chân đất, khó có thể chống được cái lạnh thấu xương. “ Đêm nay” là một đêm phục kích cụ thể nhưng có ý nghĩa khái quát như bao đêm khác, việc phục kích trong hoàn cảnh khắc nghiệt với các anh đã thành thường lệ.</p> - Câu thơ thứ hai: <p><i>Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới</i></p> <p>Có sự đối lập giữa hoàn cảnh chiến đấu khắc nghiệt với vẻ đẹp của lí tưởng cách mạng và tình đồng chí keo sơn. Dù cho cái rét có thấm vào xương thịt, các anh vẫn bất chấp tất cả, vẫn “<i>Đứng cạnh bên nhau</i>”,</p>

vẫn kề vai sát cánh, đoàn kết chung một chiến hào trong tư thế chủ động “*chờ giặc tới*”. Tình đồng chí đã sưởi ấm lòng các anh, xua đi cái giá lạnh của núi rừng Việt Bắc. Trong cái hoang vu của núi rừng, hai người lính hiện lên sừng sững, hiên ngang, cao cả sánh ngang cùng núi rừng Việt Bắc.

- Bài thơ khép lại bằng hình ảnh đẹp “Đầu súng trăng treo”. Hình ảnh thơ giàu ý nghĩa tả thực và biểu tượng.

+ Ý nghĩa tả thực: Hình ảnh thơ được nhận ra sau ngòi bút đi phục kích của tác giả; Đêm đã về khuya, nơi rừng hoang, sương muối xuống mỗi lúc một nhiều, bầu trời như sả xuống thấp dần, vàng trăng cũng như sả xuống thấp hơn. Hai người lính đang kề vai sát cánh trong tư thế chủ động xuất kích, nhìn ở một góc độ nào đó họ nhận ra trăng như đang treo lơ lửng trên đầu mũi súng.

+ Ý nghĩa biểu tượng: từ ý nghĩa tả thực, hình ảnh “súng” và “trăng” còn gợi ra trong lòng người đọc những liên tưởng sâu xa. Súng và trăng – hai hình ảnh vốn rất xa nhau nhưng trong cảm nhận của người chiến sĩ lại đan cài, gắn kết tự nhiên. Súng và trăng là biểu tượng của gần và xa, của chiến tranh và hòa bình, của hiện thực và lãng mạn, của cứng rắn và dịu hiền, là chất chiến sĩ và chất thi sĩ, chất thép và chất trữ tình... đã trở thành biểu tượng về người lính: cuộc sống chiến đấu gian khổ nhưng tâm hồn các anh luôn trong trẻo, tràn đầy cảm hứng lạc quan, lãng mạn. Hình ảnh thơ đã trở thành biểu tượng cho thơ ca cách mạng – nền thơ ca kết hợp hài hòa giữa cảm hứng hiện thực và lãng mạn.

* Kết đoạn: Khẳng định lại giá trị nội dung và nghệ thuật của khổ thơ trên.

- Phần kết đoạn cần nêu được những ý gì?

- GV hướng dẫn HS lập

Yêu cầu: Triển khai hợp lí nội dung kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận, đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm. Học sinh có thể trình bày các chi tiết theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo

<p>đàn ý chi tiết và viết bài theo từng phần.</p> <p>Đóng vai là người lính trong bài thơ “Đồng chí” kể lại câu chuyện về tình đồng chí,</p>	<p>những ý cơ bản sau:</p> <p>a. Mở bài: Giới thiệu câu chuyện người lính trong thời kì đầu chống Pháp: Hiện tại gợi nhớ về quá khứ, nhớ lại những năm tháng tham gia chiến đấu nơi chiến khu rừng Việt Bắc</p> <p>b. Thân bài: Trình bày những kỷ niệm về tình đồng chí.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Sự việc mở đầu : - Nhập vai người lính là một nông dân nghèo, ra đi từ miền quê khốn khó đất nhiễm phèn chua ngập mặn khó canh tác... Có một người đồng đội tri kỉ ở vùng đất khô cằn sỏi đá ra đi để trả thù nhà, đền nợ nước. - Những người lính ngày ấy là những nông dân chuyên nghề cày cấy ra đi bỏ lại mẹ già, vợ trẻ, con thơ quyết ra đi theo tiếng gọi của lòng yêu nước, lý tưởng chiến đấu.
---	--

III. Củng cố - Dặn dò

- Củng cố: Cho HS nhắc lại những ý chính của bài thơ.
- Dặn dò: Yêu cầu HS về nhà sưu tầm thêm một số bài thơ viết về người lính và tình đồng chí.
- Hoàn thành các bài tập.

Ngày soạn: / / 2020

Ngày dạy: / / 2020

BUỔI 9: BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH

- Phạm Tiến Duật –

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- HS có những hiểu biết về nhà thơ Phạm Tiến Duật, về đặc điểm của thơ Phạm Tiến Duật qua một sáng tác cụ thể: Giàu chất hiện thực và tràn đầy cảm hứng lãng mạn.

- Hiện thực cuộc kháng chiến chống Mỹ được phản ánh trong tác phẩm; vẻ đẹp hiên ngang, dũng cảm, tràn đầy niềm lạc quan cách mạng... của những con người đã làm nên con đường Trường Sơn huyền thoại được khắc họa trong bài thơ.

2. Kỹ năng

- Trả lời câu hỏi đọc hiểu nhanh, chính xác.
- Cảm nhận được ngôn ngữ hình tượng thơ độc đáo trong bài thơ.
- Lập dàn ý đủ, đúng chủ đề và ý chốt.

3. Thái độ

- Có ý thức trách nhiệm đối với bạn bè, trân trọng tình bạn, ý thức được trách nhiệm của công dân với đất nước.
- Tập trung chú ý trong học tập.

4. Phát triển năng lực

- Năng lực chung: giao tiếp, giải quyết vấn đề, tự học.
- Năng lực chuyên biệt: sáng tạo, hợp tác, cảm thụ thẩm mỹ thơ văn.

II. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

TIẾT 1

A. Hệ thống kiến thức (15p)

Hoạt động của GV- HS	Kiến thức cần đạt
<p>? Hãy nêu vài nét cơ bản về tác giả Phạm Tiến Duật?</p> <p>GV đặt câu hỏi, HS trả lời nhanh</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Năm, hoàn cảnh sáng tác? 2. Phương thức biểu đạt? 3. Phương thức biểu đạt chủ yếu? 4. Thể thơ? 5. Bố cục văn bản? 6. Ý nghĩa nhan đề? 7. Giá trị nội dung? 8. Giá trị nghệ thuật? 	<p><u>I. Tác giả</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phạm Tiến Duật (1941- 2007) là nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ. - <i>Phong cách sáng tác:</i> + Thơ Phạm Tiến Duật tập trung thể hiện hình ảnh thế hệ trẻ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ qua các hình tượng người lính và cô thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn. + Thơ ông có giọng điệu sôi nổi, trẻ trung, hồn nhiên, tinh nghịch mà sâu sắc. <p><u>II. Tác phẩm</u></p> <ul style="list-style-type: none"> * Bài thơ viết năm 1969, thời kỳ cuộc kháng chiến chống Mỹ diễn ra rất ác liệt trên con đường chiến lược Trường Sơn. * Phương thức biểu đạt: biểu cảm, miêu tả, tự sự. * Thể thơ: tám chữ * Bố cục: <ul style="list-style-type: none"> - Phần một : Khổ 1,2 : Hình ảnh những chiếc xe không kính và tư thế hiên ngang của người lính.

- Phần hai : Khổ 3,4 : Tinh thần lạc quan, bất chấp gian khổ, coi thường hiểm nguy của người lính.

- Phần 3 : Khổ 5,6 : Tinh đồng chí, đồng đội cao đẹp của người lính lái xe.

- Phần 4 : Khổ 7 : Ý chí chiến đấu, tinh thần yêu nước và lí tưởng cách mạng của người lính.

* Ý nghĩa nhan đề:

- Bài thơ có nhan đề khá dài, khá đặc biệt : *“Bài thơ về tiểu đội xe không kính”*. Nhan đề bài thơ thoát nghe sẽ thấy như có chỗ thừa : thừa hai chữ *“bài thơ”*. Nhưng chính chỗ thừa ấy sẽ tạo sức hút cho người đọc ở vẻ khác lạ và độc đáo ở sức gọi : gọi chất thơ của cuộc sống nơi chiến trường.

- Hình ảnh *“tiểu đội xe không kính”* được đưa vào nhan đề bài thơ :

+ Gọi hiện thực phổ biến, quen thuộc trên tuyến đường Trường Sơn trong những năm tháng kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

+ Gọi hiện thực của cuộc chiến vô cùng gay go, khốc liệt.

+ Gọi vẻ đẹp của người lính lái xe Trường Sơn, vẻ đẹp của lòng dũng cảm, của ý chí nghị lực, của sự kiên cường.

* Giá trị nội dung: *“Bài thơ về tiểu đội xe không kính”* của Phạm Tiến Duật đã khắc hoạ một hình ảnh độc đáo: những chiếc xe không kính. Qua đó, tác giả khắc hoạ nổi bật hình ảnh những người lính lái xe ở Trường Sơn trong thời chống Mỹ, với tư thế hiên ngang, tinh thần lạc quan, dũng cảm, bất chấp khó khăn nguy hiểm và ý chí chiến đấu giải phóng miền Nam.

* Giá trị nghệ thuật: Tác giả đã đưa vào bài thơ chất liệu hiện thực sinh động của cuộc sống ở chiến trường, ngôn ngữ và giọng điệu giàu tính khẩu ngữ tự nhiên, khoẻ khoắn.

III. Kiến thức trọng tâm

1. Hình ảnh những chiếc xe không kính:

- Xưa nay, xe cộ rất ít khi đi vào thơ ca, nếu có thì thường được “thi vị hóa”, “lãng mạn

GV đặt câu hỏi, HS trả lời nhanh:

<p>1. Hình ảnh những chiếc xe vận tải Trường Sơn được gọi ra qua những vần thơ nào?</p> <p>2. Nguyên nhân nào khiến những chiếc xe không kính?</p> <p>3. Nhận xét cách nói trong đoạn thơ và tác dụng của nó?</p> <p>4. Xe không kính là hình tượng bình thường hay bất bình thường trong chiến tranh?</p> <p>5. Hiện thực nào về chiến tranh được thể hiện qua hình ảnh những chiếc xe không kính?</p> <p>6. Vậy hình ảnh những chiếc xe không kính trở nên độc đáo là do đâu?</p> <p>? Hình ảnh người chiến sĩ lái xe trên tuyến đường Trường Sơn được thể hiện trong những câu thơ nào? (qua khổ 1: hình ảnh người chiến sĩ hiện lên ntn?)</p> <p>? Ngồi trên những chiếc xe không kính chiến sĩ lái xe có ấn tượng và cảm giác gì?</p>	<p>hóa'. Nhưng những chiếc xe đượ Phạm Tiến Duật đưa vào thơ lại thực đến trần trụi:</p> <p><i>Không có kính không phải vì xe không có kính</i></p> <p><i>Bom giật bom rung kính vỡ đi rồi</i></p> <p>Với giọng điệu thân nhiên pha chút ngang tàng, lời thơ mang tính khẩu ngữ, hình ảnh độc đáo, điệp ngữ “không” kết hợp với nghệ thuật liệt kê, động từ mạnh “giật, rung”</p> <p>-> tác giả đã làm hiện lên hình ảnh những chiếc xe mang trên mình đầy thương tích bởi bom đạn chiến tranh. Qua đó, tác giả tạo ấn tượng cho người đọc một cách cụ thể và sâu sắc về hiện thực chiến tranh khốc liệt, về cuộc chiến đấu gian khổ mà người lính phải trải qua.</p> <p>- Hình ảnh những chiếc xe không kính một lần nữa lại được tác giả miêu tả một cách chân thực, sinh động ở khổ thơ cuối:</p> <p><i>Không có kính rồi xe không có đèn</i> <i>Không có mui xe thùng xe có xước</i></p> <p>Nghệ thuật liệt kê “không có kính, không có đèn, không có mui, thùng xe có xước” kết hợp với điệp ngữ : “không có” mang ý phủ định -> đã nhấn mạnh những chiếc xe không chỉ không kính mà còn không đèn, không mui... bị biến dạng, tàn phá nặng nề. Mặc dù vậy, xe vẫn băng ra chiến trường.</p> <p>2. Hình ảnh những người lính lái xe.</p> <p>- "Ung dung buồng lái ta ngồi Nhìn đất nhìn trời nhìn thẳng"</p> <p>-> Tư thế ung dung hiên ngang</p> <p>- "Nhìn thấy gió xoa vào mắt đắng ...như sa như ủa vào buồng lái"</p> <p>=> Người lái xe tiếp xúc trực tiếp với thế giới bên ngoài, họ cảm nhận được những cảm giác, từng vẻ đẹp của thiên nhiên (bầu trời, cánh chim) ủa vào trong buồng lái. Đó là cảm giác mạnh đột ngột khi xe chạy nhanh trên đường băng, khi trời tối thì trước mắt là sao trời, khi đường cua đột ngột trên dốc thì đột ngột thấy cánh chim (người lái xe phải đổi mặt với địa thế con đường cheo leo hiểm</p>
--	---

<p>? Điều khiển những chiếc xe không kính những người lính lái xe phải đối mặt những khó khăn nào, tìm những câu thơ biểu hiện? (bụi, mưa..)</p> <p>? Với những chiếc xe không có kính, người chiến sĩ lái xe đã thể hiện thái độ gì? (tìm những câu thơ nói về điều đó)</p> <p>? Nhận xét về biện pháp nghệ thuật trong các câu thơ trên? Tác dụng của các biện pháp nghệ thuật ở đây?</p> <p>? Em có suy nghĩ gì về hai câu thơ cuối?</p> <p>? Qua phần phân tích trên đây, hãy nhận xét chung về người chiến sĩ lái xe trên tuyến đường Trường Sơn năm xưa?</p>	<p>nguy và cũng đầy thú vị) - "Không có kính ừ thì có bụi ...chưa cần rửa phì phèo châm điếu thuốc ...không có kính, ừ thì ướt áo ...chưa cần thay lái trăm cây số nữa"</p> <p>=> Thái độ ngang tàng, bất chấp khó khăn, gian khổ, hiểm nguy - "Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha ...gặp bè bạn suốt dọc đường đi tới Bật tay qua cửa kính vỡ rồi" -> Cấu trúc câu thơ được lặp lại -> Làm nổi bật tác phong sống nhanh nhẹn, hoạt bát, sôi nổi, tinh nghịch, ăm ắp tình đồng đội của những người lính lái xe Trường Sơn. - "Xe vẫn chạy vì miền nam phía trước Chỉ cần trong xe có một trái tim" -> khẳng định quyết tâm giải phóng miền nam không lay chuyển, tình yêu miền Nam là sức mạnh vô song (xe có thể thiếu nhiều thứ, nhưng không thể thiếu được trái tim hướng về miền Nam - xe chạy = trái tim = xương máu của những người chiến sĩ anh hùng) * Hình ảnh những người chiến sĩ lái xe: trẻ trung, tinh nghịch, ngang tàng mà kiên định lạc quan, yêu đời -> khí thế quyết tâm giải phóng miền Nam của toàn dân, toàn quân ta, khẳng định con người mạnh hơn sắt thép</p>
--	--

TIẾT 2

B. Luyện tập

Hoạt động của GV- HS	Kiến thức cần đạt
GV phát PBT Đề Đọc – Hiểu số 1, chiếu PHT trên màn hình TV ->	Định hướng trả lời ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1

Hướng dẫn học sinh tìm hiểu yêu cầu của đề:

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:

Cho hai khổ thơ sau:

*Không có kính không phải vì xe
không có kính*

*Bom giật bom rung kính vỡ đi rồi
Ung dung buồng lái ta ngồi
Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.*

*Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng
Thấy con đường chạy thẳng vào tim
Thấy sao trời và đột ngột cánh chim
Như sa như ùa vào buồng lái.*

Câu 1: Hãy cho biết những câu thơ trên trích trong bài thơ nào, do ai sáng tác. Nêu hoàn cảnh sáng tác của bài thơ.

Câu 2: Có ý kiến cho rằng bài thơ hấp dẫn ngay từ nhan đề độc đáo. Em có đồng ý với ý kiến trên không? Tại sao?

Câu 3: Tại sao có thể nói hình ảnh những chiếc xe không kính là một sáng tạo độc đáo của Phạm Tiến Duật.

- HS làm việc cá nhân 10 phút
- 3 HS viết bảng phụ (5p/HS)
- GV chữa bảng phụ, HS đổi vở chấm chéo
- GV: đánh giá tinh thần làm bài chung, nhấn mạnh để lưu ý các lỗi phổ biến hay mắc qua bài làm của HS: hình thức, kiến thức, kỹ năng

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2

Cho câu thơ:

“Những chiếc xe từ trong bom rơi”

Câu 1: Chép tiếp 7 câu thơ tiếp theo để hoàn thiện hai khổ thơ tiếp

Câu 1: Những câu thơ trên trích trong bài thơ Bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật.

- Bài thơ được sáng tác năm 1969 trong thời kì kháng chiến chống Mỹ đang diễn ra ác liệt trên tuyến đường chiến lược.

- Bài thơ đạt giải nhất cuộc thi báo Văn nghệ 1969 và được đưa vào tập “Vàng trắng quầng lửa” của tác giả.

Câu 2:

Bài thơ độc đáo ngay từ nhan đề tác phẩm.

- Nhan đề tưởng dài, tưởng như có chỗ thừa nhưng thu hút người đọc bởi vẻ độc đáo, lạ lẫm của nó.

Bài thơ làm nổi bật hình ảnh độc đáo: Những chiếc xe không kính.

- Hai chữ bài thơ thêm vào cho thấy lãng kính nhìn hiện thực khốc liệt của chiến tranh, chất thơ của tuổi trẻ, hiên ngang, bất khuất, dũng cảm vượt qua thiếu thốn, gian khổ nguy hiểm của thời chiến.

Câu 3:

- Hình ảnh những chiếc xe không kính là một sáng tạo độc đáo của Phạm Tiến Duật bởi xưa nay hình ảnh tàu xe đi vào thơ ca đều được lãng mạn hóa, mỹ lệ hóa nhưng Phạm Tiến Duật lại không ngần ngại đưa vào thơ của mình hình ảnh trần trụi, thực tế “những chiếc xe không kính”.

- Hình ảnh những chiếc xe không kính là nhân chứng hùng hồn, chân thực cho hiện thực chiến tranh khốc liệt lúc bấy giờ.

Với tâm hồn lãng mạn, nhạy cảm cùng với nét tinh nghịch, ngang tàng hình tượng những chiếc xe không kính xuất hiện trong thơ như để thử thách con người, cũng như để khẳng định chất thép, tinh thần dũng cảm, lạc quan coi thường hiểm nguy của những người lính lái xe Trường Sơn.

Định hướng trả lời

ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2

theo.

Câu 2: Cho biết từ “trái tim” dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển. Nêu ý nghĩa của hình ảnh ấy trong việc thể hiện vẻ đẹp người lính lái xe?

Câu 3: Em hiểu thế nào về hình ảnh trong hai câu thơ:

*Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời
Chung bát đũa nghĩa là gia đình
đây*

Câu 4: Viết đoạn văn khoảng 12 câu theo phương thức quy nạp nêu cảm nhận về khổ thơ cuối bài "Bài thơ về tiểu đội xe không kính".

Câu 1:

*Những chiếc xe từ trong bom rơi
Đã về đây họp thành tiểu đội
Gặp bạn bè suốt dọc đường đi tới
Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi*

*Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời
Chung bát đũa nghĩa là gia đình đây
Võng mắc chông chênh đường xe chạy
Lại đi lại đi trời xanh thêm.*

Câu 2:

- Từ “trái tim” được dùng theo nghĩa chuyển.
- Trái tim thay thế cho tất cả những thiếu thốn trên xe “không kính, không đèn, không mui”, hợp nhất với tinh thần, ý chí của người lính lái xe không gì có thể ngăn cản, tàn phá được.

- Xe được chạy bằng chính trái tim, xương máu của chiến sĩ, trái tim ấy là niềm tin, niềm lạc quan và sức mạnh chiến thắng. Những chiếc xe càng thêm độc đáo vì đó là những chiếc xe do ý chí, niềm tin sắt đá cầm lái.

Hình ảnh trái tim được hiểu theo nghĩa ẩn dụ và hoán dụ: trái tim tượng trưng cho tâm hồn và phẩm chất của người chiến sĩ lái xe. Trái tim nồng cháy một lẽ cao đẹp thiêng liêng: tất cả vì miền Nam thân yêu, trái tim chứa đựng bản lĩnh, chất ngang tàng, lòng dũng cảm cùng tinh thần lạc quan vào ngày thống nhất.

- Trái tim trở thành nhãn tự toàn bài thơ, hội tụ tất cả vẻ đẹp của tinh thần, ý chí của người lính lái xe cũng như để lại cảm xúc sâu lắng trong lòng người đọc.

Câu 3:

- Bếp Hoàng Cầm ra đời trong chiến dịch Điện Biên Phủ. Đây là bếp dã chiến, có công dụng làm tan loãng khói bếp tỏa ra, khi nấu ăn tránh máy bay phát hiện.

- Hình ảnh bếp Hoàng Cầm trong thơ Phạm Tiến Duật gọi lên tình cảm thấm thiết như ruột thịt của những người lính.

- Tác giả đưa ra cách định nghĩa thật thú vị về

gia đình, vừa hài hước, tếu táo lại tình cảm sâu lắng, thiêng liêng giúp con người xích lại gần nhau hơn trong những cái chung: chung bát, chung đũa, chung nắm cơm, bếp lửa, chung hoàn cảnh, chung con đường với vô vàn thách thức nguy hiểm.

Câu 4:

- Ý chí chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

+ Bài thơ khép lại bằng hình ảnh thể hiện ý chí kiên cường vì Tổ quốc, đó là sức mạnh sâu sắc, phi thường của người lính để vượt lên tất cả, bất chấp mọi nguy nan, mọi sự hủy diệt, tàn phá.

+ Biện pháp liệt kê, điệp ngữ được sử dụng nhằm nhấn mạnh sự ác liệt của chiến tranh ngày càng tăng, và sự thiếu thốn, mất mát ngày càng lớn.

+ Điều kì diệu và đặc biệt là không gì có thể cản trở, tàn phá được chuyển động của chiếc xe vì “xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước”.

+ Mọi thứ trên xe không còn nguyên vẹn nhưng vẫn nguyên vẹn trái tim, ý chí của người lính. Đó chính là sự ngoan cường, dũng cảm, vượt lên trên mọi gian khổ ác liệt mà còn là sức mạnh của tinh thần yêu nước.

+ Đối lập với những cái “không có” ở trên là một cái “có”, sức mạnh từ trái tim có thể chiến thắng bom đạn kẻ thù. Những chiếc xe chạy bằng sức mạnh của trái tim.

+ Trái tim là hình ảnh ẩn dụ, hoán dụ, kết tinh cho vẻ đẹp về tâm hồn và phẩm chất của người lính lái xe. Trái tim nồng cháy một lẽ sống cao đẹp: vì miền Nam, vì sự thống nhất đất nước.

- Hình ảnh những người lính chiến đấu với lý tưởng độc lập tự do gắn với chủ nghĩa xã hội, họ ý thức về trách nhiệm của thế hệ mình. Hình ảnh của họ đã thể hiện thế hệ anh hùng, mạnh mẽ, hiên ngang.

TIẾT 3

B.Luyện tập (tiếp theo)

Hoạt động của GV- HS	Kiến thức cần đạt
<p>ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3</p> <p>Kết thúc bài thơ “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”, Phạm Tiến Duật viết:</p> <p><i>... Không có kính, rồi xe không có đèn</i> <i>Không có mui xe, thùng xe có xước</i> <i>Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước</i> <i>Chỉ cần trong xe có một trái tim.</i></p> <p>(Trích Ngữ văn 9, tập 1, NXB Giáo dục)</p> <p>Câu 1: Theo em vì sao tác giả lại nhắc lại hình ảnh của những chiếc xe không kính ở cuối bài thơ?</p> <p>Câu 2: Chỉ ra các biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu đầu của khổ thơ trên và nêu tác dụng?</p> <p>Câu 3: Trong chương trình Ngữ văn THCS, mối quan hệ giữa cái “không” và cái “có” đã được một nhà thơ khác sử dụng rất thành công để biểu đạt dụng ý nghệ thuật. Em hãy nêu tên tác phẩm và ghi rõ tên tác giả.</p> <p>Câu 4: Hình ảnh “trái tim” có ý nghĩa như thế nào? Qua đó ca ngợi phẩm chất gì của những người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn thời chống Mỹ?</p>	<p>Định hướng trả lời</p> <p>Câu 1: Tác giả nhắc lại hình ảnh những chiếc xe không kính, không đèn, không mui, thùng xe xây xước nhằm khẳng định sự gian khổ, ác liệt nơi chiến trường ngày càng tăng.</p> <p>Câu 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các biện pháp điệp ngữ và liệt kê (chỉ rõ) - Tác dụng: <ul style="list-style-type: none"> + Tái hiện chân thực hình ảnh những chiếc xe trên tuyến đường TS + Tô đậm những thiếu thốn, khó khăn, gian khổ của người lính, sự khốc liệt của chiến trường và bản lĩnh của những người lính lái xe <p>Câu 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kể tên văn bản: Bạn đến chơi nhà - Tác giả: Nguyễn Khuyến <p>Câu 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trái tim của những người chiến sĩ lái xe một lòng hướng về miền Nam ruột thịt. - Phẩm chất: yêu nước, ý chí quyết tâm chiến đấu vì miền Nam, vì Tổ quốc.
<p>ĐỀ NGHỊ LUẬN VĂN HỌC</p> <p>Phân tích hình ảnh người lính lái xe trong bài thơ “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”</p> <p>GV hướng dẫn HS tìm hiểu đề, phân tích đề bài, xây dựng dàn ý chung</p> <p>Sau khi thống nhất dàn ý chung GV cung cấp cho HS dàn ý chi tiết (Phát tài liệu in sẵn)</p>	<p>Phân tích hình ảnh người lính lái xe trong bài thơ “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”</p> <p>Dàn ý chi tiết</p> <p>A. Mở bài: Phạm Tiến Duật là một trong những nhà thơ tiêu biểu nhất của thế hệ những nhà thơ trẻ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Hình ảnh những người lính lái xe, những cô gái mở</p>

đường trên tuyến đường Trường Sơn đã được ông phản ánh thật cụ thể chân thực trong những tác phẩm của mình.

- Bài thơ về tiểu đội xe không kính là bài thơ tiêu biểu nhất. Qua việc xây dựng hình tượng những chiếc xe không kính, Phạm Tiến Duật đã khắc họa và làm nổi bật được hình ảnh những người chiến sĩ lái xe với bao vẻ đẹp đáng trân trọng và tự hào.

B.Thân bài

1.Dẫn dắt: Phạm Tiến Duật là một gương mặt thơ có phong cách và giọng điệu thơ rất mới lạ độc đáo. Cái độc đáo trong “Bài thơ về tiểu đội xe không kính là quan hình tượng “những chiếc xe không kính nhà thơ một mặt phản ánh chân thực cụ thể sống động hiện thực cuộc sống chiến tranh thời chống Mĩ thật gian khổ ác liệt. Và hơn thế nữa nhà thơ còn khắc họa thành công nổi bật những vẻ đẹp của người chiến sĩ lái xe làm nhiệm vụ trên con đường huyền thoại Trường Sơn thời đánh Mĩ.

2. Phân tích:

a)Trước hết nhà thơ Phạm Tiến Duật giúp bạn đọc thấy được vẻ đẹp của lòng dũng cảm, thái độ, ung dung đường hoàng, bất chấp khó khăn, coi thường gian khổ trong cuộc sống chiến đấu, sự gian khổ nguy hiểm đầu tiên mà các anh phải trải qua chính là bom đạn của kẻ thù.

“Không có kính vỡ đi rồi”

Có thể nói trong những năm tháng các anh làm nhiệm vụ lái xe là những năm tháng các anh phải đối mặt với những trận mưa bom bão đạn của kẻ thù đội xuống. Vậy mà giọng thơ thật thản nhiên pha chút ngang tàn. Điều đó phản ánh một thái độ

thần nhiên coi thường gian khổ nguy hiểm của người chiến sĩ “Bom giật, bom rung” làm cho những chiếc xe vận tải không còn kính để che chắn. Bom đạn ác liệt của kẻ thù làm cho chiếc xe ngày một bị biến dạng đi nhưng vẫn không ngăn cản được tinh thần ý chí của các anh.

- Những gian khổ của các anh còn là bụi đường mưa rừng trên những đường hành quân ra mặt trận

“Không có kính người già”

Và “không có kính ngoài trời”

Vì không có kính mà gió bụi mưa thổi phun tuôn xối xả vào trong buồng lái. Hai cặp câu thơ trên nhịp điệu thật cân đối, giọng thơ thì hồi hã, giàu tính khôi ngô cũng đã góp phần thể hiện thái độ bất chấp khó khăn coi thường gian khổ ở các anh. Đối mặt với cát bụi gió mưa làm sao mà không gian khổ mệt mỏi? Con đường Trường Sơn những năm đánh Mĩ với bao khó khăn gặp ghềnh hiểm trở, những cơn mưa rừng như trút nước đường lầy lội ngập bánh xe còn về mùa khô bụi đường phun mù trời. Bì cát bụi mưa rừng nhưng các anh chưa cần rửa, chưa cần thay, vẫn vững vàng tay lái tiến về phía trước. Dường như với các anh chính những khó khăn gian khổ của cuộc đời người lính là điều kiện, là thử thách để các anh tôi luyện ý chí, nghị lực và lòng dũng cảm cho mình.

b) Không chỉ có lòng dũng cảm, ý chí hiên ngang kiên cường vượt lên trên khó khăn gian khổ, những người lính lái xe còn bộc lộ là những chàng trai trẻ trung sôi nổi yêu đời phơi phới niềm tin, niềm lạc quan cách mạng. Trong gian khổ các anh luôn tạo cho mình một phong thái ung dung,

một tinh thần bình tĩnh “Ung dung....
buồng lái”

Điệp từ *nhìn* được lặp lại 5 lần như để nhấn mạnh cái nhìn, cách nhìn, tư thế nhìn của người chiến sĩ. Những chiếc xe không còn kính đó là nguy hiểm nhưng cũng chắc thể trở ngại các anh. Qua ô cửa kính bị vỡ các anh có thể trực tiếp tiếp xúc với thiên nhiên. Họ nhìn thấy gió, thấy con đường, thấy mặt đất, thấy bầu trời với những ngôi sao lấp lánh và cả những cánh chim trời như xà ủa vào buồng lái. Các anh say sưa ngắm nhìn thiên nhiên và dường như trên những chặng đường hành quân dài thiên nhiên như là người bạn đồng hành khích lệ động viên người lính. Qua đó nhà thơ cho ta thấy rằng các anh rất yêu đời, yêu thiên nhiên, tinh thần luôn lạc quan, biết nhìn thẳng, nhìn đúng hướng và một biểu hiện nữa là người lính khi bị gió bụi mưa tuôn nhưng chưa cần rửa, chưa cần thay, ngược lại họ còn phì phèo châm điếu thuốc nhìn nhau thấy mặt ... cất lên tiếng cười “ha ha” thật sảng khoái. Đó là nụ cười lạc quan, cười để vượt lên trên gian khổ hoàn thành nhiệm vụ của mình. Chất lính, chất trẻ và tinh thần lạc quan của người lính lái xe cũng là một trong những phẩm chất vô cùng cao đẹp của người lính nói chung.

c) Là những người lính tình đồng chí đồng đội gắn bó thắm thiết cũng là một trong những phẩm chất cao đẹp của người kính lái xe nói riêng và người lính cụ Hồ nói chung. Ở đây nhà thơ Phạm Tiến Duật không tái hiện một chiếc xe đơn độc mà là cả một đoàn binh đoàn vận tải làm nhiệm vụ trở lương thực vũ khí đạn dược chi viện cho tiền tuyến miền Nam

“ Những chiếc xe ... trời xanh thêm”

Những chiếc xe vận tải dãi dầu mưa bom bão đạn, bị tàn phá hư hại gặp nhau trên đường hành quân, hình thành một tiểu đội xe không kính, nơi cửa kính bị vỡ không chỉ là hiểm nguy với người lính lái xe mà còn là điều kiện thuận lợi để thắt chặt tình đồng chí, đồng đội giữa họ. Khi gặp nhau họ chẳng phải mở cửa xe, luôn chôn cửa kính bị vỡ họ chìa tay ra bắt tay nhau một cái bắt tay mộc mạc, giản dị mà đầy ý nghĩa, Họ chúc mừng nhau, động viên nhau để hoàn thành nhiệm vụ. Rồi họ cùng dùng bếp Hoàng Cầm lên cùng chung bát đũa cùng ăn một bữa cơm đạm bạc giữa rừng, cùng mắc võng chôn chênh tâm sự... từ những người đồng chí họ đã trở thành những người thân ruột thịt trong một đại gia đình và họ “... lại đi lại đi”.... Nhịp thơ hồi hã hào hứng diễn tả cuộc sống người lính thật khắt trương mà sôi nổi vui tươi thấm thiết tình đồng chí. Trong bom đạn khói lửa các anh gặp nhau trong chốc lát, trong tình đoàn kết gắn bó cùng quyết tâm vượt qua gian khổ chính tình đồng chí đã tiếp thêm tình đồng chí trong chiến đấu.

d) Song có lẽ đẹp nhất ở các anh là trái tim yêu nước căm thù một ý chí quyết chiến, quyết thắng giặc mĩ xâm lược để giải phóng miền Nam thống nhất nước nhà,. Khổ cuối bài thơ khắc họa, cụ thể sinh động về chiếc xe không kính và làm nổi bật trái tim yêu nước ở các anh .

“Không kính trái tim “

Lúc này đây những chiếc xe vận tải dường như không còn là chiếc xe vận tải mà là một đồng sắt vụn. Ban đầu là không

có đèn, sau đó là không có mui rê, thùng xe lại bị xước, điệp từ không lặp đi lặp lại như nhấn mạnh sự tàn phá nặng nề biến dạng của những chiếc xe. Nhưng kì lạ thay những chiếc xe trần trụi ấy vẫn chạy, vẫn bon bon lăn bánh nối đuôi nhau ra mặt trận. Tác giả lí giải điều đó thật bất ngờ ngạc nhiên “chỉ cần trong xe có một trái tim”. Hình ảnh trái tim là một hình ảnh hoán dụ kép tuy không mới nhưng dưới ngòi bút tài hoa của Phạm Tiến Duật hình ảnh đó có ý nghĩa sâu sắc lớn lao. Đó là người chiến sĩ lái xe có lòng yêu nước nồng nàn, căm thù giặc sâu sắc, quyết chiến, quyết thắng kẻ thù. Thì ra nhà thơ Phạm Tiến Duật muốn hàm ý nói một điều cái Quyết định chiến thắng không phải là vũ khí tối tân hiện tại, lực lượng đông đảo mà chính là trái tim yêu nước và lòng căm thù giặc cao độ. Có lẽ có bài thơ này nhất là ở câu thơ cuối “Con mắt của thơ” vừa làm sáng lên chủ đề, vừa tỏa sáng vẻ đẹp của hình tượng người lính lái xe.

3. Đánh giá

“ Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật là một bài thơ độc đáo với các hình ảnh sáng tạo. Nhà thơ đã khắc họa thành công hình ảnh người chiến sĩ lái xe cụ thể chân thực sống động và giàu sức gợi cảm. Họ chính là hình ảnh tiêu biểu của tuổi trẻ ở người anh hùng tự nguyện chiến đấu bảo vệ Tổ quốc với tinh thần bất chấp khó khăn dũng cảm, phơi phới niềm lạc quan tin tưởng. Qua hình ảnh những người lính lái xe - những chiếc xe không kính thể hiện sự tìm tòi phát hiện và sáng tạo của Phạm Tiến Duật góp phần làm mới, làm đẹp hình ảnh những người Việt

	Nam của một thời: “Xe dọc Trường Sơn đi cứu nước Mà lòng phôi phôi dạy tương lai”. C. Kết bài. Khẳng định vấn đề, nêu cảm nghĩ riêng...
--	--

III. Củng cố - Dặn dò

- Nắm bắt chắc chắn những nội dung trọng tâm đã ôn trong buổi học.
- Đọc, nắm bắt ý phần tài liệu đề văn nghị luận.
Hết.....

Ngày soạn :

Ngày dạy :

Buổi 10 . ÔN TẬP VĂN BẢN ÁNH TRĂNG (Nguyễn Duy)

I. Mục tiêu cần đạt :

1.Kiến thức:

Giúp học sinh

- Nắm rõ được vài nét về tác giả và hoàn cảnh ra đời tác phẩm.
- Hiểu được kỉ niệm về một thời gian lao nhưng nặng nghĩa tình của người lính.
- Cảm nhận được sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố trữ tình và yếu tố tự sự trong bố cục, ngôn ngữ và hình ảnh giàu suy nghĩ, mang ý nghĩa biểu tượng.

2. Kỹ năng:

Rèn kĩ năng

- Đọc – hiểu văn bản thơ được sáng tác sau năm 1975
- Vận dụng kiến thức về thể loại và sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong tác phẩm thơ để cảm thụ và phân tích thơ.

3.Thái độ- Phẩm chất

- Có tình yêu thiên nhiên, trân trọng quá khứ.
- Giáo dục bảo vệ môi trường.
- Tự tin, tự chủ, yêu quê hương đất nước, có trách nhiệm với cộng đồng và đất nước.

4. Định hướng năng lực :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng CNTT, cảm thụ, phân tích.

II. Chuẩn bị

1. Thầy :

- Soạn bài, tham khảo tài liệu
- Dự kiến phương án tích hợp - liên hệ:
- + Văn - Văn : Một số văn bản có hình ảnh ánh trăng
- + Văn - TV : Điệp từ, nhân hóa, so sánh...
- + Văn - TLV : Văn miêu tả, tự sự, biểu cảm

2. Trò :

- Đọc thuộc văn bản
- Nắm chắc các kiến thức đã học trên lớp.

III. Tiến trình dạy học

1. Ôn định trật tự - Kiểm tra sĩ số

2. Kiểm tra bài cũ :

Câu hỏi : Đọc thuộc lòng bài thơ Ánh trăng (Nguyễn Duy) ?

3. Vào bài mới :

TIẾT 1 .

A. HỆ THỐNG HÓA KIẾN THỨC

- **Mục tiêu:** Hs nhớ lại những kiến thức về tác giả, văn bản, phương thức biểu đạt, nội dung, nghệ thuật.....
- **Phương pháp:** Giải quyết vấn đề, thuyết trình, thảo luận, dự án,
- **Kĩ thuật:** Động não
- **Cách thức:** Hoạt động cá nhân, nhóm

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
<p>GV hướng dẫn học sinh hệ thống hóa kiến thức.</p> <p>Qua phần chuẩn bị ở nhà, các nhóm lên thuyết trình các vấn đề sau trong thời gian (10p):</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Thuyết trình về tác giả, hoàn cảnh sáng tác văn bản.</i> - <i>Thể thơ, phương thức biểu đạt</i> - <i>Thuyết trình về nghệ thuật và nội dung của văn bản.</i> - <i>Thuyết trình về ý nghĩa nhan đề văn bản.</i> <p>- Nhóm 1 : Trình bày những hiểu biết của em về tác giả Nguyễn Duy ?</p>	<p>A. Hệ thống hóa kiến thức</p> <p>I. Tác giả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Duy (1948) quê ở Thanh Hoá. - Ông thuộc thế hệ nhà thơ quân đội trưởng thành trước cuộc chiến chống Mỹ cứu nước. - Sau chiến tranh, Nguyễn Duy vẫn say sưa và tiếp tục con đường thơ của mình. Thơ ông ngày càng đậm đà, ổn định một phong cách, một giọng điệu “quen thuộc mà không nhàm chán”. - Thơ Nguyễn Duy có giàu chất triết lý, thiên về chiều sâu nội tâm với những trăn trở, day dứt, suy tư. - Các tác phẩm chính: Cát trắng (thơ 1973), ánh trăng (1978), Mẹ và em (thơ 1987)... - Tác giả đã được nhận các giải thưởng: Giải nhất thơ tuần báo “Văn nghệ (1973); Giải A về thơ của hội nhà

<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời - GV chốt ý, HS ghi bài <p>-Nhóm 2: Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh nào ? Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời - GV chốt ý, HS ghi bài <p>- Nhóm 3 :</p> <p>? Bài thơ được sáng tác theo thể thơ nào ? Nêu phương thức biểu đạt , bố cục và mạch cảm xúc của bài thơ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời - GV chốt ý, HS ghi bài <p>? Bài thơ là sự kết hợp rất nhuần nhuyễn giữa yếu tố tự sự và trữ tình. Em có nhận xét gì về sự kết hợp này ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời - GV chốt ý, HS ghi bài 	<p>văn Việt Nam (1985).</p> <p>2. Tác phẩm:</p> <p>a. Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ ra đời năm 1978 tại thành phố Hồ Chí Minh. (Ba năm sau ngày kết thúc chiến tranh, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước).</p> <p>b. Khái quát nội dung, nghệ thuật:</p> <p>* Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài thơ là lời nhắc nhở về những năm tháng gian lao đã qua của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên, đất nước, bình dị, hiền hậu. - Từ đó, gợi nhắc người đọc thái độ sống “<i>uống nước nhớ nguồn</i>”, ân nghĩa thủy chung cùng quá khứ. <p>* Nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giọng điệu tâm tình, tự nhiên kết hợp giữa yếu tố trữ tình và tự sự. - Hình ảnh giàu tính biểu cảm: trăng giàu ý nghĩa biểu tượng. <p>c. Thể thơ - Phương thức biểu đạt: Thể thơ 5 chữ - phù hợp với phương thức biểu đạt kết hợp hài hoà giữa biểu cảm (trữ tình) và tự sự.</p> <p>d. Bố cục của bài thơ:</p> <p>* Mạch vận động cảm xúc: Bài thơ là câu chuyện nhỏ được kể theo trình tự thời gian từ quá khứ đến hiện tại với các mốc sự kiện trong cuộc đời con người. Dòng cảm xúc của nhà thơ cũng được bộc lộ theo mạch tự sự. Theo dòng tự sự ấy mạch cảm xúc đi từ quá khứ đến hiện tại và lắng kết trong cái “giật mình” cuối bài thơ.</p> <p>* Bố cục: Bài thơ chia làm 3 phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 3 khổ thơ đầu: ký ức về vàng trăng trong quá khứ của tác giả và trong hiện tại. - Khổ 4 tình huống bất ngờ khiến hồi ức ứa về. - 2 khổ cuối: sự hối hận của tác giả vì đã lãng quên vàng trăng. <p>e. Nhận xét về sự kết hợp giữa yếu tố tự sự và yếu tố trữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài thơ mang dáng dấp một câu chuyện nhỏ, một lời tâm tình kể theo trình tự thời gian. Dòng cảm hứng trữ tình của nhà thơ men theo mạch tự sự đó. ở quãng thời gian quá khứ đã có một sự biến đổi, một sự thực đáng chú ý: bắt đầu từ hồi ức về “hồi nhỏ”, “hồi chiến
---	--

<p>- Nhóm 4 : Nêu ý nghĩa nhan đề của bài thơ ?</p>	<p>tranh” sống gần gũi, gắn bó với thiên nhiên, với vàng trắng: “<i>ngõ không bao giờ quên - cái vàng trắng tình nghĩa</i>”. Tiếp đó là sự đổi thay của hoàn cảnh hiện tại: “<i>Từ hồi về thành phố</i>”, con người sống với những tiện nghi hiện đại mà quên đi vàng trắng: “<i>vàng trắng đi qua ngõ - như người dừng qua đường</i>”.</p> <p>- Trong dòng diễn biến theo thời gian, sự việc bắt thường ở khổ thơ thứ tư: “<i>Thình lình đèn điện tắt</i>” chính là bước ngoặt để tác giả bộc lộ cảm xúc, thể hiện chủ đề tác phẩm. Vàng trắng tròn ở ngoài kia, trên kia đối lập với “phòng buyn - đỉnh tối om”. Chính vì xuất hiện đột ngột trong bối cảnh ấy, vàng trắng bắt ngờ mà tự nhiên đã gợi ra bao kỷ niệm nghĩa tình.</p> <p>f. Ý nghĩa nhan đề</p> <p>- Nhan đề “ Ánh trăng” trước hết là một phần của thiên nhiên với tất cả những gì gần gũi, thân thuộc nhất</p> <p>- “ Ánh trăng” là biểu tượng cho quá khứ nghĩa tình, thủy chung gắn bó với lịch sử hào hùng của dân tộc.</p> <p>- Gợi cho ta liên tưởng đến những con người giản dị mà thủy chung nghĩa tình: nhân dân , đồng đội.</p>
--	--

B. LUYỆN TẬP

- **Mục tiêu:** Thông qua làm các đề bài để khắc sâu kiến thức về văn bản , tích hợp với kiến thức tiếng việt
- **Phương pháp:** Giải quyết vấn đề, thuyết trình, thảo luận, dự án.
- **Kĩ thuật:** Động não
- **Cách thức:** Hoạt động cá nhân, nhóm.

Hoạt động của GV – HS	Kiến thức cần đạt
<p><i>GV Hướng dẫn học sinh làm các dạng bài tập rèn kĩ năng phát hiện, phân tích tác dụng các BPTT</i></p> <p>- Hình thức : Hoạt động theo nhóm (3 nhóm)</p> <p>- Thời gian: 5 phút</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày kết quả. GV nhận xét, sửa lỗi, bổ sung, chốt kết</p>	<p>B.Luyện tập</p> <p>I. Bài tập luyện kĩ năng phát hiện, phân tích các BPTT</p>

quả. (10 phút)

- Câu hỏi :

Nhóm 1 – Bài tập 1:

Chỉ ra tên và tác dụng của các biện pháp nghệ thuật trong hai khổ thơ đầu trong bài thơ “Ánh trăng” của Nguyễn Duy?

*Hồi nhỏ sống với đồng
với sông rồi với biển
hồi chiến tranh ở rừng
vầng trăng thành tri kỷ*

*Trần trụi với thiên nhiên
hồn nhiên như cây cỏ
ngờ không bao giờ quên
cái vầng trăng tình nghĩa*

Nhóm 2 – Bài tập 2:

Chỉ ra tên và tác dụng của các biện pháp nghệ thuật trong hai khổ thơ giữa trong bài thơ “Ánh trăng” của Nguyễn Duy?

*Từ hồi về thành phố
quen ánh điện cửa gương
vầng trăng đi qua ngõ
như người dưng qua đường*

1. Bài tập 1

- Điệp từ: *hồi* + *với*

-> **Tác dụng:** Cách kể chuyện thân mật, gần gũi từ đó tô đậm thêm sự gắn bó chan hòa của con người với thiên nhiên, với những tươi đẹp của tuổi thơ.

- Liệt kê: *đồng, sông, bể, rừng*

-> **Tác dụng:** Liệt kê những kỉ niệm gắn bó với tuổi thơ và năm tháng chiến đấu ác liệt của tác giả.

- Nhân hóa: “*vầng trăng thành tri kỷ*”

-> **Tác dụng:** trăng là người bạn thân thiết, tri âm tri kỉ, là đồng chí cùng chia sẻ những vui buồn trong chiến trận với người lính – nhà thơ. Ông phải hành quân giữa đêm, trên những nẻo đường chông gai ra mặt trận, những phiên gác giữa rừng khuya lạnh lẽo, những tối nằm yên giấc dưới màn trời đen đặc, người lính đều có vầng trăng bên cạnh, cùng trải qua bao gian khổ của cuộc sống chiến đấu, cùng chia ngọt sẻ bùi, đồng cam cộng khổ; cùng hân hoan trong niềm vui thắng trận, cung xao xuyến, bồn chồn, khắc khoải mỗi khi người lính nhớ nhà, nhớ quê...

- So sánh: “*hồn nhiên như cây cỏ*”

-> **Tác dụng:** cho ta thấy rõ hơn vẻ đẹp bình dị, mộc mạc, trong sáng, rất đời vô tư, hồn nhiên của vầng trăng. Đó cũng chính là hình ảnh con người lúc bấy giờ: vô tư, hồn nhiên, trong sáng.

- Nhân hóa “*vầng trăng tình nghĩa*”

-> **Tác dụng:** Trăng là người bạn thân thiết, có tình nghĩa, sống thủy chung, son sắt không bao giờ quên đi con người.

2. Bài tập 2

- quen ánh điện cửa gương

-> **Biện pháp: hoán dụ “*ánh điện, cửa gương*”**

-> **Tác dụng:** ánh điện, cửa gương đại diện cho những thứ sang trọng, hiện đại ở thành phố nơi mà tác giả sinh sống, từ đó mà tác giả đã lãng quên đi quá khứ ân tình thủy chung.

- vầng trăng đi qua ngõ

-> **Biện pháp: nhân hóa**

-> **Tác dụng:** Làm cho hình ảnh ánh trăng trở nên gần gũi, sinh động. Trăng lúc nào cũng dõi theo, theo sát

<p>Thình lình đèn điện tắt phòng buyn-đinh tối om vội bật tung cửa sổ đột ngột vầng trăng tròn</p> <p>Nhóm 3 – Bài tập 3: Chỉ ra tên và tác dụng của các biện pháp nghệ thuật trong hai khổ thơ cuối trong bài thơ “Ánh trăng” của Nguyễn Duy?</p> <p>Ngửa mặt lên nhìn mặt có cái gì rưng rưng như là đồng là bể như là sông là rừng</p> <p>Trăng cứ tròn vành vạnh kể chi người vô tình ánh trăng im phăng phắc đủ cho ta giật mình</p>	<p>con người, duy chỉ có con người là coi vầng trăng là “người dung”</p> <p>- như người dung qua đường ->Biện pháp: so sánh -> Tác dụng: Nhấn mạnh thái độ của con người xem vầng trăng như người lạ, người không quen biết, tất cả những kỷ niệm thời quá khứ bỗng dung không còn nữa.</p> <p>3. Bài tập 3 - Ấn dụ từ “mặt” ->Tác dụng: Đối diện giữa con người và vầng trăng, giữa hiện tại với quá khứ ân tình thủy chung.</p> <p>- Cấu trúc song hành (như là... là), điệp ngữ (như là, là) ->Tác dụng: diễn tả những dòng kí ức về một thời gần bó, chan hòa với thiên nhiên bỗng từ từ ứa về. Thể hiện rõ tâm trạng nghẹn ngào, xúc động của tác giả trước quá khứ</p> <p>- Liệt kê: đồng sông bể ->Tác dụng: giọng thơ dồn dập, nhấn mạnh cảm xúc đối diện của tác giả với quá khứ</p> <p>- Ấn dụ: Trăng cứ tròn vành vạnh ->Tác dụng: là tượng trưng cho quá khứ nghĩa tình, thủy chung, đầy đặn, bao dung, nhân hậu.</p> <p>- Nhân hóa: Hình ảnh “ánh trăng im phăng phắc ->Tác dụng: mang ý nghĩa nghiêm khắc nhắc nhở, là sự trách móc trong lặng im. Chính cái im phăng phắc của vầng trăng đã đánh thức con người, làm xáo động tâm hồn người lính năm xưa. Con người “giật mình” trước ánh trăng là sự bừng tỉnh của nhân cách, là sự trở về với lương tâm trong sạch, tốt đẹp. Đó là lời ân hận, ăn năn day dứt, làm đẹp con người.</p>
--	---

TIẾT 2

B.LUYỆN TẬP (Tiếp)

- Mục tiêu:

+ Tiếp tục giúp Hs nhớ lại những kiến thức về tác giả, văn bản, phương thức biểu đạt, nội dung, nghệ thuật.....

+ Rèn kĩ năng trả lời dạng câu hỏi đọc hiểu và nghị luận văn học

- **Phương pháp:** Giải quyết vấn đề, thuyết trình, thảo luận.

- **Kĩ thuật:** Động não

- **Cách thức:** Hoạt động cá nhân, nhóm

Hoạt động của GV – HS	Kiến thức cần đạt
<p><i>Gv hướng dẫn, rèn học sinh kỹ năng làm các dạng bài tập Đọc hiểu và nghị luận văn học</i></p> <p>1. Bài tập 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức : cá nhân - Câu hỏi : <p>Cho câu thơ: “ <i>Hồi nhỏ sống với đồng</i>”</p> <p>1. Hãy chép chính xác những câu thơ tiếp theo để hoàn thành hai khổ thơ? Nêu nội dung chính của hai khổ thơ em vừa chép?</p> <p>2. Hai khổ thơ em vừa chép của tác giả nào? Hãy giới thiệu đôi nét về tác giả đó và hoàn cảnh sáng tác bài thơ? Hoàn cảnh sáng tác đó có ảnh hưởng gì đến chủ đề bài thơ?</p>	<p>II. Dạng bài đọc hiểu và nghị luận văn học</p> <p>1. Bài tập 1</p> <p>1. Hs chép chính xác hai khổ thơ. Nội dung chính: Hai đoạn thơ đã ghi lại những kỉ niệm đẹp, tình cảm gắn bó giữa con người và vàng trăng trong quá khứ.</p> <p>2. Tác giả Nguyễn Duy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên khai sinh là Nguyễn Duy Nhuệ, sinh năm 1948, quê ở Thanh Hóa. - Ông thuộc thế hệ những nhà thơ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước: <p>+ Trước đổi mới: ND tập trung viết về đề tài chiến tranh và quê hương với khuynh hướng phi sử thi, phản ánh những vẻ đẹp đơn sơ, bình dị, những mất mát, hi sinh và cuộc sống lam lũ của người nông dân.</p> <p>+ Sau đổi mới: Nguyễn Duy mạnh mẽ, táo bạo, dám phơi bày những bất cập của xã hội đương thời.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phong cách sáng tác: Có sự thống nhất của nhiều yếu tố đối lập: mộc mạc, dân dã mà tinh tế sâu sắc; ngang tàng, táo tợn mà thiết tha sâu lắng, nhân tình; tự nhiên ngẫu hứng mà trau trốt công phu. <p>* Hoàn cảnh sáng tác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Được sáng tác năm 1978, ba năm sau khi đất nước được thống nhất. Lúc này tác giả đang sống và làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh. - Thời điểm đó, có những người từng trải qua thử thách gian khổ, từng gắn bó với thiên nhiên, nhân dân, đồng đội, sau khi ra khỏi thời đạn bom, được sống trong hòa bình, giữa những tiện nghi hiện đại... đã quên đi những nghĩa tình của thời đã qua. Trước hiện tượng đó, nhà

<p>3. Trong khổ thơ đầu tác giả sử dụng những biện pháp tu từ gì? Nêu tác dụng?</p> <p>4. Em hiểu nghĩa câu thơ “vàng trắng thành tri kỉ” như thế nào?. Chép lại câu thơ có từ tri kỉ trong chương trình ngữ văn 9, ghi rõ tên tác giả và tác phẩm?</p> <p>5. Em hiểu như thế nào về hai dòng thơ đầu của khổ thơ thứ hai? Việc tác giả sử dụng từ “ngõ” ở cuối khổ thơ thứ hai có tác dụng gì?</p> <p>6. Em hãy viết đoạn văn khoảng 10 đến 12 câu theo cách diễn dịch, sử dụng lời dẫn trực tiếp và một câu ghép để làm rõ nội dung hai khổ thơ em vừa chép?</p> <p>- GV hướng dẫn học sinh các ý cơ bản.</p> <p>- HS viết bài, GV nhận xét sửa chữa</p>	<p>thơ viết bài thơ như lời tự nhắc nhở về những năm tháng gian lao xưa. Đồng thời, bài thơ còn có ý nghĩa gọi nhắc, củng cố ở người đọc thái độ sống “uống nước nhớ nguồn”, ân nghĩa thủy chung cùng quá khứ.</p> <p>3. Biện pháp tu từ ở khổ thơ 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điệp ngữ và liệt kê: Từ “với” được lặp lại cùng phép liệt kê (đồng, sông, bể, rừng) nhấn mạnh sự gắn bó gần gũi, chan hòa giữa con người và thiên nhiên qua các không gian sống khác nhau. - Nhân hóa: “Vàng trắng” được nhân hóa thành “tri kỉ”, thể hiện sự gắn bó thấu hiểu giữa con người và vàng trắng. <p>4. Nghĩa của câu thơ “Vàng trắng thành tri kỉ”: vàng trắng là bạn bè thân thiết với con người. “Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ” (Đồng chí - Chính Hữu)</p> <p>5.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hai dòng đầu của khổ thơ thứ hai miêu tả những kí ức đẹp của người lính- đó là những năm tháng được sống hồn nhiên, tâm hồn rộng mở. + “Trần trụi...”: giữa con người và thiên nhiên không còn khoảng cách + So sánh “hồn nhiên như cây cỏ”: con người hoàn toàn vô tư, không tính toán. - “Ngõ” có nghĩa là tường vây mà không phải vây, diễn tả một sự ngộ nhận. Xuất hiện trong câu thơ cuối khổ thơ thứ hai, nó báo hiệu những chuyển biến của câu chuyện cũng như trong tình cảm của con người với vàng trắng. <p>6. Gồm các ý cơ bản sau:</p> <p>Câu chủ đề: Hai đoạn thơ đã ghi lại những kỉ niệm đẹp, tình cảm gắn bó giữa con người và vàng trắng trong quá khứ.</p> <p>Các câu khai triển:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời thơ ấu con người gắn bó với vàng trắng, gắn liền với những hình ảnh “đồng, sông, bể” - Khi trưởng thành, trở thành người lính, người và vàng trắng vẫn là những người bạn thân thiết - <u>Tình bạn giữa người và vàng trắng tròn /hồn nhiên, vô tư; trắng và người /có nhiều kỉ niệm đẹp trong quá</u>
--	--

khứ.(câu ghép)

- Điệp ngữ và liệt kê: Từ “ với” được lặp lại cùng phép liệt kê(đồng, sông, bể, rừng) nhấn mạnh sự gắn bó gần gũi, chan hòa giữa con người và thiên nhiên qua các không gian sống khác nhau.

- Nhân hóa: “ Vàng trắng” được nhân hóa thành “ tri kỉ”, thể hiện sự gắn bó thấu hiểu giữa con người và vàng trắng.

- Hai dòng đầu của khổ thơ thứ hai miêu tả những kí ức đẹp của người lính- đó là những năm tháng được sống hồn nhiên, tâm hồn rộng mở.

+ “Trần trụi...”: giữa con người và thiên nhiên không còn khoảng cách

+ So sánh “hồn nhiên như cây cỏ”: con người hoàn toàn vô tư, không tính toán.

- “ Ngõ” có nghĩa là tường vậy mà không phải vậy, diễn tả một sự ngộ nhận. Xuất hiện trong câu thơ cuối khổ thơ thứ hai, nó báo hiệu những chuyển biến của câu chuyện cũng như trong tình cảm của con người với vàng trắng.

- Liên hệ: Đoạn thơ thể hiện tình yêu thiên nhiên sâu sắc

- Bài học: Mỗi chúng ta phải biết sống yêu thiên nhiên, hòa hợp với thiên nhiên, từ đó mỗi người phải làm cho thiên nhiên ngày một đẹp hơn.

Câu kết: Tóm lại, với việc sử dụng thành công các biện pháp nghệ thuật điệp ngữ, liệt kê, ẩn dụ, so sánh, hai khổ thơ đã làm hiện lên những kỉ niệm trong quá khứ đầy lãng mạn và đẹp đẽ giữa con người và vàng trắng.

2.Bài tập 2

- **Hình thức : Cá nhân**
- **Câu hỏi :**

Cho câu thơ: “Từ hồi về thành phố”

1. Hãy chép tiếp những câu thơ tiếp theo để hoàn thiện hai khổ thơ? Nêu nội dung chính hai khổ thơ đó?

2. Cả bài thơ chỉ có duy nhất một dấu chấm cuối bài. Điều

2. 2.Bài tập 2

1. Chép chính xác hai khổ thơ 3,4 của bài thơ. Nội dung chính: Hai đoạn thơ đã ghi lại những cảm xúc và suy nghĩ của tác giả về vàng trắng trong hiện tại.

2. Cả bài thơ chỉ có duy nhất một dấu chấm cuối bài, làm cho cảm xúc thơ được liên mạch, đồng thời khiến bài thơ như một câu chuyện nhỏ được kể theo trình tự thời gian.

<p>đó có tác dụng gì?</p> <p>3 Chỉ ra và nêu tác dụng của các phép tu từ được sử dụng ở khổ thơ 3?</p> <p>4. Ghi lại các từ láy và nêu tác dụng của chúng trong hai khổ thơ em vừa chép?</p> <p>5. Nhận xét về cách sử dụng từ ngữ trong câu thơ “vội bật tung cửa sổ”. Câu thơ cho thấy điều gì về nhân vật trữ tình?</p>	<p>3.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoán dụ “ ánh điện, cửa gương” tượng trưng cho cuộc sống đầy đủ tiện nghi nơi phố thị. Phép hoán dụ đã làm rõ sự thay đổi về hoàn cảnh sống của con người từ hồi về thành phố: khép kín, tách biệt và xa rời thiên nhiên. Đó là một trong những lí do dẫn đến sự thay đổi trong thái độ, tình cảm của con người với vàng trắng. - Hình ảnh nhân hóa, so sánh: “vàng trắng đi qua ngõ/ như người dung qua đường” diễn tả sự thay đổi trong tình cảm của con người: Vàng trắng thì vẫn còn đấy, thủy chung tình, nghĩa nhưng con người thì hững hờ, thờ ơ không nhận ra. <p>-> Các phép tu từ ở khổ 3 đã vẽ lên chân dung người lính năm nào, nay là một con người bội bạc, quay lưng lại với quá khứ.</p> <p>4.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các từ “ thành linh, đột ngột” + Từ láy “ thành linh” diễn tả sự bất ngờ của tình huống đèn điện tắt. + Từ láy “đột ngột” diễn tả sự bất ngờ của cuộc gặp gỡ giữa người và trăng cũng như tâm trạng thảng thốt của con người khi gặp lại người bạn tình nghĩa năm nào mà mình đã lãng quên. <p>5. Cách sử dụng từ ngữ trong câu thơ “ vội bật tung cửa sổ”: Tính từ “vội” và động từ mạnh “ bật tung” đi liền nhau, diễn tả sự gấp gáp vội vàng, cho thấy sự ngột ngạt của một con người (đã quen với tiện nghi, sung sướng) khi đứng trước bóng tối. Hành động đó gợi giây phút tâm hồn con người khao khát được thoát khỏi không gian tù túng, chật hẹp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu thơ cho ta thấy sự vội vàng, khẩn trương của con người khi đi tìm nguồn sáng.
<p>3. Bài tập 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức : làm việc theo nhóm (4 nhóm) - Nhóm 1 : câu 1,2,3 - Nhóm 2 : câu 3,4,5 - Nhóm 3 : 6,7,8 - Nhóm 4 : câu 9,10 - Câu hỏi : <p>Chép thuộc lòng đoạn kết bài thơ “Ánh trăng” của Nguyễn</p>	<p>4. Bài tập 3</p>

<p>Duy</p> <p>1. Giải thích nghĩa của hai từ “mặt” trong câu thơ “ Ngửa mặt lên nhìn mặt”. Từ nào được dùng theo nghĩa gốc? Từ nào được dùng theo nghĩa chuyển? Chỉ ra phương thức chuyển nghĩa trong trường hợp này? Phân tích cái hay của việc sử dụng từ “ mặt”?</p> <p>2. Từ “ rung rung” thuộc kiểu từ gì xét theo cấu tạo ? Nó biểu lộ tâm trạng gì của nhân vật trữ tình?</p> <p>3, Chỉ ra và nêu tác dụng của các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong hai khổ thơ em vừa chép?</p> <p>4. Nêu cảm nhận của em về hình ảnh “ Vàng trắng tròn” và “ Trăng cứ tròn vành vạnh”</p> <p>5. Tìm các từ láy trong hai khổ thơ em vừa chép và nêu tác dụng?</p> <p>6. Hình ảnh “Vàng trắng”</p>	<p>1.</p> <p>- Giải thích: từ “mặt” thứ nhất chỉ một bộ phận trên cơ thể người, tính từ trán xuống cằm(nghĩa gốc). Từ “mặt” thứ hai chỉ mặt trăng(nghĩa chuyển)</p> <p>- Từ “mặt” thứ hai được chuyển nghĩa theo phương thức ẩn dụ</p> <p>- Phân tích cái hay của từ “mặt”:</p> <p>+ Từ “mặt” (thứ 2) mang ý nghĩa ẩn dụ sâu xa, gọi cái hồn, tinh thần của sự vật :</p> <p>+ “Mặt” gọi hình ảnh mặt trăng, thiên nhiên tươi mát, là gương mặt người bạn tri kỉ, quá khứ nghĩa tình, lương tâm của chính mình (tự vấn).</p> <p>+ Hai từ “mặt” trong cùng 1 câu thơ tạo tư thế mặt đối mặt, đối diện đàm tâm giữa người và trăng, thức tỉnh mọi người hướng tới lối sống cao đẹp: ân nghĩa thủy chung, bao dung, độ lượng.</p> <p>2.</p> <p>- Xét theo cấu tạo từ “ rung rung” thuộc kiểu từ láy, diễn tả sự xúc động nghẹn ngào của con người khi gặp lại vàng trắng. “ Rung rung” là khoảnh khắc đầu tiên của sự thức tỉnh.</p> <p>3,</p> <p>- Nghệ thuật điệp ngữ “ như là” và phép liệt kê” đồng, sông, bể, rừng” cho thấy những kỉ niệm trong quá khứ đang ùa về đồng hiện trong tâm trí người lính cũng như niềm xúc động của người lính khi gặp lại vàng trắng- người bạn tình nghĩa năm nào</p> <p>-Nghệ thuật nhân hóa “ánh trăng im phăng phắc” gọi đến một cái nhìn nghiêm khắc song cũng đầy bao dung độ lượng. Sự im lặng ấy khiến chi nhân vật trữ tình “giật mình” thức tỉnh.</p> <p>4. - Hình ảnh “ Vàng trắng tròn” và “ Trăng cứ tròn vành vạnh” nói lên sự tròn đầy cũng như sự vẹn nguyên, thủy chung, không thay đổi của quá khứ.</p> <p>5 .</p> <p>- Từ láy “vành vạnh” miêu tả sự tròn đầy của vàng trắng, cho thấy sự vẹn nguyên của quá khứ.</p> <p>- Từ láy “phăng phắc” miêu tả sự im lặng tuyệt đối, gọi cái nhìn nghiêm khắc mà bao dung độ lượng của vàng trắng, đủ khiến con người giật mình thức tỉnh.</p> <p>6,</p>
---	---

<p>trong bài thơ có ý nghĩa gì? Tại sao suốt bài thơ tác giả có tới 4 lần gọi là “vàng trắng” mà nhan đề và khổ thơ cuối lại viết “ánh trắng”</p>	<p>- Ý nghĩa “vàng trắng”: Vàng trắng trong bài thơ là một hình ảnh đa nghĩa</p> <p>+) Vàng trắng là hình ảnh thiên nhiên hồn nhiên, tươi mát, là người bạn suốt thời tuổi thơ, rồi thời chiến tranh ở rừng.</p> <p>+) Vàng trắng tượng trưng cho quá khứ vẹn nguyên, chẳng thể phai mờ, là người bạn, là nhân chứng nghĩa tình mà nghiêm khắc nhắc nhở nhà thơ và mỗi chúng ta. Con người có thể vô tình, có thể lãng quên nhưng vàng trắng trong quá khứ thì luôn tràn đầy, bất diệt</p> <p>- Trong bài thơ, bốn lần tác giả viết là “vàng trắng” trong khi nhan đề và khổ thơ cuối lại là “ánh trắng” vì</p> <p>+) Đối với tác giả, “vàng trắng” là người bạn tri ân tri kỉ, từ hồi thơ ấu và khi ở chiến trường. Vì thế xuyên suốt bài thơ là hình ảnh “vàng trắng”</p> <p>+) Còn hình ảnh “ánh trắng” là ánh sáng của vàng trắng, quang sáng của vàng trắng, là sự tinh tế, nhẹ nhàng ở thiên nhiên. Vàng trắng có lúc tròn, lúc khuyết nhưng ánh trắng luôn có màu vàng không đổi, soi sáng, tỏa mát xuống cõi lòng con người làm cho con người thêm thanh thản, nhẹ nhàng. Ánh trắng còn là ánh sáng trong mỗi tâm hồn con người. Hình ảnh ánh trắng mang ý nghĩa rộng hơn hình ảnh vàng trắng.</p> <p>+) Tác giả đã rất tinh tế trong việc dùng ánh trắng thay vì vàng trắng trong nhan đề và khổ thơ cuối. Đó cũng là sáng tạo độc đáo của thơ góp phần làm cho bài thơ “ánh trắng” có giá trị về nội dung và nghệ thuật.</p>
<p>7. Em hiểu thế nào về cái “giật mình” của nhân vật trữ tình? Viết một câu khái quát nhất về cái giật mình của người trong thơ?</p>	<p>7.</p> <p>- Cái “giật mình” của con người là sự thức tỉnh, thể hiện sự ăn năn, hối lỗi, tự đấu tranh để sống tốt đẹp hơn, là sự trở về với lương tâm trong sạch, tốt đẹp.</p> <p>- Nhận ra những cám dỗ vật chất khiến con người đánh mất đi những giá trị tinh thần đẹp đẽ.</p> <p>- Nhận ra bài học không được lãng quên quá khứ, thờ ơ, bội bạc với nghĩa tình sâu nặng, thiêng liêng phải biết nâng niu, trân trọng quá khứ, sống ân nghĩa thủy chung</p> <p>=> Với khoảnh khắc “giật mình”, nhà thơ đã gieo vào lòng người đọc niềm tin và sức sống mạnh mẽ của lương tri con người.</p> <p>Câu khái quát nhất về cái “giật mình” của những con người: Giật mình để con người tự hoàn thiện mình.</p>
<p>8. Đọc bài thơ “Ánh trắng”</p>	

<p>em cảm nhận được bài học sâu sắc nào? Viết đoạn văn từ ba đến năm câu ?</p> <p>9. Nêu chủ đề của bài thơ. Cảm nhận về đoạn thơ cuối của bài từ 8 đến 10 câu (sử dụng thành phần tình thái và phụ thái)</p>	<p>8. Từ bài thơ “Ánh trăng” của Nguyễn Duy đã cho em một bài học sâu sắc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiên nhiên không thể thiếu trong đời sống tinh thần của con người, mỗi chúng ta phải yêu quý và hòa hợp với thiên nhiên. Không chỉ thế bài thơ còn cho ta thấy truyền thống “Uống nước nhớ nguồn” , ân nghĩa thủy chung – đó là truyền thống tốt đẹp của dân tộc, chúng ta phải luôn biết ơn quá khứ, biết ơn những người đã biết ơn xây dựng đất nước. - Bên cạnh đó, bài thơ còn cho ta thêm một bài học, cuộc sống phải biết bao dung độ lượng, biết nhận ra lỗi lầm và sửa chữa lỗi lầm để cuộc sống tốt đẹp hơn <p>9, Chủ đề bài thơ (nội dung bài ánh trăng): Bài thơ là tiếng lòng, là những suy ngẫm thấm thía, nhắc nhở ta về thái độ, tình cảm đối với những năm tháng quá khứ, gian lao, nghĩa tình đối với thiên nhiên, đất nước bình dị, hiền hậu. Bài thơ có ý nghĩa nhắc nhở cùng cố người đọc thái độ sáng “Uống nước nhớ nguồn”, ân nghĩa cùng quá khứ.</p> <p>- Câu mở đoạn: Đoạn thơ được trích trong bài “Ánh trăng” của Nguyễn Duy - <u>một nhà thơ trẻ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Kĩ cứu nước</u>- đã thể hiện tình cảm, thái độ của vầng trăng và cái giật mình, hối hận của con người .</p> <p>- Các câu khai triển:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh “trăng cứ tròn vành vạnh”: + Diễn tả vầng trăng tròn đầy, tỏa sáng giữa thiên nhiên bao la + Bên cạnh đó, còn tượng trưng cho vẻ đẹp của quá khứ nghĩa tình, vẫn tròn đầy, tròn vẹn mặc cho con người thay đổi, vô tình. - Nghệ thuật nhân hóa “ánh trăng im phăng phắc” gợi đến một cái nhìn nghiêm khắc song cũng đầy bao dung độ lượng. Sự im lặng ấy khiến chi nhân vật trữ tình “giật mình” thức tỉnh. - Từ “giật mình” chính là một sự sáng tạo của Nguyễn Duy trong ý thơ: + Giật mình là cảm giác tâm lí của một người biết suy nghĩ chợt nhận ra sự vô tình, bạc bẽo, nông nổi trong cách sống của mình. + Giật mình là để nhớ lại quá khứ, để ăn năn tự trách, tự thấy cần phải thay đổi cách sống + Giật mình cũng là để tự nhắc nhở bản thân phải trân
--	--

<p>10. Trăng còn xuất hiện ở trong một số bài thơ trong chương trình NV9 mà em đã học. Ghi lại từ đó hãy phân tích và so sánh trăng trong những bài trên?</p>	<p>trọng những gì đã qua để làm bước đệm cho ngày hôm nay.</p> <p>- Trăng vẫn thủy chung, vẹn nguyên, tình cảm không phai mờ. Sự bao dung, độ lượng và nghiêm khắc của vàng trăng đã làm cho con người “giật mình”. Cái “giật mình” của sự hối hận trước những tình cảm thay đổi của con người. Có lẽ, đó cũng là cái giật mình của mỗi chúng ta?</p> <p>- Câu kết đoạn: Bằng nghệ thuật nhân hóa cùng với thể thơ năm chữ, Nguyễn Duy đã cho chúng ta một bài học sâu sắc về lẽ sống: sự chung thủy, biết ơn quá khứ, ân nghĩa thủy chung là một lối sống đẹp đáng để chúng ta suy ngẫm.</p> <p>10. Trong chương trình ngữ văn lớp 9 em đã học, một số bài thơ có hình ảnh vàng trăng là:</p> <p>+ “Đoàn thuyền đánh cá” – Huy Cận</p> <p>Câu thơ: “Cái đuôi em quẫy trăng vàng chóa”</p> <p>+ “Đồng chí” – Chính Hữu – Câu thơ “Đầu súng trăng treo”</p> <p>- Phân tích và so sánh trăng trong 3 câu thơ</p> <p>+ Trăng trong bài thơ “Ánh Trăng” của Nguyễn Duy là một người bạn ân nghĩa, thủy chung, tình cảm luôn vẹn nguyên.</p> <p>+ Còn ánh trăng trong bài “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận lại chỉ vẻ đẹp của biển cả với nhiều màu sắc rực rỡ.</p> <p>+ Trăng trong bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu lại là 1 hình ảnh lãng mạn. Trăng cho thấy đêm đã về khuya, trăng xuống thấp dần như chạm vào đầu ngọn súng tạo cảm giác trăng treo đầu súng. Trăng ở đây còn thể hiện 1 ước mơ hòa bình, một cuộc sống ấm no hạnh phúc.</p> <p>* Như vậy Trăng trong cả 3 bài thơ có sự khác nhau nhưng mỗi sự khác nhau ấy là một vẻ đẹp của cuộc sống: vẻ đẹp của tình người, vẻ đẹp của thiên nhiên và vẻ đẹp của sự ước mơ.</p>
---	--

TIẾT 3 . LUYỆN TẬP (TIẾP)

- Mục tiêu:

+ Hs nhớ lại những kiến thức về tác giả, văn bản, phương thức biểu đạt, nội dung, nghệ thuật.....

+ Rèn kĩ năng làm bài nghị luận văn học

- **Phương pháp:** Giải quyết vấn đề, thuyết trình, thảo luận,

- **Kĩ thuật:** Động não

- **Cách thức:** Hoạt động nhóm.

Hoạt động của GV – HS	Kiến thức cần đạt
<p>Bài tập : Phân tích bài thơ Ánh trăng (Nguyễn Duy) Hs đọc yêu cầu đề ? Mở bài cần có những yêu cầu gì? GV Yc học sinh lên viết phần mở bài. HS đọc và nhận xét, gv nhận xét và chiếu kết bài cho hs tham khảo.</p>	<p>III. Dạng bài nghị luận văn học</p> <ul style="list-style-type: none"> Mở bài : <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả. - Giới thiệu văn bản. - Nêu nội dung chính của văn bản.
	<p>Tham khảo mở bài :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Duy là gương mặt nhà thơ trẻ, trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ. Thơ Nguyễn Duy trẻ trung, linh hoạt, bất ngờ trong cấu tứ ngôn từ, đậm âm hưởng dân ca đồng quê nhưng cũng giàu màu sắc triết lí, giàu chiêm nghiệm khiến người đọc phải giật mình suy nghĩ - Bài thơ Ánh trăng được Nguyễn Duy sáng tác năm 1978 tại thành phố Hồ Chí Minh, in trong tập thơ cùng tên. Bài thơ như một lời nhắc nhở về những năm tháng gian lao đã qua của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên, đất nước bình dị, hiền hậu. Từ đó nhắc nhở mỗi chúng ta về tình cảm uống nước nhớ nguồn, ân tình thủy chung với quá khứ, với những người đã khuất và cả đối với chính mình
<p>Nêu những luận điểm cần triển khai trong phần thân bài ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vàng trăng trong quá khứ - Vàng trăng trong hiện tại - Cảm xúc và suy ngẫm của nhân vật trữ tình. 	<ul style="list-style-type: none"> Thân bài <ul style="list-style-type: none"> - Luận điểm 1 : Vàng trăng trong quá khứ - Luận điểm 2 : Vàng trăng trong hiện tại - Luận điểm 3 : Cảm xúc, suy ngẫm của nhân vật trữ tình

<p>Gv cho ba nhóm làm ba luận điểm trong thời gian 10p, sau đó đổi chéo kết quả cho nhau kiểm tra(dùng kĩ thuật công đoạn)</p> <p>- Nhóm 1 : Luận điểm 1 : Vàng trắng trong quá khứ</p> <p>- Nhóm 2 :Luận điểm 2 : Vàng trắng trong hiện tại</p> <p>- Nhóm 3 :Luận điểm 3 : Cảm xúc, suy ngẫm của nhân vật trữ tình</p> <p>Đại diện các nhóm lên trình bày kết quả. GV nhận xét, sửa lỗi.</p>	
--	--

Dự kiến kết quả :

*Luận điểm 1 : Vàng trắng trong hoài niệm

- Thời thơ ấu: trăng là vẻ đẹp của thiên nhiên vĩnh hằng, là bầu bạn của tuổi thơ, trăng ngập tràn trên cánh đồng, dòng sông, bãi bể ... người đi đâu, làm gì cũng có vàng trắng làm bạn. Trăng đã nuôi lớn tâm hồn tuổi ấu thơ
- Khi trưởng thành: người lính chiến đấu ở rừng sâu, vàng trắng thành tri kỉ. Trăng là ánh sáng trong những đêm tối chiến tranh. Trăng đến làm bạn với người chân thành, vô tư, tình cảm giữa người với trăng vốn đã đẹp nay lại càng đẹp hơn.
- Trong hoài niệm, người và trăng đến với nhau tự nhiên, chân thành, tình nghĩa, không dễ gì chia cắt được khiến người : ngỡ không bao giờ quên suốt những năm tháng từ tuổi ấu thơ ở quê nhà đến hồi chiến tranh ở rừng. Trăng là biểu tượng cho vẻ đẹp bình dị và vĩnh hằng của đời sống

*Luận điểm 2 :Vàng trắng thời hiện tại

- Chiến tranh qua đi, cuộc sống bình yên trở lại, người lính may mắn từ rừng sâu trở về nơi thành phố. Cuộc sống thị thành đủ đầy, hiện đại văn minh với ánh điện, cửa gương, phòng buyn – đing, ... đối lập hoàn toàn với quá khứ khi xưa. Cuộc sống đổi thay, lòng người cũng thay đổi. Mối quan hệ giữa người và trăng không còn như xưa nữa:

vàng trắng đi qua ngõ
như người dung qua đường

- Trăng vẫn như xưa, vẫn ngày ngày qua ngõ, vẫn dõi theo người nhưng người đã ngoảnh mặt làm ngơ, coi trăng như người xa lạ. Sự vô tình đến mức tàn nhẫn
- Tình huống bất ngờ xảy ra:
Thình lình đèn điện tắt

phòng buyn – đình tối om

- Giữa bóng tối của màn đêm là ánh sáng rực rỡ tràn đầy của vàng trắng. DÙ cuộc gặp gỡ giữa người và trăng không hẹn trước, người vẫn bất ngờ nhận ra “đột ngột vàng trắng tròn”. Phải đến khi đèn tắt, con người mới lại nhìn thấy và nhận ra vàng trắng tròn”. Dù cuộc sống đổi thay, lòng người đổi thay, trăng vẫn thủy chung, tình nghĩa, vẫn là thứ ánh sáng trong ngần như xưa
- Trong cuộc gặp gỡ đột ngột, bất ngờ, vàng trắng đã làm thức dậy trong tâm trí con người bao cảm xúc:

Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng là bể
như là sông là rừng

- Người ngửa mặt nhìn trăng: “Ngửa mặt lên nhìn mặt” trăng và người đã có cuộc đối diện đậm tâm. Đó là khoảnh khắc bất ngờ gặp lại cố nhân. Nhìn trăng, lòng người xúc động trào dâng: “có cái gì rưng rưng”. Cùng với trạng thái rưng rưng, tất cả những kỉ niệm hồn nhiên tuổi ấu thơ, kỉ niệm nghĩa tình của một thời gian lao chiến đấu nơi rừng sâu cũng ùa về.
- Như vậy, vàng trắng hiện tại đánh thức quá khứ tươi đẹp đã ngủ yên trong lòng người “từ hồi về thành phố”. Trăng là hình ảnh tượng trưng cho quá khứ nghĩa tình chẳng thể mờ phai, luôn tròn đầy, bất diệt.

***Luận điểm 3 : Cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật trữ tình**

- Trong niềm xúc động rưng rưng, người lính nhìn trăng và suy ngẫm. Trăng vẫn tròn, vẫn sáng đẹp, vẫn thứ ánh sáng rực rỡ trong ngần, vẫn vẹn nguyên, thủy chung không hề hao khuyết.

+ “Trăng cứ tròn vành vạnh” như tượng trưng cho quá khứ đẹp đẽ, vẹn nguyên chẳng thể phai mờ

+ “Ánh trăng im phăng phắc” : Phép nhân hóa khiến vàng trắng hiện ra như một con người cụ thể, một người bạn, một nhân chứng, rất nghĩa tình chi lặng lẽ, vị tha, bao dung nhưng cũng rất nghiêm khắc đang nhắc nhở con người đừng quên đi quá khứ.

- Sự bao dung nhưng cũng rất nghiêm khắc của vàng trắng đã có sức cảm hóa lớn khiến con người “giật mình” nhìn lại mình, nhận ra sự vô tình không nên có, sự lãng quên đáng trách của mình. Thấy trăng tròn bao nhiêu, người nhận ra mình hao khuyết bấy nhiêu.
- Ánh sáng đẹp đẽ, vô nguồn của vàng trắng không chỉ soi tỏ không gian đêm thành phố, soi vào “phòng buyn – đình tối om”, gọi về những kỉ niệm người đã vô tình quên lãng mà còn cảm hóa, đánh thức lương tri, lẽ sống làm người, nhắc nhở con người phải sống ân tình, thủy chung cùng quá khứ. Ánh trăng là ánh sáng của lương tri, ánh sáng của đạo làm người

? Phần kết bài cần có nội dung gì?

Yc học sinh lên viết phần kết bài. HS đọc

***Kết bài**

- Khái quát giá trị nội dung và nghệ

và nhận xét, gv nhận xét và chiếu kết bài cho hs tham khảo.	thuật của bài thơ .
Tham khảo kết bài : <ul style="list-style-type: none"> - Với thể thơ năm chữ, ngôn ngữ thơ giản dị mà hàm xúc sâu xa, kết hợp hài hòa giữa tự sự , trữ tình và suy ngẫm sâu lắng, Ánh trăng là một câu chuyện đời thường được kể bằng thơ rất giàu ý nghĩa triết lí - Bài thơ như một lời nhắc nhở về những năm tháng gian lao đã qua của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên, đất nước bình dị, hiền hậu. Từ đó nhắc nhở mỗi chúng ta về tình cảm uống nước nhớ nguồn, ân tình thủy chung với quá khứ, với những người đã khuất và cả đối với chính mình. 	

IV. Củng cố - Hướng dẫn về nhà

- GV củng cố các kiến thức khái quát về văn bản
- Hướng dẫn về nhà :
- **Câu hỏi :** Em hãy đóng vai người lính trong bài thơ Ánh trăng kể lại câu chuyện.

Bài làm tham khảo

1. Bài làm 1

Tôi đã được sinh ra và lớn lên ở quê hương. Tuổi thơ tôi gắn liền với những cánh đồng bát ngát thẳng cánh cò bay, với những dòng sông hiền hòa chở nặng phù sa, với những hồ bẽ trong đầy tôm cá. Đối với tôi, đó là những năm tháng tuyệt vời nhất.

Năm tháng cứ trôi đi êm đềm. Rồi một ngày kia, chiến tranh bùng nổ. Để bảo vệ cho Tổ quốc thân yêu, tôi phải rời quê hương để đi lính. Cuộc sống của tôi lúc này đã thay đổi. Tôi dần dần gắn bó với những ngọn núi, với cánh rừng hoang vu sắc mùi bom đạn. Nhưng trong lòng tôi vẫn khắc khoải một nỗi nhớ da diết. Tôi nhớ làng, nhớ gia đình, nhớ lối xóm. Trong những lúc như thế, tôi thường nhìn trăng. Vàng trắng như một người bạn cùng tôi, có thể an ủi, làm nguôi ngoai đi nỗi nhớ quê hương. Trăng chia sẻ cùng tôi biết bao tâm tư tình cảm, bao nỗi nhớ. Trong suốt chặng hành trình gian lao cực khổ, trong cuộc sống trần trụi với thiên nhiên, cây cỏ, vàng trắng mộc mạc như một người bạn tri kỷ, luôn đồng hành và sát cánh bên tôi. Đã có lúc, tôi ngỡ rằng hứa sẽ không và không bao giờ quên cái vàng trắng tình nghĩa ấy.

Và chiến tranh kết thúc, hòa bình lập lại. Thoát khỏi cuộc sống bần cùng, nghèo khổ trong chiến tranh là cái khát vọng lớn nhất của những người lính chúng tôi. Vì vậy, tôi về sống ở thành phố, trong một căn phòng buyn-đinh tiện nghi. Cuộc sống ở thành phố rất hiện đại. Đâu đâu cũng có những ánh điện, cửa gương. Dần dà, tôi đã quen cái cuộc sống của thành thị. Và trong chính sự xa hoa đó, tôi đã quên đi vàng trắng – người bạn tri kỷ của mình. Mỗi tối, trăng đi qua ngõ mà như người dung qua đường. Xa lạ, không quen, không biết, vàng trắng đã bị tôi – một người bạn thân thiết, gắn bó của một thời – lãng quên.

Rồi một ngày nọ, đèn điện bỗng vụt tắt. Căn phòng trở nên tối om. Theo phản xạ, tôi bèn bật tung cánh cửa sổ để ánh sáng lan vào. Và đập vào mắt tôi là vàng trắng tròn vành vạnh tỏa sáng trên bầu trời đêm. Tôi với trăng, mặt đối mặt, nhìn nhau, thật lâu.

Bỗng, trong lòng tôi có cái gì đó rung rung, Bao nhiêu ký ức chợt ùa về. Hình ảnh của những cánh đồng bao la, những dòng sông, những hồ bể, những cánh rừng cứ hiện lên trong đầu tôi. Đã bao nhiêu năm qua, trăng vẫn không thay đổi, vẫn tròn vành vạnh như lúc xưa. Chỉ có tôi là đã thay đổi. Tôi đã quá thờ ơ với trăng, đã vô tình quên đi những kỷ niệm đẹp đẽ giữa trăng và tôi. Trăng cứ nhìn tôi, im lặng. Tôi bỗng giật mình. Sự im lặng của trăng cứ như một lời trách móc tôi, oán hận tôi vì sao đã quên đi người bạn tri kỷ.

Tôi thật sự hối hận vì đã quên trăng. Đối mặt với người bạn cũ, lòng tôi cứ nghẹn ngào, nước ở khóe mắt cứ muốn trào ra. Và tôi đã hứa, lời hứa thật lòng, khắc sâu trong đầu tôi, là không bao giờ được quên trăng – người bạn ân nghĩa, thủy chung đã gắn bó cùng tôi ở suốt chặng đường chiến đấu gian lao vất vả trong quá khứ.

Buổi 11

Ngày soạn:

Ngày dạy:

CHỦ ĐỀ : THƠ HIỆN ĐẠI (Tiếp)
“BẾP LỬA”- BẢNG VIỆT

I. Mục tiêu cần đạt

1.Kiến thức:

- Ôn tập củng cố khắc sâu kiến thức:
- + Những nét cơ bản về tác giả, hoàn cảnh ra đời tác phẩm.
- + Lòng kính yêu bà, tình yêu quê hương đất nước của người cháu trong bài thơ.

2. Kỹ năng:

- Đọc - hiểu văn bản thơ hiện đại.
- Rèn kỹ năng viết đoạn văn cảm nhận đoạn thơ.

3. Thái độ:

- Giáo dục lòng kính yêu bà, tình yêu quê hương đất nước.

4. Định hướng phát triển năng lực

- Năng lực giao tiếp
- Năng lực thẩm mỹ
- Năng lực tạo lập văn bản .
- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực sáng tạo

II. Tiến trình lên lớp**Tiết 1**

Hoạt động của GV-HS	Kiến thức cần đạt
<p>Hình thức thực hiện: Học sinh làm việc cá nhân</p> <p>Hs: Thực hiện theo yêu cầu</p> <p>Gv: Chốt nội dung cơ bản</p> <p>? Nhắc lại vài nét về tác giả Bằng Việt?</p> <p>? Cho biết hoàn cảnh sáng tác bài thơ “ Bếp lửa”?</p> <p>? Nêu giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ?</p>	<p>A. Kiến thức cơ bản</p> <p>I. Tác giả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên Nguyễn Việt Bằng, sinh 1941 tại Huế, quê Hà Tây. - Thuộc thế hệ các nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ. - Tác phẩm chính : <i>Hương cây - Bếp lửa; Những gương mặt, những khoảng trời ; Đất sau mưa ; Cát sáng ; Bếp lửa khoảng trời.</i> <p>II. Bài thơ</p> <p>1. Hoàn cảnh sáng tác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sáng tác 1963, khi tác giả đang là sinh viên luật học tập tại trường Đại học Ki-ep, thuộc Liên Xô cũ. - Bài thơ gợi lại những kỉ niệm về người bà và tình bà cháu vừa quen thuộc vừa sâu sắc, thấm thía. - In trong tập “Hương cây - Bếp lửa”. <p>2. Giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghệ thuật: Trong bài thơ, tác giả đã sử dụng thành công thể thơ tự do; kết hợp nhuần nhuyễn giữa biểu cảm với tự sự, miêu tả và bình luận. Hình ảnh

	<p>bếp lửa vừa mang ý nghĩa thực vừa mang ý nghĩa biểu tượng cảm xúc dạt dào, lời thơ tha thiết, hình tượng thơ độc đáo...</p> <p>- Nội dung: Bài thơ là dòng hồi tưởng của người cháu về những năm tháng tuổi thơ được sống bên bà. Qua đó nhà thơ đã ca ngợi đức hi sinh, sự tần tảo và tình yêu thương bao la của bà đồng thời bộc lộ nỗi thương nhớ, lòng kính yêu và biết ơn vô hạn của mình với bà với gia đình quê hương...</p>
<p>Hình thức luyện tập: Học sinh làm việc cá nhân</p> <p>Hs: Thực hiện yêu cầu</p> <p>Gv chốt kiến thức cơ bản</p> <p>Bài 1</p> <p>? Nêu ý nghĩa nhan đề của bài thơ</p>	<p>B. Luyện tập</p> <p>1. Bài tập 1.</p> <p>Ý nghĩa nhan đề của bài thơ</p> <p>- Nhận xét: <i>Bếp lửa</i> là một nhan đề giản dị mà không kém phần gợi cảm.</p> <p>+ Đây là hình ảnh xuất hiện nhiều lần trong bài, vừa tả thực vừa có ý nghĩa biểu tượng. Tả thực bếp lửa nhà nghèo “<i>khói hun nhèm mắt cháu</i>”; ngọn lửa bập bùng hắt bóng trên vách, trên liếp, nấu chín thức ăn, sưởi ấm chỗ ở.</p> <p>+ Biểu tượng cho lòng bà ấm áp soi sáng trí tuệ và sưởi ấm tâm hồn; biểu tượng cho niềm tin thiêng liêng kỳ diệu nâng bước con người trên những chặng đường nhiều thử thách, gian nan.</p> <p>+ Bếp lửa biểu tượng cho những gì gần gũi và thiêng liêng: gia đình, quê hương đất nước -> <i>bếp lửa, ngọn lửa</i> trở thành hình ảnh nghệ thuật đặc sắc.</p> <p>-> Lấy hình ảnh nghệ thuật đặc sắc trong tác phẩm làm tên bài, Bằng Việt đã thể hiện sâu sắc chủ đề tác phẩm: ngợi ca tình bà cháu, tình gia đình ấm áp, thiêng liêng.</p>
<p>Hình thức luyện tập: Học sinh làm việc cá nhân</p> <p>Hs: Thực hiện</p> <p>Gv: chốt kiến thức cơ bản, thu phần viết đoạn văn về nhà chấm</p> <p>Bài 2</p> <p>Đọc ba câu thơ sau và trả lời</p>	<p>2. Bài tập 2</p> <p>Câu 1. Nội dung: Đoạn thơ đã tái hiện hình ảnh bếp lửa rất đời thân thuộc với làng quê Việt Nam, từ đó khơi gợi cảm xúc về bà.</p> <p>Câu 2.</p> <p>- Biện pháp tu từ ẩn dụ qua câu thơ “Cháu thương</p>

<p>câu hỏi:</p> <p><i>Một bếp lửa chồn vờn sương sớm</i></p> <p><i>Một bếp lửa ấp iu nồng đượm</i></p> <p><i>Cháu thương bà biết mấy nắng mưa.</i></p> <p>Câu 1: Nêu nội dung của đoạn thơ?</p> <p>Câu 2: Trong ba câu thơ, tác giả sử dụng những biện pháp tu từ gì? Nêu hiệu quả của các biện pháp đó?</p> <p>Câu 3. Nỗi nhớ quê trong những câu thơ trên có gì gần gũi với nỗi nhớ quê trong bài "<u>Tiếng gà trưa</u>" của tác giả Xuân Quỳnh?</p> <p>Câu 4: Từ đoạn thơ trên, em hãy trình bày suy nghĩ của em về vai trò của gia đình đối với mỗi con người bằng một đoạn văn khoảng 200 chữ?</p>	<p>bà biết mấy nắng mưa.”</p> <p>“Nắng mưa” chỉ những vất vả, nhọc nhằn trong cuộc đời bà, đồng thời thể hiện sự thấu hiểu và cảm thông sâu sắc của cháu đối với bà.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh ẩn dụ “ấp iu nồng đượm”: Gọi đến bàn tay cần mẫn, khéo léo, chính xác của người nhóm lửa, gọi tấm lòng chi chút của người nhóm lửa. - Biện pháp điệp ngữ “ Một bếp lửa” được điệp lại hai lần: Gọi bóng dáng của người bà, người mẹ tần tảo, thức khuya dậy sớm chăm sóc cho chồng, cho con, diễn tả dòng cảm xúc dâng tràn ứa về kí ức. <p>Câu 3.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếng gà trưa đánh thức trong Xuân Quỳnh những kỉ niệm về một thời ấu thơ sống trong tình thương yêu của bà. - Còn với Bằng Việt, trong bài thơ Bếp lửa (1963), như chính nhan đề của nó (cũng như nhan đề của bài thơ của Xuân Quỳnh: Tiếng gà trưa), "Bếp lửa" đã trở thành một hình ảnh biểu trưng cho sự ấm áp, nồng đượm của tình bà cháu. "Bếp lửa" khơi gợi, làm nhen lên, lan tỏa, cháy mãi dòng hồi ức tuổi ấu thơ, thao thức, đượm buồn. <p>Câu 4.</p> <p>* Mở đoạn: Gia đình luôn có vai trò quan trọng trong cuộc đời mỗi con người.</p> <p>* Thân đoạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích: Gia đình là khái niệm chỉ những người cùng chung sống dưới một mái nhà, gắn bó với nhau bằng quan hệ hôn nhân và huyết thống, thường gồm có ông bà, cha mẹ, con cái và cháu chắt. - Bàn luận: Vì sao gia đình có vai trò quan trọng đối với mỗi con người? + Gia đình là nơi ta sinh ra trong sự đón chờ của ông bà, cha mẹ, ang chị; nơi ta lớn lên mỗi ngày trong tình yêu thương, sự quan tâm, che chở. + Gia đình với nếp nghĩ, nếp sống riêng sẽ ảnh hưởng không nhỏ tới tính cách, suy nghĩ, ứng xử và sự phát triển của mỗi người. Không có sự chăm lo,
---	---

	<p>giáo dục của gia đình là một điều kiện thiết thời lớn về tinh thần, cũng có thể dẫn tới sự thiếu hụt, lệch lạc trong phát triển nhân cách con người.</p> <p>+ Gia đình là nơi chan chứa tình yêu thương, cho ta sức mạnh tinh thần quý giá để đứng vững giữa cuộc đời; cũng là nơi sẵn sàng đón lấy ta, cho ta trở về sau những thăng trầm, vấp ngã bên ngoài cuộc đời rộng lớn.</p> <p>+ Ta có thể có nhiều bạn bè nhưng gia đình chỉ có một mà thôi.</p> <p>(Lấy dẫn chứng để làm rõ)</p> <p>- Đánh giá, mở rộng vấn đề:</p> <p>+ Gia đình là tài sản quý giá của mỗi người, có vai trò và ý nghĩa to lớn trong cuộc sống mỗi người.</p> <p>+ Phê phán những kẻ bất hiếu, coi nhẹ gia đình.</p> <p>- Bài học:</p> <p>+ Cần trân trọng , biết ơn, xây dựng, gìn giữ hạnh phúc gia đình.</p> <p>+ Liên hệ bản thân với tư cách là một người con , người cháu trong gia đình.</p> <p>* Câu kết đoạn: Khẳng định lại vấn đề.</p>
--	---

Tiết 2

Luyện tập

Hoạt động của GV-HS	Kiến thức cần đạt
<p>Hình thức luyện tập: Làm việc cặp đôi các câu đọc hiểu. Câu viết đoạn văn làm việc cá nhân</p> <p>Học sinh: Thực hiện yêu cầu, đọc đoạn văn trước lớp</p> <p>Gv: Chốt kiến thức</p> <p>Bài 3</p> <p><i>Đọc kĩ phần văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:</i></p> <p><i>Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa</i></p> <p><i>Mấy chục năm rồi, đến tận</i></p>	<p>3. Bài tập 3</p> <p>Câu 1. Cụm từ “biết mấy nắng mưa” trong câu thơ đầu đoạn : không chỉ nói về những ngày nắng ngày mưa đời bà từng trải qua mà còn nói tới những vất vả nhọc nhằn mà bà từng nếm trải (đói nghèo, bom đạn, thay con nuôi cháu..)</p> <p>Một câu thành ngữ có chứa hai từ “nắng”, “mưa” và giải thích ngắn gọn ý nghĩa câu thành ngữ vừa tìm được:</p> <p>Ví dụ: Giải nắng dầm mưa, năm nắng mười mưa: chỉ những khó khăn, vất vả...</p> <p>(Chấp nhận mọi phương án đúng mà hs đưa ra)</p> <p>Câu 2. Viết đoạn văn diễn dịch khoảng 15 câu nêu</p>

bây giờ

Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm
Nhóm bếp lửa ấp iu nồng
đượm

Nhóm niềm yêu thương, khoai
sắn ngọt bùi

Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ
chung vui

Nhóm dậy cả những tâm tình
tuổi nhỏ

Ôi kỳ lạ và thiêng liêng - bếp
lửa!

(Bếp lửa – Bằng Việt)

Câu 1. Em hiểu như thế nào về cụm từ “biết mấy nắng mưa” trong câu thơ đầu đoạn? Hãy tìm một câu thành ngữ có chứa hai từ “nắng”, “mưa” và giải thích ngắn gọn ý nghĩa câu thành ngữ em vừa tìm được.

Câu 2. Viết đoạn văn diễn dịch khoảng 15 câu nêu cảm nhận của em về hình ảnh người bà được thể hiện trong đoạn thơ trên.

Câu 3. Hãy kể tên hai bài thơ khác viết về tình cảm gia đình trong chương trình Ngữ văn lớp 9.

*** Gv lưu ý học sinh khi viết đoạn văn câu 2:**

- Đảm bảo hình thức là một đoạn văn.
- Số lượng: Khoảng 15 câu. đánh số thứ tự các câu
- Câu chủ đề nằm ở đầu đoạn văn

cảm nhận của em về hình ảnh người bà được thể hiện trong đoạn thơ trên.

Đảm bảo được các nội dung cơ bản sau:

- Người bà tảo tần, lam lũ cả cuộc đời hi sinh vì con cháu lận đận đời bà biết mấy nắng mưa, mấy chục năm rồi đến tận bây giờ, bà vẫn giữ thói quen dậy sớm...
- Người bà hết lòng yêu thương cháu, người bà đã nhóm lên trong lòng cháu bao điều tốt đẹp, đó là tình yêu thương, là niềm tin yêu, hi vọng... Chú ý phân tích các câu thơ “nhóm bếp lửa, nhóm niềm yêu thương... Tác giả đã dùng điệp từ “nhóm:” với những nét nghĩa khác nhau để giúp ta vừa hình dung đôi bàn tay khéo léo, chăm chút giữ lửa của bà vừa giúp ta hiểu được những điều đẹp đẽ, thiêng liêng và đã nhóm lên trong tâm hồn của cháu...
- Người bà hiện ra trong nỗi nhớ, trong tình yêu thương, lòng biết ơn vô bờ của cháu. Bà chính là gia đình, là tuổi thơ, là quê hương, là bếp lửa “kì lạ và thiêng liêng” nơi tâm hồn cháu.

Câu 3. Hãy kể tên hai bài thơ viết về tình cảm gia đình trong chương trình Ngữ văn lớp 9. Nói với con (Y Phương), Con cò (Chế Lan Viên)

- Làm rõ được các biện pháp nghệ thuật trong đoạn thơ, từ đó cảm nhận được về hình ảnh người bà

Hình thức luyện tập: Học sinh làm bài cá nhân trên phiếu học tập

Hs: Thực hiện yêu cầu

Gv: gọi hs đọc phần viết đoạn văn trước lớp, chốt kiến thức

Bài 4. Cho đoạn thơ:

“Giờ cháu đã đi xa. Có ngọn khói trăm tàu

Có lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả

Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở:

- Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa ?”

Câu 1. Khổ thơ trên trích trong tác phẩm nào? Của ai? Nêu hoàn cảnh sáng tác

Câu 2. Tìm lời dẫn trong khổ thơ? Lời dẫn được trích dẫn theo cách nào? Dấu hiệu nhận biết ?

Câu 3. Trong khổ thơ tác giả sử dụng những biện pháp tu từ nào? Hiệu quả nghệ thuật của cách diễn đạt đó ?

Câu 4. Bằng một đoạn văn khoảng 10 câu trong đó có sử dụng phép lặp, phép liên kết và một câu đảo trật tự từ em hãy phân tích đoạn thơ trên để thấy được tình cảm sâu nặng

4. Bài tập 4

Câu 1.- Khổ thơ trích trong tác phẩm: Bếp lửa

- Tác giả: Bằng Việt

- Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ sáng tác năm 1963, khi Bằng Việt đang là sinh viên khoa pháp lý trường Đại học tổng hợp Ki – ép (Liên Xô cũ). In trong tập thơ *Hương cây - Bếp lửa*.

Câu 2. - Lời dẫn: *Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa ?*

- Lời dẫn được trích dẫn theo cách dẫn trực tiếp

- Dấu hiệu nhận biết: Trước lời dẫn có dấu hai chấm và dấu gạch đầu dòng.

Câu 3.- Trong khổ thơ tác giả sử dụng những biện pháp tu từ: Điệp từ *trăm* cùng với phép liệt kê *khói trăm tàu, lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả* và câu hỏi tu từ *Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa ?*

- Hiệu quả của cách diễn đạt:

+ Điệp từ *trăm* cùng với phép liệt kê *khói trăm tàu, lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả* đã mở ra một thế giới rộng lớn với bao điều mới mẻ. Người cháu được sống trong niềm vui hạnh phúc, được đến những chân trời xa lạ nhưng trong tâm hồn, tình cảm, luôn hướng về bà, cháu không thể quên ánh sáng và hơi ấm từ bếp lửa của bà, không quên được những lận đận, những hi sinh của bà... Đó là đạo lý thủy chung cao đẹp của con người Việt Nam.

+ Lời dẫn trực tiếp cùng câu hỏi tu từ *Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa* gọi cho người đọc cảm nhận như có một nỗi nhớ khắc khoải, thường trực, một nỗi nhớ da diết, khôn nguôi về bà.

+ Nhớ về bà cũng chính là nhớ về nhớ về gia đình, quê hương, đất nước, cội nguồn.

Câu 4. Đảm bảo các ý cơ bản sau:

. Câu chủ đề: tình cảm sâu nặng với bà, với quê hương đất nước của người cháu.

Triển khai: – Khoảng cách về không gian, thời

<p>với bà, với quê hương, đất nước của người cháu.</p> <p>* Gv lưu ý học sinh khi viết đoạn văn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo hình thức đoạn văn - Độ dài: 10 câu, đánh số thứ tự các câu - Sử dụng phép lặp, phép liên kết và đảo trật tự từ. 	<p>gian: Khói trăm tàu, lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngã không thể làm cháu lãng quên ánh sáng và hơi ấm từ bếp lửa của bà, của quê hương, không quên được những tận tụy hi sinh của đời bà => đó là đạo lý thủy chung cao đẹp của con người Việt Nam.</p> <p>Nghệ thuật: cần phân tích điệp từ nói “nhưng” ở câu thơ thứ 3</p>
---	---

Tiết 3

Luyện tập

Hoạt động của GV-HS	Kiến thức cần đạt
<p>Hình thức luyện tập: Học sinh làm bài theo nhóm (4 học sinh 1 nhóm)</p> <p>Hs: Thực hiện</p> <p>Gv: Hướng dẫn học sinh lập dàn ý từng phần của bài văn.</p> <p>Bài 5</p> <p>Bàn về bài thơ Bếp lửa của Bằng Việt có ý kiến cho rằng: " Bài thơ biểu hiện một triết lý thâm kín: những gì là thân thiết nhất của tuổi thơ mỗi người, đều có sức tỏa sáng, nâng đỡ con người trên hành trình dài rộng của cuộc đời".</p> <p>Bằng những hiểu biết của em về bài thơ Bếp lửa của Bằng Việt, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.</p>	<p>5. Bài tập 5</p> <p>A. MỞ BÀI</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả - Giới thiệu tác phẩm: Hoàn cảnh ra đời và nội dung của bài thơ. - Giới thiệu và trích dẫn nhận định <p>B. THÂN BÀI</p> <p>- Giải thích lời nhận định:</p> <p>+ Những gì là thân thiết nhất của tuổi thơ mỗi người: là những người thân trong gia đình, bạn bè, những kỷ niệm, một cây lược, một chiếc bút... gắn bó sâu sắc với ta. Điều có sức tỏa sáng, nâng đỡ con người trên hành trình dài rộng của cuộc đời: trở thành điểm tựa, nguồn động lực, cho ta sức mạnh trong mỗi bước đường đời.</p> <p>- Chứng minh nhận định:</p> <p>+ Trong bài thơ Bếp lửa, những gì thân thiết của tuổi thơ người cháu là bà, là bếp lửa, là những hình ảnh của quê hương... Những hình ảnh đó đã in đậm trong cháu từ thuở ấu thơ. (Dẫn chứng)</p> <p>+ Bà với tình yêu thương, đức hy sinh, niềm tin yêu cuộc sống; Bếp lửa với sự ấm nồng, thân thiết đã là chỗ dựa cho cháu, nhen lên trong cháu những tâm tình, những niềm tin, là nơi chấp cánh ước mơ cho</p>

	<p>cháu...(Dẫn chứng)</p> <p>+ Khi cháu lớn lên, học tập và công tác nơi xa, bà và bếp vẫn là điểm tựa, là nguồn động viên là nơi nâng đỡ...(Dẫn chứng)</p> <p>+ Suy rộng ra, điều tạo ra sức tỏa sáng, sự nâng đỡ người cháu trong bài thơ còn là quê hương, đất nước.</p> <p>- Đánh giá khái quát:</p> <p>+ Bài thơ kết hợp trữ tình, tự sự, nhiều hình ảnh thơ đẹp...</p> <p>+ Những hình ảnh, kỉ niệm thân thiết nhất của tuổi thơ người cháu đã có sức tỏa sáng, nâng đỡ cháu, là chỗ dựa, là nguồn cổ vũ động viên cháu trên hành trình dài rộng của cuộc đời cháu.</p> <p>+ Bài thơ còn ngợi ca vẻ đẹp của người bà, người phụ nữ Việt Nam, gọi lòng biết ơn, tình cảm gia đình, tình yêu quê hương, đất nước.</p> <p>+ Liên hệ với bài thơ “ Tiếng gà trưa”- Xuân Quỳnh</p> <p>C. KẾT BÀI</p> <p>- Khẳng định lại vấn đề nghị luận</p> <p>- Liên hệ bản thân</p>
--	--

III. củng cố - Dặn dò

- GV nhấn mạnh kiến thức, kĩ năng cơ bản của buổi học.
- Bài tập về nhà: Viết bài tập 5 thành một bài văn hoàn chỉnh: *Có nhà phê bình đã nhận xét: “ Bài thơ “Bếp lửa” của Bằng Việt chứa đựng một ý nghĩa triết lí thâm kín: những gì là thân thiết nhất của tuổi thơ mỗi người, đều có sức tỏa sáng, nâng đỡ con người suốt hành trình dài rộng của cuộc đời” Dựa vào bài thơ “ Bếp lửa”, hãy nêu cảm xúc và suy nghĩ của em để làm rõ nhận xét trên.*

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BUỔI 12: ÔN TẬP THƠ HIỆN ĐẠI VIỆT NAM
VĂN BẢN: ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ
Huy Cận

I. Mục tiêu cần đạt :

1. Kiến thức

- + Những hiểu biết bước đầu về tác giả Huy Cận và hoàn cảnh ra đời của bài thơ.
- + Những xúc cảm của nhà thơ trước biển cả rộng lớn và cuộc sống lao động của người dân trên biển
- + Nghệ thuật ẩn dụ, phóng đại, cách tạo dựng những hình ảnh tráng lệ, lãng mạn.

2. Kỹ năng

- + Đọc-hiểu một tác phẩm thơ hiện đại
- + Phân tích được một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong bài thơ
- + Cảm nhận được cảm hứng về thiên nhiên và cuộc sống lao động của tác giả được đề cập tới trong tác phẩm.

3. Thái độ, phẩm chất

- + Giáo dục học sinh thêm yêu con người và cuộc sống lao động đầy thi vị, lãng mạn, nên thơ của người dân vùng biển Quảng Ninh,

**Tích hợp bảo vệ môi trường*

- Giáo dục học sinh ý thức bảo vệ môi trường biển.

- GD đạo đức: Lòng yêu nước, tự hào về quê hương đất nước, tinh thần lao động mới. Lòng tự trọng của bản thân, có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng.

=> giáo dục các giá trị tình yêu thương, hạnh phúc, giản dị, tôn trọng, trách nhiệm, khoan dung...

4. Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ, đọc - hiểu, trình bày vấn đề.

II. Tiến trình lên lớp

Tiết 1:

A. Hệ thống lại kiến thức đã học (10-15 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
Hoạt động nhóm tổ: - 3 tổ - Trình bày bằng sơ đồ tư duy: Nêu những hiểu biết của em về tác giả Huy Cận và bài thơ Đoàn thuyền đánh cá? - Gv nhận xét	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả: Huy Cận là nhà thơ nổi tiếng trong phong trào Thơ mới. Là nhà thơ tiêu biểu trong nền thơ hiện đại Việt Nam. 2. Tác phẩm: - Viết giữa năm 1958, trong chuyến đi thực tế dài ngày của tác giả ở vùng mỏ Quảng Ninh. - Thể thơ: 7 chữ - Chủ đề: Ca ngợi vẻ đẹp hùng vĩ, tráng lệ của thiên nhiên, biển cả, sự hài hòa giữa thiên nhiên và con người lao động trong thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội. Niềm tự hào về sự đổi thay của đất nước.
Bằng những hiểu biết và chuẩn bị bài ở nhà, các nhóm lên trình bày nội dung được giao. Lắng nghe và nhận xét phần trình bày của các nhóm bạn. Nhóm 1: nêu những đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của hai khổ thơ đầu?	II. Nội dung, ý nghĩa 1. Nội dung a. Hai khổ thơ đầu: Cảnh hoàng hôn trên biển và đoàn thuyền đánh cá ra khơi. - Từ ngữ giàu sắc thái gợi tả, hình ảnh đẹp, rực rỡ, kì vĩ, phép so sánh, nhân hoá liên tưởng thú vị, độc đáo, bất ngờ. -> Thiên nhiên đẹp rực rỡ, kì vĩ, vừa bí ẩn vừa gần gũi với con người. - Đối lập: thiên nhiên và vũ trụ nghỉ ngơi, con người bắt đầu lao động - Đoàn thuyền: + Ra khơi -> Tư thế hào hứng, phấn khởi + H/a “câu hát căng buồm”

<p>Nhóm 2: nêu những đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của bốn khổ thơ tiếp theo?</p>	<ul style="list-style-type: none"> • thơ mộng, khoẻ khoắn, lãng mạn, lạ mà thật. • Niềm vui, sự phấn chấn hào hứng của người lao động. <p>-> Ước mơ đánh bắt được nhiều cá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhịp thơ sôi nổi, khoẻ khoắn - NT: Liệt kê, so sánh, ẩn dụ <p>=> Ca ngợi sự lao động bền bỉ, dũng cảm, lạc quan của con người trước biển cả.</p> <p>b. Bốn khổ thơ tiếp: Cảnh đánh cá trên biển</p> <ul style="list-style-type: none"> - NT: Bút pháp lãng mạn, h/ả thơ đẹp, sáng tạo, bất ngờ xây dựng bằng liên tưởng phong phú, độc đáo. - Bức tranh: <ul style="list-style-type: none"> + Thiên nhiên đẹp hùng vĩ, tráng lệ, huyền ảo, thơ mộng. + Con thuyền: kì vĩ, khổng lồ hoà nhập với thiên nhiên. + Con người: hăng say, hào hứng, nhịp nhàng cùng thiên nhiên -> lạc quan, yêu cuộc sống. + Các loài cá: rục rờ, lộng lẫy <p>⇒ Không khí lao động với niềm say mê, hào hứng, khoẻ khoắn, thiên nhiên và con người đã thực sự hòa nhập, hỗ trợ nhau tròn công cuộc chinh phục biển cả.</p>
<p>Nhóm 3: nêu những đặc sắc về nội dung nghệ, nghệ thuật của khổ thơ cuối, ý nghĩa của bài thơ?</p>	<p>c. Khổ cuối: Cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khúc hát phơi phới, lạc quan chở đầy niềm vui thắng lợi, niềm tin - H/ả nhân hoá, ẩn dụ, liên tưởng. <p>-> Đoàn thuyền hào hứng chạy đua cùng thời gian -> chinh phục thiên nhiên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảnh bình minh huy hoàng của một ngày mới -> cuộc sống mới. <p>=> Sự hài hoà, gắn bó giữa thiên nhiên với con người lao động.</p> <p>2. Ý nghĩa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài thơ thể hiện nguồn cảm hứng lãng mạn ngợi ca biển cả lớn lao, giàu đẹp, ngợi ca nhiệt tình lao động vì sự giàu đẹp của đất nước, của những người lao động mới.

B. Luyện tập :

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>Bài tập 1: Hoạt động cá nhân: 10 phút Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi: <i>Mặt trời xuống biển như hòn lửa</i> <i>Sóng đã cài then đêm sập cửa</i> <i>Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi</i> <i>Câu hát căng buồm cùng gió khơi.</i></p> <p>a. Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ?</p> <p>b. Ở hai câu đầu của đoạn thơ, tác giả sử dụng biện pháp tu từ gì ? Hãy chỉ rõ và nêu tác dụng của biện pháp tu từ ấy?</p> <p>HS thực hiện</p>	<p>- GV chốt kiến thức</p> <p>a. - Viết giữa năm 1958, trong chuyến đi thực tế dài ngày của tác giả ở vùng mỏ Quảng Ninh.</p> <p>b. - Ở câu thơ đầu bài thơ, tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật : so sánh</p> <p>-So sánh: mặt trời lặn xuống biển như hòn lửa</p> <p>- Phép tu từ so sánh: vừa độc đáo, vừa gây ấn tượng mạnh, mặt trời được ví với hòn lửa đem đến cho bức tranh hoàng hôn một vẻ đẹp rực rỡ, tráng lệ, và ấm áp chứ không hiu hắt, ảm đạm như trong thơ cổ.</p> <p>- Nhân hóa: sóng cài then, đêm sập cửa.</p> <p>- Tác dụng: gắn cho sự vật hành động của con người, gọi ra trước mắt người đọc cảm giác vũ trụ như một ngôi nhà lớn, với màn đêm buông xuống là cánh cửa khổng lồ và những gợn sóng là then cài cửa. Không gian vũ trụ rộng lớn, mênh mông, kì vĩ mà vẫn gần gũi, ấm áp như ngôi nhà của con người.</p>
<p>- Hình thức tổ chức luyện tập (nhóm đôi: 25 phút)</p> <p>- HS thực hiện</p> <p>Bài tập 2 Trong bài “<i>Đoàn thuyền đánh cá</i>” của Huy Cận có câu thơ sau: <i>“Thuyền ta lái gió với buồm trăng.”</i></p> <p>a. Chép chính xác ba câu thơ tiếp theo? Dựa vào trình tự ra khơi của đoàn thuyền thì đoạn trích em vừa chép mang nội dung gì ? (<u>Diễn đạt ngắn gọn bằng một câu văn</u>)</p> <p>b. Chỉ ra các biện pháp nghệ thuật mà tác giả sử dụng trong câu thơ “<i>Thuyền ta lái gió với buồm trăng</i>”? Các biện</p>	<p>- GV chốt kiến thức</p> <p>a. - Chép chính xác ba câu thơ tiếp</p> <p>- Nêu được nội dung đoạn thơ bằng một câu văn: Đoạn thơ đã khắc họa hình ảnh đoàn thuyền đánh cá giữa biển đêm hùng tráng và thơ mộng.</p> <p>b. - Chỉ ra được các biện pháp nghệ thuật: nhân hóa, nói quá qua từ “lái”.</p> <p>- Tác dụng:</p> <p>+ Khắc họa hình ảnh đoàn thuyền ra khơi với một tư thế mới, đẹp một cách hùng tráng, thơ mộng; tô đậm hình ảnh con thuyền ra khơi: con thuyền nhỏ bé bỗng được nâng lên tầm vóc lớn lao ngang tầm thiên nhiên, vũ trụ.</p>

<p>pháp nghệ thuật đó đã góp phần khắc họa vẻ đẹp nào của những người ngư dân?</p> <p>c. Viết một bài văn (tối đa 1,5 trang giấy thi) nêu cảm nhận của em về vẻ đẹp của con thuyền và người lao động được thể hiện trong khổ thơ. Từ đó hãy nêu suy nghĩ của bản thân về trách nhiệm đối với việc giữ gìn và bảo vệ chủ quyền biên giới biển đảo trong thời đại ngày nay.</p>	<p>+ Tâm hồn: phóng khoáng, lãng mạn.</p> <p>c. Nội dung phải đảm bảo các ý</p> <p>* Vẻ đẹp của hình ảnh con thuyền</p> <p>+ Con thuyền đánh cá vốn nhỏ bé trước biển cả bao la đã trở thành con thuyền kì vĩ, khổng lồ hoà nhập với kích thước rộng lớn của thiên nhiên, vũ trụ. Con thuyền đó như đang bay giữa không gian trong một đêm tuyệt đẹp. Những hình ảnh “lái gió”, “buồm trắng”, “ mây cao”, “ biển bằng ” vừa đậm chất hiện thực vừa mang vẻ đẹp lãng mạn.</p> <p>+ Nghệ thuật nhân hóa, sử dụng các động từ mạnh, hình ảnh thơ trong sáng, giàu biểu cảm</p> <p>...</p> <p>*Vẻ đẹp của người lao động</p> <p>- Con người hiện ra trong lao động với tư thế hiên ngang, chủ động làm chủ biển cả bao la.</p> <p>+ Mang trong mình khí thế của người làm chủ, biển thu hẹp lại để con người "ra đậu dặm xa", "dàn đan thế trận" và "dò bụng biển" để con người tìm tòi, khám phá. Họ đang hoàng ra những nơi xa để bắt thiên nhiên phục vụ cho con người. Họ những dân chài mang theo cả sức trẻ, sức khoẻ, mang theo cả sự tìm tòi, khám phá để khám phá thế giới bí hiểm của thiên nhiên, của đại dương bao la.</p> <p>+ Công việc đánh bắt ấy như một trận chiến mà mỗi người lao động như một chiến sĩ.</p> <p>- Nghệ thuật: sử dụng các động từ mạnh, liệt kê...</p> <p>* Từ vẻ đẹp của con thuyền và người lao động được thể hiện trong khổ thơ HS nêu suy nghĩ về trách nhiệm với việc bảo vệ chủ quyền biên giới biển đảo.</p> <p>+ nhận thức về giá trị của của biển đối với cuộc sống của con người.</p> <p>+ Trách nhiệm: bảo vệ môi trường biển, bảo vệ chủ quyền biên giới, không để kẻ thù ngang nhiên xâm phạm.</p> <p>*Đánh giá</p> <p>- Khổ thơ đã thể hiện được những thay đổi</p>
--	--

	lớn lao trong thơ Huy Cận. - Khổ thơ đã thể hiện được vẻ đẹp của người lao động trong một cuộc sống mới, được làm chủ quê hương, đất nước. - Thể hiện tình yêu, niềm tự hào của nhà thơ.
--	--

Tiết 2:**Chia lớp thành 4 nhóm học tập:****Nhóm 1,2 làm phiếu học tập số 1****Nhóm 3,4 làm phiếu học tập số 2****Thời gian: 20 phút****Các nhóm đổi bài****Giáo viên sửa bài, các nhóm chấm theo biểu điểm.****PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

Bài tập 1: Sự hòa hợp giữa thiên nhiên và con người đã làm nên bức tranh đẹp về cuộc sống mới ở miền Bắc thời kì xây dựng CNXH.

- Nhận xét trên nói về bài thơ nào ? Ai là tác giả?
- Trong bài thơ em vừa nêu có nhiều từ “hát” khiến cả bài thơ như một khúc tráng ca. Đó là khúc ca gì và tác giả thay lời ai? Chép chính xác câu thơ có từ “hát” được dùng nghệ thuật ẩn dụ trong bài thơ và nêu tác dụng?
- Viết đoạn văn khoảng 12 - 15 câu làm sáng tỏ nhận xét trên. Trong đoạn có sử dụng câu bị động và một câu cảm thán. (Gạch chân và chú thích rõ). Cho biết đoạn văn em vừa viết diễn đạt theo cách nào?

Gợi ý:

- Nêu tên tác phẩm “Đoàn thuyền đánh cá”
- Tác giả: Huy Cận
- Khúc ca ca ngợi thiên nhiên, biển cả quê hương giàu đẹp; ca ngợi người lao động và công việc đánh cá.
- Tác giả thay lời người lao động, người đánh cá
- Chép chính xác hai câu thơ có từ “hát” và hình ảnh ẩn dụ “Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi/ Câu hát căng buồm với gió khơi”
- Tác dụng: biến cái ảo thành cái thực → khí thế phơi phới, mạnh mẽ của đoàn thuyền với niềm vui và sức mạnh của người lao động làm chủ cuộc đời, chinh phục biển khơi.
-

* Hình thức:

- Biết triển khai luận điểm, diễn đạt mạch lạc, có cảm xúc.
- Có 1 câu bị động, 1 câu cảm thán
- Xác định được cách trình bày, có đủ số câu

* Nội dung:

- Bức tranh thiên nhiên thật rộng lớn, đẹp lung lay
- + Cảnh bình minh và hoàng hôn được đặt ở vị trí mở đầu và kết thúc bài thơ vẽ ra không gian rộng lớn mà thời gian là nhịp tuần hoàn của vũ trụ.
- + Vẻ đẹp của trăng, sao, sóng biển, mây, nước ... lung linh, huyền ảo.
- + Sự giàu đẹp của các loài cá.
- Hình ảnh người lao động giữa thiên nhiên cao đẹp
- + Con người không nhỏ bé mà đầy sức mạnh, hòa hợp với thiên nhiên
- + Tìm thấy niềm vui trong lao động qua câu hát → tình yêu cuộc sống.
- + Cảm nhận được vẻ đẹp, sự giàu có của biển → trân trọng và biết ơn biển cả quê hương
- Nghệ thuật:
- + Hình ảnh đẹp, lãng mạn
- + Giọng thơ khỏe khoắn
- + Bút pháp lãng mạn và liên tưởng phong phú.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:

1. Trong bài “Cảnh phong lan bể” có câu:

“Con cá song cầm đuốc dẫn thơ về”

Bài “Đoàn thuyền đánh cá” cũng có câu thơ giàu hình ảnh tương tự. Hãy chép chính xác khổ thơ có câu thơ đó.

2, Con “cá song” và “ngọn đuốc” là hai sự vật khác nhau trong thực tế nhưng nhà thơ Huy Cận lại có sự liên tưởng hợp lí. Tại sao? Câu thơ của ông giúp người đọc hiểu thêm gì về thiên nhiên và tài quan sát của ông?

3, Dưới đây là câu chủ đề cho một đoạn văn trình bày cảm nhận về khổ thơ yêu cầu chép ở câu một: “Chỉ với bốn câu thơ, Huy Cận đã cho ta thấy một bức tranh kì thú về sự đẹp đẽ của biển cả quê hương”

Em hãy viết tiếp khoảng 8 đến 10 câu để hoàn chỉnh đoạn văn trên theo phương pháp lập luận diễn dịch (có câu ghép và có thành phần tình thái)

4. Trong bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá”, hình ảnh thơ nào được lặp lại nhiều lần nhằm làm nổi bật tư tưởng của bài thơ. Việc lặp lại đó nhằm nói lên tư tưởng gì? Bằng một đoạn văn hãy chỉ ra ý nghĩa?

Gợi ý:

1. Hs tự chép

2.

Sự liên tưởng của nhà thơ dựa trên cơ chế ẩn dụ. Bằng sự quan sát tinh tế, nhà thơ đã nhận ra nét tương đồng giữa hình ảnh con cá song và ngọn đuốc. . Đó là cùng có ánh sáng hồng lấp lánh trong màn đêm đen. Cá song đêm xuống thường nổi lên mặt biển

hàng đàn cho đến lúc rạng đông, cá song thường có màu sắc rất sặc sỡ. Trên nền da sẫm có nhiều đốm vằn đỏ hồng như những ngọn đuốc đỏ rực sáng lên trong trăng sao. Câu thơ giúp người đọc hiểu biết thêm về vẻ đẹp ở các loài cá, vẻ đẹp của thiên nhiên biển khơi, đó là vẻ đẹp lạ kì. Trí tưởng tượng của nhà thơ quả là kì diệu, bút pháp lãng mạn của nhà thơ quả là bay bổng. Điều đó đã chấp cánh cho hiện thực trở nên kì ảo, làm giàu thêm cái đẹp vốn có trong tự nhiên.

3, Yêu cầu về hình thức: Đoạn văn diễn dịch, có độ dài khoảng 8-10 câu, có sử dụng thành phần tình thái và một câu ghép.

Yêu cầu về nội dung:

Câu chủ đề: Chỉ với bốn câu thơ, tác giả đã cho ta thấy một bức tranh kì thú về sự đẹp đẽ của biển cả quê hương.

Các câu khai triển:

Tôn lên vẻ đẹp rực rỡ, kì diệu của biển cả là sắc màu của những đuôi cá, vẩy cá, mắt cá với những màu sắc rực rỡ.

Những con cá song giống như ngọn đuốc đen hồng đang lao đi trong luồng nước dưới ánh trăng lấp lánh quả là hình ảnh ẩn dụ, độc đáo.

“Cái đuôi em quẫy trắng vàng chóa” là hình ảnh đẹp nhất. Ánh trăng in xuống mặt nước, những con cá quẫy đuôi như quẫy ánh trăng tan ra, vàng chóa. (Câu ghép)

- Vẻ đẹp ở biển khơi càng tráng lệ, càng huyền ảo hơn bởi hình ảnh nhân hóa: “Đêm thở: Sao lùa nước Hạ Long”. “Đêm” được miêu tả như một sinh vật đại dương đang thở. Phải chăng tiếng thở của đêm là tiếng rì rào của sóng. Đây là một hình ảnh đảo ngược, một sáng tạo nghệ thuật của Huy Cận, khiến cảnh thiên nhiên thêm sinh động.

4. Gồm những ý cơ bản sau:

- Khi đoàn thuyền ra khơi, “câu hát” được cất lên, gió thổi căng cánh buồm đưa thuyền rẽ sóng. Tiếng hát lúc này là niềm vui, niềm lạc quan là tâm trạng phấn chấn, họ hát thực hiện những ước mơ hồn hậu, mộc mạc, biển lặng, sóng êm, đàn cá đàn dật vào lưới của họ để chuyển ra khơi thắng lợi.

- Khi đánh cá trên biển, trong đêm khuya, vũ trụ nghỉ ngơi, họ lại cất cao tiếng hát “ta hát bài ca gọi cá vào”. Thể hiện khí thế lao động hào hứng, hăng say, là tình yêu lao động của những người dân chài. Với tiếng hát gọi cá vào lưới, hào cùng với nhịp trống gõ vào mạn thuyền, thể hiện hài hòa, hoạt động nhịp nhàng của con người với thiên nhiên vũ trụ, công việc lao động vất vả trở thành công việc nhẹ nhàng, phơi phới giàu chất thơ.

- Câu hát khi thuyền trở về bến, là khúc ca khai hoàn, là niềm vui chiến thắng, là sự thắng lợi mỹ mãn của chuyến ra khơi.

** Đoạn văn tham khảo:

Bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận được coi là một khúc tráng ca làm nổi bật hình ảnh người lao động mới với niềm tin vào cuộc sống mới. Nhà thơ Huy Cận

đã dùng hình ảnh “câu hát” lặp đi lặp lại nhiều lần theo hành trình chuyển ra khơi nhưng mỗi lần lại có nội dung tư tưởng và ý nghĩa khác. Khi đoàn thuyền ra khơi, “câu hát” được cất lên, gió thổi căng cánh buồm đưa thuyền rẽ sóng. Tiếng hát lúc này là niềm vui, niềm lạc quan là tâm trạng phấn chấn, họ hát thực hiện những ước mơ hồn hậu, mộc mạc, biển lặng, sóng êm, đàn cá đàn dật vào lưới của họ để chuyển ra khơi thắng lợi. Khi đánh cá trên biển, trong đêm khuya, vũ trụ nghỉ ngơi, họ lại cất cao tiếng hát “ta hát bài ca gọi cá vào”. Thể hiện khí thế lao động hào hứng, hăng say, là tình yêu lao động của những người dân chài. Với tiếng hát gọi cá vào lưới, hào cùng với nhịp trống gõ vào mạn thuyền, thể hiện hài hòa, hoạt động nhịp nhàng của con người với thiên nhiên vũ trụ, công việc lao động vất vả trở thành công việc nhẹ nhàng, phơi phới giàu chất thơ. Khi lao động họ còn cất cao tiếng hát, tri ân biển: “Biển cho ta cá như lòng mẹ/ Nuôi lớn đời ta tự buổi nào”. Sau một đêm thức trắng, lao động mệt mỏi giữa biển khơi mênh mông, thuyền nào cũng đầy ắp cá, câu hát lại một lần nữa cất lên cùng gió khơi, đưa thuyền trở về bến, là khúc ca khai hoàn, là niềm vui chiến thắng, là sự thắng lợi mỹ mãn của chuyến ra khơi. Như thế tiếng hát của người lao động lặp đi lặp lại một lần nữa khẳng định bài thơ là khúc ca lao động, là tiếng hát trong hồn thơ Huy Cận khi – trời mỗi ngày lại sáng.

Tiết 3:

NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- Hs hoạt động cá nhân.</p> <p>- GV hướng dẫn hs xây dựng dàn bài cho đề bài sau:</p> <p>Đề bài: Cảm nhận của em về bức tranh thiên nhiên và con người qua đoạn thơ sau:</p> <p><i>Mặt trời xuống biển như hòn lửa</i> <i>Sóng đã cài then đêm sập cửa</i> <i>Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi</i> <i>Câu hát căng buồm cùng gió khơi</i> <i>Hát rằng: cá bạc biển Đông lặng</i> <i>Cá thu biển Đông như đoàn thoi</i> <i>Đêm ngày dật biển muôn luồng sáng</i> <i>Đến dệt lưới ta đoàn cá ơi!</i> <i>... Câu hát căng buồm với gió khơi</i> <i>Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời</i></p>	<p>Mb:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Giới thiệu vấn đề nghị luận: bức tranh thiên nhiên và con người được thể hiện qua đoạn thơ. <p>TB:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu hoàn cảnh ra đời bài thơ. <ul style="list-style-type: none"> • Mở đầu bài thơ là khung cảnh trời biển - Cảnh đoàn thuyền ra khơi trên phong nền buổi hoàng hôn tuyệt đẹp <p>Mặt trời xuống biển như hòn lửa Sóng đã cài then đêm sập cửa</p> - Hình ảnh so sánh độc đáo, gợi quang cảnh kì vĩ, tráng lệ của bầu trời và mặt biển lúc hoàng hôn. - Sử dụng hình ảnh nhân hóa:

<p><i>Mặt trời đội biển nhô màu mới</i> <i>Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi!”</i> Học sinh hoạt động cá nhân: lập dàn bài cho đề văn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết đoạn văn cho luận điểm 1 	<ul style="list-style-type: none"> + Tả những con sóng xô bờ như những chiếc thuyền của vũ trụ để chìm vào trạng thái nghỉ ngơi. + Gọi cảm giác thân thương, gần gũi, vũ trụ được hình dung như một ngôi nhà lớn của con người. <ul style="list-style-type: none"> • Trên nền thiên nhiên tuyệt đẹp ấy, con người dần xuất hiện: <i>Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi</i> <i>Câu hát căng buồm cùng gió khơi</i> + Phó từ “lại” gợi tư thế chủ động, công việc ra khơi cứ lặp đi, lặp lại hàng ngày, trở thành hành động quen thuộc. Gợi sự đối lập giữa hoạt động của vũ trụ và con người. + Câu hát là niềm vui, sự hào hứng hăm hở của người lao động. Với nghệ thuật chuyển đổi cảm giác, căng hát căng buồm gợi vẻ đẹp tâm hồn của người lao động gửi gắm vào trong lời hát. <ul style="list-style-type: none"> - Đoàn thuyền ra khơi trong trạng thái phấn chấn đến lạ kì. Và trong tâm trạng náo nức ấy, những người dân chài đã cất cao tiếng hát: <i>Hát rằng: cá bạc biển Đông lặng</i> <i>Cá thu biển Đông như đoàn thoi</i> <i>Đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng</i> <i>Đến dệt lưới ta đoàn cá ơi!</i> - Liệt kê (cá bạc, cá thu) và so sánh (như đoàn thoi) mang đến âm hưởng ngợi ca, tự hào trong câu hát về sự giàu có của biển cả. - Hình ảnh nhân hóa: <i>Đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng</i>: cho thấy không khí lao động hăng say, không kể ngày đêm của những người lao động. Đồng thời cũng gợi hình ảnh những đoàn cá đang dệt những tấm lưới giữa biển Đông. - -> tác giả đã phác họa rất thành công một bức tranh thiên nhiên kì vĩ, thơ mộng và qua đó gợi được tâm hồn phóng khoáng, tình yêu lao động và niềm hi vọng của người dân chài.
--	--

	<p>- Sau một đêm lao động với tinh thần hăng say và nhiệt tình, đoàn thuyền đánh cá đã trở về trong câu hát:</p> <p><i>Câu hát căng buồm với gió khơi</i> <i>Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời</i> <i>Mặt trời đội biển nhô màu mới</i> <i>Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi!”</i></p> <p>Câu hát thể hiện niềm hân hoan, vui sướng vì chuyến đi thành công, thu được nhiều cá.</p> <p>Hình ảnh nhân hóa “chạy đua” diễn tả không khí khẩn trương, gấp gáp.</p> <p>Hình ảnh mắt cá huy hoàng là ánh sáng là ước mơ hứa hẹn cuộc sống ấm no.</p> <p>KB: Bằng những từ ngữ gợi tả, biện pháp tu từ so sánh, ẩn dụ, nhân hóa, liệt kê, lối nói khoa trương, âm hưởng khỏe khoắn, vui tươi những khổ thơ trên thực sự là một khúc ca hoành tráng của người lao động. Đó là khúc ca của những con người được làm chủ thiên nhiên, làm chủ đất nước, làm chủ cuộc đời. Trong công cuộc xây dựng đất nước ngày nay, bài thơ sẽ mãi là động lực khiến chúng ta cảm thấy yêu đời yêu quê hương đất nước sâu sắc.</p>
--	--

Bài viết tham khảo

Đoàn thuyền đánh cá của Huy Cận là một bài thơ cuộc đời. Bài thơ được sáng tác năm 1958 nhân một chuyến đi thực tế tại vùng mỏ Quảng Ninh. Thông qua một đêm đánh cá của đoàn thuyền lớn trên biển, tác giả ca ngợi kiêu lao động mới mẻ của người lao động tràn đầy lạc quan, tin tưởng làm chủ thiên nhiên biển cả bao la. Không khí lao động khẩn trương, hăng say, nhộn nhịp của miền Bắc thời kỳ xây dựng xã hội chủ nghĩa đã được nhà thơ thể hiện rõ nét nhất trong những khổ thơ sau:

Mặt trời xuống biển như hòn lửa
Sóng đã cài then đêm sập cửa
Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi
Câu hát căng buồm cùng gió khơi
Hát rằng: cá bạc biển Đông lặng
Cá thu biển Đông như đoàn thoi
Đêm này dệt biển muôn luồng sáng
Đến dệt lưới ta đoàn cá ơi!
... Câu hát căng buồm với gió khơi
Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời

*Mặt trời đội biển nhô màu mới
Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi!”*

Mở đầu bài thơ là khung cảnh trời về chiều nhưng vẫn rất hùng vĩ và rực rỡ:

*Mặt trời xuống biển như hòn lửa
Sóng đã cài then đêm sập cửa*

Một phép so sánh ví von hết sức gần gũi, tự nhiên, sáng tạo và độc đáo đến bất ngờ! Mặt trời sau một ngày cống hiến, tỏa sáng cho trần gian giờ đã lặn xuống song vẫn cháy rực như ngọn lửa, vẫn mãnh liệt và tràn đầy sức sống đến nhường nào! Bầu trời, mặt biển bao la rộng lớn như một ngôi nhà gần gũi với con người. Trước ngôi nhà sừng sững ấy ta bắt gặp hình ảnh *sóng cài then* và *đêm sập cửa*. Có lẽ hình ảnh nhân hóa độc đáo này chỉ gặp được trong thơ Huy Cận mà thôi! Ta cảm tưởng như những con sóng nhấp nhô ào ạt như những chiếc then cửa của ngôi nhà vũ trụ khi màn đêm dần buông xuống. Thiên nhiên mới gần gũi mà bí ẩn làm sao! Khi mà tất cả đã đi vào yên tĩnh nghỉ ngơi thì hoạt động của con người mới bắt đầu:

*Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi
Câu hát căng buồm cùng gió khơi*

Không phải chỉ có một chiếc thuyền mà trước mắt người đọc là cả một đoàn thuyền đang tiến về phía biển khơi. Phó từ *lại* như một nốt nhấn thể hiện sự tiếp diễn lặp lại một cách thường xuyên như một quy luật bất biến. Công việc đi biển là công việc rất quen thuộc của các ngư dân. Dường như họ chỉ chờ màn đêm buông xuống để được lướt thuyền đi đánh cá. Cùng với những con thuyền ấy là tiếng hát khỏe khoắn, vui tươi hòa quyện với gió thổi làm căng cánh buồm ra khơi. Hình ảnh ẩn dụ, lối nói khoa trương *câu hát căng buồm* khiến người đọc như bay lên cùng với lời hát của người ngư dân. Họ bắt đầu một ngày lao động bằng một tư thế sẵn sàng hào hứng và đầy niềm vui như vậy đấy!

*Hát rằng cá bạc biển Đông lặng
Cá thu biển Đông như đoàn thoi
Đêm ngày dật biển muôn luồng sáng
Đến dệt lưới ta đoàn cá ơi!*

Nhà thơ đã sử dụng phép liệt kê cá bạc, cá thu... để nhấn mạnh sự giàu có của biển khơi. Phép so sánh rất thú vị và độc đáo *cá thu biển Đông như đoàn thoi* gợi sự đông đúc của các loài cá trên biển Đông. Bên cạnh đó biện pháp nhân hóa thật gần gũi qua cũng từ *dật biển, dệt lưới* đã dựng lại một không gian biển cả đầy màu sắc.

Những đoàn cá dày đặc được ánh trăng soi rọi, những vảy bạc, vảy vàng lung linh rực rỡ. Biển cả lúc này như một tấm thảm được dệt nên từ ánh sáng của những loài cá.

Khổ thơ thứ hai vẫn nằm trong cảm xúc mê mẩn mang sâu lắng như là một khúc ca. Những người dân vùng biển cất tiếng hát như lời mong ước biển lặng, cá nhiều để công việc của họ suôn sẻ, thuận lợi. Niềm mong ước đó là khát vọng biết bao đời nay của người ngư dân. Cả khổ thơ là khí thế ra khơi đầy sôi nổi nhiệt tình lạc quan giống như

một đêm hội trên biển. Câu hát đã đánh thức cả màn đêm và biển cả. Thiên nhiên vũ trụ trở nên sinh động vô cùng.

Những khổ thơ tiếp theo miêu tả và làm nổi bật hình ảnh công việc đánh cá của người dân chài trên biển Hạ Long. Sau một đêm trên biển, họ đã lao động với tinh thần hăng say và nhiệt tình hiem có. Thành quả của họ là những chuyến cá đầy ắp khoang. Bình minh lên, khép lại một đêm lao động vất vả trên biển khơi, và bây giờ là khung cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về:

Câu hát căng buồm với gió khơi

Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời

Một lần nữa, câu hát của người dân chài được cất lên như một điệp khúc vang rộn của người lao động nhưng tư thế của họ đã thay đổi. Họ hát không phải là ước mong, không phải để gọi cá mà hát trong một niềm hân hoan, vui sướng, ngập tràn, hát vì đã thu được nhiều cá khi bình minh lên. Trở về vẫn với câu hát ấy, cánh buồm ấy, ngọn gió ấy nhưng giờ đây đoàn thuyền lại chạy đua cùng mặt trời. Họ đang khẩn trương trở về đất liền trước khi mặt trời lên để kịp đưa những con cá tươi ngon vào chợ. Hình ảnh nhân hóa chạy đua diễn tả một không khí khẩn trương gấp gáp yêu đời của người lao động:

Mặt trời đội biển nhô màu mới

Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi

Có thể nói, đây là những hình ảnh đẹp đẽ, lung linh nhất trong cả bài thơ. Lúc này, bình minh đã lên, mặt trời từ từ đội biển nhô lên với ánh sáng chan hòa, nhuộm vô vàn màu sắc cho biển cả. Vũ trụ như một vòng tuần hoàn mở ra một ngày mới, khép lại một đêm lao động đầy vất vả trên biển. Hình ảnh *mắt cá huy hoàng* là thành quả đầy khó khăn của người dân chài. Từ *huy hoàng* chính là mơ ước về một tương lai tươi sáng, đầy triển vọng, hứa hẹn một cuộc sống ấm no hạnh phúc cho người dân.

Bằng những từ ngữ gợi tả, biện pháp tu từ so sánh, ẩn dụ, nhân hóa, liệt kê, lối nói khoa trương, âm hưởng khỏe khoắn, vui tươi những khổ thơ trên thực sự là một khúc ca hoành tráng của người lao động. Đó là khúc ca của những con người được làm chủ thiên nhiên, làm chủ đất nước, làm chủ cuộc đời. Trong công cuộc xây dựng đất nước ngày nay, bài thơ sẽ mãi là động lực khiến chúng ta cảm thấy yêu đời yêu quê hương đất nước sâu sắc.

III. Củng cố - Dặn dò

- GV yêu cầu HS nhớ lại đơn vị kiến thức đã học
- Giao bài tập về nhà:
- + Từ nội dung bài thơ, hãy viết một đoạn văn ngắn (7 - 10 câu) trình bày suy nghĩ của em về biển đảo quê hương.
- + Viết hoàn chỉnh bài tập làm văn.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BUỔI 13: ÔN TẬP TRUYỆN HIỆN ĐẠI VIỆT NAM (Tiếp)

Văn bản: LÀNG (Kim Lân)

I- Mục tiêu cần đạt :

1. Kiến thức: Ôn tập, củng cố, khắc sâu kiến thức cơ bản về truyện ngắn “Làng” của Kim Lân.

2. Kỹ năng: phát hiện, phân tích, cảm thụ, lập luận để phân tích chi tiết, phân tích nhân vật, dựng đoạn liên quan đến vb...

3. Thái độ, phẩm chất: bồi dưỡng tình yêu làng quê, yêu đất nước, sống tự trọng, trách nhiệm ...

4. Năng lực: tự học, tư duy, làm việc nhóm, giao tiếp, giải quyết vấn đề ...

II- Chuẩn bị

1- **Giáo viên:** Soạn bài theo hệ thống kiến thức: tài liệu, máy chiếu, phiếu học tập...

2- **Học sinh:** Ôn tập bài.

III- Tiến trình lên lớp.

* **Ổn định lớp**

* **Tổ chức dạy và học ôn tập**

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- **Mục tiêu:** Tạo tâm thế, định hướng chú ý vào bài học mới.

- **Phương pháp:** Giải quyết vấn đề.

- **Kỹ thuật:** Động não

- **Tiến trình:**

Bước 1: Giao nhiệm vụ

“Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù”. Suy nghĩ chứa đựng sự đau đớn nhưng dứt khoát trên là của nhân vật nào? Trong văn bản nào? Của ai? Cái “làng theo Tây” được nói đến tên là gì?

Bước 2: HS trả lời

Bước 3: HS nhận xét về phần trả lời

Bước 4: GV nhận xét, dẫn vào bài: Ôn tập văn bản “Làng” của Kim Lân.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Tiết 1: Ôn tập kiến thức cơ bản

- **Mục tiêu:** Hs nhớ lại những kiến thức về tác giả, văn bản: hoàn cảnh ra đời, tình huống truyện, ý nghĩa nhan đề, nội dung, nghệ thuật.....

- **Phương pháp:** Giải quyết vấn đề, thuyết trình, thảo luận, dự án,

- **Kỹ thuật:** Động não

- **Cách thức:** Hoạt động cá nhân, nhóm

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung bài học
HD1: Hướng dẫn HS củng cố	A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

<p>kiến thức cơ bản</p> <p>Bước 1: Giao nhiệm vụ</p> <p>Qua phần chuẩn bị ở nhà, các nhóm lên thuyết trình các vấn đề sau:</p> <p>Nhóm 1+2: Thuyết trình về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác giả - Hoàn cảnh sáng tác văn bản. - Tình huống truyện và ý nghĩa tình huống. <p>Nhóm 3+4: Thuyết trình về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghệ thuật và nội dung của văn bản. - ý nghĩa nhan đề. - Tóm tắt văn bản <p>Bước 2: Đại diện các nhóm trình bày</p> <p>Bước 3: HS các nhóm nhận xét về phần trả lời</p> <p>Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức trên máy chiếu</p>	<p>1. Tác giả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên Nguyễn Văn Tài (1920-2007). Quê: Bắc Ninh. - Sở trường: viết truyện ngắn. - Đề tài chủ yếu: những cảnh ngộ của người nông dân và sinh hoạt ở làng quê VN - Phong cách: tự nhiên, khai thác sâu vào thế giới nội tâm nhân vật, ngôn ngữ bình dị gần gũi với đời sống lời ăn tiếng nói và lối suy nghĩ của người nông dân VN - Năm 2001, ông nhận giải thưởng Nhà nước về văn <p>2. Tác phẩm</p> <p>a- Hoàn cảnh: 1948- thời kì đầu cuộc kháng chiến chống Pháp.</p> <p>b- Tình huống truyện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - TH1: Ông Hai yêu làng, tự hào, hãnh diện về làng, đột nhiên lại nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc từ chính những người tản cư phía làng Chợ Dầu nói ra. -> Tạo nút thắt cho câu chuyện -> đẩy mâu thuẫn lên đỉnh cao -> thử thách -> bộc lộ lòng yêu làng, yêu nước của ông Hai - TH2 (TH phụ): Đang bế tắc, tuyệt vọng thì ông Hai nghe tin làng được cải chính. -> Mở nút thắt -> Khẳng định thêm, làm sâu sắc thêm lòng yêu làng, yêu nước của ông Hai. <p>==> Tình huống truyện độc đáo đã góp phần làm nổi bật chủ đề của truyện.</p> <p>c- Nghệ thuật chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng tình huống truyện độc đáo - Miêu tả tâm lí nhân vật rất tinh tế qua: cử chỉ, hành động, ngôn ngữ đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm sâu sắc. - Ngôn ngữ kể chuyện tự nhiên, kết hợp phương thức tự sự với miêu tả, biểu cảm...-> hấp dẫn. <p>d- Nội dung, ý nghĩa: kể lại diễn biến tâm trạng đau khổ, rối bời, xấu hổ... của nhân vật ông Hai khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc</p> <p>-> Ca ngợi tình yêu làng quê hòa trong tình yêu đất</p>
--	---

	<p>nước, yêu kháng chiến của người nông dân VN những năm đầu cuộc KCCP</p> <p>e- Nhan đề: Là danh từ chung mang tính khái quát (chỉ mọi ngôi làng trên đất nước VN) -> Ca ngợi tình yêu làng, yêu nước của mọi người nông dân trên đất nước VN những năm đầu cuộc kháng chiến chống Pháp.</p> <p>-> Nhan đề góp phần làm nổi bật chủ đề của vb.</p> <p>g- Tóm tắt truyện</p> <p>- Trong kháng chiến, ông Hai - người làng Chợ Dầu buộc phải rời làng đi tản cư. Ở nơi tản cư, ông luôn theo dõi tin tức kháng chiến và đi khoe cái làng mình một cách say sưa, háo hức.</p> <p>- Bỗng một hôm, ông nghe được tin là làng Chợ Dầu theo giặc, ông rất khổ tâm và cảm thấy xấu hổ, nhục nhã, thậm chí bế tắc khi bà chủ có ý định đuổi gia đình ông đi.</p> <p>- Chỉ khi tin được cải chính thì ông mới trở lại vui vẻ, phấn chấn và tiếp tục đi khoe làng như xưa.</p>
--	--

Tiết 2+ 3

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- **Mục tiêu:** Thông qua làm các đề bài để khắc sâu kiến thức về văn bản đã học.
- **Phương pháp:** Giải quyết vấn đề, thuyết trình, thảo luận, dự án.
- **Kĩ thuật:** Động não, khăn trải bàn
- **Cách thức:** Hoạt động cá nhân, nhóm.

<p>HD2: Hướng dẫn HS làm bài tập</p> <p>PHIẾU HỌC TẬP 1</p> <p>Cho đoạn văn: “Ông lão vẫn trần trọc ko sao ngủ được...ông lão nín thở, lắng tai nghe bên ngoài...” (sgk trang 167)</p> <p>Câu 1- Nêu hoàn cảnh ra đời của văn bản. Kể tên tác phẩm đã học trong chương trình NV9 ra đời cùng năm đó. Ghi rõ tên tác giả</p> <p>Câu 2- Nêu tình huống truyện và ý</p>	<p>B- BÀI TẬP</p> <p>Bài tập 1</p> <p>Câu 1-Hoàn cảnh: 1948- thời kì đầu cuộc kháng chiến chống Pháp.</p> <p>- Tác phẩm: Đồng chí (Chính Hữu)</p> <p>Câu 2- Tình huống truyện (xem lại phần “Kiến thức cơ bản”)</p> <p>Câu 3- Hình thức ngôn ngữ: độc thoại nội tâm</p> <p>- Tác dụng: làm nổi bật nỗi băn khoăn, căng</p>
--	---

nghĩa của những tình huống đó.

Câu 3- Cho biết hình thức ngôn ngữ và tác dụng của hình thức ngôn ngữ đó được sử dụng trong đoạn trích trên.

- Tìm và ghi lại hai câu thơ liên nhau trong chương trình NV9 có sử dụng hình thức ngôn ngữ đó. Ghi rõ tên bài thơ, tên tác giả.

Câu 4- Xét về cấu tạo, các từ “lào xào”, thuộc loại từ gì? Tìm các từ cùng loại từ đó có trong đoạn văn trên

Câu 5- Nếu bỏ đi các dấu chấm lửng trong đoạn văn trên thì ý nghĩa biểu đạt và biểu cảm có thay đổi ko? Giải thích vì sao?

Câu 6- Dựa vào văn bản “Làng” của Kim Lân, viết đoạn văn (khoảng 12-14câu) theo lối tổng- phân- hợp phân tích diễn biến tâm lí vô cùng tinh tế của nhân vật ông Hai khi nghe được tin làng Chợ Dầu theo giặc. Trong đó có sử dụng câu cảm thán và phó từ. Gạch chân

Bước 1: Giao nhiệm vụ:

- Câu 1,2 suy nghĩ cá nhân, làm miệng
- Câu 3,4,5 thống nhất ý chính trên phiếu học tập nhóm

Bước 2: Trình bày (cá nhân hoặc đại diện nhóm) .

Bước 3: Các nhóm nhận xét

Bước 4: GV nhận xét và chiếu kết quả:

thẳng, hồi hộp, lo lắng, sợ hãi ...của nhân vật ông Hai khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc -
 > Thấy được chiều sâu tâm trạng của nhân vật. -> Góp phần thể hiện rõ chủ đề câu chuyện: tình yêu làng quê, yêu kháng chiến đã trở thành mối quan tâm thường trực của người nông dân VN những ngày đầu cuộc kccP. Thấy được sự tài tình trong cách viết truyện của KL

*** Những câu thơ có sử dụng hình thức độc thoại nội tâm:**

“Chân trời góc bể bơ vơ

Tám son gột rửa bao giờ cho phai”

(“Kiều ở lầu Ngưng Bích”- trích “Truyện Kiều” - Nguyễn Du)

“Xót người tựa cửa hôm mai

Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ”

(“Kiều ở lầu Ngưng Bích”- trích “Truyện Kiều” - Nguyễn Du)

“Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà

Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?”

(“Bếp lửa” - Bằng Việt)

.....

Câu 4- Từ loại: từ láy.

- Các từ: trần trọc, léo xéo, thành thịch

Câu 5- Nếu bỏ đi các dấu chấm lửng trong đoạn văn trên thì:

- Ý nghĩa biểu đạt không thay đổi (vì vẫn giữ nguyên nội dung)

- Ý nghĩa biểu cảm thay đổi. Các câu văn sẽ ngắn lại, nhịp nhanh hơn. Vì vậy:

+ Không diễn tả được tâm trạng lo lắng, căng thẳng, sợ hãi, rối bời ...của ông Hai trong không gian yên lặng tuyệt đối.

+ Không thấy được tình yêu làng quê đã trở thành mối quan tâm thường trực của ông hai

Lưu ý: Câu 6- Viết đoạn văn

Bước 1: Yêu cầu HS phân tích đề, nêu yêu cầu của đề bài, gạch chân những từ khóa.

Bước 2:

- Tạo câu chủ đề 1 và câu chủ đề 2.

- Tạo câu cảm thán, phó từ

+ Câu cảm thán: vd “Chao ôi, cái đáng đi ấy mới tội nghiệp biết bao!”

+ Phó từ: vd: đã, sẽ, đang, hãy, đừng, rất, lại...

Bước 3: Tìm các ý chính để viết đoạn

Bước 4: HS viết đoạn.

Bước 5: Trình bày, sửa lỗi (lỗi dùng từ, đặt câu, lỗi diễn đạt...)

*** Hình thức:**

- Đảm bảo dung lượng theo yêu cầu: khoảng 12 - 14 câu

- Phương pháp trình bày đoạn văn: tổng-phân- hợp

- Sử dụng và gạch chân câu cảm thán và phó từ một cách hợp lí

*** Nội dung:** bám sát ngữ liệu sgk, khai thác các tín hiệu nghệ thuật để làm rõ tâm trạng, thái độ của nhân vật ông Hai khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc.

-> Từ đó, không thể hiện được rõ chủ đề của câu chuyện.

Câu 6- Viết đoạn văn:

*** Câu mở đoạn:** (Câu chủ đề 1) có chứa:

+ Tác giả, tác phẩm.

+ Nêu chủ đề đoạn văn: diễn diễn tâm lí vô cùng tinh tế của nhân vật ông Hai khi nghe được tin làng Chợ Dầu theo giặc.

*** Thân đoạn:** Triển khai các ý chính:

- Tác giả đặt nhân vật ông Hai vào một tình huống đặc biệt: Ông luôn nhớ làng, tự hào về làng, quan tâm đến tin tức kháng chiến...thì bỗng nhiên nghe tin dữ.

- Ông sững sốt, bàng hoàng (đến nghẹt thở) trước tin dữ đến quá bất ngờ.

- Nghi ngờ, băn khoăn chưa dám tin, thậm chí ông ko thể tin nổi

- Cố tỏ ra tự nhiên, đánh trống lảng, rút lui để ko ai để ý

- Cúi gằm mặt xuống mà đi trong đau đớn, tủi hổ ê chề vì danh dự của làng quê (cũng là của ông) đã bị tổn thương...

- Về nhà: ông đau đớn, tủi hổ, càng thương con ông càng giận những người ở làng; ông lo cho con, cho kế sinh nhai của gia đình..

- Những ngày sau đó: tâm lí nặng nề vì cái tin nhục nhã ấy đã trở thành nỗi ám ảnh khủng khiếp... Vì vậy, ông không dám ra khỏi nhà.

- Khi bà chủ có ý định đuổi gia đình ông: bế tắc, tuyệt vọng, đấu tranh tư tưởng, giằng xé tâm can. Ông quyết định “thù làng”, không quay về làng mà theo kháng chiến..

- Ông trút nỗi lòng tâm sự với con vừa để dịu đi nỗi đau khổ đang đè nặng trong lòng vừa củng cố niềm tin sắt đá, thủy chung với cách mạng...

	<p>* Câu kết đoạn: (Câu chủ đề 2): Khái quát nội dung cả đoạn.</p> <p>- Khẳng định được thành công về nghệ thuật : xây dựng tình huống truyện độc đáo, xây dựng thành công nhân vật qua cử chỉ, hành động, ngôn ngữ (đặc biệt là ngôn ngữ độc thoại nội tâm) ...</p> <p>- Khái quát, nâng cao về nội dung, ý nghĩa: thể hiện diễn biến tâm lí tinh tế -> tình cảm của mình đối với nhân vật; thành công của tác giả;..</p>
<p style="text-align: center;">PHIẾU HỌC TẬP 2</p> <p>Dưới đây là một đoạn trong văn bản “Làng” của Kim Lân:</p> <p><i>“Cả làng chúng nó Việt gian theo Tây..., cái câu nói của người đàn bà tản cư hôm trước lại dội lên trong tâm trí ông [...].</i></p> <p><i>Nước mắt ông lão giàn ra. Về làng tức là chịu quay lại làm nô lệ cho thằng Tây.</i></p> <p><i>Ông Hai nghĩ rợn cả người. Cả cuộc đời đen tối, lầm than cũ nổi lên trong ý nghĩ ông. Ông không thể quay về cái làng ấy được nữa. Về bây giờ thì ra ông chịu mất hết à?</i></p> <p><i>Không thể được! Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù”.</i></p> <p>Câu 1-Tại sao khi xây dựng hình tượng nhân vật chính luôn hướng về làng chợ Dầu, nhưng tác giả lại đặt tên tác phẩm của mình là “Làng” chứ không phải “Làng chợ Dầu”?</p> <p>Câu 2-Theo trình tự cốt truyện thì đoạn trích nằm ở tình huống nào? Trong tình huống đó, ông nghĩ: “Về bây giờ thì ra ông chịu mất hết à?”. Theo em, ông Hai nghĩ có thể sẽ “mất</p>	<p>Bài tập 2</p> <p>Câu 1- Cách đặt tên truyện là “Làng” chứ không phải “Làng Chợ Dầu”:</p> <p>- “Làng Chợ Dầu” là danh từ riêng dùng để chỉ tên của một ngôi làng cụ thể.</p> <p>- “Làng” là danh từ chung dùng để chỉ mọi ngôi làng trên đất nước Việt Nam</p> <p>Tác giả đặt tên truyện là “Làng” vì "Làng" sẽ có tính khái quát cao hơn “Làng Chợ Dầu”. Vấn đề mà nhà văn Kim Lân khai thác không phải chỉ là tình cảm riêng của mình nhân vật ông Hai đối với ngôi làng Chợ Dầu, mà sâu rộng hơn, tác giả còn muốn nói đến một tình cảm bao trùm, phổ biến – đó là tình yêu làng quê, yêu đất nước của mọi người dân Việt Nam thời kỳ kháng chiến chống Pháp trên khắp mọi miền Tổ quốc.</p> <p>-> Cách đặt tên truyện rất tinh tế và góp phần thể hiện chủ đề câu chuyện</p> <p>Câu 2- Đoạn trích trên nằm ở tình huống: Cái tin là Chợ Dầu theo giặc đã khiến cho bà chủ nhà đánh tiếng đuổi gia đình ông Hai đi, không cho ở nữa. Đoạn trích trên đã miêu tả xung đột nội tâm sâu sắc của nhân vật ông Hai lúc bấy giờ</p> <p>* “Mất hết” ở đây có nghĩa là:</p> <p>+ Mất tự do, “quay lại làm nô lệ cho thằng</p>

hết” những gì khi quay trở về làng Chợ Dầu?

Câu 3- Kể tên tác phẩm văn xuôi Việt Nam đã học trong chương trình Ngữ văn trung học cơ sở viết về đề tài người nông dân, ghi rõ tên tác giả.

Câu 4- Truyện ngắn “Làng”, Kim Lân đã xây dựng thành công hình ảnh những người nông dân Việt Nam với lòng yêu nước, yêu kháng chiến sâu sắc. Em hãy chỉ rõ.

Bước 1: Giao nhiệm vụ:

- Câu 1,2,3 suy nghĩ cá nhân, làm miệng
- Câu 4: thống nhất ý chính trên phiếu học tập nhóm

Bước 2: Trình bày (cá nhân hoặc đại diện nhóm) .

Bước 3: Các nhóm nhận xét

Bước 4: GV nhận xét và chiếu kết quả

Tây”, sống kiếp sống lầm than, bị áp bức.

+ Mất danh dự, tự trọng, sống trong nhục nhã.

+ Mất đi lòng trung thành với kháng chiến, với cách mạng, với cụ Hồ ...

-> Suy nghĩ mới mẻ, tích cực của người nông dân sau cách mạng tháng 8: họ có nhận thức đúng về kháng chiến, về cách mạng...

Câu 3- Tác phẩm về người nông dân trong chương trình ngữ văn THCS:

- Tác phẩm “Tắt đèn” (đoạn trích “Tức nước vỡ bờ”) của nhà văn Ngô Tất Tố.

(Hoặc truyện ngắn "Lão Hạc" của nhà văn Nam Cao.)

Câu 4- Những người nông dân Việt Nam yêu nước, yêu kháng chiến sâu sắc.

- Người đàn bà đi tản cư: căm ghét, chửi rủa những kẻ làm Việt gian theo giặc “cho mỗi đứa một nhát”

- Bà Hai: tần tảo, lo lắng cho gia đình. Khi nghe tin làng theo Tây, bà cũng buồn nhưng kín đáo hơn. Bà uể oải, bần thần, lẳng lặng ...khiến “căn nhà có cái im lặng thật là khó chịu”

- Mụ chủ nhà: chua ngoa, đánh đá, tham lam, hay soi mói, cạnh khóe. Nhưng khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc, bà cũng căm ghét, không cho người làng Chợ Dầu ở nữa. Nhưng khi nghe tin cải chính, bà ta cũng sung sướng từ đáy lòng

- Bác Thứ: người hiền lành, chất phác, cũng đi tản cư và cũng vui thay cho ông Hai

- Thằng Húc - con ông Hai- mới có mấy tuổi nhưng cũng biết ủng hộ cách mạng, ủng hộ cụ Hồ, cảm nhận được sự xấu hổ...

-> Họ là những người nông dân nghèo khó, lam lũ nhưng có tình cảm cao đẹp, rất đáng trân trọng, ngợi ca.

<p>Bước 1: Yêu cầu HS phân tích đề, nêu yêu cầu của đề bài, gạch chân những từ khóa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương thức biểu đạt: Nghị luận văn chương (phân tích) - Vấn đề nghị luận: tình yêu làng quê hòa trong tình yêu đất nước, yêu kháng chiến sâu sắc của nhân vật ông Hai. + Phạm vi: Văn bản “Làng” của nhà văn Kim Lân <p>Bước 2: Lập dàn ý</p> <p>? Có mấy cách mở bài? Nêu những nội dung chính trong phần mở bài.</p> <p>(- Cách 2: Mở bài gián tiếp: Dẫn vấn đề: từ chủ đề tình yêu quê hương đất nước (hoặc từ vẻ đẹp của người nông dân VN...))</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: hs viết mở bài. Trình bày <p>Bước 3: 4 nhóm. Mỗi nhóm trình bày tình yêu làng, yêu nước của ông Hai trong một gia đoạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 1: Trước khi nghe tin - Nhóm 2: 	<p>Bài tập 3: <i>Phân tích để thấy được tình yêu làng quê hòa trong tình yêu đất nước, yêu kháng chiến sâu sắc của nhân vật ông Hai trong truyện ngắn “Làng” của nhà văn Kim Lân</i></p> <p>1- Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách 1: mở bài trực tiếp + Dẫn vấn đề: giới thiệu tác giả, tác phẩm. + Nêu vấn đề: tình yêu làng quê hòa trong tình yêu đất nước, yêu kháng chiến sâu sắc của nhân vật ông Hai. + Phạm vi: Văn bản “Làng” của nhà văn Kim Lân <p>2- Thân bài</p> <p>a- Tình yêu làng, yêu nước của ông Hai trước khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc (Ở nơi tản cư)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Buồn vì phải xa làng. - Nhớ làng da diết, nỗi nhớ ấy gắn với không khí cách mạng: “Chao ôi! Ông nhớ cái làng, nhớ cái làng quá”. Ông nhớ những ngày cùng anh em đào đường hầm bí mật, đắp ụ, xẻ hào, khuân đá...để phục vụ kháng chiến. Ông thấy rất vui khi tham gia cách mạng. - Ông quan tâm đến tình hình của làng, tình hình kháng chiến: thường xuyên ra nghe tin tức trong phòng thông tin. Ông rất
---	---

<p>+ Khi vừa nghe tin</p> <p>+ Lúc ở nhà</p> <p>- Nhóm 3:</p> <p>+ Ba, bốn ngày ở nhà</p> <p>+ Khi mẹ chủ có ý định đuổi gđ ông Hai</p> <p>+ Khi ông trò chuyện cùng con</p> <p>- Nhóm 4: Khi nghe tin cải chính</p> <p>(Lưu ý: các nhóm trình bày bằng ý chính)</p>	<p>sung sướng, ngây ngất trước tin chiến thắng “ruột gan ông lão cứ múa cả lên” ... Tin nào ông cũng bình luận sôi nổi</p> <p>- Nỗi nhớ làng thường trực. Ông quan tâm, xúc động mỗi khi nghe người ta nhắc đến tên làng Chợ Dầu. Ông phản ứng ngay lập tức: quay phắt lại, lắp bắp hỏi thăm... Nỗi nhớ ấy giống như sợi dây đàn đã căng sẵn, chỉ cần chạm nhẹ là nó đã ngân rung.</p> <p>-> Nhớ làng, yêu làng, tự hào về làng, về tinh thần kháng chiến (tình yêu dành cho nơi chôn rau cắt rốn của người con xa quê. Đó là làng quê kháng chiến sau cách mạng tháng Tám - nó đã trở thành máu thịt, thành niềm hạnh phúc lớn lao của ông.)</p> <p>b- Tình yêu làng, yêu nước của ông Hai khi nghe được tin làng Chợ Dầu theo giặc</p> <p>Tác giả đặt nhân vật ông Hai vào một tình huống đặc biệt: ông tự hào về làng, quan tâm đến tin tức kháng chiến, tin tưởng tuyệt đối làng của mình trung thành với cách mạng....thì bỗng nhiên nghe tin dữ: làng Chợ Dầu Việt gian</p> <p>* Khi vừa nghe tin:</p> <p>- Ông sửng sốt, bàng hoàng (đến nghẹt thở) trước tin dữ đến quá bất ngờ. Cổ nghẹn ắng, da mặt tê rân, lặng đi tưởng đến ko thở được. -> niềm xúc động trào dâng mãnh liệt.</p> <p>- Nghi ngờ, băn khoăn chưa dám tin, thậm chí ông ko thể tin nổi: rặn ề ề, nuốt cái gì vướng ở cổ, hỏi lại “liệu có thật ...chỉ lại..” . Có lẽ, ông hi vọng tin mà ông vừa nghe chỉ là lời đồn thất thiệt.</p> <p>- Khi được khẳng định -> không thể không tin. Niềm tự hào về làng bỗng chốc sụp đổ tan tành trước cái tin sét đánh ấy.</p> <p>- Tìm cách rút lui: “Hà, nắng gớm, về nào...”. Lời độc thoại -> cố tỏ ra tự nhiên, đánh trống lảng, rút lui để ko ai để ý</p> <p>- Đám người khinh bỉ, căm ghét, chửi rủa -> ông cúi gằm mặt xuống mà đi vì quá xấu hổ, nhục nhã, bẽ bàng, không muốn ai nhận ra mình là người làng Chợ Dầu.</p> <p>-> Nghệ thuật miêu tả cử chỉ tinh tế -> gợi khoảnh khắc sửng sốt, choáng váng, bẽ bàng... Làng ông mang tội danh bán nước, theo giặc; danh dự của làng quê không còn. Mà ông yêu làng, danh dự của ông đã gắn với cái làng Chợ Dầu nên lòng</p>
--	---

tự trọng của ông bị tổn thương ghê gớm.

*** Khi về đến nhà:**

- Vừa về:

+ Tâm lí nặng nề, thất vọng, chán chường... “Năm vật ra giường”

+ Ông lo lắng, sợ các con còn quá nhỏ dại mà đã bị mang tiếng là Việt gian bán nước. Nhìn con, tủi thân, nước mắt giàn ra: “chúng nó là con làng Việt gian đấy ư?, chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng, hắt hủi đấy ư? / Độc thoại nội tâm -> xót xa, day dứt, đau đớn, khổ tâm vô cùng.

- Căm giận những người ở lại làng. Nỗi uất ức lên đến cao độ, không nén được trong lòng phải cất lên thành lời độc thoại “Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này”

+ Nhưng chính tình yêu làng, niềm tin mạnh mẽ về tinh thần kháng chiến của làng khiến ông không khỏi băn khoăn, day dứt. Ông kiểm điểm từng người trong óc “Không mà, họ toàn là những người có tinh thần cả mà. Họ đã ở lại làng, quyết tâm một sống một chết với giặc, có đời nào lại cam tâm làm điều nhục nhã ấy”

- Nhưng ông lại đau đớn khẳng định khi có bằng chứng rõ ràng: “Mà thằng chánh Bệu thì đích là người làng không sai rồi. Không có lửa làm sao có khói? Ai người ta hơi đâu bịa tạc ra những chuyện ấy làm gì”. Ông thực sự lo:

+ Lo cho gia đình mình, lo kế sinh nhai, nơi ăn chốn ở “Biết làm ăn, buôn bán ra sao? ai người ta chưa, ai người ta buôn bán mấy?”

+ Lo cho những người đồng hương “không biết đã biết tin này chưa?”

+ Thấy xót xa, tủi nhục “Chao ôi! Cực nhục chưa, cả làng Việt gian!”

-> NT: Những câu văn ngắn liên tiếp, những câu hỏi tu từ, câu cảm thán -> Tâm trạng ngổn ngang, rối bời, đau xót ...

- Chiều đến: Không khí gia đình nặng nề: “cái im lặng thật là khó chịu”...

- Khuya: nỗi thất vọng, bức dọc đang đè nặng trong lòng...

+ Cáu gắt vô cớ với vợ (số lượt lời của ông Hai nhiều hơn

bà Hai; ông sử dụng liên tiếp câu rút gọn)

+ Lo lắng, căng thẳng, sợ hãi, rồi bởi ...giữa không gian yên lặng tuyệt đối. Ông trần trọc, ko sao ngủ được, ông lặng đi, chân tay nhũn ra, ...nín thở, nằm im thin thít khi nghe tiếng mẹ chủ “trống ngực ông lão đập thành thịch”

-> Độc thoại nội tâm -> càng nghĩ càng thấy căng thẳng, đau đớn, day dứt, buồn tủi, thất vọng...

*** Những ngày sau đó:**

- Sống chui sống lủi, không dám đi đâu

- Chột dạ, nom nớp lo sợ, tưởng tượng người ta đang bàn tán “chuyện ấy”.

-> Miêu tả nội tâm tinh tế -> Nỗi ám ảnh nặng nề, khủng khiếp biến thành sợ hãi -> luôn lo lắng, chôn tránh, sống trong tủi hổ...

*** Khi mẹ chủ nhà có ý đuổi gia đình ông Hai.**

- Ông rơi vào tình thế tuyệt vọng, bế tắc hoàn toàn. Ông suy nghĩ, giằng co giữa 2 phương án:

+ "biết đem nhau đi đâu bây giờ, đâu người ta chứa...?" (lo lắng bị tuyệt đường sinh sống vì người ta đuổi như đuổi hủi -> không nơi nào chứa)

+ “Hay là quay về làng?” (bỏ kháng chiến, bỏ cụ Hồ.)

-> Tình huống thử thách căng thẳng, quyết liệt -> Mâu thuẫn nội tâm gay gắt -> bắt buộc phải lựa chọn. Cuối cùng, ông quyết định một cách đau đớn, dứt khoát: "Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây thì phải thù". -> không quay về làng, thậm chí còn thù làng. Một quyết định đúng đắn. Tuy đau xót tưởng chừng bế tắc nhưng trong cội thẳm sâu của tấm lòng, người nông dân ấy vẫn hướng về Tổ quốc, về cách mạng. Vì cách mạng đã đem lại độc lập, tự do và giúp ông thoát khỏi kiếp lầm than, nô lệ. Đó là tình yêu cao cả nhất, thiêng liêng nhất của mỗi con người.

*** Khi trò chuyện với đứa con út.**

+ Dù lí trí đã quyết “Làng theo Tây mất rồi thì phải thù” nhưng tình cảm của ông Hai vẫn hướng về làng Dầu với nỗi nhớ thương thường trực. Ông hỏi con “Thế nhà con ở đâu”, “Thế con có thích về làng Chợ Dầu không?”, “Con ủng hộ ai?” với mục đích:

+ Khắc ghi vào lòng con tình cảm sâu sắc với làng quê, với

cách mạng.

+ Dịu đi nỗi đau khổ đang đè nặng trong lòng.

+ Thực chất là tự giải bày nỗi lòng, tự mình oan cho mình, tự nhủ với lòng để củng cố niềm tin và lòng trung thành với cách mạng, với kháng chiến, với cụ Hồ.

-> Khắc họa nhân vật qua cử chỉ, qua ngôn ngữ đối thoại -> Rất yêu làng nhưng cũng rất trung thành với cách mạng- tình cảm thiêng liêng, bền vững, thủy chung trước sau như một, ko thay đổi.

= > Đặt nhân vật vào tình huống gay cấn -> thử thách -> Bộc lộ tình yêu làng quê hòa trong tình yêu đất nước sâu sắc.

c- Tình Yêu làng, yêu nước của ông Hai khi nghe được tin cải chính

Đang bế tắc, tuyệt vọng thì ông Hai nghe tin làng được cải chính.

- Nghe được tin: Vui tươi, rạng rỡ hẳn lên, chia quà cho các con.

- Khoe làng. Nhưng lần này ông múa tay lên mà khoe nhà ông bị đốt cháy. Hành động đi ngược lại tâm lí thông thường nhưng lại rất phù hợp với tâm trạng ông Hai. Đây là hành động rất cảm động thể hiện niềm hạnh phúc, sung sướng, hả hê như được vỡ òa, không thể kìm nén được. Vì làng Chợ Dầu bị đốt là minh chứng hùng hồn cho làng ông ko theo giặc mà luôn trung thành với kháng chiến. Có lẽ, nhà bị “đốt nhẵn”, ông cũng đau xót lắm, nhưng mát mát ấy quá nhỏ bé so với cái danh dự của làng quê. Ông quên đi nỗi đau đớn, mát mát riêng để hòa vào niềm vui chung của cách mạng. Bao nhiêu đau đớn tủi hổ, xót xa giờ được giữ sạch, thay vào đó là niềm vui mừng, hả hê trong niềm tự hào và sức mạnh của làng quê, của kháng chiến.

==> Tình huống mở nút thắt câu chuyện -> Khẳng định thêm, làm sâu sắc thêm tình yêu làng quê hòa quyện trong tình yêu đất nước của ông Hai

* Mở rộng: So sánh với nhân vật Lão Hạc -> sự phát triển về ý thức:

- Ông Hai vẫn giữ vẻ đẹp truyền thống của người nông dân Việt Nam: cần cù, mộc mạc, chất phác, lòng tự trọng cao...

- Sự phát triển về ý thức: tình yêu làng quê, yêu kháng chiến, trung thành tuyệt đối với cách mạng...Tình cảm này chính là cách mạng đã mang lại cho ông và những người nông dân VN

<p>- Yêu cầu: hs viết phân kết bài. Trình bày.</p> <p>Bước 4: HS tự chọn ý để viết thành một đoạn văn với chủ đề:</p> <p>- Tình yêu làng, yêu nước của ông Hai trước khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc</p> <p>- Tình Yêu làng, yêu nước của ông Hai khi nghe được tin cải chính</p>	<p>bấy giờ.</p> <p>+ Tình yêu làng của ông Hai đã trở thành niềm say mê, hăng diện, thành thói quen khoe làng mình.</p> <p>+ Tình yêu làng của ông đặt trong tình yêu nước, thống nhất với tinh thần kháng chiến khi đất nước bị xâm lăng và cả dân tộc đang tiến hành cuộc kháng chiến chống Pháp.</p> <p>3. Kết bài:</p> <p>* Khẳng định lại nghệ thuật và nội dung của bài thơ.</p> <p>- Về nghệ thuật:</p> <p>+ Tình huống truyện đặc sắc, gay cấn, giàu ý nghĩa</p> <p>+ Miêu tả tâm lí n/v chân thực, sinh động, tinh tế, sâu sắc qua suy nghĩ, hành động, đặc biệt là qua lời nói (độc thoại nội tâm)</p> <p>+ Cách kể chuyện linh hoạt, tự nhiên, ngôn ngữ kể chuyện gần gũi lời ăn tiếng nói của người nông dân.</p> <p>- Về nội dung: Tình yêu làng hòa quyện trong tình yêu nước, yêu kháng chiến ...</p> <p>* Khẳng định: giá trị văn bản (hoặc vẻ đẹp của người nông dân VN; hoặc sự am hiểu sâu sắc về người nông và tài năng của tác giả; hoặc tình cảm của bản thân; hoặc liên hệ đến tình yêu quê hương, đất nước hiện nay)</p>
--	--

<p>Bước 5: Trình bày, sửa lỗi (lỗi dùng từ, đặt câu, lỗi diễn đạt...)</p>	
<p>Từ lời trò chuyện của ông Hai với đứa con út trong truyện ngắn “Làng”, em hãy viết bài văn ngắn (khoảng 1 trang giấy A4) bàn về chủ đề “Niềm tin” - đặc biệt trong đại dịch Covid 19 hiện nay</p> <p>Yêu cầu:</p> <p>Bước 1: Phân tích đề</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểu bài: nghị luận (nghị luận đời sống) - Vấn đề nghị luận: Niềm tin - Phạm vi: trong đời sống - đặc biệt trong đại dịch Covid 19 hiện nay <p>Bước 2: HS thảo luận nhóm: lập ý, lập dàn ý (theo nhóm)</p> <p>Bước 3: Đại diện nhóm trình bày dàn bài</p> <p>Bước 4: HS, GV nhận xét, chốt ý chính trên máy chiếu</p> <p>Bước 5: Viết bài hoàn chỉnh (Về nhà làm)</p>	<p>Bài tập 4</p> <p>a. Mở bài: Dẫn dắt giới thiệu vấn đề</p> <p>b. Thân bài:</p> <p>* Giải thích: Niềm tin là cảm giác đinh ninh, chắc chắn về một điều gì đó, bởi vì họ nghĩ điều đó là đúng và đáng tin tưởng. (Có thể là tin vào một người hay một sự vật, sự việc nào đó; tin vào chính mình.)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu vài biểu hiện: trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc, xây dựng đất nước, khi có thiên tai, dịch bệnh ... <p>* Phân tích và bàn luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Niềm tin là một phẩm chất cao đẹp và cần thiết. - Có niềm tin giúp con người thành công trong cuộc sống. Vì: <ul style="list-style-type: none"> + Nó tiếp thêm sức mạnh để con người vươn lên, đạt được ước mơ, mục đích cao đẹp. + Nó mở ra những hành động tích cực giúp con người vượt lên những khó khăn, thử thách... <p>Ví dụ: Trong đại dịch Covid 19, có niềm tin vào Đảng, vào chính phủ -> vững tin, đẩy lùi dịch bệnh...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có niềm tin sẽ giúp cho mối quan hệ giữa con người với con người trở nên nhân văn, tốt đẹp hơn: sống tin tưởng nhau, hy vọng vào những điều tốt đẹp. -> Xã hội văn minh, phát triển. - Mở rộng: <ul style="list-style-type: none"> + Phê phán những con người không có niềm tin, mới va vấp, thất bại lần đầu đã gục ngã, buông xuôi. Đánh mất niềm tin thì con người sẽ không có ý chí nghị lực để vươn lên, không khẳng định được mình, mất tự chủ, mất tất cả, thậm chí mất cả sự sống. <p>* Bài học nhận thức và hành động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mọi người phải xây dựng niềm tin, yêu cuộc sống, tin tưởng vào những điều tốt đẹp. Trong đại dịch, cần có niềm tin chiến thắng: không lung lay, không hoang mang mà hãy luôn tin tưởng và làm theo sự chỉ đạo của chính phủ, tin vào y đức, chuyên môn của các bác sĩ ...

	<ul style="list-style-type: none"> - Tin tưởng vào khả năng, năng lực của bản thân: dám nghĩ, dám làm, nỗ lực để biến ước mơ thành sự thật ... - Niềm tin như ngọn lửa còn được thắp lên, duy trì nhờ sự cố vũ, động viên của những người xung quanh. - Không nên đặt niềm tin mù quáng, viển vông, thiếu cơ sở.... <p>c. Kết bài: khẳng định ý nghĩa, tầm quan trọng của niềm tin - đặc biệt trong đại dịch Covid 19.. Liên hệ bản thân.</p>
--	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, TÌM TÒI MỞ RỘNG

- **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn
 - **Phương pháp:** Giải quyết vấn đề, vấn đáp
 - **Kĩ thuật:** Động não, dự án
 - + Gv khái quát lại nội dung bài học.
 - + Về nhà: viết hoàn chỉnh bài tập 3
 - + Chuẩn bị: Ôn tập văn bản “Lặng lẽ Sa Pa”
-

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BUỔI 14: TRUYỆN HIỆN ĐẠI VIỆT NAM (tiếp)

Lặng lẽ Sa Pa – Nguyễn Thành Long

I. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức

- Biết về tác giả Nguyễn Thành Long và tác phẩm truyện hiện đại viết về những người lao động mới trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước.
- Cảm nhận được vẻ đẹp của các nhân vật trong truyện, chủ yếu là nhân vật anh thanh niên trong công việc thăm lặn, trong cách sống và những suy nghĩ, tình cảm, trong quan hệ với mọi người.

2. Kỹ năng

- Hiểu, đánh giá được giá trị nội dung và nghệ thuật của truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa.
- Phát hiện đúng và hiểu được chủ đề của truyện, từ đó hiểu được niềm hạnh phúc của con người trong lao động sản xuất.
- Rèn kỹ năng cảm thụ và phân tích các yếu tố của các tác phẩm truyện: miêu tả nhân vật, những bức tranh thiên nhiên.

3. Thái độ, phẩm chất

* Thái độ:

- Hình thành thói quen cảm thụ một văn bản truyện hiện đại.
- Qua hình tượng các nhân vật học sinh thêm mến yêu, kính phục trân trọng vẻ đẹp tâm hồn những con người đang lặng lẽ phấn đấu lao động để cống hiến cho đời.

* Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.

4. Năng lực

* Các năng lực chung: Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác.

* Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực cảm thụ văn học.

II. Tiến trình lên lớp

Tiết 1:

A. Hệ thống lại kiến thức đã học (10-15 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS nêu tóm tắt thông tin về tác giả Nguyễn Thành Long. - Nêu hoàn cảnh sáng tác của truyện ngắn "Lặng lẽ SaPa"? 	<p>I. Tác giả - tác phẩm</p> <p>1. Tác giả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Thành Long (1925 – 1991) quê ở tỉnh Quảng Nam. - Nguyễn Thành Long là 1 trong những cây bút có nhiều đóng góp cho nền văn xuôi cách mạng nói riêng và văn học Việt Nam hiện đại nói chung. - Phong cách sáng tác: Truyện ngắn của NTL nhẹ nhàng, tình cảm, thường pha chút chất kí; ngôn ngữ trong sáng, giàu chất thơ và luôn xây dựng những nhân vật mang tính hình tượng... <p>2. Tác phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - HCST: Truyện ngắn là kết quả chuyến đi thâm nhập thực tế trên Lào Cai - hè 1970 của tác giả. - Truyện in trong tập “Giữa trong xanh” năm 1972.
<ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS tóm tắt truyện: <p>Xe tới chân đỉnh Yên Sơn, bác lái xe dừng lại, giới thiệu với ông họa sĩ già và cô kỹ sư trẻ một anh thanh niên làm công tác khí tượng và vật lý địa cầu sống một mình trên núi. Trong cuộc gặp gỡ 30 phút ngắn ngủi, anh thanh niên kể về công việc của mình, công việc đơn giản nhưng gian khổ và cô đơn. Anh đã bộc lộ những suy nghĩ đúng đắn về công việc và cuộc đời. Khi ông họa sĩ định vẽ anh, anh đã giới thiệu những người khác mà anh cho là đáng vẽ hơn như ông kỹ sư vườn rau, nhà nghiên cứu sét. Những điều khám phá được ở anh thanh niên làm cho người khách vô cùng xúc động. Khi họ trở về, anh còn tặng cô gái một bó hoa và tặng bác già một làn trứng ăn đường.</p>	<p>3. Tóm tắt</p>
<ul style="list-style-type: none"> - Em hãy nêu nội dung của truyện? 	<p>II. Giá trị nội dung và nghệ thuật</p> <p>1. Nội dung</p> <p>Truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” khắc họa thành công hình ảnh những người lao động bình</p>

<p>- Nghệ thuật đặc sắc của truyện là gì?</p>	<p>thường, mà tiêu biểu là anh thanh niên làm công tác khí tượng ở một mình trên đỉnh núi cao. Qua đó truyện khẳng định vẻ đẹp của con người lao động và ý nghĩa những công việc thầm lặng.</p> <p>2. Nghệ thuật</p> <p>Truyện đã xây dựng được một tình huống truyện hợp lý, cách kể truyện tự nhiên, có sự kết hợp giữa tự sự, trữ tình với bình luận.</p>
---	---

B. Luyện tập:

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- GV cho HS làm bài tập 1, 2, 3 ra phiếu bài tập (hoặc ra vở) trong thời gian 15 phút và gọi HS trình bày.</p> <p>- HS thực hiện, trình bài bài và nhận xét, bổ sung cho bạn.</p> <p>(Nội dung bài tập này GV cũng có thể tổ chức dưới dạng trò chơi: bắt thăm, chọn số ngẫu nhiên, ném bóng, phi tiêu... giúp không khí học tập lớp sôi nổi)</p> <p>Bài tập 1: Nêu tình huống cơ bản của truyện và tác dụng của tình huống ấy.</p>	<p>Bài tập 1: Nêu tình huống cơ bản của truyện và tác dụng của tình huống ấy.</p> <p>- Tình huống cơ bản của truyện ngắn "Lặng lẽ Sa Pa" chính là cuộc gặp gỡ tình cờ của anh thanh niên làm việc một mình ở trạm khí tượng với bác lái xe và hai hành khách trên chuyến xe ấy - ông họa sĩ và cô kỹ sư lên thăm trong chốt lát nơi ở và nơi làm việc của anh thanh niên.</p> <p>- Tác dụng:</p> <p>+ Tình huống gặp gỡ này là cơ hội thuận tiện để tác giả khắc họa "bức chân dung" nhân vật chính một cách tự nhiên, khách quan, không đột ngột.</p> <p>+ Nhân vật chính được soi chiếu, đánh giá,</p>

	<p>cảm nhận một cách khách quan từ những nhân vật khác và sự bộc lộ của chính anh thanh niên thông qua cuộc gặp gỡ.</p> <p>+ Đồng thời, qua "bức chân dung" (cả cuộc sống và những suy nghĩ) của người thanh niên, qua sự cảm nhận của các nhân vật khác (chủ yếu là ông họa sĩ) về anh và những người như anh, tác giả đã làm nổi bật được chủ đề của tác phẩm: "Trong cái lặng im của Sa Pa, dưới những dinh thự cũ kỹ của Sa Pa, Sa Pa mà chỉ nghe tên, người ta đã nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi, có những con người làm việc và lo nghĩ như vậy cho đất nước".</p>
<p>Bài tập 2: Hệ thống các nhân vật xuất hiện trong "Lặng lẽ Sa Pa" có điểm gì?</p>	<p>Bài tập 2:</p> <p>Đặc điểm của hệ thống các nhân vật xuất hiện trong "Lặng lẽ Sa Pa"</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân vật chính là anh thanh niên, tạo nên "một bức chân dung" hiện lên trong khoảng khắc với những nét đẹp đáng quý, song <i>chưa được xây dựng thành một tính cách hoàn chỉnh</i>, và hầu như <i>chưa có cá tính</i>. - Các nhân vật trong truyện, từ nhân vật chính đến nhân vật phụ đều <i>không có tên riêng</i>, chỉ được gọi tên qua đặc điểm giới tính, nghề nghiệp, tuổi tác (anh thanh niên, bác lái xe, ông họa sĩ già, cô kĩ sư trẻ, ông kĩ sư, anh cán bộ...) - Các nhân vật phụ xuất có vai trò làm nổi bật phẩm chất của nhân vật chính và góp phần thể hiện chủ đề và tư tưởng của tác phẩm. <p>➔ Họ là những con người vô danh, ở mọi lứa tuổi, ngành nghề, giới tính, ở nhiều nơi trên đất nước này đang ngày đêm lặng lẽ, say mê trong công việc để cống hiến cho đất nước. Điều đó làm tăng thêm sức khái quát của tác phẩm.</p>
<p>Bài tập 3: Em hiểu gì về nhan đề "Lặng lẽ Sa Pa". Nhan đề ấy gợi lên</p>	<p>Bài tập 3: Trả lời</p> <p>- Nhan đề <i>Lặng lẽ Sa Pa</i> gợi lên chủ đề</p>

<p>cho em thông điệp nào mà tác giả muốn gửi gắm trong truyện?</p>	<p>của tác phẩm, vừa gợi ra sắc điệu thẩm mỹ riêng cho truyện. Cách nói đảo ngữ ấy gây ấn tượng mạnh mẽ về sự lặng lẽ.</p> <p>- Lặng lẽ Sa Pa, đó chỉ là cái vẻ lặng lẽ bên ngoài của cảnh vật, một nơi ít người đến, nhưng thực ra nó lại không lặng lẽ chút nào. Điều mà tác giả muốn khám phá là đằng sau cái vẻ lặng lẽ của Sa Pa ấy là cuộc sống sôi nổi của những con người đầy trách nhiệm đối với công việc, đối với đất nước, với mọi người mà tiêu biểu là anh thanh niên làm công tác khí tượng một mình trên đỉnh núi cao.</p> <p>→ Trong cái không khí lặng im của Sa Pa, Sa Pa mà nhắc tới người ta chỉ nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi lại có những con người ngày đêm lao động hăng say, miệt mài lặng lẽ, âm thầm, cống hiến cho đất nước.</p> <p>Từ đó, tác giả muốn gợi ra những suy nghĩ, triết lý về ý nghĩa của công việc, của sự cống hiến bằng lao động miệt mài, tự giác của mỗi người trong sự nghiệp chung.</p>
---	--

Tiết 2: *Luyện tập:*

GV đưa ra hệ thống bài tập để luyện tập lại các kiến thức vừa ôn

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- GV cho hs lập ý chi tiết.</p> <p>- HS thực hiện. Sau đó GV thu một số bài và chấm/chữa.</p> <p>Bài tập 4: Cảm nhận của em về nhân vật anh thanh niên trong "Lặng lẽ Sa Pa"</p>	<p>Bài tập 4: Nhân vật anh thanh niên</p> <p>* Một người yêu nghề và có tinh thần trách nhiệm với công việc.</p> <p>- Một người yêu nghề, dám chấp nhận hi sinh:</p> <p>+ Chấp nhận sống và làm việc trong hoàn cảnh và môi trường đặc biệt: Trên đỉnh núi yên sơn cao 2600m, quanh năm chỉ có cỏ cây và mây mù lạnh lẽo.</p>

+ Coi công việc như một người bạn.
 + Tìm thấy ý nghĩa trong công việc.
 Tự hào và hạnh phúc bởi anh không chỉ giúp ích cho lao động mà cả trong chiến đấu.

- Có tinh thần trách nhiệm cao với công việc:

+ Làm việc 1 mình trên đỉnh núi cao, ko ai giám sát song anh vẫn luôn tự giác và tận tụy.
 + Tác phong làm việc khoa học, nghiêm túc, đúng giờ.
 + Luôn hoàn thành xuất sắc công việc của mình.

→ Anh thanh niên là hiện thân cho những con người lao động mới trong cuộc xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước thêm giàu đẹp.

*** Một người có tinh thần lạc quan và tha thiết yêu cuộc sống.**

- Biết tạo ra niềm vui trong cuộc sống cho mình bằng việc trồng đủ các loài hoa rực rỡ để làm đẹp cho ngôi nhà; nuôi gà, nuôi ong để làm giàu nguồn lương thực.
 - Luôn tự trau dồi bản thân bằng đọc sách để nâng cao hiểu biết.
 - Gọn gàng, ngăn nắp.

→ Tinh thần lạc quan là điểm tựa vững vàng giúp anh chủ động vượt lên hoàn cảnh còn nhiều khó khăn cả về vật chất lẫn tinh thần và tìm được niềm vui ý nghĩa của cuộc sống.

*** Một con người chân thành, cởi mở và hiếu khách:**

- Thể hiện ở nổi thềm người, muốn được nhìn ngắm, trò chuyện với con người.
 - Khi gặp được người thì anh mừng đến tắt tả, cuống cuống như không kiểm được cảm xúc.
 - Anh thân thiện, cởi mở, ngay cả với những người gặp lần đầu.

	<ul style="list-style-type: none"> - Trân trọng từng phút gặp gỡ. - Quan tâm chu đáo đến mọi người anh gặp và sẵn sàng sẻ chia. <p>→ Anh thanh niên xứng đáng trở thành biểu tượng cho phẩm chất và con người nơi mảnh đất Sa Pa.</p> <p>* Một con người khiêm tốn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công việc của anh đáng đóng góp một phần quan trọng cho những bước chuyển mình của đất nước nhưng anh lại cho rằng nó vô cùng nhỏ bé so với người khác. - Khi ông họa sĩ kí họa chân dung, anh từ chối, e ngại... <p>→ Anh thanh niên hiện lên chân thực, sinh động, đẹp đẽ. Giữa thiên nhiên yên lặng, hắt hiu, giữa cái lạnh lẽ muôn thuở của Sa Pa đã vang lên những âm thanh trong sáng, những sắc màu lung linh của những con người lao động mới như anh.</p>
<ul style="list-style-type: none"> - GV giao yêu cầu bài tập 5. - HS suy nghĩ và trả lời miệng. <p>Bài tập 5: Cảm nhận của em về vẻ đẹp của thiên nhiên trong "Lặng lẽ Sa Pa".</p>	<p>Bài tập 5:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong "Lặng lẽ Sa Pa", thiên nhiên đẹp thơ mộng và độc đáo. Đó là vẻ đẹp của núi cao, thác đổ trắng xóa, vẻ đẹp của mây, nắng, sương, cây. Nhất là vẻ đẹp của nắng khiến cảnh sắc thêm lung lẫy. Chất trữ tình toát lên từ những phong cảnh thiên nhiên đẹp và đầy thơ mộng của Sa Pa → thể hiện chất thơ, chất họa. - Cảnh được nhìn chủ yếu qua điểm nhìn của ông họa sĩ nên đẹp đến hai lần: Cái đẹp tự thân của nó và cái đẹp trong tâm hồn của người nghệ sĩ. Sa Pa cứ hiện dần lên, mỗi lúc một đẹp để mơ màng, đến nỗi “ông họa sĩ và cô gái cũng nín bật vì cảnh trước mặt hiện lên đẹp một cách kì lạ”: <i>Nắng bây giờ bắt đầu ... trong gầm xe</i>” (SGK 181) <p>“Lúc bấy giờ, nắng đã mạ bạc ... cô gái cảm</p>

	<p><i>thấy mình rạng rỡ theo” (SGK 188)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc văn, có cảm giác được lần đầu ngắm những tác phẩm hội họa lung linh kì ảo, những bức tranh óng ánh sắc màu. Mỗi chữ, mỗi câu trong tác phẩm có hình khối, đường nét, màu sắc...đậm đà chất hội họa. Văn xuôi truyện ngắn mà giàu nhịp điệu, âm thanh, êm ái, mang âm hưởng, dáng dấp của một bài thơ, chất thơ bàng bạc trong toàn truyện... Lời văn giàu chất trữ tình, hình ảnh thật mềm mại, ngôn ngữ giàu chất thơ. - Thiên nhiên làm nền tôn lên vẻ đẹp của con người, gợi liên tưởng sâu xa: những đỉnh núi cao vòi vọi gợi lên tầm cao của sự cống hiến và hi sinh; cái "<i>hùng hực</i>" của nắng, gió gợi nhiệt huyết "<i>hùng hực như cháy</i>" của con người.
--	---

Tiết 3:**Luyện tập :**

GV đưa ra hệ thống bài tập để luyện tập lại các kiến thức vừa ôn

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> - GV giao yêu cầu bài tập và cho HS chơi trò chơi tiếp sức. - HS ghi nhanh lên bảng những biểu hiện về tình yêu thương trong truyện. <p>Bài tập 6: Hãy chứng minh: Truyện ngắn “ Lặng lẽ Sa Pa” là tiếng nói của tình yêu thương.</p>	<p>Bài tập 6:</p> <p>Đó là tình người đậm thấm, tha thiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ông họa sĩ và cô kĩ sư mới chỉ gặp nhau mà coi nhau như cha con. - Anh thanh niên và bác lái xe trở nên thân thiết gắn bó, dành cho nhau những tình cảm chân thành. - Anh thanh niên đón những vị khách bất ngờ bằng tình cảm nồng hậu, sự trân trọng và quý mến để rồi lưu luyến khi chia tay. - Anh dành nói về ông kĩ sư vườn rau và anh cán bộ khoa học nghiên cứu sét... <p>→ Họ sống rất đẹp và tình yêu thương gắn bó giữa họ góp phần tạo nên nét đẹp ấy.</p>
<p>Thực hành nội dung đọc – hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV giao yêu cầu bài tập trên máy/ 	

<p>phiếu bài tập/ hoặc hs theo dõi theo SGK</p> <p>- HS viết ra vở. Sau đó đổi chéo nhau đọc và kiểm tra.</p> <p>- GV gọi HS đọc bài làm hoặc lên bảng chữa bài.</p> <p>Bài tập 7: Đọc hiểu</p> <p>a. Cho đoạn văn: “<i>Nắng bây giờ cũng bắt đầu len tới, đốt cháy rừng cây. Những cây thông chỉ cao quá đầu, rung tí trong nắng những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che của những cây tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng. Mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lăn trên các vòm lá ướt sương, rơi trên đường cái, luồn cả vào gầm xe.</i>”</p> <p><u>Câu 1:</u> Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên?</p> <p><u>Câu 2:</u> Đoạn văn trên được kể theo ngôi thứ mấy?</p> <p><u>Câu 3:</u> Trong đoạn văn trên, cảnh vật thiên nhiên chủ yếu được miêu tả bằng biện pháp tu từ nào? Tác dụng của các biện pháp tu từ đó?</p> <p><u>Câu 4:</u> Nhận xét về vai trò của thiên nhiên trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm?</p>	<p>Bài tập 7: Đọc hiểu</p> <p>Phần a:</p> <p><u>Câu 1:</u> Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên là: miêu tả.</p> <p><u>Câu 2:</u> Đoạn văn trên được kể theo ngôi thứ 3.</p> <p><u>Câu 3:</u> Trong đoạn văn trên, cảnh vật thiên nhiên chủ yếu được miêu tả bằng biện pháp tu từ là:</p> <p><i>Nhân hoá</i> : những cây thông - rung tí trong nắng những ngón tay bằng bạc , những cây tử kinh - nhô cái đầu màu hoa cà, nhìn bao che; nắng - xua mây.</p> <p><i>Ẩn dụ:</i> nắng lan tới, đốt cháy rừng cây, cây tử kinh như thỉnh thoảng nhô cái đầu màu tím hoa cà lên trên màu xanh của rừng.</p> <p><i>Liệt kê:</i> -> sự vật hiện lên sinh động , đầy sự sống và đồng thời thu hút, lôi cuốn người đọc.</p> <p>- Tác dụng:</p> <p>Làm nổi bật vẻ đẹp thiên nhiên Sa pa lặng lẽ, thơ mộng và tràn đầy sức sống.</p> <p>Tạo nên một đoạn văn đậm chất họa và chất thơ, góp phần làm nổi bật chủ đề của câu chuyện.</p> <p><u>Câu 4:</u> Thiên nhiên có vai trò quan trọng trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm đồng thời thiên nhiên thơ mộng gợi vẻ đẹp lãng mạn, trữ tình đầy chất thơ của Sa Pa. Sa Pa mà chỉ nghe tên, người ta đã nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi lại có những con người đang ngày</p>
--	---

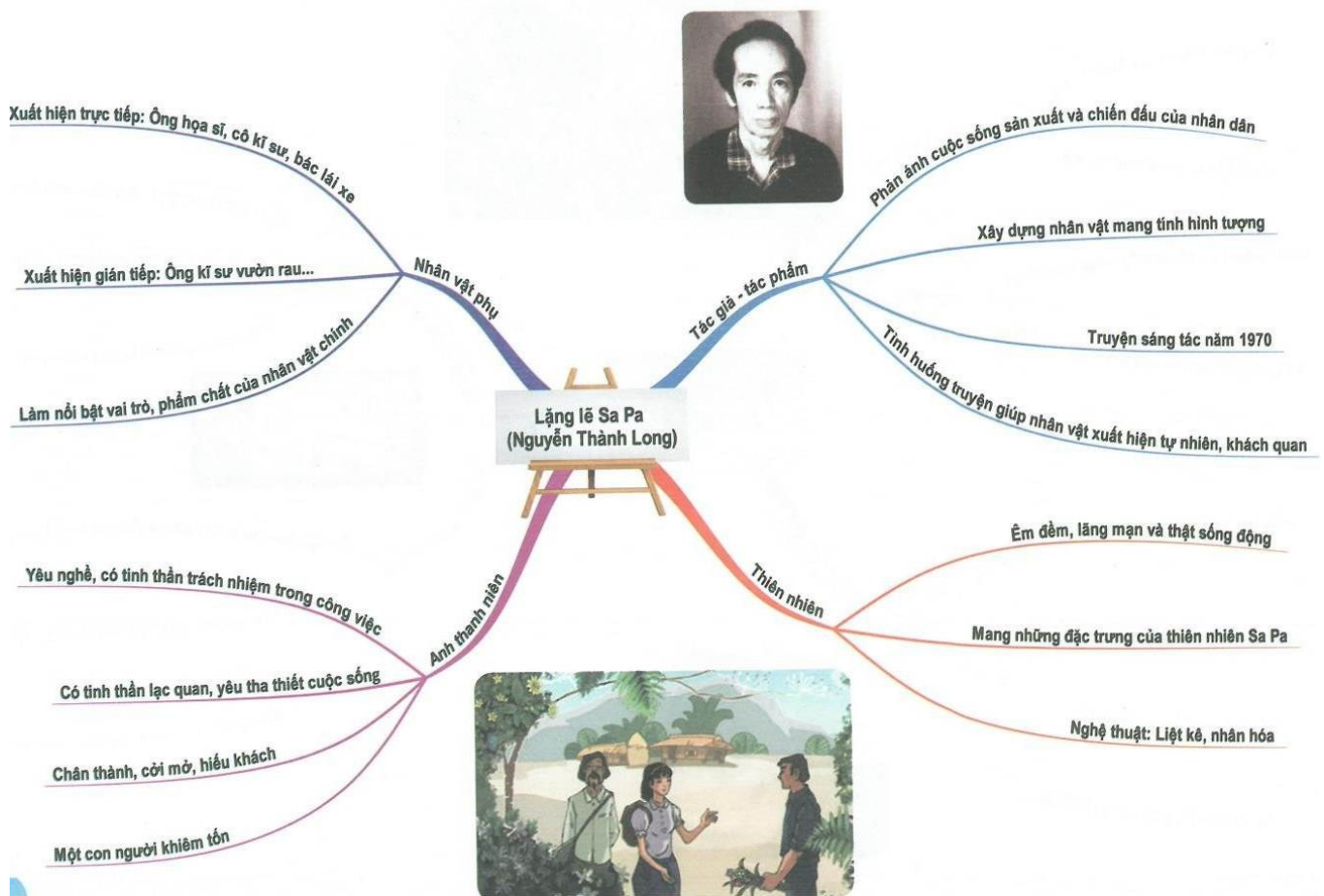
<p>b. Cho đoạn văn sau:</p> <p><i>"... Họa sĩ nhấp chén trà nóng ba ngày nay ông mới lại gặp, không giấu vẻ thích thú, tự rót lấy một chén nữa, nói luôn: - Ta thỏa thuận thế này. Chuyện dưới xuôi, mười ngày nữa trở lại đây, tôi sẽ kể anh nghe. Tôi sẽ trở lại, danh dự đấy. Tôi cũng muốn biết cái yên lặng lúc một giờ sáng chon von trên cao nó thế nào.</i></p> <p><i>Bây giờ có cả ba chúng ta đây, anh hãy kể chuyện anh đi. Sao người ta bảo anh là người cô độc nhất thế gian? Rằng anh “thèm” người lắm? Anh thanh niên bật cười khanh khách:</i></p> <p><i>- Các từ ấy đều là của bác lái xe. Không, không đúng đâu. Một mình thì anh bạn trên trạm đỉnh Phan-xi-păng ba nghìn một trăm bốn mươi hai mét kia mới một mình hơn cháu. Làm khí tượng, ở được cao thế mới là lí tưởng chứ...”</i></p> <p><u>(Lặng lẽ Sa Pa - Nguyễn Thành Long - Ngữ văn 9, tập 1 - NXB Giáo Dục, 2015)</u></p> <p><u>Câu 1:</u> Trong đoạn trích trên, ông họa sĩ có nói: "<i>Bây giờ có cả ba chúng ta ở đây</i>". Em hãy cho biết ba nhân vật ấy là những ai? Họ gặp nhau trong hoàn cảnh nào?</p> <p><u>Câu 2:</u> Tìm câu văn có thành phần khởi ngữ trong đoạn trích trên và xác định thành phần khởi ngữ trong câu đó.</p> <p><u>Câu 3:</u> Vì sao trong tác phẩm, tác giả không đặt tên riêng cho nhân vật của</p>	<p>đêm làm việc âm thầm cống hiến cho đất nước".</p> <p>Phân b:</p> <p><u>Câu 1:</u> Trong đoạn trích trên, ông họa sĩ có nói: "<i>Bây giờ có cả ba chúng ta ở đây</i>". Ba nhân vật ấy là: ông họa sĩ, cô kĩ sư và anh thanh niên.</p> <p>- Hoàn cảnh gặp nhau là: Trên một chuyến xe khách Hà Nội-Lào Cai, bác lái xe đã giới thiệu với ông họa sĩ, cô kĩ sư về anh thanh niên là công tác khí tượng trên đỉnh Yên Sơn và sau đó họ đã có cuộc gặp gỡ tình cờ mà thú vị...</p> <p><u>Câu 2:</u> Câu văn có thành phần khởi ngữ trong đoạn:</p> <p>- Câu văn 1: "<i>Một mình thì anh bạn trên trạm đỉnh Phan-xi-păng ba nghìn một trăm bốn mươi hai mét kia mới một mình hơn cháu.</i>"</p> <p>- Câu văn 2: "<i>Làm khí tượng, ở được cao thế mới là lí tưởng chứ.</i>"</p> <p><u>Câu 3:</u> Trong tác phẩm, tác giả không đặt tên riêng cho nhân vật của mình mà chỉ gọi họ theo giới tính, lứa tuổi, nghề nghiệp vì:</p> <p>- Đây là một dụng ý trong nghệ thuật xây dựng truyện của nhà văn</p> <p>- Việc tác giả không đặt tên riêng cho nhân vật của mình mà chỉ gọi họ theo giới tính, lứa tuổi, nghề nghiệp vì muốn khẳng định những con người tốt đẹp trong truyện không chỉ là một cá nhân đơn lẻ mà là rất nhiều người. Họ ở Sa Pa, đến Sa Pa..</p> <p>- Qua đó tác giả muốn ca ngợi những con người lao động bình dị đang ngày đêm âm thầm, lặng lẽ cống hiến hết sức mình cho công cuộc xây dựng đất nước...</p> <p>- Cách gọi như thế đã góp phần làm nổi bật chủ đề của tác phẩm.</p> <p><u>Câu 4:</u> Người ta lại bảo nhân vật “anh” trong</p>
---	--

<p>mình mà chỉ gọi họ theo giới tính, lứa tuổi, nghề nghiệp?</p> <p><u>Câu 4:</u> Giải thích vì sao người ta lại bảo nhân vật “anh” trong đoạn văn trên “là người cô độc nhất thế gian”?</p> <p>c. Cho đoạn văn sau:</p> <p><i>Gian khổ nhất là lần ghi và báo về lúc một giờ sáng. Rét, bác ạ. Ở đây có cả mưa tuyết đấy. Nửa đêm đang nằm trong chăn, nghe chuông đồng hồ chỉ muốn đưa tay tắt đi. Chui ra khỏi chăn, ngọn đèn bão vặn to đến cỡ nào vẫn thấy là không đủ sáng. Xách đèn ra vườn, gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực đợi mình ra là ào ào xô tới. Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: nó như bị gió chặt ra từng khúc, mà gió thì giống như những nhát chổi lớn muốn quét đi tất cả, ném vứt lung tung...Những lúc im lặng lạnh cóng mà lại hừng hực như cháy. Xong việc, trở vào, không thể nào ngủ được."</i></p> <p>(Nguyễn Thành Long – Lặng lẽ Sa Pa)</p> <p><u>Câu 1:</u> Đoạn văn trên là lời nói của nhân vật nào, nói với ai? Những lời nói đó giúp em hình dung hoàn cảnh sống và làm việc của nhân vật ấy như thế nào?</p> <p><u>Câu 2:</u> Nêu nội dung chính của đoạn trích trên .</p> <p><u>Câu 3:</u> Xét theo câu ngữ pháp thì câu : “Rét,bác ạ” thuộc kiểu câu gì?</p> <p><u>Câu 4:</u> Chỉ ra câu có sử dụng phép nhân hóa trong đoạn văn trên.</p> <p><u>Câu 5:</u> Chỉ ra các từ láy được sử dụng trong đoạn văn.</p>	<p>đoạn văn trên “là người cô độc nhất thế gian” vì anh thanh niên phải làm việc một mình trên núi cao Yên Sơn 2600 mét, ít cơ hội tiếp xúc với người khác.</p> <p>Phần c:</p> <p><u>Câu 1:</u> Đoạn văn là lời của anh thanh niên nói với ông họa sĩ - khi anh kể về công việc và cuộc sống của mình.</p> <p>- Lời tâm sự của anh thanh niên giúp người đọc hình dung những khó khăn, gian khổ cả về vật chất lẫn tinh thần... Anh phải làm việc trong hoàn cảnh khắc nghiệt (phải thức dậy lúc nửa đêm, gió rét, bão tuyết...); phải đối mặt với cuộc sống cô đơn, một mình giữa cái im lặng đáng sợ của đất trời, núi rừng Sa Pa).</p> <p><u>Câu 2:</u> Nội dung chính của đoạn trích trên là: Công việc khó khăn và tinh thần trách nhiệm của anh thanh niên.</p> <p><u>Câu 3:</u> Xét theo câu ngữ pháp thì câu : “ Rét,bác ạ” thuộc kiểu câu rút gọn.</p> <p><u>Câu 4:</u> Câu có sử dụng phép nhân hóa trong đoạn văn trên là:</p> <p>- “ Xách đèn ra vườn, gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực đợi mình ra là ào ào xô tới”.</p> <p>- “Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: Nó như bị gió chặt ra từng khúc, mà gió thì giống như những nhát chổi lớn muốn quét đi tất cả ném vứt lung tung”.</p> <p><u>Câu 5:</u> Các từ láy được sử dụng trong đoạn văn: lung tung, hừng hực, ào ào.</p>
--	--

<p>d. Cho đoạn văn:</p> <p><i>"Anh hạ giọng, nửa tâm sự, nửa đọc lại một điều rõ ràng đã ngẫm nghĩ nhiều:</i></p> <p><i>- Hồi chưa vào nghề , những đêm bầu trời đen kịt , nhìn kĩ mới thấy một ngôi sao xa, cháu cũng nghĩ ngay ngôi sao kia lẻ loi một mình . Bây giờ làm nghề này cháu cũng không nghĩ như vậy nữa. Vả, khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi Việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất. Còn người thì ai mà chả "thèm" hờ bác? Mình sinh ra là gì, mình để ở đâu, đâu mình vì ai mà làm việc? Đấy cháu tự nói với nhau thế đấy."</i></p> <p>(Trích <i>Lặng lẽ Sa Pa</i> - Nguyễn Thành Long)</p> <p><u>Câu 1:</u> Xác định phương thức biểu đạt của đoạn văn.</p> <p><u>Câu 2:</u> Xác định thành phần biệt lập trong đoạn văn.</p> <p><u>Câu 3:</u> Tìm 1 từ tượng thanh, 1 câu có thành phần khởi ngữ trong đoạn trích trên.</p> <p><u>Câu 4:</u> Lời tâm sự trên là của ai, nói với ai, nói về điều gì? Lời tâm sự trên cho em hiểu gì về thái độ của người nói đối với nghề nghiệp mà anh đã chọn.</p>	<p>Phân d:</p> <p><u>Câu 1:</u> Phương thức biểu đạt của đoạn văn là: biểu cảm.</p> <p><u>Câu 2:</u> Thành phần biệt lập trong đoạn văn là cảm thán: Huống chi.</p> <p><u>Câu 3:</u> Từ tượng thanh: toe toe - Một câu có thành phần khởi ngữ trong đoạn trích trên là: Đấy, bác cũng chẳng “thèm” người là gì?</p> <p><u>Câu 4:</u> Lời tâm sự trên là của anh thanh niên, nói với ông họa sĩ, về suy nghĩ của anh về công việc, về nỗi "thèm người".</p>
---	---

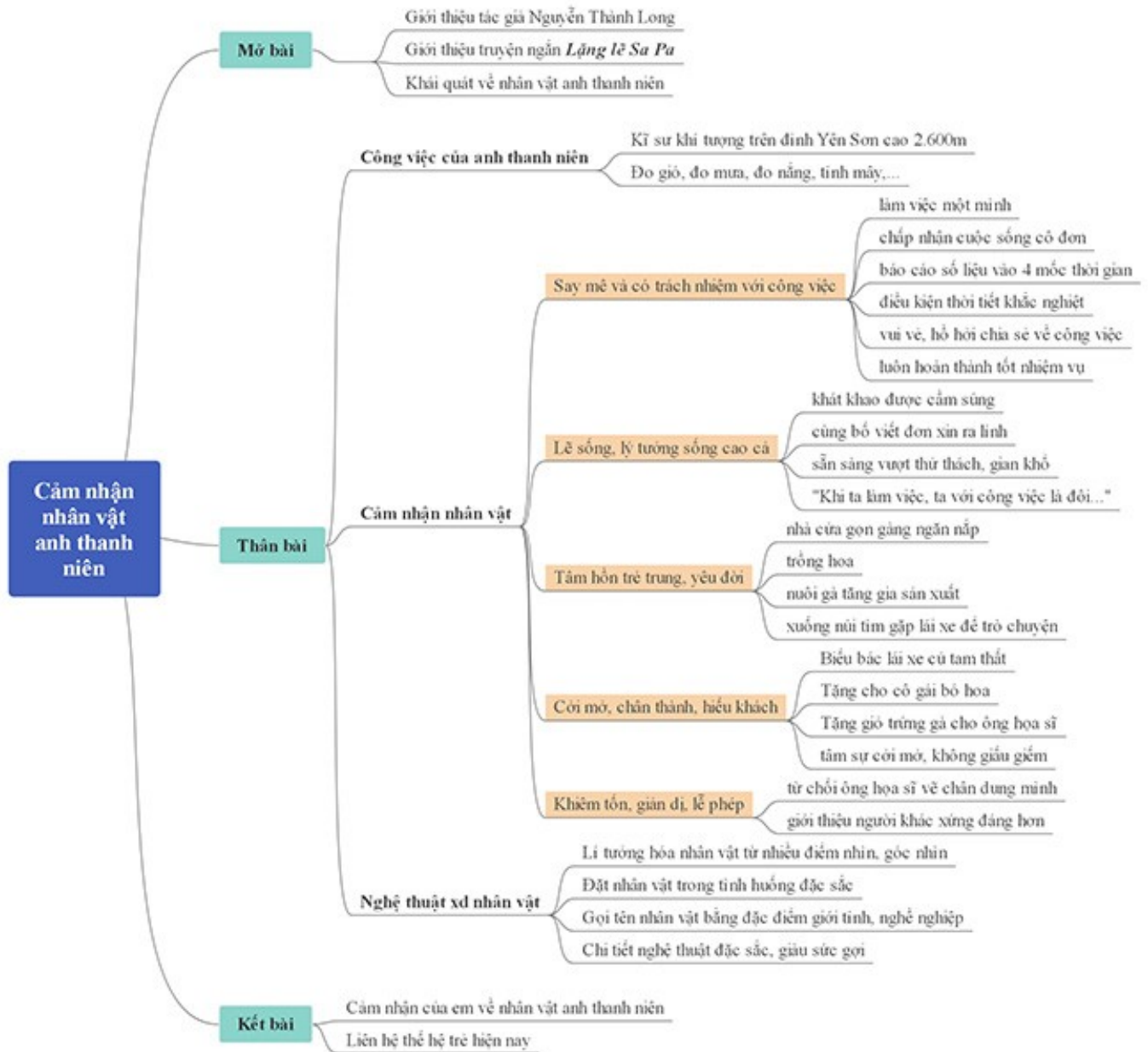
III. củng cố - Dặn dò

- GV yêu cầu HS nhớ lại đơn vị kiến thức đã học: GV gọi 4 em hs lên hoàn thành từng nhánh của sơ đồ tư duy sau:



- Giao bài tập về nhà: **Công việc, cách suy nghĩ và hành động của anh thanh niên trong tác phẩm này cho em suy nghĩ gì về thế hệ tuổi trẻ trong giai đoạn hiện nay?**
(Nội dung này học sinh tự viết bài)

PHỤ LỤC 1: Dàn ý phân tích nhân vật anh thanh niên:



TRUYỆN HIỆN ĐẠI VIỆT NAM (TIẾP THEO) CHIẾC LƯỖC NGÀ – NGUYỄN QUANG SÁNG -

I. Mục tiêu cần đạt :

1. Kiến thức:

- Học sinh nắm được những kiến thức cơ bản về tác giả Nguyễn Quang sáng, hoàn cảnh ra đời tác phẩm, ngôi kể, tình huống truyện,
- HS cảm nhận được tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le của cha con ông Sáu trong truyện.
- Nắm được nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật đặc biệt là nhân vật bé Thu, nghệ thuật xây dựng tình huống truyện bất ngờ mà tự nhiên của tác giả.

2. Kỹ năng:

- Đọc- hiểu văn bản truyện hiện đại sáng tác trong thời kì chống Mỹ cứu nước.
- Vận dụng kiến thức về thể loại và sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong tác phẩm tự sự để cảm nhận một văn bản truyện hiện đại.

3. Thái độ: Bồi dưỡng tình cảm gia đình, tình cha con, tình yêu quê hương đất nước.

4. Năng lực: Đọc hiểu, trình bày, giải quyết vấn đề, tạo lập một văn bản nghị luận về tác phẩm truyện

II. Tiến trình lên lớp

Tiết 1:

A. Hệ thống lại kiến thức đã học

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS vẽ sơ đồ tư duy về tác giả và tác phẩm - HS thực hiện theo nhóm: 3 nhóm, thời gian 10 phút (Các nhóm sẽ trình bày bài ra khổ giấy A3) - Sau 10 phút GV thu sản phẩm từng nhóm và dán trên bảng, yêu cầu các nhóm nhận xét, bổ sung, sau đó GV tuyên dương nhóm làm tốt và khích lệ HS -GV chốt lại những kiến thức cơ bản HS cần nhớ. 	<p>I.Tác giả, tác phẩm:</p> <p>1. Tác giả:Nguyễn Quang Sáng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Quang Sáng (1932) - Quê: Chợ Mới- An Giang - Viết nhiều thể loại: Truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch bản phim. - Lối viết giản dị, mộc mạc nhưng sâu sắc. - Đề tài chính: Cuộc sống và con người Nam Bộ trong hai cuộc kháng chiến. <p>2.Tác phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Hoàn cảnh sáng tác: Sáng tác năm 1966 khi tác giả đang hoạt động ở chiến trường Nam Bộ thời kì kháng chiến chống Mỹ. b. Thể loại: truyện ngắn. c. Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp miêu tả, nghị luận, biểu cảm. d. Ngôi kể thứ nhất: Người kể chuyện là bác Ba – người đồng đội thân thiết của anh Sáu.

	<p>=> Tạo tính khách quan, làm cho câu chuyện trở nên đáng tin cậy. Người kể chủ động điều khiển nhịp kể và bình luận.</p> <p>e. Nội dung:</p> <p>Truyện đã diễn tả một cách cảm động tình cha con thấm thiết, sâu nặng của cha con ông Sáu trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh. Qua đó tác giả khẳng định và ca ngợi tình cha con sâu sắc và cảm động của người chiến sĩ cách mạng trong cuộc kháng chiến chống kẻ thù xâm lược, bảo vệ Tổ quốc.</p> <p>g. Nghệ thuật:</p> <p>Cốt truyện chặt chẽ, tình huống bất ngờ nhưng hợp lý. Truyện thành công trong việc miêu tả tâm lí và xây dựng tính cách nhân vật.</p>
<p>? Truyện ngắn « Chiếc lược ngà » đã sáng tạo được tình huống truyện bất ngờ mà tự nhiên, hợp lí. Đó là tình huống nào ? Tình huống ấy đã thể hiện tâm trạng của người cha ?</p> <p>- HS trình bày</p> <p>- GV nhận xét, chốt.</p>	<p>II. Tình huống cơ bản của truyện.</p> <p>- Truyện “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng đã thể hiện tình cha con sâu sắc của ông Sáu và bé Thu trong hai tình huống:</p> <p>+ Tình huống thứ nhất : Là tình huống cơ bản của truyện.</p> <p>Cuộc gặp gỡ của cha con ông Sáu sau tám năm xa cách nhưng trở trêu thay, bé Thu không nhận cha. Đến lúc em nhận ra và biểu lộ tình cảm thì ông Sáu phải ra đi (chiến tranh đã làm cho họ xa nhau và chiến tranh cũng không cho phép họ có điều kiện gặp nhau lâu).</p> <p>+ Tình huống 2:</p> <p>Ở khu căn cứ, ông Sáu dồn tất cả tình yêu thương và lòng mong nhớ đứa con vào việc làm cây lược ngà để tặng con, nhưng ông đã hi sinh khi chưa kịp trao món quà ấy cho con gái.</p> <p>=> Tình huống truyện ở đây mang đầy kịch tính chứa đựng nhiều yếu tố bất ngờ. Nếu tình huống thứ nhất bộc lộ tình cảm mãnh liệt của bé Thu với cha thì tình huống thứ hai lại biểu lộ tình cảm sâu sắc của người cha với con. Tất cả diễn ra trong xa cách của chiến tranh . Hai tình huống đã gắn kết lại thành một mối tình có qua có lại : tình cha con</p> <p>Song đặt các nhân vật của mình vào các tình huống ấy, nhà văn muốn khẳng định và ngợi ca tình cha con thiêng liêng, sâu nặng như một giá trị nhân bản sâu sắc. Tình cảm ấy càng cao đẹp trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.</p>

B. Luyện tập :

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>Bài tập 1 : Vì sao câu chuyện về tình cha con cảm động trong chiến tranh lại được Nguyễn Quang Sáng</p>	<p>Nhà Văn Nguyễn Quang Sáng đặt tên cho truyện ngắn của mình là “Chiếc lược ngà” bởi: “Chiếc lược ngà” là một nhan đề hay, thể hiện</p>

<p>đặt tên là « Chiếc lược ngà » ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hs làm việc cá nhân - Gv gọi HS trình bày quan điểm, gọi HS khác nhận xét, bổ sung, GV chốt. 	<p>sâu sắc nội dung của tác phẩm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đó là hình tượng nghệ thuật chứa đựng tình cảm cha con sâu nặng, thiêng liêng. - Chọn hình ảnh “Chiếc lược ngà” làm nhan đề cho tác phẩm, nhà văn Nguyễn Quang Sáng đã bộc lộ tài năng của mình trong việc thể hiện tư tưởng, chủ đề tác phẩm qua một hình ảnh nghệ thuật cô đúc, giàu ý nghĩa: + Với bé Thu, chiếc lược ngà là kỷ vật, là tình cảm yêu mến nhớ thương của người cha chiến sĩ. + Với ông Sáu, chiếc lược ngà là một vật quý giá, thiêng liêng bởi nó chứa đựng tình yêu, nỗi nhớ thương của ông đối với đứa con gái và làm dịu đi nỗi day dứt, ân hận vì đã đánh con khi nóng giận... <p>=> Với nhan đề này, nhà văn không chỉ nói tình cảm cha con thấm thiết, sâu nặng mà còn gọi cho người đọc thấm thía những đau thương mất mát do chiến tranh gây ra cho bao nhiêu con người, bao nhiêu gia đình.</p>
<p>Bài tập 2. Trong tác phẩm « Chiếc lược ngà » của nhà văn Nguyễn Quang Sáng, đoạn ghi lại cảnh chia tay của cha con ông Sáu có đoạn viết: « Nhìn cảnh ấy.... trái tim mình ».</p> <p>a. Vì sao khi chứng kiến cảnh này, bà con xung quanh và nhân vật « tôi » lại có cảm xúc đó ?</p> <p>b. Người kể chuyện ở đây là ai ? Cách chọn vai kể đã góp phần như thế nào vào sự thành công của tác phẩm ?</p> <p>c. Kể tên hai tác phẩm khác viết về đề tài chống Mỹ, ghi rõ tên tác giả ?</p>	<p>a. Khi chứng kiến giây phút này, bà con xung quanh và nhân vật tôi xúc động đến vậy, bởi vì:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự thể hiện của tình cảm cha con ở đây rất tha thiết, mãnh liệt. - Giây phút hạnh phúc nhất của hai cha con ngắn ngủi xiết bao. Con nhận ba và gọi tiếng ba cũng chính là lúc ba phải ra đi. Những cố gắng níu kéo ba ở lại của con thật vô vọng và sẽ không thực hiện được. <p>b.- Người kể chuyện ở đây là bác Ba. Bác vừa là một người đồng đội, một người bạn thân thiết của ông Sáu vừa là người chứng kiến câu chuyện từ đầu đến cuối.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách chọn vai kể ấy góp phần tạo nên sự thành công của “Chiếc lược ngà” ở những điểm sau: + Làm tăng tính khách quan, chân thực cho câu chuyện bởi người kể chuyện đồng thời cũng là một người trong cuộc chứng kiến những sự việc xảy ra. + Người kể chuyện dễ dàng đan xen vào những bình luận, những cảm xúc, suy nghĩ

hết sức thấu đáo để người đọc có thể hiểu và đồng cảm với câu chuyện.
+ Người kể chuyện có nhiều cơ hội tìm hiểu đi vào thế giới nội tâm nhân vật một cách sâu sắc.

Tiết 2: Luyện tập

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>Bài tập 3. Cảm nhận của em về tình cảm cha con sâu nặng được thể hiện qua truyện ngắn <i>Chiếc lược ngà</i> của nhà văn Nguyễn Quang Sáng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS định hướng yêu cầu của đề, cách làm bài: + Kiểu bài + Vấn đề Nghị luận + Yêu cầu - Gv cho HS tự làm dàn ý cơ bản (những ý chính cần làm của mỗi phần) độc lập – Thời gian 10 phút. - Sau 10 phút GV gọi một số HS trình bày, nhận xét, bổ sung (nếu có) - GV nhận xét, đánh giá, khích lệ HS. - GV hướng dẫn HS xây dựng dàn ý chi tiết (Tập trung giảng, bình) - HS nghe, ghi bài. 	<p>A. Định hướng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểu bài: Nghị luận văn học - Vấn đề nghị luận: tình cảm cha con sâu nặng qua truyện ngắn <i>Chiếc lược ngà</i> của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. - Yêu cầu: Cảm nhận <p>B. Dàn ý chi tiết:</p> <p>1. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả: Nguyễn Quang Sáng là nhà văn gắn liền với miền đất Nam Bộ, văn ông có giọng điệu tự nhiên, thân mật, dân dã, ngôn ngữ gần gũi với khẩu ngữ, lời ăn tiếng nói của nhân dân Nam Bộ. - Truyện ngắn <i>Chiếc lược ngà</i> được sáng tác năm 1966 đã diễn tả một cách cảm động tình cha con thấm thiết, sâu nặng của ông Sáu trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh. <p>2. Thân bài:</p> <p>a. Khái quát hoàn cảnh của cha con anh Sáu: Sau 8 năm chiến tranh xa cách, con không gặp được cha chỉ nhận ra ba qua tấm hình cũ. Khi anh Sáu trở về với vẻ bề ngoài khác lạ, bé Thu đã không nhận anh là ba mình.</p> <p>b. Làm rõ tình cha con sâu nặng của cha con ông Sáu dành cho nhau: <i>Tình cảm cha con trong truyện ngắn này được thể hiện từ hai phía: tình cảm của con dành cho cha và tình cảm của cha dành cho con.</i></p> <p>* Trước hết là tình cảm của bé Thu dành cho anh Sáu</p> <ul style="list-style-type: none"> – Khi chưa nhận ra anh Sáu là cha: bé Thu đã có thái độ xa lánh, hành động cự tuyệt và những lời nói cộc cằn khiến anh Sáu phải đau lòng: + Khi gặp anh Sáu ở bến xuồng với thái độ cuồng quýt, nóng vội và vẻ ngoài khác lạ (vết sẹo dài trên má đỏ ửng, giàn giụa) Thu đã sợ hãi bỏ chạy, cầu cứu má. + Trong ba ngày phép ba ở nhà, Thu đã xa lánh, toàn nói lời trống không, nhất định không chịu nhờ anh Sáu

chất nước cơm, khi anh Sáu gấp miếng trứng cá to ngon, Thu đã hắt cái trứng cá....

=> Tất cả những hành động ấy đã thể hiện được cá tính mạnh mẽ và tình cảm yêu thương rạch ròi của cô bé.

– Khi nhận ra anh Sáu là cha mình, trong buổi sáng cuối cùng trước khi anh Sáu phải lên đường, thái độ, hành động của bé Thu đột ngột thay đổi:

+ Nó bỗng kêu thét lên "ba" – tiếng kêu như xé tan sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người.

+ Cô bé chạy xô tới, dang hai tay ôm lấy cổ ba, hôn ba cùng khắp (hôn tóc, hôn cổ, hôn vai, hôn vết sẹo), dang cả hai chân để câu chặt lấy ba, đôi vai nhỏ bé run run.

=> Tình yêu thương ba được bộc lộ một cách mãnh liệt, dâng trào, không thể kìm nén nổi. Em yêu ba, nhớ ba, mong ba. Nay tình cảm ấy mới có dịp vỡ òa ra nên vô cùng mạnh mẽ, hối hả, cuồng quýt.

*** Ngoài ra truyện còn cho ta thấy tình cảm sâu nặng của anh Sáu dành cho con**

- Lúc chưa gặp bé Thu:
Anh Sáu nhớ thương con vô cùng, khao khát được gặp con, được yêu thương con.

- Khi anh Sáu gặp con:
+ Thuyền chưa cập bến, anh nhảy vội lên bờ gọi con, anh quá xúc động khi thấy con làm cho vết sẹo trên mặt anh đỏ bừng, giàn giụa làm con bé ngạc nhiên, sợ hãi, vụt bỏ chạy.

+ Trong 3 ngày nghỉ phép, anh Sáu khao khát được nhận tình cảm của con bao nhiêu thì con bé lại càng lạnh lùng, thờ ơ, anh càng xích lại bé Thu lại càng lùi xa, anh càng chiều thương, mong con gọi tiếng “ba” thì bé Thu càng trốn tránh khiến anh đau khổ, thất vọng.

- Lúc chia tay con lên đường:
+ Anh chỉ dám đứng từ xa nhìn chào tạm biệt con.
+ Khi con bất ngờ cất tiếng gọi ba anh đã vui sướng đến phát khóc.

+ Anh hứa với con khi về sẽ mua cho con cây lược.

- Trở lại chiến khu:
+ Anh không nguôi nhớ thương con, ân hận và day dứt vì mình đã đánh con. Tình yêu thương của anh dồn vào việc làm chiếc lược ngà tặng con. Lòng yêu thương con đã biến người chiến sĩ trở thành người nghệ nhân chỉ sáng tạo một sản phẩm nghệ thuật duy nhất của cuộc

	<p>đời.</p> <p>+ Trước khi hi sinh, anh đã dồn toàn tâm toàn lực vào việc gửi gắm chiếc lược cho người đồng đội của mình mang về trao tận tay cho con gái. Chiếc lược ngà trở thành biểu tượng cao quý cho tình cha con giữa ông Sáu và bé Thu.</p> <p>→ Anh Sáu là người cha yêu thương con tha thiết..</p> <p>c. Đặc sắc nghệ thuật:</p> <p>+ Tình huống truyện éo le.</p> <p>+ Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật, am hiểu tâm lí trẻ thơ.</p> <p>+ Ngôn ngữ giản dị, mộc mạc, gần gũi với lời ăn tiếng nói của nhân dân Nam Bộ.</p> <p>3. Kết bài.</p> <p>- Truyện ngắn <i>Chiếc lược ngà</i> đã khẳng định và ca ngợi tình cảm cha con thiêng liêng như một giá trị nhân bản sâu sắc. Tình cảm ấy càng trở nên cao đẹp, thiêng liêng hơn trong những cảnh ngộ éo le của cuộc chiến tranh tàn khốc.</p>
--	---

Tiết 3: Luyện tập

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>Bài tập 4. Phân tích diễn biến tâm lí và hành động của bé Thu trong lần gặp cha cuối cùng – khi ông Sáu được về phép trong đoạn trích <i>Chiếc lược ngà</i> của Nguyễn Quang Sáng (Sách <i>Ngữ văn 9</i>, tập 1 - NXB Giáo dục Việt Nam, 2012).</p> <p>- GV hướng dẫn HS định hướng yêu cầu của đề, cách làm bài:</p> <p>+ Kiểu bài</p> <p>+ Vấn đề Nghị luận</p> <p>+ Yêu cầu</p> <p>- Gv cho HS làm bài theo nhóm (4 HS một nhóm) – Thời gian 10 phút.</p> <p>- Sau 10 phút GV gọi một số</p>	<p>A. Định hướng:</p> <p>- Kiểu bài: Nghị luận văn học</p> <p>- Vấn đề nghị luận: diễn biến tâm lí và hành động của bé Thu trong lần gặp cha cuối cùng – khi ông Sáu được về phép trong đoạn trích <i>Chiếc lược ngà</i> của Nguyễn Quang Sáng</p> <p>- Yêu cầu: Phân tích</p> <p>B. Dàn ý chi tiết:</p> <p>1. Mở bài:</p> <p>- Giới thiệu chung về tác giả, tác phẩm.</p> <p>- Nêu cần đề nghị luận: diễn biến tâm lí và hành động của bé Thu trong lần gặp cha cuối cùng – khi ông Sáu được về phép</p> <p>2. Thân bài:</p> <p>a. Hoàn cảnh gia đình bé Thu:</p> <p>Đất nước chiến tranh, ba đi công tác khi bé Thu chưa đầy một tuổi, lớn lên chưa bao giờ được gặp ba, được ba chăm sóc, yêu thương mà chỉ yêu thương ba qua bức hình ba chụp chung với má.</p>

<p>nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có)</p> <p>- GV chốt đáp án, lưu ý HS những nội dung cơ bản cần làm rõ.</p>	<p>b. Trước khi nhận anh Sáu là ba:</p> <p>+ Trước thái độ vội vã, xa lạ và vết sẹo trên má; bé Thu ngạc nhiên, sợ hãi và bỏ chạy.</p> <p>+ Trong hai ngày sau đó, bé Thu hoàn toàn lạnh lùng trước những cử chỉ quan tâm, yêu thương của ba, cự tuyệt gọi tiếng “ba” một cách quyết liệt trong mọi tình huống. Từ cự tuyệt, bé Thu phản ứng mạnh mẽ, trở nên căm ghét người đàn ông có vết sẹo dài trên má và khi bị đánh nó tỏ ra bất cần, bỏ sang nhà bà ngoại.</p> <p>→ Đó là phản ứng hoàn toàn phù hợp với tâm lí trẻ thơ, vì bé Thu còn ngây thơ, hồn nhiên chưa hiểu được cái ác liệt của chiến tranh, đằng sau những hành động đó là tình yêu thương ba tha thiết nên đã căm ghét người đàn ông xa lạ và có khuôn mặt khác với ba mình.</p> <p>c. Khi hiểu chuyện, nhận ra ba mình:</p> <p>+ Bé Thu đã thay đổi thái độ của mình, không ương bướng, mà buồn rầu, đôi mắt ngĩng ngoi, hành động thể hiện sự ân hận, nuối tiếc, muốn nhận ba nhưng lại e ngại.</p> <p>+ Tình yêu ba được bộc lộ khi anh Sáu nói “Thôi ba đi nghe con.”, tiếng thét của bé Thu “Ba...a...a” chứa đựng tất cả nỗi nhớ, sự yêu thương, cô bé nhất định không cha ba đi nữa; hôn cổ, hôn tóc, hôn cả vết sẹo trên mặt ba.</p> <p>+ Những hành động vội vã: chạy như con sóc, nhảy thót, hôn cùng khắp, nói với ba ước nguyện của mình được ba mua cho cây lược, khóc nức nở. Đó là cuộc hội ngộ lại vừa là cuộc chia tay đầy xúc động và thiêng liêng.</p> <p>→ Thể hiện cảm xúc kìm nén được vỡ òa và tình yêu ba tha thiết, khao khát tình cảm cha con của bé Thu.</p> <p>d. Đặc sắc nghệ thuật: Tình huống truyện éo le, nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật đặc sắc, am hiểu tâm lí trẻ thơ, ngôn ngữ gần gũi, giản dị với lời ăn tiếng nói của nhân dân Nam Bộ.</p> <p>3. Kết bài.</p> <p>Khẳng định giá trị nội dung, nghệ thuật và thành công của tác phẩm</p>
---	--

III. Củng cố - Dặn dò

- Học bài, nắm vững nội dung cơ bản của tác phẩm và hoàn thành các bài tập 2,3,4, viết thành bài văn cụ thể có cấu trúc đủ 3 phần

- Tìm đọc cả tác phẩm Chiếc lược ngà

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BUỔI 16:

ÔN TẬP VĂN TỰ SỰ

I. Mục tiêu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Học sinh được củng cố và nâng cao những kiến thức về văn tự sự: luyện tập tóm tắt văn bản tự sự, miêu tả và miêu tả nội tâm, biểu cảm, nghị luận trong văn bản tự sự, vai trò của người kể chuyện trong văn bản tự sự.

2. Kỹ năng: qua tiết ôn tập, học sinh được rèn luyện các kỹ năng:

- Tóm tắt một văn bản tự sự.

- Biết phát hiện và sử dụng các yếu tố kết hợp trong văn bản tự sự: miêu tả, miêu tả nội tâm, biểu cảm, nghị luận.

- Hiểu và phân tích được vai trò của người kể chuyện trong văn bản tự sự.

3. Thái độ, phẩm chất:

- Luôn đánh giá vai trò của các yếu tố miêu tả, biểu cảm, đối thoại, độc thoại và nghị luận trong văn bản tự sự.

4. Năng lực:

- HS được phát triển năng lực hợp tác, tư duy độc lập, phân tích, tổng hợp và phát hiện vấn đề

II. Tiến trình lên lớp:

Hoạt động của GV- HS	Kiến thức cần đạt
?Nhắc lại khái niệm văn tự sự?	A- Ôn tập lí thuyết: I- Khái niệm văn tự sự: - Tự sự là phương thức trình bày một chuỗi các sự việc, sự việc này dẫn đến sự việc kia, cuối cùng dẫn đến một kết thúc, thể hiện một ý nghĩa. - Tự sự giúp người kể giải thích sự việc, tìm hiểu con người, nêu vấn đề và bày tỏ thái độ khen chê.
?Nhắc lại bố cục và nhiệm vụ của các phần trong bố cục của bài văn tự sự?	II- Bố cục của bài văn tự sự: gồm 3 phần: 1. Mở đầu (Mở truyện): giới thiệu nhân vật và sự việc. 2. Thân bài (phát triển truyện): kể diễn biến của câu chuyện theo trình tự hợp lí. 3. Kết bài (kết thúc) - Kể sự việc kết thúc - Tình trạng của nhân vật khi kết thúc truyện - Ý nghĩa của truyện (không bắt buộc)
?Nhắc lại các yếu tố cơ bản của bài tự sự? ? Trong văn bản tự sự, người kể chuyện có vai trò gì? - GV hướng dẫn HS đọc một số đoạn trong các văn bản tự sự đã học để làm rõ từng	III- Các yếu tố cơ bản và vai trò của một số yếu tố cơ bản trong bài văn tự sự: 1. Các yếu tố cơ bản trong bài văn tự sự: a. Nhân vật b. Sự việc c. Cốt truyện (trình tự sắp xếp các sự việc) d. Người kể chuyện. 2. Vai trò của người kể chuyện trong văn bản tự sự: a. Người kể chuyện trong văn bản tự sự: là người dẫn dắt người đọc đi vào câu chuyện: + Giới thiệu nhân vật và tình huống + Tả người, tả cảnh

vai trò của người kể chuyện trong văn bản tự sự.

?Trong văn bản tự sự, người kể chuyện xuất hiện ở những ngôi kể nào? Nêu dấu hiệu nhận biết, tác dụng và hạn chế của từng loại ngôi kể?

?Làm thế nào để phát huy và khắc phục những ưu điểm và hạn chế của hai ngôi kể trong văn bản tự sự?

? Vì sao trong văn tự sự không có ngôi thứ 2?

- Vì ngôi thứ 2 luôn luôn là người nghe.

+ Đưa ra những nhận xét về những điều được kể.

b. Người kể chuyện xuất hiện ở hai ngôi kể:

Ngôi kể	Dấu hiệu	Ưu điểm	Hạn chế
Ngôi thứ nhất	Người kể dùng đại từ xưng hô ở ngôi thứ nhất (số ít hoặc nhiều: xưng “tôi”, “tớ”, “chúng tôi”, “chúng ta”...)	Người kể dễ dàng bộc lộ những tình cảm, suy nghĩ, đánh giá... mang tính chủ quan, cá nhân.	Người kể chỉ có thể kể những gì mình nghe, mình biết, mình trải qua ->Lời kể thiếu linh hoạt
Ngôi thứ 3	Người kể giấu mình, gọi nhân vật bằng tên của chúng	Người kể như biết hết những gì đang diễn ra xung quanh nhân vật -> lời kể linh hoạt, tự do	Người kể khó bộc lộ những suy nghĩ, đánh giá diễn ra trong nội tâm của nhân vật.

=> người ta thường kết hợp hai ngôi kể khi kể chuyện.

IV- Tác dụng của việc tóm tắt văn bản tự sự:

1. Sự cần thiết của việc tóm tắt một văn bản tự sự:

<p>? Vì sao cần phải tóm tắt một văn bản tự sự?</p> <p>? Khi tóm tắt một văn bản tự sự, cần đảm bảo những yêu cầu gì?</p> <p>? Cần lưu ý điều gì khi tóm tắt một văn bản tự sự văn học và tự sự đời sống?</p>	<p>- Việc tóm tắt một văn bản tự sự giúp nội dung của văn bản được trình bày một cách ngắn gọn, giúp người đọc, người nghe dễ dàng nắm được nội dung chính của văn bản đó.</p> <p>2. Yêu cầu khi tóm tắt văn bản tự sự:</p> <p>- Cần nêu ngắn gọn nhưng đầy đủ các nhân vật và sự việc chính theo một thứ tự hợp lí.</p> <p>- Văn bản tóm tắt phải giữ nguyên được các giá trị của văn bản gốc (chủ đề, đề tài, ý nghĩa...), không làm sai lệch hoặc làm mất đi các giá trị quan trọng của văn bản gốc.</p> <p>* Lưu ý:</p> <p>- Ngoài những yêu cầu chung, khi tóm tắt một văn bản tự sự, chúng ta cần căn cứ vào đặc trưng riêng của từng loại văn bản để tóm tắt cho phù hợp:</p> <p>+ Khi tóm tắt là một tác phẩm văn học: cần chú ý hơn về giá trị nghệ thuật của văn bản.</p> <p>+ Khi tóm tắt một câu chuyện đời sống: cần chú ý vào những chi tiết thể hiện tính chân thực của câu chuyện.</p>
<p>? Nhắc lại vai trò của yếu tố miêu tả trong văn bản tự sự?</p> <p>? Nêu những biện pháp miêu tả nội tâm nhân vật?</p> <p>- Miêu tả trực tiếp: diễn tả những ý nghĩ, tình cảm, cảm xúc của nhân vật</p> <p>- Miêu tả gián tiếp: miêu tả thông qua cảnh vật hoặc thông qua nét mặt, cử chỉ, trang phục... của nhân vật.</p>	<p>V- Vai trò của các yếu tố miêu tả, biểu cảm và nghị luận trong văn tự sự:</p> <p>1. Vai trò của yếu tố miêu tả trong văn bản tự sự:</p> <p>- Làm câu chuyện trở nên hấp dẫn, gợi cảm, sinh động.</p> <p>- Góp phần thể hiện tư tưởng, chủ đề của tác phẩm.</p> <p>- Là một biện pháp quan trọng để xây dựng nhân vật, góp phần tái hiện đặc điểm, tính cách nhân vật.</p> <p>2. Vai trò của yếu tố biểu cảm trong văn</p>

<p>? Nhắc lại vai trò của yếu tố biểu cảm trong văn bản tự sự?</p> <p>? Thế nào là nghị luận trong văn bản tự sự?</p> <p>? Tác dụng của yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự?</p>	<p>bản tự sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giúp nhân vật bộc lộ tình cảm, cảm xúc. - Giúp người kể chuyện bộc lộ tình cảm, cảm xúc với nhân vật và sự việc được kể. <p>3. Vai trò của yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự:</p> <p>a. Thế nào là nghị luận trong văn bản tự sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là những ý kiến, nhận xét, đánh giá, thường được diễn đạt bằng hình thức lập luận, của người kể chuyện hoặc của nhân vật trong tác phẩm về một vấn đề nào đó. <p>b. Tác dụng của yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giúp câu chuyện có chiều sâu tư tưởng, tăng thêm phần triết lí. - Góp phần xây dựng đặc điểm tính cách nhân vật.
<p>? Thế nào là đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự?</p> <p>? Vai trò của đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự?</p>	<p>VI- Vai trò của yếu tố đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự:</p> <p>1. Thế nào là đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự:</p> <p>a. Đối thoại: là hình thức đối đáp, trò chuyện giữa hai hoặc nhiều người</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dấu hiệu nhận biết: thể hiện bằng các gạch đầu dòng, có khi, lời đối thoại được đặt trong dấu ngoặc kép. <p>b. Độc thoại: là lời nói một mình hoặc nói với một ai đó trong tưởng tượng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi độc thoại không nói thành lời được gọi là độc thoại nội tâm. <p>2. Vai trò của đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Góp phần quan trọng vào việc thể hiện nhân vật trong văn bản tự sự.

B- Luyện tập:

Bài 1: Tóm tắt truyện “Chiếc lược ngà”- Nguyễn Quang Sáng bằng một đoạn văn (khoảng 30 dòng).

* Yêu cầu làm bài:

- Hình thức: một đoạn văn
- Nội dung: Tóm tắt truyện “Chiếc lược ngà”- Nguyễn Quang Sáng (khoảng 30 dòng), có đầy đủ các chi tiết chính, được sắp xếp theo trình tự hợp lí.

*HS có thể tham khảo các sự việc chính và trình tự sau đây:

1. Sau tám năm xa cách, anh Sáu mới từ chiến trường về thăm nhà, thăm con.
2. Không kịp chờ xuồng cập bến, anh nhảy thót lên bờ, dang hai tay đón chờ con.
3. Con bé tròn mắt nhìn, rồi kêu thét lên, bỏ chạy khiến anh đứng sững lại.
4. Trong suốt ba ngày phép của anh Sáu, bé Thu không chịu gọi anh là “ba”.
5. Trong bữa ăn, bé Thu hất cái trứng cá anh Sáu gắp cho ra khỏi bát. Anh Sáu giận quá, tét một cái vào mông nó. Nó lẳng lẳng chèo xuồng, bỏ sang nhà bà ngoại.
6. Bé Thu được bà ngoại giải thích nguyên nhân vết sẹo dài trên má anh Sáu, điều đó khiến nó lăn lộn suốt đêm.
7. Sáng ngày anh Sáu lên đường, bé Thu đột ngột nhận anh là ba.
8. Phút chia tay đầy xúc động, anh Sáu hứa sẽ mua cho con một cây lược.
9. Ở chiến khu, anh Sáu đã dồn hết tình cảm làm cho con một cây lược ngà.
10. Trước lúc hi sinh, anh chỉ còn sức móc ra cây lược, trao cho bác Ba cùng ánh mắt như lời nhắn nhủ: hãy trao tận tay bé Thu.

Bài 2: Chỉ rõ sự kết hợp hai ngôi kể trong một số văn bản tự sự em đã học và nêu tác dụng của việc kết hợp hai ngôi kể ấy trong văn bản?

* **Yêu cầu làm bài:**

- HS tìm được một đoạn văn trong văn bản tự sự đã học có sự kết hợp hai ngôi kể: ngôi thứ nhất và ngôi thứ 3.
- HS chỉ rõ hai ngôi kể trong đoạn văn đã tìm được
- HS nêu tác dụng của việc kết hợp hai ngôi kể ấy trong đoạn văn

***Đoạn văn tham khảo:** “Chuyện người con gái Nam Xương”- Nguyễn Dữ: văn bản chủ yếu sử dụng ngôi kể thứ ba, tuy nhiên, trong một số đoạn, tác giả kết hợp cả việc kể ngôi thứ nhất:

“Bấy giờ Phan mới nhận đích người ấy là Vũ Nương và gạn hỏi duyên cớ. Nàng nói:

(1)

- Tôi ngày trước không may bị người vu oan, phải gieo mình xuống sông tự tử. Các nàng tiên trong cung nước thương tôi vô tội, rẽ một đường nước cho tôi thoát chết, nếu không thì đã vùi vào bụng cá, còn đâu mà gặp ông.” (2)

=> đoạn 1 được kể theo ngôi thứ 3, đoạn 2 kể ngôi thứ nhất. Việc kết hợp hai ngôi kể giúp lời kể uyển chuyển, vừa đảm bảo tính khách quan, vừa thể hiện được những suy nghĩ, tình cảm chủ quan của nhân vật.

Bài 3: Từ hiểu biết của em về từng ngôi kể, em hãy giải thích: vì sao trong các tác phẩm truyện kí, người ta thường sử dụng ngôi kể thứ nhất, còn trong các tác phẩm truyện dân gian, người ta hay sử dụng ngôi kể thứ 3?

***Gợi ý trả lời:**

- HS nêu được một số truyện kí có sử dụng ngôi thứ nhất (“Trong lòng mẹ” – Nguyên Hồng, “Những đứa trẻ”- Gor- ki...) và một số tác phẩm truyện dân gian có sử dụng ngôi thứ 3: “Cây bút thần”, Con Rồng, cháu Tiên”...
- Việc sử dụng ngôi kể như trên ngoài việc phù hợp với đặc trưng thể loại còn mang một dụng ý nghệ thuật của tác giả:

- + Việc sử dụng ngôi kể thứ nhất trong văn bản truyện kí: giúp lời kể chân thực, dễ dàng bộc lộ những tình cảm, suy nghĩ của tác giả khiến câu chuyện mang chiều sâu tư tưởng.
- + Việc sử dụng ngôi kể 3 trong các truyện dân gian: giúp lời kể linh hoạt, tự do, khách quan

Bài 4: Cho đoạn tự sự sau:

Thoắt trông nàng đã chào thưa:
 “Tiểu thư cũng có bây giờ đến đây!
 Đàn bà dễ có mấy tay,
 Đời xưa mấy mặt đời này mấy gan!
 Dễ dàng là thói hồng nhan
 Càng cay nghiệt lắm càng oan trái nhiều”
 Hoạn Thư hồn lạc phách xiêu
 Khấu đầu dưới trướng liệu điều kêu ca:
 Rằng: “Tôi chút phận đàn bà,
 Ghen tuông thì cũng người ta thường tình.
 Nghĩ cho khi gác viết kinh,
 Với khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo.
 Lòng riêng riêng những kính yêu,
 Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai.
 Trót lòng gây việc chồng gai,
 Còn nhờ lượng bể thương bài nào chẳng”.

(Nguyễn Du- “Truyện Kiều”)

- Chỉ rõ các yếu tố: đối thoại, miêu tả, biểu cảm và nghị luận trong đoạn tự sự trên?
- Nêu và phân tích tác dụng của yếu tố đối thoại, miêu tả, biểu cảm và nghị luận trong đoạn trích?

***Gợi ý trả lời:**

- Đoạn tự sự trên nói về việc Thúy Kiều chuẩn bị báo oán Hoạn Thư.
 Để thể hiện nhân vật và chủ đề của đoạn trích, tác giả đã sử dụng kết hợp các yếu tố đối thoại, miêu tả, biểu cảm và nghị luận:

- Đối thoại: lời trao đáp giữa Thúy Kiều và Hoạn Thư, được đặt trong dấu ngoặc kép:

+ Lời Thúy Kiều: “Tiểu thư cũng có bây giờ đến đây!
 Đàn bà dễ có mấy tay,
 Đời xưa mấy mặt đời này mấy gan!
 Dễ dàng là thói hồng nhan
 Càng cay nghiệt lắm càng oan trái nhiều”

+ Lời Hoạn Thư: ...“Tôi chút phận đàn bà,
 Ghen tuông thì cũng người ta thường tình.
 Nghĩ cho khi gác viết kinh,
 Với khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo.
 Lòng riêng riêng những kính yêu,

Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai.

Trót lòng gây việc chồng gai,

Còn nhờ lượng bể thương bài nào chẳng”.

- Các yếu tố miêu tả: “Hồn lạc phách xiêu”, “khẩu đầu dưới trướng” (miêu tả Hoạn Thư)

- Yếu tố biểu cảm: “Tiểu thư cũng có bây giờ đến đây!

Đàn bà dễ có mấy tay,

Đời xưa mấy mặt đời này mấy gan!

Dễ dàng là thói hồng nhan

Càng cay nghiệt lắm càng oan trái nhiều”

(câu 1 thể hiện thái độ mỉa mai, 4 câu sau thể hiện sự căm phẫn của Kiều)

- Yếu tố nghị luận: là đoạn Hoạn Thư lập luận để chạy tội cho mình:

Rằng: “Tôi chút phận đàn bà,

Ghen tuông thì cũng người ta thường tình.

Nghĩ cho khi gác viết kinh,

Với khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo.

Lòng riêng riêng những kính yêu,

Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai.

Trót lòng gây việc chồng gai,

Còn nhờ lượng bể thương bài nào chẳng”.

b. Nêu và phân tích tác dụng của yếu tố đối thoại, miêu tả, biểu cảm và nghị luận trong đoạn trích:

*Giúp ta thấy được diễn biến tâm lí và đặc điểm tính cách của Thúy Kiều và Hoạn Thư:

+ Thúy Kiều: rất căm giận vì trước kia bị Hoạn Thư hành hạ, đánh ghen bằng cách quỷ quái, tinh ma. Vì vậy, Thúy Kiều quyết tâm báo oán cho xứng đáng. Cách gọi Hoạn Thư là “tiểu thư” còn thể hiện thái độ mỉa mai của Kiều. (đoạn đối thoại của Kiều với Hoạn Thư)

+ Hoạn Thư: rất sợ hãi, lo lắng (“hồn lạc phách xiêu”, “khẩu đầu dưới trướng”) nhưng cũng rất ranh ma, tinh quái, sắc sảo, khôn ngoan. Để chạy tội cho mình, Hoạn Thư đã nêu ý kiến bằng phương pháp lập luận:

- Trước tiên, Hoạn Thư khẳng định: Đàn bà ai cũng ghen tuông. Việc tôi ghen tuông là lẽ thường của đàn bà, không có gì quá đáng.

- Tiếp theo là kể công về việc cho Thúy Kiều ra Quan Âm Các và khi Kiều bỏ trốn nhưng không đuổi theo.

- Khẳng định: lòng riêng tôi rất kính yêu cô, nhưng vì lẽ thường xưa nay, không ai chịu kiếp chồng chung, thế nên mới phải đánh ghen.

- Cuối cùng là nhận tội và đề cao Kiều: tôi trót gây ra việc ghen tuông, mong nhận được sự tha thứ từ tấm lòng bao dung, độ lượng của cô.

=> cách lập luận trên giúp Hoạn Thư được Kiều tha bổng, thoát tội.

* Giúp đoạn trích hấp dẫn người đọc.

* Góp phần khẳng định sự thành công trong giá trị nội dung và nghệ thuật của Truyện Kiều.

III. Củng cố- dặn dò:

- Nắm vững các kiến thức đã học về văn tự sự.
- Tập viết các đoạn tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận, đối thoại, độc thoại.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BUỔI 17

LUYỆN TẬP VĂN TỰ SỰ

I. Mục tiêu cần đạt :

1. Kiến thức

Củng cố các kiến thức về văn kể chuyện với phương thức biểu đạt chính là tự sự có kết hợp miêu tả và biểu cảm, nghị luận, đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm.

2. Kỹ năng

Rèn kỹ năng viết văn bản tự sự có sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm, đặc biệt là việc thể hiện cảm xúc của tác giả, người viết, yếu tố nghị luận, đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm.

3. Thái độ, phẩm chất

Giáo dục sự ham mê sáng tạo và tìm tòi hoặc hỏi khi viết văn tự sự.

4. Năng lực

- Năng lực thẩm mỹ
- Năng lực tự học
- Năng lực hợp tác
- Năng lực giao tiếp: Nghe, nói, đọc, viết.

II. Tiến trình lên lớp

Tiết 1:

A. Hệ thống lại kiến thức đã học (12 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
Hình thức: Pháp vấn câu hỏi (3')	I. Khái niệm văn tự sự
? Tự sự là gì?	Tự sự (kể chuyện) là trình bày một chuỗi diễn biến các sự việc, sự việc này dẫn đến sự việc
Học sinh trả lời	kia, cuối cùng dẫn đến một kết thúc, thể hiện
GV chốt ý	

<p>? Ví dụ HS: Sơn Tinh Thủy Tinh, Chiếc lược ngà,....</p>	<p>một ý nghĩa.</p>
<p>Hình thức: nhóm (9')</p> <p>GV chia lớp thành 4 nhóm.</p> <p>Các nhóm vẽ sơ đồ trình bày:</p> <p>? Bố cục bài văn tự sự gồm mấy phần, nội dung từng phần?</p> <p>? Khi kể chuyện cần kết hợp với các yếu tố nào để câu chuyện thêm hấp dẫn, sinh động?</p> <p>Đại diện 2 nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung</p> <p>GV chốt ý</p> <p>Lưu ý: Khi kể chuyện, cần kết hợp yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận, (trang phục, cử chỉ, nét mặt, miêu tả nội tâm, đối thoại, độc thoại,...) để câu chuyện hấp dẫn, lôi cuốn người đọc.</p>	<p>II. Bố cục bài văn tự sự</p> <p>Gồm 3 phần:</p> <p>-MB: Có thể giới thiệu nhân vật và tình huống xảy ra câu chuyện...Cũng có lúc người kể bắt đầu từ một sự cố nào đó, hoặc kết thúc câu chuyện, số phận nhân vật rồi ngược lên kể lại từ đầu.</p> <p>-TB: Kể các tình tiết, sự việc làm nên câu chuyện. Nếu tác phẩm có nhiều nhân vật thì tình tiết lồng vào nhau, đan xen theo diễn biến của câu chuyện.</p> <p>-KB: Câu chuyện kể đo vào kết cục, tình trạng và số phận nhân vật được nhận diện khá rõ. Thể hiện suy nghĩ của người viết đối với việc được kể.</p>

B. Luyện tập (33'):

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân, nhóm.</p> <p>- HS thực hiện</p> <p>- Thời gian: 15'</p> <p>Bài tập 1: Tưởng tượng 20 năm sau, em về thăm trường cũ</p> <p>Hình thức: cá nhân</p> <p>? Xác định thể loại của văn bản?</p> <p>? Nội dung chính cần biểu đạt của văn bản?</p> <p>? Phạm vi?</p> <p>? Xác định ngôi kể và phương thức biểu đạt?</p> <p>? Hãy nêu những ý chính trong bài?</p>	<p><u>Đề bài :Tưởng tượng 20 năm sau, em về thăm trường cũ.</u></p> <p><u>*Tìm hiểu đề:</u></p> <p>- Thể loại: Văn tự sự.</p> <p>- Nội dung: tưởng tượng 20 sau, em về thăm trường cũ.</p> <p>- Phạm vi: Dựa vào sự việc cụ thể trong buổi về thăm trường sau 20 năm của em.</p> <p>- Ngôi kể thứ nhất: Xưng tôi hoặc em.</p> <p>- Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm, nghị luận.</p> <p><u>*Tìm ý:</u></p> <p>- Nêu lí do</p> <p>- Giới thiệu không gian, thời gian</p> <p>- Nêu diễn biến của tâm trạng và cảm xúc của em trong ngày về thăm trường cũ sau 20 năm.</p>

<p>Lập dàn ý: hoạt động nhóm ? Nội dung phần mở bài?</p> <p>? Nêu rõ thời gian, không gian?</p> <p>? Kể lại các yếu tố khơi nguồn cảm xúc? Mạch cảm xúc?</p> <p>? Có thể kể lại chi tiết các nhân vật và sự việc, cảm xúc của em theo trình tự thời gian và không gian hợp lí?</p> <p>? Lưu ý gì khi kể lại câu chuyện của em?</p> <p>* Lưu ý: Cần có sự đồng hiện giữa các cảm xúc của quá khứ và hiện tại, kết hợp các phương thức biểu đạt tự sự, miêu tả, biểu cảm.</p>	<p><u>*Dàn ý và lập dàn ý:</u></p> <p>- Mở bài:</p> <p>+ Nêu lí do (tạo tình huống)</p> <p>+ Dẫn dắt.</p> <p>I. Mở bài: giới thiệu 20 năm sau về thăm trường</p> <p>Ví dụ:</p> <p>Thấm thoát đã 20 năm trôi đi, bao nhiêu kỉ niệm, bao buồn vui tuổi học trò đã ghi dấu trong kí ức của tôi. Những kỉ niệm buồn vui, giận hờn, nhớ thương đều gói ghém trong những năm tháng thơ ngây ấy. Nay có dịp quay lại trường cũ thăm thầy cô, bạn bè, tôi hết sức vui mừng và phấn khởi.</p> <p>II. Thân bài:</p> <p>1. Giới thiệu dịp về thăm lại trường sau 20 năm:</p> <p>Nhân kỉ niệm 40 năm thành lập trường</p> <p>Tôi về thăm trường cùng bạn bè cũ</p> <p>Tôi rất háo hức và hồi hộp để thăm lại trường cũ</p> <p>2. Sau 20 năm về thăm lại trường</p> <p>a. Cơ sở vật chất và kĩ thuật của trường sau 20 năm</p> <p>Trường được sơn sửa lại rất mới</p> <p>Trường xây thêm khu nhà xe, khu thư viện và thực hành, khu ban giám hiệu,....</p> <p>Trường nay rất khang trang và sạch đẹp</p> <p>Sân trường được đổ bê tông chứ không là nền đất như lúc trước</p> <p>Sân trường trồng rất nhiều hoa và cây cối</p> <p>Phòng học rất sạch sẽ và tiện nghi</p> <p>Phòng học có tivi, máy chiếu, máy quạt, dụng cụ đầy đủ,....</p> <p>Bàn ghế thay bàn inox chứ không phải bàn gỗ như lúc xưa</p> <p>Bảng nay sử dụng bản máy chiếu chứ không</p>
---	---

<ul style="list-style-type: none"> - Cần tạo thêm hệ thống nhân vật phụ để tăng tính hiện thực và hấp dẫn cho câu chuyện (các bạn, thầy cô giáo). - Giọng văn cần giàu cảm xúc, thể hiện được tình cảm tâm trạng thích hợp. <p>? Nội dung của phần kết bài là gì?</p>	<p>còn sử dụng bảng đen phấn trắng</p> <p>b. Cảm nhận của em về sự thay đổi của trường qua 20 năm</p> <p>Trường học nay càng tiện nghi Học sinh được quan tâm và tôn trọng Thầy cô rất tận tình Tôi bất ngờ với sự đổi mới của trường sau 20 năm</p> <p>c. Gặp gỡ bạn bè và thầy cô giáo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về bạn bè: sự thay đổi về ngoại hình, công việc, gia đình,.... - Về thầy cô: sự thay đổi về ngoại hình, tuổi tác,... - Ôn lại kỉ niệm cũ. - Cảm xúc của em và mọi người. <p>III. Kết bài: nêu cảm nghĩ của em về 20 năm sau về thăm trường</p>
<p>Bài tập 2: Viết đoạn văn trình bày sự thay đổi của trường và bạn bè, thầy cô giáo sau 20 năm em về thăm trường.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức tổ chức luyện tập: nhóm - Thời gian: 20' - GV nêu yêu cầu: <p>+ Nhóm 1, 2: Trình bày sự thay đổi của trường: quang cảnh, cơ sở vật chất sau 20 năm.</p> <p>+ Nhóm 3, 4: Trình bày sự thay đổi của thầy cô, bạn bè sau 20 năm.</p> <p>Chỉ ra các yếu tố miêu tả và biểu cảm, nghị luận, đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện nhóm trình bày - Các nhóm nhận xét. GV cho điểm, rút kinh nghiệm. 	<p>Nhóm 1,2:</p> <p>Sau hai mươi năm, ngôi trường Phú Lộc thân thương giờ đã thay đổi không ít. Trước mắt tôi vẫn là <u>hàng cây xanh mát mắt, những giờ đã to lớn hơn rất nhiều. Cánh cổng trường to đẹp và sơn màu rất sang trọng.</u> Bước qua cánh cổng trường là một thế giới vừa thân thuộc vừa xa lạ. Đó là một ngôi trường khang trang, rộng lớn với ba dãy nhà ba tầng được xây theo hình chữ U với rất nhiều các phòng học, phòng chức năng. Nổi bật giữa sân trường, bốn cây xà cừ vẫn hiên ngang vươn <u>những tán lá xanh tươi tỏa bóng mát rượi.</u> Tôi vẫn nhớ kỉ niệm cùng bạn bè quét lá, chơi đá cầu,... dưới tán cây ấy. Từ khi thành lập trường đến giờ, đã gần 100 năm rồi, <u>bốn cây xà cừ ấy xanh tươi,</u> đồng hành cùng bao thế hệ học sinh. Sân trường bây giờ được mở rộng, còn có <u>một sân cỏ rộng,</u> bể bơi – điều mà xưa kia tôi từng mơ ước biết bao lần. Sải bước trên sân trường, ngắm nhìn khung cảnh xung quanh nơi đây</p>

mà tôi không khỏi xúc động.

Tôi bước đến dãy nhà nơi lớp tôi đã từng học ở đó. Vẫn là lớp 9B như ngày nào nhưng giờ đây đã được sửa sang lại, được trang bị thêm những trang thiết bị cần thiết phục vụ cho học tập của các em học sinh. Tôi nhớ những ngày ôn thi nắng nóng kéo dài, chỉ ước phòng học có một chiếc điều hòa thật mát mẻ. Điều ước ấy bây giờ đã trở thành hiện thực rồi. Rồi rất nhiều những thiết bị khác như ti vi, bảng thông minh, camera,... rất hiện đại. Nhìn vào trong lớp, nhìn vào chỗ mà tôi đã từng ngồi, bao nhiêu kỉ niệm về trường, về lớp, về bạn bè thầy cô trong tôi ùa về. Nhớ khi xưa lũ học trò tinh nghịch chúng tôi thường lén lút mang đồ ăn vặt vào trong lớp để ăn bất chấp sự nghiêm cấm của nhà trường. Ôi, ước gì, tôi được trở lại là cô học trò ngây ngô ngày xưa.

Yếu tố miêu tả: Gạch chân.

Yếu tố biểu cảm:

+ Bước qua cánh cổng trường là một thế giới vừa thân thuộc vừa xa lạ.

+ Tôi vẫn nhớ kỉ niệm cùng bạn bè quét lá, chơi đá cầu,... dưới tán cây ấy.

+ tôi không khỏi xúc động.

Yếu tố độc thoại nội tâm

+ Ôi, ước gì, tôi được trở lại là cô học trò ngây ngô ngày xưa.

Nhóm 3,4:

Đang miên man suy nghĩ, tôi bỗng thấy tiếng gọi phía sau. Trời ơi, nhìn Uyên giờ khác quá. Mái tóc dài ngang lưng, Uyên mặc một chiếc váy công sở lịch sự. Giờ Uyên đã là hiệu trưởng một trường mầm non tư thục nổi tiếng ở tỉnh mình. Cả cái Dương nữa. Ngày xưa nó lênh khênh, nghịch ngợm, ương bướng, thế mà giờ trông cao ráo, xinh xắn, dịu dàng. Hồi ra mới biết nó làm người mẫu ảnh cho tạp chí nổi

tiếng. Tú dẫn mình lên phòng hội đồng. Hầu như cả lớp mình có mặt. Nhìn ai cũng chững chạc. Lớn hết rồi mà. Chẳng còn đâu cái tuổi ngây thơ cùng nhau chơi bịt mắt bắt dê nữa. Mọi người gặp nhau, tay bắt mặt mừng. Dù thời gian có làm mỗi khuôn mặt thay đổi nhưng tôi vẫn nhận ra từng người. Thăng Kiên trở thành giám đốc một công ti thương mại làm ăn phát đạt. Còn Bảo Anh ngày xưa cứ mơ được làm ở Bộ Ngoại giao giờ đã là Vụ trưởng rồi. Chúng tôi ngồi bên nhau ôn lại bao kỉ niệm xưa cũ. Ngày trước cứ mong mau lớn để không phải đi học, vậy mà giờ đây tôi lại thấy tiếc nuối. Giá như chúng tôi không phải lớn, cứ ở bên nhau như ngày xưa, không phải lo nghĩ gì cả.

Mãi đến khi buổi lễ kỉ niệm kết thúc, tôi mới có cơ hội gặp cô giáo chủ nhiệm của tôi hồi lớp chín. Tiến lại gần chào cô tôi nhận ra trên khuôn mặt cô đã xuất hiện nhiều nếp nhăn hơn mà tôi thấy mình có lỗi quá vì bấy lâu nay vì bận công việc mà tôi không thu xếp thời gian để về thăm cô. Cô nhìn tôi một hồi lâu rồi mới nhận ra bởi đã hai mươi năm rồi còn gì - một khoảng thời gian đủ dài để mọi thứ thay đổi. Tôi cùng cô ôn lại những kỉ niệm năm xưa, chia sẻ cho cô nghe những gì tôi đã làm được và cô cũng rất vui khi thấy học trò của mình trưởng thành và thành đạt.

Yếu tố miêu tả: Gạch chân.

Yếu tố biểu cảm:

- + Trời ơi, nhìn Uyên giờ khác quá.
- + Nhìn ai cũng chững chạc.
- + giờ đây tôi lại thấy tiếc nuối.

Yếu tố độc thoại nội tâm: Giá như chúng tôi không phải lớn, cứ ở bên nhau như ngày xưa, không phải lo nghĩ gì cả.

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- Hình thức tổ chức luyện tập: nhóm, cá nhân.</p> <p>- Thời gian: 45'</p> <p>Bài tập 3: Đóng vai nhân vật trữ tình trong bài thơ <i>Ánh trăng</i> của Nguyễn Duy để kể lại câu chuyện.</p> <p>* Lập dàn ý</p> <p>- HS thực hiện lập dàn ý theo nhóm bàn.</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày</p> <p>- Các nhóm nhận xét, bổ sung</p> <p>- GV nhận xét, chốt đáp án.</p> <p>* Viết bài</p> <p>- HS viết MB (hình thức cá nhân). 2-3 HS trình bày, GV nhận xét, rút kinh nghiệm.</p> <p>- HS viết đoạn văn từ đoạn hòa bình lặp lại đến hết TB. (hình thức theo nhóm).</p> <p>Đại diện nhóm trình bày kết quả. Các nhóm nhận xét, bổ sung. GV nhận xét, chốt ý.</p> <p>- HS viết đoạn văn từ 10-15 câu với câu chủ đề sau: Đột ngột, cả thành phố</p>	<p>* MB: Giới thiệu hoàn cảnh: Tôi - một người lính sau bao nhiêu sóng gió và tân mắt chứng kiến cảnh chiến tranh khốc liệt. Lúc này tôi đc sống trong cảnh đất nước thanh bình....</p> <p>* TB: Triển khai vấn đề theo mạch cảm xúc bài thơ:</p> <p>- Cuộc sống hồi nhỏ và khi đi lính: gắn liền với những kỉ niệm thật đẹp.</p> <p>+ Ánh trăng gắn với kỉ niệm tuổi thơ</p> <p>+ Trăng gắn với thời gian vất vả, gian lao khi đi lính.</p> <p>+ Tất cả tạo cho tôi một cảm giác hồn nhiên, vô tư,....</p> <p>+ Tôi tự nhủ sẽ chẳng bao giờ quên đi ánh trăng.</p> <p>- Khi hòa bình lập lại</p> <p>+ Chiến tranh kết thúc, cuộc sống có ánh điện, cửa gương, đầy đủ, hiện đại, tôi lãng quên đi vàng trăng năm xưa.</p> <p>+ Tình huống bất ngờ: căn phòng tối om vì mất điện. Như một bản năng vốn có của con người, vội bật tung cánh cửa sổ để hướng tới ánh sáng.</p> <p>+ Đối diện với vàng trăng tình nghĩa năm xưa.</p> <p>+ Tâm trạng: xúc động, xấu hổ, bao cảm xúc, kỉ niệm ủa về.</p> <p>(kết hợp yếu tố biểu cảm, độc thoại, độc thoại nội tâm)</p> <p>Ví dụ: Và đập vào mắt tôi là vàng trăng tròn vành vạnh tỏa sáng trên bầu trời đêm. Tôi với trăng, mặt đối mặt, nhìn nhau, thật lâu. Bỗng, trong lòng tôi có cái gì đó rung rung. Bao nhiêu ký ức chợt ủa về. Có phải là đồng, là sông, là bể, là rừng đang nhìn tôi, đang trách móc, đang hờn giận? Đã bao nhiêu năm qua,</p>

<p>mất điện, tôi bất ngờ gặp lại vàng trắng tình nghĩa năm xưa. (hình thức cá nhân)</p> <p>2-3 HS trình bày, GV nhận xét, rút kinh nghiệm.</p>	<p>trắng vẫn không thay đổi, vẫn tròn vành vạnh như lúc xưa, vẫn gắn với cánh đồng bao la, với dòng sông bát ngát, với rừng rậm âm u. Phải rồi, chỉ có tôi là đã thay đổi. Tôi đã quá thờ ơ với trắng, đã vô tình quên đi những kỷ niệm đẹp để giữa trắng và tôi. Trắng cứ nhìn tôi, im lặng. Tôi bỗng giật mình. Sự im lặng đến đáng sợ của trắng cứ như một lời trách móc tôi, oán hận tôi vì sao đã quên đi người bạn tri kỷ.</p> <p>=> Triết lí (kết hợp yếu tố nghị luận): Mỗi chúng ta phải sống ân nghĩa thủy chung, uống nước nhớ nguồn, trân trọng những kỉ niệm đẹp để của quá khứ, biết ơn những người đã từng giúp đỡ mình khi khó khăn, hoạn nạn.</p> <p>Kết thúc vấn đề: Khẳng định lại, kết thúc câu chuyện (dành thời gian thăm lại chiến trường, về quê, tận hưởng ánh sáng của vàng trắng, ...)</p>
--	--

Tiết 3:

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức tổ chức luyện tập: nhóm - Thời gian: 42' <p>Bài tập 4: Đóng vai nhân vật anh Sáu kể lại truyện ngắn <i>Chiếc lược ngà</i>.</p> <p>* Lập dàn ý (12')</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chia lớp thành 2 nhóm theo dãy bàn - HS thảo luận nhóm, nêu ý tưởng. - HS thực hiện theo nhóm theo hình thức tiếp sức (trình bày trên bảng) - Các nhóm nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, chốt đáp án. 	<p>* MB: Giới thiệu về hoàn cảnh (đi bộ đội, sau 8 năm trở về thăm nhà). Tâm trạng: nhớ nhà, khao khát được gặp con.</p> <p>* TB:</p> <p>a. Khi gặp con</p> <ul style="list-style-type: none"> + Vui mừng khi gặp lại con nhưng con sợ hãi, không nhận ba. + Tâm trạng: hụt hẫng, thất vọng, hai tay buông thõng xuống (kết hợp yếu tố miêu tả, biểu cảm). <p>b. Trong 3 ngày nghỉ phép</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tôi không đi đâu, chỉ quanh quẩn ở nhà để gần con, quan tâm con. + Thu từ chối mọi quan tâm, chăm sóc, nói trống không với tôi nhưng tôi kiên nhẫn, không trách mắng con bé.

Ví dụ

Hai ngày ở nhà, tôi chẳng dám đi đâu xa, cứ quanh quẩn tìm mọi cách để được gần con, mong mỗi sự đón nhận của con bé. Nhưng Thu là một đứa bé đáo để và bướng bỉnh. Nó nhất quyết không chịu nhận tôi, kể cả khi rơi vào tình huống bí bách nhất. Nghe nồi com sôi, nó giở nắp, lấy đũa bếp sơ qua - nồi com hơi to, nhắm không thể nhấc xuống để chất nước được, đến lúc đó nó mới nhìn lên tôi. Tôi nghĩ thầm, con bé đang bị dồn vào thế bí, chắc nó phải gọi ba thôi. Nó nhìn dáo dác một lúc rồi kêu lên:

- Com sôi rồi, chất nước giùm cái! - Nó cũng lại nói trống.

Anh Ba thấy thế liền lên tiếng mở đường cho nó:

- Cháu phải gọi "ba chất nước giùm con", phải nói như vậy.

Nó như không để ý đến câu nói của anh Ba, nó lại kêu lên:

- Com sôi rồi, nhão bây giờ!

Tôi cứ vẫn ngồi im. Anh Ba dọa nó:

- Com mà nhão, má cháu về thế nào cũng bị đòn. Sao cháu không gọi ba cháu. Cháu nói một tiếng "ba" không được sao?

Lúc đó nồi com sôi lên sùng sục. Nó hơi sợ, nó nhìn xuống, vẻ nghĩ ngợi, nhấc không nổi, nó lại nhìn lên. Tiếng com sôi như thúc giục nó. Nó nhăn nhó muốn khóc. Nó nhìn nồi com, rồi nhìn lên chúng tôi. Thấy nó luýnh quýnh tôi vừa tội nghiệp vừa buồn cười, nghĩ chắc thế nào cũng chịu thua. Nó loay hoay rồi nhón gót lấy cái vá múc ra từng vá nước, miệng lầm bầm điều gì không rõ. Con bé đáo để thật.

Chỉ ra yếu tố biểu cảm, đối thoại, độc thoại,

<p>* Luyện nói (30')</p> <p>- Hình thức cá nhân.</p> <p>HS lựa chọn 1 trong 2 đề sau, chú ý có kết hợp với yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận,...</p> <p>? Đóng vai nhân vật ông Sáu kể lại 3 ngày nghỉ phép của ông.</p> <p>? Đóng vai nhân vật ông Sáu kể lại thời gian ở chiến trường.</p> <p>3-4 HS trình bày trước lớp</p> <p>HS nhận xét (nội dung, giọng kể,...)</p> <p>GV nhận xét, cho điểm.</p>	<p>độc thoại nội tâm trong đoạn văn trên.</p> <p>+ Khi tôi gấp cái trứng vào bát cho con, Thu hắt văng cái trứng.</p> <p>+ Tức giận mà lỡ tay đánh con → Hối hận khôn nguôi.</p> <p>c. Giây phút chia tay</p> <p>+ Ngày lên đường, Thu khóc và gọi cha, tôi vô cùng sung sướng, hạnh phúc.</p> <p>+ Trước khi đi, tôi hứa sẽ mua chiếc lược cho con gái.</p> <p>d. Lúc ở chiến trường</p> <p>+ Tiếp tục tham gia chiến đấu</p> <p>+ Tìm được khúc gỗ voi và làm chiếc lược tặng con</p> <p>+ Lúc bị trúng đạn, gửi lại chiếc lược cho đồng đội nhờ chuyển đến bé Thu</p> <p>* KB: Cảnh gặp lại con trong tưởng tượng</p>
--	--

II. củng cố - Dặn dò (3')

- Nêu bố cục bài văn tự sự
- Giao bài tập về nhà: HS hoàn thành bài tập 4.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BUỔI 18: CÁCH LÀM BÀI TẬP ĐỌC HIỂU

I. Mục tiêu cần đạt :

1. Kiến thức:

- Hiểu những kiến thức cơ bản trong môn học (Tiếng Việt, Văn, Tập làm văn).
- Những kiến thức xã hội – khoa học.

2. Kỹ năng:

- Kỹ năng nhận biết (phát hiện trên văn bản)
- Kỹ năng thông hiểu (hiểu từ, hiểu câu, hiểu ý tác giả)
- Kỹ năng vận dụng (nêu suy nghĩ riêng của bản thân, viết đoạn văn bản nhỏ...)

3. Thái độ, phẩm chất:

- Rèn luyện ý thức tự giác học tập, ôn tập, luyện giải các đề bài đọc hiểu.
- Có ý thức phấn đấu vươn lên trong cuộc sống.

4. Năng lực:

- Năng lực đọc – hiểu một đoạn văn bản, một văn bản ngắn; Nhận biết được những đơn vị kiến thức cơ bản của các phân môn Văn học, Tiếng Việt, Tập làm văn đã học.
- Năng lực viết một đoạn văn ngắn dung lượng 3 – 5 câu.
- Năng lực nghe – nói: lắng nghe, cảm nhận và tham gia thảo luận nhóm, trình bày trước nhóm.
- Các năng lực chung: tự chủ, tự học, tự giác tiếp cận, chuẩn bị, tìm hiểu những nội dung tương tự theo hướng dẫn của giáo viên.

II. Tiến trình lên lớp**Tiết 1:****A. Đặc điểm nhận diện phần đọc hiểu (30 phút)**

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>Hình thức tổ chức: thảo luận nhóm (3')</p> <p>GV giới thiệu cấu trúc của phần đọc hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gồm 2 phần: Ngữ liệu và hệ thống câu hỏi <p>GV chia lớp thành 4 nhóm và phân công nhiệm vụ:</p> <p><u>Nhóm 1, 3:</u></p> <p>? Theo em, ngữ liệu phần đọc hiểu có đặc điểm như thế nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa dạng và phong phú về nguồn gốc - Đa dạng về thể loại: thơ, truyện, văn bản khoa học... - Đa dạng về nội dung, thông thường bám sát các vấn đề XH nổi cộm, được nhiều người quan tâm. <p><u>Nhóm 2, 4:</u></p> <p>? Chúng ta thường gặp những dạng câu hỏi nào trong phần này?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu hỏi nhận biết: Thường hỏi xác định phương thức biểu đạt, tìm từ ngữ, 	<p>I. Cấu trúc:</p> <p>1. Ngữ liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: trong SGK hoặc ngoài chương trình SGK(thông thường là ngoài chương trình sgk) - Nội dung: đa dạng, phong phú, có thể là các văn bản mang tính thời sự hoặc các giá trị truyền thống, mang tính nhân văn, nhân bản (một tác phẩm trữ tình, một văn bản truyện, bản tin, phóng sự...) <p>2. Hệ thống câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gồm 4 câu hỏi với 3 mức độ nhận biết - thông hiểu – vận dụng thấp. - Các dạng câu hỏi cơ bản: <p>+ Câu hỏi nhận biết: xác định tên tác phẩm,</p>

<p>hình ảnh, xác định cách trình bày văn bản...</p> <p>- Câu hỏi hiểu: Thường hỏi hs hiểu như thế nào về một câu nói trong văn bản; hỏi theo học sinh thì vì sao tác giả lại cho rằng, nói rằng...(kiểu hỏi này là để xem hs và tác giả có đồng quan điểm hay không); Kiểu câu hỏi theo tác giả... Ba kiểu hỏi này thường lặp đi lặp lại.</p> <p>- Câu hỏi vận dụng: Thường yêu cầu HS rút ra thông điệp có ý nghĩa, điều tâm đắc hoặc chỉ ra những việc làm cụ thể của bản thân.</p>	<p>văn bản, tác giả, hoàn cảnh sáng tác, kiểu loại văn bản, phương thức biểu đạt, thể loại, câu chủ đề, nội dung văn bản...</p> <p>+ Câu hỏi thông hiểu: giá trị của từ ngữ, câu văn, các biện pháp tu từ, vì sao tác giả lại cho rằng...</p> <p>+ Câu hỏi vận dụng: nêu suy nghĩ, trình bày quan điểm về một vấn đề liên quan đến nội dung văn bản(rút ra thông điệp, bài học, đồng tình, không đồng tình trước một vấn đề nào đó đc đặt ra trong văn bản)</p>
<p>GV giới thiệu trọng tâm kiến thức cơ bản:</p> <p>- Tiếng Việt (Hiểu nghĩa của từ, câu, các biện pháp tu từ, các phương thức biểu đạt, các loại phương châm hội thoại...)</p> <p>- Làm văn: (Cách trình bày văn bản, các thao tác lập luận, liên kết...)</p> <p>- Kết hợp cả kiến thức trong văn bản với kiến thức xã hội (sự hiểu biết riêng của HS)</p>	<p>II. Kiến thức cơ bản để làm bài đọc hiểu:</p> <ol style="list-style-type: none"> Phương thức biểu đạt: <ul style="list-style-type: none"> Tự sự: trình bày diễn biến sự việc Miêu tả: tái hiện những đặc điểm, tính chất, trạng thái của sự vật, con người Biểu cảm: bộc lộ cảm xúc Nghị luận: trình bày ý kiến, đánh giá đưa ra những quan điểm, tư tưởng của người viết. Thuyết minh: giới thiệu, cung cấp tri thức khoa học Hành chính – công vụ: quyền hạn, trách nhiệm Thể loại: <ul style="list-style-type: none"> Thơ Truyện Kịch Tùy bút, bút ký... Các đơn vị trọng tâm về kiến thức Tiếng Việt: <ul style="list-style-type: none"> Phương châm hội thoại Biện pháp tu từ: Ẩn dụ, hoán dụ, so sánh, nhân hóa, điệp ngữ, nói quá... Kiểu câu: câu đơn, câu ghép Nghĩa tường minh, hàm ý

	<ul style="list-style-type: none"> - Liên kết câu và liên kết đoạn văn <p>4. Kết hợp cả kiến thức trong văn bản với kiến thức xã hội (sự hiểu biết riêng của HS)</p>
Gv lưu ý cho HS những kỹ năng trả lời câu hỏi ở các dạng	<p>III. KỸ NĂNG LÀM BÀI ĐỌC HIỂU</p> <p>1. Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời ngắn gọn, đúng trọng tâm - Trả lời lần lượt từng câu - Thời gian: 15 – 20 phút <p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc nhan đề, nguồn -> câu hỏi (gạch chân từ khóa) - > văn bản - Gạch chân những cụm từ có ý trả lời sẵn trong văn bản. - Viết ra giấy nháp những ý xuất hiện đầu tiên trong suy nghĩ <p>3. Cách trả lời các dạng câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dạng câu hỏi nhận biết: chú ý các từ khóa: <i>chính, chủ yếu, các, những, một, một số...</i> - <i>Câu hỏi yêu cầu hiểu nghĩa của từ, câu:</i> Vận dụng thao tác giải thích để giải quyết (là gì?), nếu hỏi theo ý tác giả thì tìm trong đoạn ngữ liệu - Câu hỏi vận dụng: theo cách cảm, cách nghĩ riêng của cá nhân

B. Luyện tập (15 phút):

GV đưa ra hệ thống bài tập để luyện tập lại các kiến thức vừa ôn

- Bài tập có kèm theo đáp án

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức tổ chức luyện tập: theo nhóm - HS thực hiện <p>Bài tập 1: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi</p> <p><i>“Nếp sống giản dị và thanh đạm của Bác Hồ, cũng như các vị danh nho xưa, hoàn toàn không phải là một cách tự thân thánh hóa, tự làm cho khác đời, hơn đời, mà đây là lối sống thanh cao, một cách di dưỡng tinh thần, một quan niệm thẩm mỹ về cuộc sống, có</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV chốt kiến thức <p>Đáp án:</p> <p>1. – Đoạn trích thuộc văn bản “ Phong cách Hồ Chí Minh” của tác giả Lê Anh Trà.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cụm từ “di dưỡng tinh thần” được dùng ở đây có nghĩa là bồi bổ cho sáng khoái về tinh thần, giữ cho tinh thần vui khỏe. <p>2. Chủ đề của văn bản: Hội nhập và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc</p> <p>3.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống văn

<p><i>khả năng đem lại hạnh phúc thanh cao cho tâm hồn và thể xác.”</i></p> <p>(SGK Ngữ văn 9, tập một)</p> <p>1. Câu văn trên trích trong văn bản nào? Tác giả là ai ? Cụm từ “di dưỡng tinh thần” được dùng ở đây có nghĩa là gì?</p> <p>2. Văn bản chứa câu văn trên đề cập đến chủ đề gì?</p> <p>3. Lối sống rất bình dị, rất Việt Nam, rất phương Đông của Bác Hồ được biểu hiện như thế nào?</p> <p>4. Có bạn cho rằng, học tập theo lối sống cao đẹp của Bác, mỗi chúng ta cần nên ép mình vào cuộc sống khắc khổ. Em có đồng ý với suy nghĩ đó không? Vì sao?</p>	<p>hóa dân tộc với tinh hoa văn hóa thế giới nơi con người của Bác</p> <p>- Lối sống của Bác, của một vị "vua", nhưng lại rất bình dị và rất đời thường, như phong cách sống đạo đức, giống với phong cách sống của những bậc hiền tiết ngày xưa: vua Nghiêu, vua Thuấn,...</p> <p>4. HS tự bộc lộ và trình bày suy nghĩ đúng đắn hợp lý. HS có thể trình bày như sau:</p> <p>- Theo em, khi học tập theo lối sống của bác, mỗi chúng ta không cần ép mình vào cuộc sống khắc khổ như Người. Bởi vì trong hoàn cảnh bây giờ, đất nước ta còn có rất nhiều khó khăn, kinh tế nghèo nàn, cuộc sống nhân dân đói khổ nên Bác chọn cho mình lối sống phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh. Còn ở thời kỳ này, đất nước hòa bình, kinh tế phát triển, cuộc sống của con người đã đầy đủ hơn nên chúng ta có thể có một bữa ăn ngon, quần áo đẹp, phù hợp với môi trường sống. Tuy nhiên, chúng ta cũng không nên sống xa hoa, lãng phí vì như vậy sẽ trở thành người xấu, không giúp ích được cho đất nước.</p>
<p>- Hình thức tổ chức luyện tập: nhóm</p> <p>- HS thực hiện</p> <p>Bài tập 2: Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:</p> <p><i>“Tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan của mọi người, nghe thật xót xa. Đó là tiếng "ba" mà nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay, tiếng "ba" như vỡ tung ra từ đáy lòng nó, nó vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó. Tôi thấy làn tóc tơ sau ót nó như dựng đứng lên.</i></p> <p><i>Nó vừa ôm chặt lấy cổ ba nó vừa nói trong tiếng khóc:</i></p> <p><i>- Ba! Không cho ba đi nữa! Ba ở nhà với con!</i></p> <p><i>Ba nó bế nó lên. Nó hôn ba nó cùng</i></p>	<p>- GV chốt kiến thức</p> <p>Đáp án:</p>

<p><i>khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa”.</i></p> <p>(Nguyễn Quang Sáng – Chiếc lược ngà, SGK Ngữ văn 9, tập một, trang 198)</p> <p>1. Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích?</p> <p>2. Câu văn “Nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa” sử dụng phép tu từ gì?</p> <p>3. Theo em, vì sao tác giả lại nhấn mạnh chi tiết bé Thu “hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa”?</p> <p>4. Em có nhận xét gì về tình cảm bé Thu đối với ông Sáu được thể hiện qua đoạn trích trên?</p>	<p>1. Phương thức biểu đạt chính: Tự sự</p> <p>2. Biện pháp tu từ: liệt kê</p> <p>3. Nhấn mạnh chi tiết bé Thu hôn lên vết thẹo dài trên mặt ba, nhằm: Bé Thu được nghe bà ngoại giảng giải, Thu hiểu vết thẹo trên mặt ba là chứng tích tội ác của kẻ thù. Sự nghi ngờ được giải tỏa, nó cảm thấy ân hận, hối tiếc. Tình cảm dành cho cha trào dâng trong phút chia tay. Con bé cuống quýt, hối hận, ăn năn hôn lên cả vết thẹo. Với con bé, tất cả những gì thuộc về ba, nó đều yêu thương tha thiết.</p> <p>4. Bé Thu là một cô bé có tình yêu thương cha tha thiết, mãnh liệt</p>
---	---

Tiết 2:

Luyện tập :

GV đưa ra hệ thống bài tập để luyện tập lại các kiến thức vừa ôn

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân, cặp đôi</p> <p>- GV phát phiếu bài tập, HS thực hiện cá nhân sau đó trao đổi với bạn cùng cặp để kiểm tra chéo sau đó 2 bạn thống nhất nội dung trả lời(nếu sai chữa bằng bút đỏ)</p> <p>Phiếu bài tập 1: Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi phía dưới:</p> <p><i>Đêm nay rừng hoang sương muối Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới Đầu súng trăng treo</i></p> <p>1. Xác định các phương thức biểu đạt trong đoạn thơ trên.</p> <p>2. Từ ngữ, hình ảnh nào trong đoạn thơ thể hiện hoàn cảnh chiến đấu của người lính?</p> <p>3. Trong câu thơ “Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới”, vì sao Chính Hữu lại dùng từ “chờ” mà không dùng từ</p>	<p>- GV chốt kiến thức</p> <p>Đáp án:</p> <p>1. Các phương thức biểu đạt trong đoạn thơ trên là: tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm.</p> <p>2. Từ ngữ, hình ảnh thể hiện hoàn cảnh chiến đấu của người lính: đêm nay rừng hoang sương muối; đầu súng trăng treo</p> <p>3. Trong câu thơ “<i>Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới</i>”, Chính Hữu lại dùng từ “chờ” mà không dùng từ “đợi” vì thể hiện tâm thế chủ động, sẵn sàng “chờ giặc tới” của những người lính trong buổi đầu kháng chiến chống Pháp.</p> <p>4. Ý nghĩa của hình ảnh “<i>Đầu súng trăng treo</i>”:</p> <p>Là hình ảnh thơ được cảm nhận từ thực tiễn chiến đấu độc đáo, đầy sáng tạo, thể hiện:</p> <p>- Hiện thực của cuộc chiến đấu: những người lính đứng gác khi đêm đã về khuya, trăng lên cao.</p>

<p>“đội”?</p> <p>4. Nêu ý nghĩa của hình ảnh “Đầu súng trăng treo”</p>	<p>- Song hình ảnh này mang nhiều ý nghĩa biểu tượng phong phú:</p> <p>+ Gợi liên tưởng: chiến tranh - hòa bình, hiện thực - ảo mộng, kiên cường – lãng mạn, chất chiến sĩ – chất thi sĩ.</p> <p>+ Gợi vẻ đẹp của tình đồng chí sáng trong, sâu sắc. Sự xuất hiện của vầng trăng là một bằng chứng về sức mạnh kì diệu của tình đồng đội. Tình cảm ấy giúp tâm hồn người lính bay lên giữa lúc gay go, khốc liệt của chiến tranh.</p> <p>+ Gợi vẻ đẹp của tâm hồn người lính – một tâm hồn luôn trong trẻo, tươi mát dầu phải băng qua lửa đạn chiến tranh.</p> <p>+ Gợi vẻ đẹp tâm hồn dân tộc Việt Nam – một bàn tay giữ chắc cây súng mà trái tim luôn hướng đến những khát vọng thanh bình.</p>
<p>- Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân, cặp đôi</p> <p>- GV phát phiếu bài tập, HS thực hiện cá nhân sau đó trao đổi với bạn cùng cặp để kiểm tra chéo sau đó 2 bạn thống nhất nội dung trả lời(nếu sai chữa bằng bút đỏ)</p> <p>Phiếu bài tập 2: Cho đoạn văn sau:</p> <p><i>Gian khổ nhất là lần ghi và báo về lúc một giờ sáng. Rét, bác ạ. Ở đây có cả mưa tuyết đấy. Nửa đêm đang nằm trong chăn, nghe chuông đồng hồ chỉ muốn đưa tay tắt đi. Chui ra khỏi chăn, ngọn đèn bão vặn to đến cỡ nào vẫn thấy là không đủ sáng. Xách đèn ra vườn, gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực đợi mình ra là ào ào xô tới. Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: nó như bị gió chặt ra từng khúc, mà gió thì giống như những nhát chổi lớn muốn quét đi tất cả, ném vút lung tung...Những lúc im lặng lạnh cóng mà lại hừng hực như cháy. Xong việc, trở vào, không thể nào ngủ được.</i></p> <p><u>(Nguyễn Thành Long – Lặng lẽ Sa Pa)</u></p> <p>1. Đoạn văn trên là lời nói của nhân</p>	<p>Đáp án:</p> <p>1. Đoạn văn là lời của anh thanh niên nói với ông họa sĩ - khi anh kể về công việc và cuộc sống của mình.</p> <p>- Lời tâm sự của anh thanh niên giúp người đọc hình dung những khó khăn, gian khổ cả về vật chất lẫn tinh thần... Anh phải làm việc trong hoàn cảnh khắc nghiệt (phải thức dậy lúc nửa đêm, gió rét, bão tuyết...); phải đối mặt với cuộc sống cô đơn, một mình giữa cái im lặng đáng sợ của đất trời, núi rừng Sa Pa).</p> <p>2. Nội dung chính của đoạn trích trên là: Công việc khó khăn và tinh thần trách nhiệm của anh thanh niên.</p> <p>3. Xét theo câu ngữ pháp thì câu : “ Rét,bác ạ” thuộc kiểu câu rút gọn.</p> <p>4. Câu có sử dụng phép nhân hóa trong đoạn văn trên là:</p> <p>- “ Xách đèn ra vườn, gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực đợi mình ra là ào ào xô tới”.</p> <p>- “Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: Nó như bị gió chặt ra từng khúc, mà gió thì giống như những nhát chổi lớn muốn quét đi tất cả ném vút lung tung”.</p> <p>5. Các từ láy được sử dụng trong đoạn văn:</p>

<p>vật nào, nói với ai? Những lời nói đó giúp em hình dung hoàn cảnh sống và làm việc của nhân vật ấy như thế nào?</p> <p>2. Nêu nội dung chính của đoạn trích trên</p> <p>3. Xét theo câu ngữ pháp thì câu: “ Rét,bác ạ” thuộc kiểu câu gì?</p> <p>4. Chỉ ra câu có sử dụng phép nhân hóa trong đoạn văn trên.</p> <p>5. Chỉ ra các từ láy được sử dụng trong đoạn văn.</p>	<p>lung tung, hùng hực, ào ào.</p>
<p>- Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân, cặp đôi</p> <p>- GV phát phiếu bài tập, HS thực hiện cá nhân sau đó trao đổi với bạn cùng cặp để kiểm tra chéo sau đó 2 bạn thống nhất nội dung trả lời(nếu sai chữa bằng bút đỏ)</p> <p>Phiếu bài tập 3: Đọc khổ thơ sau và trả lời câu hỏi:</p> <p style="padding-left: 40px;"><i>“Mặt trời xuống biển như hòn lửa Sóng đã cài then, đêm sập cửa Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi Câu hát căng buồm cùng gió khơi”</i></p> <p>1. Khổ thơ được trích trong văn bản nào? Ai là tác giả? Giới thiệu đôi nét về tác giả. 2. Nội dung của khổ thơ trên là gì?</p> <p>3. Hai câu đầu bài thơ sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Biện pháp nghệ thuật đó có tác dụng như thế nào?</p> <p>4. Từ “lại” ở câu thơ “Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi” diễn tả điều gì?</p>	<p>- GV chốt kiến thức</p> <p>Đáp án:</p> <p>1. Đoạn thơ trích trong bài thơ Đoàn thuyền đánh cá của tác giả Huy Cận.</p> <p>- Giới thiệu đôi nét về tác giả: Huy Cận (1919 – 2005), tên đầy đủ là Cù Huy Cận, quê ở làng Ân Phú, huyện Vụ Quang (trước đây thuộc huyện Hương Sơn, sau là Đức Thọ), tỉnh Hà Tĩnh. Huy Cận đã nổi tiếng trong phong trào Thơ mới với tập thơ Lửa thiêng (1940). Ông tham gia cách mạng từ trước năm 1945 và sau Cách mạng tháng Tám từng giữ nhiều trọng trách trong chính quyền cách mạng, đồng thời là một trong những nhà thơ tiêu biểu của nền thơ hiện đại Việt Nam. Huy Cận đã được Nhà nước trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (năm 1996).</p> <p>2. Nội dung của khổ thơ trên là: Miêu tả cảnh ra khơi của đoàn thuyền đánh cá, cảnh ngày tàn mà vẫn âm áp, tràn đầy niềm vui, niềm lạc quan của người lao động.</p> <p>3. Hai câu đầu bài thơ sử dụng biện pháp nghệ thuật so sánh (mặt trời xuống biển như hòn lửa), nhân hóa (sóng cài then, đêm sập cửa) đặc sắc.</p> <p>- Biện pháp nghệ thuật đó có tác dụng: Gợi lên sự gần gũi của ngôi nhà thiên nhiên đang chuyển mình đi vào nghỉ ngơi, còn con người bắt đầu hoạt động lao động của mình, tạo sự bình yên với những người ngư dân ra khơi.</p> <p>4. Từ “lại” diễn tả công việc của người dân</p>

	<p>chài được lặp lại hàng ngày, diễn ra thường xuyên, đều đặn như một nhịp sống đã quen thuộc.</p> <p>- Mặt khác chữ “lại” còn biểu thị ý đối lập với hoạt động có trước: Trời, biển đã nghỉ ngơi còn con người lại ra khơi đánh cá.</p>
--	--

Tiết 3:

Luyện tập :

GV đưa ra hệ thống bài tập trên phiếu để luyện tập lại các kiến thức vừa ôn

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- Hình thức tổ chức luyện tập: nhóm</p> <p>- HS thực hiện</p> <p>Bài tập 1: Đọc kĩ mẩu chuyện sau và trả lời các câu hỏi:</p> <p style="text-align: center;"><i>NGƯỜI ĂN XIN</i></p> <p><i>Một người ăn xin đã già. Đôi mắt ông đỏ hoe, nước mắt ông giàn giụa, đôi môi tái nhợt, áo quần tả tơi. Ông chìa tay xin tôi.</i></p> <p><i>Tôi lục hết túi nọ đến túi kia, không có lấy một xu, không có cả khăn tay, chẳng có gì hết. Ông vẫn đợi tôi. Tôi chẳng biết làm thế nào. Bàn tay tôi run run nắm chặt lấy bàn tay run rẩy của ông :</i></p> <p><i>- Xin ông đừng giận cháu! Cháu không có gì cho ông cả. Ông nhìn tôi chăm chăm, đôi môi nở nụ cười :</i></p> <p><i>- Cháu ơi, cảm ơn cháu! Như vậy là cháu đã cho lão rồi. Khi ấy tôi chợt hiểu ra : Cả tôi nữa, tôi cũng vừa nhận được một cái gì đó của ông.</i></p> <p style="text-align: right;">(Theo Tuốc-ghe-nhép)</p> <p>1. Xác định phương thức biểu đạt chính trong văn bản trên?</p> <p>2. Văn bản trên liên quan đến phương châm hội thoại nào?</p> <p>3. Phân tích cấu tạo ngữ pháp câu sau:</p>	<p>- GV chốt kiến thức</p> <p>Đáp án:</p> <p>1. Phương thức biểu đạt chính trong văn bản trên : Tự sự.</p> <p>2. Văn bản trên liên quan đến phương châm lịch sự.</p> <p>3. Phân tích cấu tạo ngữ pháp câu sau: Cháu ơi, / cảm ơn cháu! TP Gọi – đáp VN</p> <p>- Xét theo mục đích nói câu trên thuộc kiểu câu cảm thán.</p> <p>4. HS tự bộc lộ:</p> <p>Gợi ý:</p> <p>- Em đồng ý với cách ứng xử của cậu bé vì cách ứng xử đó thể hiện sự quan tâm, yêu thương, đồng cảm và sẻ chia của cậu bé đối với người ăn xin.</p>

<p>“Cháu ơi, cảm ơn cháu! “ Xét theo mục đích nói câu trên thuộc kiểu câu gì? 4. Em có đồng ý với các ứng xử của cậu bé không? Vì sao?</p>	
<p>- Hình thức tổ chức luyện tập: nhóm. - HS thực hiện Bài tập 2: Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới: <i>... “Mẹ là biển rộng mênh mông Dạt dào che chở...con trông con chờ Đi xa con nhớ từng giờ Mẹ là tất cả bến bờ bình yên”.</i> (“Mẹ là tất cả” - Phạm Thái) a. Xác định thể thơ của đoạn thơ. b. Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ là gì? c. Chỉ rõ biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ. d. Nêu nội dung chính của đoạn thơ.</p>	<p>- GV chốt kiến thức Đáp án: a. Xác định thể thơ: lục bát b. Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ: biểu cảm c. Chỉ rõ biện pháp tu từ trong đoạn thơ: - So sánh: Mẹ là biển rộng mênh mông Mẹ là tất cả bến bờ bình yên - Điệp ngữ: mẹ là, con. d. Nội dung của đoạn thơ: - Ca ngợi, nhấn mạnh tấm lòng, tình yêu thương vô bờ bến của mẹ đối với con. - Thể hiện nỗi nhớ, tình yêu thương cùng lòng biết ơn chân thành, sâu sắc của người con đối với mẹ.</p>
<p>- Hình thức tổ chức luyện tập: nhóm. - HS thực hiện Bài tập 3: Đọc đoạn văn bản và trả lời các câu hỏi sau: <i>... “Mỗi một người đều có vai trò trong cuộc đời này và đều đáng được ghi nhận. Đó là lí do để chúng ta không vì thèm khát vị thế cao sang này mà rẻ rúng công việc bình thường khác. Cha mẹ ta, phần đông, đều làm công việc rất đời bình thường. Và đó là một thực tế mà chúng ta cần nhìn thấy. Để trân trọng. Không phải để mặc cảm. Để bình thản tiến bước. Không phải để tự ti. Nếu tất cả đều là doanh nhân thành đạt thì ai sẽ quét rác trên những đường phố? Nếu tất cả đều là bác sĩ nổi tiếng thì ai sẽ là người dọn vệ sinh bệnh viện? Nếu tất cả đều là nhà khoa học thì ai sẽ là người tưới nước những luống rau? Nếu tất cả đều là kĩ sư phần mềm thì ai</i></p>	<p>- GV chốt kiến thức Đáp án: 1. Câu chủ đề: “Mỗi một người đều có vai trò trong cuộc đời này và đều đáng được ghi nhận.” 2. Các câu “Để trân trọng. Không phải để mặc cảm. Để bình thản tiến bước. Không phải để tự ti.” thuộc loại câu rút gọn. 3. Việc sử dụng cấu trúc nhằm nhấn mạnh các ý sau: - Xã hội phân công nhiệm vụ rất rõ ràng người lao động trí óc – người lao động chân tay; - Bất cứ một công việc nào, con người nào cũng đều có những vai trò nhất định để góp phần giúp ích cho cuộc sống và xây dựng xã hội; - Thái độ trân trọng nghề nghiệp, trân trọng con người. 4. Chúng ta cần vươn lên từng ngày vì: + Cuộc sống luôn vận động và phát triển đòi</p>

<p>sẽ gắn những con chip vào máy tính? Phần đông chúng ta cũng sẽ là người bình thường. Nhưng điều đó không thể ngăn cản chúng ta vươn lên từng ngày.”...</p> <p>(Phạm Lữ Ân, <i>Nếu biết trăm năm là hữu hạn</i>, NXB Hội Nhà văn năm 2012)</p> <p>1. Xác định câu chủ đề của đoạn văn?</p> <p>2. Xét về cấu tạo ngữ pháp, các câu: “<i>Để trân trọng. Không phải để mặc cảm. Để bình thản tiến bước. Không phải để tự ti.</i>” thuộc loại câu nào?</p> <p>3. Sử dụng cấu trúc “<i>Nếu ...thì</i>” trong những câu văn “<i>Nếu tất cả đều là doanh nhân thành đạt thì ai sẽ quét rác trên những đường phố? Nếu tất cả đều là bác sĩ nổi tiếng thì ai sẽ là người dọn vệ sinh bệnh viện? Nếu tất cả đều là nhà khoa học thì ai sẽ là người tưới nước những luống rau? Nếu tất cả đều là kỹ sư phần mềm thì ai sẽ gắn những con chip vào máy tính?</i>” có tác dụng gì?</p> <p>4. Theo em, tại sao “<i>Phần đông chúng ta cũng sẽ là người bình thường. Nhưng điều đó không thể ngăn cản chúng ta vươn lên từng ngày</i>”? Để vươn lên từng ngày em cần làm gì?</p>	<p>hỏi con người phải có ý thức sống tích cực;</p> <p>+ Vươn lên trong cuộc sống để khẳng định giá trị sống của bản thân, hoàn thành vai trò trách nhiệm công dân trong việc xây dựng và phát triển đất nước.</p> <p>- Để vươn lên từng ngày cần phải:</p> <p>+ Có ý thức sống: Tôn trọng bản thân và xã hội;</p> <p>+ Tích cực học tập, có tinh thần học hỏi, trau dồi các chuẩn mực đạo đức, kỹ năng sống;</p> <p>+ Có nghị lực, bản lĩnh vượt qua những khó khăn, trở ngại trong cuộc sống;</p> <p>+ Có ước mơ, mục tiêu sống tốt đẹp.</p>
--	---

III. Củng cố - Dặn dò

- GV yêu cầu HS nắm vững những đơn vị kiến thức đã học
- Giao bài tập về nhà:

BT1: Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:

*Mặt trời xuống biển như hòn lửa.
Sóng đã cài then, đêm sập cửa.
Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi,
Câu hát căng buồm cùng gió khơi.*

(Trích Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016, tr.139)

Câu 1. Đoạn thơ trên được trích trong văn bản nào? Tác giả là ai?

Câu 2. Xác định các phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn thơ.

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của các phép tu từ trong hai câu thơ sau:

*Mặt trời xuống biển như hòn lửa,
Sóng đã cài then, đêm sập cửa.*

Câu 4. Nêu nội dung đoạn thơ?

Đáp án:

Câu 1. Bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận

Câu 2. Phương thức biểu đạt: **Miêu tả**

Câu 3. Phép tu từ: **So sánh nhân hóa**

Cho thấy cảnh biển hoàng hôn vô cùng tráng lệ, hùng vĩ. Mặt trời được ví như một hòn lửa khổng lồ đang từ từ lặn xuống. Trong hình ảnh liên tưởng này, vũ trụ như một ngôi nhà lớn, với đêm buông xuống là tấm cửa khổng lồ, những lượn sóng là then cửa.

Với sự quan sát tinh tế nhà thơ đã miêu tả rất thực chuyển đổi thời khắc giữa ngày và đêm khi mặt trời lặn.

Câu 4. Nội dung: khắc họa cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi trong khung cảnh thiên nhiên đẹp kỳ vĩ, tráng lệ nhưng cũng rất gần gũi, âm áp với cuộc sống con người và trong niềm vui vẻ, phấn khởi, hăng hái của người lao động.

BT2:

Đọc đoạn văn và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

... “ Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hi sinh để bảo vệ con người. Tre, anh hùng lao động ! Tre, anh hùng chiến đấu !”.

(*Cây tre Việt Nam – Thép Mới*)

a. Xác định phép tu từ từ vựng trong đoạn trích?

b. Nêu tác dụng của những phép tu từ đó?

c. Chỉ rõ phép liên kết trong đoạn văn trên?

d. Xét về cấu tạo, câu văn : “ *Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín.* ” Thuộc kiểu câu gì? Vì sao?

*** Gợi ý:**

a. Phép tu từ :

- Điệp ngữ : tre, giữ, anh hùng

- Nhân hóa : hình ảnh gậy tre, chông tre (chống lại) ; tre (xung phong, giữ, hi sinh, anh hùng)

b. Tác dụng:

- Điệp ngữ : Nhấn mạnh hình ảnh cây tre với nhiều chiến công. Tạo sự nhịp nhàng của câu văn.

- Nhân hóa : Làm cho hình ảnh cây tre trở nên sinh động, gần gũi, thân thiết với con người. Gây ấn tượng mạnh cho người đọc.

c. Phép liên kết trong đoạn văn : Phép lặp từ ngữ : tre, anh hùng

d. Xét về cấu tạo : câu đơn . vì câu có một cụm C – V.

BT3: Mỗi hs **tự làm (hoặc sưu tầm)** 02 bài tập đọc hiểu có đáp án trong đó 01 bài ngữ liệu thuộc các văn bản trong chương trình Ngữ văn đã học, 01 bài có ngữ liệu ngoài chương trình.

Ngày soạn: Ngày dạy:
BUỔI 19: ÔN TẬP HỌC KỲ I.

Tiết 1,2: KHÁI QUÁT KIẾN THỨC

I. Mục tiêu cần đạt :

1. Kiến thức

- Củng cố một số nội dung phần Tiếng Việt đã học ở học kì 1.
- Hệ thống kiến thức Tập làm văn đã học ở học kì 1. Ôn tập bám sát dạng đề thi học kỳ.
- Khái quát hệ thống các văn bản đã học ở học kỳ 1 lớp 9.

2. Kỹ năng

- Phát hiện, vận dụng các phương châm hội thoại, hệ thống từ ngữ xưng hô trong giao tiếp.
- Thấy được tính kế thừa và phát triển của các nội dung Tập làm văn đã học ở lớp 9 bằng cách so sánh với nội dung các kiểu văn bản đã học ở những lớp dưới.

3. Thái độ, phẩm chất

- Hình thành thói quen linh hoạt khi vận dụng các phương châm hội thoại, hệ thống từ ngữ xưng hô trong giao tiếp.

4. Năng lực

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

II. Tiến trình lên lớp

Hoạt động của GV – HS	Kiến thức cần đạt
Hoạt động 1: Giáo viên định hướng học sinh	A. Kiến thức cơ bản 1. Phần Tiếng Việt : Cần nắm vững các nội dung sau : <ul style="list-style-type: none"> - Các phương châm hội thoại, xưng hô trong hội thoại,

nhắc lại những kiến thức cơ bản.

Gv định hướng những kiến thức trọng tâm trong chương trình học kỳ 1.

Nhấn mạnh học sinh nắm kiến thức và xem lại tất cả bài tập sách giáo khoa

cách dẫn trực tiếp, gián tiếp, sự phát triển của từ vựng, trau dồi vốn từ, thuật ngữ và các nội dung của phân tổng kết từ vựng.

- Xem lại các bài tập ở sách giáo khoa.

2. Văn bản :

- Nắm vững nội dung, ý nghĩa, nghệ thuật các văn bản :

+ **Văn bản nhật dụng** : *Phong cách Hồ Chí Minh, Đấu tranh cho một thế giới hòa bình, Tuyên bố Thế giới về sự sống còn và Quyền được bảo vệ phát triển của trẻ em.*

+ **Văn học Trung đại** : *Chuyện người con gái Nam Xương, Chương XIV Hoàng Lê nhất thống chí, các đoạn trích Truyện Kiều, truyện Lục Vân Tiên.*

+ **Văn học hiện đại** : *Đồng chí, Bài thơ về tiểu đội xe không kính, Đoàn thuyền đánh cá, Bếp lửa, Ánh trăng, Làng, Lặng lẽ Sa-pa, Chiếc lược ngà.*

- Ôn luyện kỹ năng viết một đoạn văn, bài văn ngắn cảm nhận về đoạn thơ, đoạn văn, các hình tượng trong thơ, các nhân vật liên quan...Chép lại một đoạn thơ, tóm tắt truyện và nêu ý nghĩa...

3. Tập làm văn :

- Nắm vững kỹ năng làm bài văn :

+ **Thuyết minh** : xác định đối tượng, lượng tri thức cần cung cấp, các phương pháp, vận dụng được biện pháp nghệ thuật tự thuật, kể chuyện, miêu tả.

+ **Tự sự** : Xác định đề tài, chủ đề, xây dựng cốt truyện, tình huống truyện, nhân vật, ngôi kể. Chú ý kỹ năng miêu tả nội tâm, đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm, nghị luận. Chú ý các dạng đề tài : *việc tốt, lỗi lầm, kỉ niệm, nếp sống văn minh, ca ngợi những tình cảm cao đẹp...*

B. KIẾN THỨC VẬN DỤNG**I. TIẾNG VIỆT.**

1. Các ví dụ sau có liên quan đến PCHT nào?

	PCHT	Vi phạm hay tuân thủ
Dây cà ra dây muống		
Cãi chà cái cối		
Nói ra đầu ra đũa		

GV phát phiếu bài tập 1 (phương châm hội thoại)
Yêu cầu học sinh hoàn thành, dán vào vở học.

	Lời chào cao hơn mâm cỗ		
	Nói băm nói bổ		
	Khua môi múa mép		
	Ăn đơm nói đặt		
	Lúng búng như ngậm hột thị		
	Nói như đâm vào tai		
	Hứa hươu hứa vượn		
	Nói lấp bắp		
? Phân biệt lời dẫn trực tiếp, lời dẫn gián tiếp.	2. Phân biệt lời dẫn trực tiếp, lời dẫn gián tiếp		
	Khác nhau	Dẫn trực tiếp	Dẫn gián tiếp
	Về nội dung	Nhắc lại đúng nguyên văn lời nói hay ý nghĩ	Thuật lại lời nói hay ý nghĩ, có điều chỉnh cho thích hợp
	Về hình thức	Được đặt trong dấu ngoặc kép	Không đặt trong dấu ngoặc kép
- Nêu cách chuyển lời dẫn trực tiếp (lời thoại của nhân vật) thành lời dẫn gián tiếp?	* Cách chuyển lời dẫn trực tiếp (lời thoại của nhân vật) thành lời dẫn gián tiếp:		
	- Bỏ dấu hai chấm và dấu ngoặc kép (hoặc dấu gạch ngang đầu dòng)		
	- Thay đổi đại từ nhân xưng cho phù hợp		
	- Thêm từ <i>rằng</i> hoặc <i>là</i> trước lời dẫn		
Vận dụng: ? Thuật lại lời nhân vật Vũ Nương theo cách dẫn gián tiếp: Vũ Nương nhân đó cũng đưa gửi một chiếc hoa vàng mà	- Không nhất thiết phải chính xác từng từ nhưng phải dẫn đúng về ý.		
	<u>Chuyển thành lời dẫn gián tiếp:</u>		
	Vũ Nương nhân đó cũng đưa gửi một chiếc hoa vàng mà dặn Phan Lang <i>rằng hãy nói hộ với Trương Sinh, nếu còn nhớ chút tình xưa nghĩa cũ, xin lập một đàn giải oan ở bến sông, đốt cây đèn thần chiếu xuống nước, Vũ Nương sẽ trở về</i>		
	3. Sự phát triển của từ vựng. Hoàn thành sơ đồ sau:		

<p>dặn rằng:</p> <p>- Nhờ nói hộ với chàng Trương, nếu còn nhớ chút tình xưa nghĩa cũ, xin lập một đàn giải oan ở bên sông, đốt cây đèn thần chiếu xuống nước, tôi sẽ trở về.</p> <p>? Tìm ví dụ minh họa cho những cách phát triển từ vựng nêu ở sơ đồ trên</p> <p>HS chú ý những kiến thức tập làm văn cơ bản:</p> <p>Gv yêu cầu học sinh ghi chép những dạng đề cơ bản trong văn bản văn học đã học ở kỳ 1 lớp 9</p>	<p>4. Đặc điểm từ xưng hô Tiếng Việt.</p> <p>- Phong phú, tinh tế: Đại từ dùng để xưng hô: <i>tôi, chúng tôi, họ</i></p> <p>Danh từ chỉ người được dùng như đại từ xưng hô: <i>cô, chú, giám đốc, thầy, ...</i></p> <p>- Giàu sắc thái biểu cảm: thể hiện được sắc thái tình cảm thân sơ, trọng khinh... đối với đối tượng giao tiếp</p> <p>II. LÀM VĂN.</p> <p>1. Sử dụng yếu tố miêu tả nội tâm trong văn tự sự.</p> <p>- Miêu tả nội tâm là tái hiện những ý nghĩ, cảm xúc và diễn biến tâm trạng nhân vật.</p> <p>+ Miêu tả nội tâm trực tiếp bằng cách diễn tả những ý nghĩ, cảm xúc, tình cảm của nhân vật (có thể dùng độc thoại nội tâm).</p> <p>+ Miêu tả nội tâm gián tiếp bằng cách miêu tả cảnh vật, nét mặt, cử chỉ, trang phục của nhân vật...</p> <p>- Với các đề văn trên, cần chú ý miêu tả nội tâm ở những hoàn cảnh có tính mâu thuẫn, xung đột như:</p> <p>+ <i>Tâm trạng trước khi đi đến một hành động có lỗi/ hành động tốt;</i></p> <p>+ <i>Miêu tả cử chỉ, điệu bộ, ngôn ngữ của nhân vật khi xảy ra xung đột (miêu tả nội tâm gián tiếp)</i></p>
---	---

- + Tâm trạng ngay sau khi gây ra hành động có lỗi/hành động tốt;
- + Những suy nghĩ, trăn trở trong khoảng thời gian sau đó trước khi đi đến quyết định chữa lỗi (nếu có);

2. Sử dụng yếu tố nghị luận trong văn tự sự:

- Nghị luận là nêu lên các ý kiến, nhận xét, cùng những lí lẽ và dẫn chứng. Nội dung đó thường diễn đạt bằng hình thức lập luận làm cho câu chuyện thêm phần triết lí.
- Với các đề văn trên, cần chú ý kết hợp nghị luận ở những hoàn cảnh có tính tranh luận như sau:
 - + Các đoạn đối thoại có tính tranh luận: kết tội, bào chữa, giải thích,...
 - + Tự độc thoại đưa ra những lí do đúng để quyết định đi đến một hành động nào đó.
 - + Tự độc thoại để đánh giá hành động của mình hay của người khác là đúng hay sai.
 - + Tự suy ngẫm về những bài học kinh nghiệm sau kỉ niệm đó hoặc nêu lên những ý nghĩa gần gũi có tính triết lí như: tình bạn, lòng khoan dung, tính trung thực, tình nhân ái... (có thể sử dụng ở kết bài)

3. Văn thuyết minh

Các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong văn thuyết minh.

III. VĂN HỌC.

1. Chuyện người con gái Nam Xương.

- Tóm tắt diễn biến về cái chết của Vũ Nương.
- Vì sao Vũ Nương phải chịu nỗi oan khuất? Từ đó em cảm nhận được điều gì về thân phận của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến?

2. Hồi 14- Hoàng lê nhất thống chí.

- Nhận biết giọng điệu, thái độ trần thuật của tác giả về người anh hùng Nguyễn Huệ, vua tôi nhà Lê và bọn giặc xâm lược. Sự khác biệt đó nói lên điều gì về tác giả?
- Những vẻ đẹp của nhân vật người anh hùng Nguyễn Huệ?

3. Truyện Kiều.

- Viết đoạn văn giới thiệu vắn tắt về lai lịch truyện Kiều.
- Bút pháp ước lệ tượng trưng trong đoạn trích *Chị em Thúy Kiều*.
- Cảm nhận vẻ đẹp mùa xuân trong 4 câu đầu và 6 câu cuối đoạn trích “*Cảnh ngày xuân*”.
- Cảm nhận vẻ đẹp 4 câu thơ đầu và 8 câu thơ cuối “*Kiều ở lầu*

Ngưng Bích”.

4. Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga.

- Cảm nghĩ về nhân vật Lục Vân Tiên qua đoạn trích “LVT cứu Kiều Nguyệt Nga” và khát vọng của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu qua nhân vật này.

5. Đồng chí.

- Trình bày các cơ sở hình thành tình đồng chí?
- Trình bày các biểu hiện của tình đồng chí.

6. Bài thơ về tiểu đội xe không kính.

- Cảm nhận khổ thơ đầu và khổ thơ cuối.

7. Đoàn thuyền đánh cá.

- Cảm nhận khổ thơ 1,3 và khổ thơ cuối.

8. Bếp lửa.

- Cảm nhận đoạn thơ “Nhóm bếp lửa... bếp lửa”.

9. Ánh trăng

- Cảm nhận khổ 1-2, khổ 5-6

- Hãy phân tích những tầng ý nghĩa của hình ảnh vầng trăng trong bài thơ.

10. Nhận xét về nghệ thuật xây dựng tình huống truyện ngắn “*Làng*”.

- Nêu ý nghĩa của truyện.

- Tóm tắt đoạn trích.

11. Nhận xét về cốt truyện và tình huống cơ bản của truyện ngắn “*Lặng lẽ Sa Pa*”.

- Nêu ý nghĩa truyện? Suy nghĩ về nhan đề truyện.

12. Tóm tắt đoạn trích “Chiếc lược ngà”. Nêu chủ đề truyện.

- Nhận xét về tình huống truyện?

13. Trong 3 truyện ngắn trên, mỗi câu chuyện được kể theo ngôi kể nào? Tác dụng của các ngôi kể đó?

Tiết 3: LUYỆN TẬP

I. TIẾNG VIỆT

Phiếu bài tập số 1

(Các phương châm hội thoại)

Câu 1: Cho các từ ngữ: Nói có sách, mách có chứng ; nói leo; nói dối; nói ra đầu ra đuôi. Chọn từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống trong các câu sau:

- Nói có căn cứ chắc chắn là //

- Nói rành mạch rõ ràng, cặn kẽ, có trước có sau là //
- Nói chen vào chuyện của người trên khi không được hỏi đến là /...../
- Nói sai sự thật một cách cố ý, nhằm che giấu điều gì đó là /...../

Câu 2: Các cách nói sau đây vi phạm phương châm hội thoại nào? Vì sao? Chữa lại các câu đó cho hợp lý.

- Anh ấy đem cá về kho.
- Lớp tôi năm bạn mua 20 quyển vở.
- Nó nhìn tôi bằng đôi mắt.
- Nam dắt xe đạp vào quán sữa xe rồi nói: "Bơm cho cái xe".
- Gà, ngan, vịt đều là những loài gia cầm nuôi ở nhà.
- Chờ bạn lâu, Hà bảo : "Cậu có họ hàng với rùa từ bao giờ thế?"

Câu 3: Năm giặc đốt làng cháy tàn, cháy rụi

Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi
Đỡ đần bà dựng lại túp lều tranh
Vẫn vững lòng bà dặn cháu đinh ninh:
“Bố ở chiến khu, bố còn việc bố,
Mày có viết thư chớ kể này, kể nọ
Cứ bảo nhà vẫn được bình yên...”

(Bếp lửa - Bằng Việt)

So sánh sự việc xảy ra với lời bà dặn cháu trong đoạn thơ, ta thấy một phương châm hội thoại đã bị vi phạm. Đó là phương châm nào? Sự không tuân thủ phương châm hội thoại như vậy có ý nghĩa gì?

Câu 4: Cách nói : thủ...giống thủ..., xôi ... giống xôi trong chuyện sau có vi phạm phương châm về lượng hay không ? Hãy lí giải điều đó.

PHÙ THỦY SỢ MA

Vợ thầy phù thủy hỏi chồng :

- Nhà có bao giờ sợ ma không?

Thầy vénh mặt lên đáp :

- Hỏi thế mà cũng hỏi. Đã có phép trừ tà, trừ quỷ thì sao còn sợ ma nữa ?

Một hôm, thầy đi cúng cho người ta về. Trời tối, người vợ nấp trong bụi , cầm bát nhang hồng hoa lên dọa chồng . Thầy vội bắt quyết niệm thần chú. Nhưng đốm lửa lại quay tròn trước mặt. Thầy hoảng quá, vứt cả đồ lễ, vất chân lên cổ chạy. Người vợ lượm cả lấy đem về. Hôm sau, chị ta dọn những thứ ấy cho chồng ăn . Thầy nhìn vào mâm, lảm bảm:

- Quái, thủ... giống thủ..., xôi... giống xôi.

(Theo tuyển tập văn học dân gian Việt Nam)

Phiếu bài tập số 2**(Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp)****Câu 1: Chỉ ra lời dẫn trực tiếp, gián tiếp trong các trường hợp sau:**

a) *Tôi cũng kể cho chúng nghe nhiều về bà tôi, một hôm thằng lớn thở dài nói:*

- Có lẽ tất cả các bà đều rất tốt, bà tôi ngày trước cũng rất tốt,...

Nó thường nói một cách buồn bã: Ngày trước, trước kia, đã có thời... dường như nó đã sống trên trái đất này một trăm năm, chứ không phải mười một năm.

(M. Go-rơ-ki)

b) *Ngọc Hoàng cân nhắc, tuyên phạt ruồi khổ sai chung thân ; truyền cho chim chóc, cóc, nhái, thần lằn, kiến, nhện ra sức giết bót ruồi, không cho đẻ nhiều. Ngọc hoàng lại nói với loài người: " Ruồi có tội mà con người cũng có lỗi . Con người phải thường xuyên đầy điệm thức ăn, làm vệ sinh môi trường, nhà vệ sinh, chuồng trại phải xây theo lối mới thì mới ngăn chặn ruồi sinh sôi và hạn chế tác hại của ruồi được"*

(Theo Tường Lan).

Câu 2: Chuyển những lời dẫn trực tiếp trong các trường hợp sau theo cách dẫn gián tiếp:

a) *Họa sĩ nghĩ thầm: " Khách tới bất ngờ, chắc cu cậu chưa kịp quét tước, dọn dẹp, chưa kịp gấp chăn chẳng hạn".*

(Nguyễn Thành Long)

b) *Vũ Nương nói: "Tôi bị chồng ruồng rẫy, thà già ở chốn làng mây cung nước, chứ còn mặt mũi nào về nhìn thấy người ta nữa".*

(Nguyễn Dữ)

c) *Vua Quang Trung tự mình đốc suất đại binh, cả thủy lẫn bộ cùng ra đi. Ngày 29 đến Nghệ An, vua Quang Trung cho mời người cống sĩ ở huyện La Sơn là Nguyễn Thiếp vào dinh và hỏi:*

- Quân Thanh sang đánh, tôi sắp đem binh ra chống cự. Mưu đánh và giữ, cơ được hay thua, tiên sinh nghĩ như thế nào?

Thiếp nói:

- Bây giờ trong nước trống không, lòng người tan rã. Quân Thanh ở xa tới đây, không biết tình hình quân ta yếu hay mạnh, không hiểu rõ thế nên đánh, nên giữ ra sao. Chúa công ra đi chuyến này, không quá mười ngày, quân Thanh sẽ bị dẹp tan. (Ngô Gia Văn

Phái)

Câu 3: Cho câu sau: *Yêu quốc văn, yêu văn Việt thì tâm hồn ta sẽ dạt dào thêm sức sống, sức cảm xúc, mến yêu và suy nghĩ, do đó mà thêm sức chiến đấu.*

(Xuân Diệu)

Hãy viết một đoạn văn ngắn có sử dụng câu trên làm lời dẫn trực tiếp.

Phiếu bài tập số 3 – VỀ NHÀ

(Sự phát triển của từ vựng, trau dồi vốn từ)

Câu 1: Chỉ ra nghĩa gốc, nghĩa chuyển và phương thức chuyển nghĩa của những từ in đậm được dùng trong các trường hợp sau:

a)

Mẹ già gạo mẹ nuôi bộ đội.
Nhịp chày **nghiêng** giấc ngủ em **nghiêng**.

(Nguyễn Khoa Điềm)

b)

Mùa **xuân** là tết trồng cây
Làm cho đất nước càng ngày càng **xuân**.

(Hồ Chí Minh)

Câu 2:

Đắn đo cân sắc cân tài
Ép cung cầm nguyệt thử bài quạt thơ
(Nguyễn Du)

Những từ “cân, ép” trong câu thơ được chuyển nghĩa theo cách ẩn dụ hay hoán dụ? Trong những câu trên, từ “cân, ép” nghĩa là gì?

Câu 3: Tìm và chữ lỗi dùng từ trong các câu sau:

- Vấn đề cơm ăn áo mặc cho nhân nhân là một trong những vấn đề quẩn bách và cần thiết.
- Cuộc đời cách mạng rất quảng đại của các lãnh tụ cách mạng là tấm gương sáng để chúng ta noi theo.
- Anh Trỗi vẫn hiên ngang đến phút chót lọt.
- Người cách mạng không sợ gió bão mưa phùn
- Em hãy tả lại tinh thần ham học của một bạn trong lớp
- Trong tù, người chiến sĩ cách mạng ấy ngâm thơ rất hay, giọng đầy cảm khoái.
- Yếu điểm của anh ấy là thiếu quyết đoán trong công việc.

GỢI Ý ĐÁP ÁN:

Phiếu bài tập số 1

Câu 1:

Nói có căn cứ chắc chắn là nói có sách, mách có chứng.
Nói rành mạch rõ ràng, cặn kẽ, có trước có sau là nói ra đầu ra đuôi.
Nói xen vào chuyện của người trên khi không được hỏi đến là nói leo.
Nói sai sự thật một cách cố ý, nhằm che giấu điều gì đó là nói dối.

Câu 2:

- Các ý (a,b) vi phạm phương châm hội thoại cách thức vì tạo ra cách kiểu mơ hồ.

Chữa lại: thêm một từ ngữ nào đó để mỗi câu chỉ có một cách hiểu duy nhất.

Ví dụ:

a)

- Anh ấy đem cá về cất vào kho rồi

- Anh ấy đem cá về kho lên rồi.

Các ý (c , e) vi phạm phương châm về lượng vì đưa ra thông tin thiếu hoặc thừa.

Chữa lại: bổ sung hoặc bớt thông tin cho phù hợp.

Ví dụ:

- Nó nhìn tôi bằng đôi mắt trù mên. (thân thương, nghi ngờ,...)

- Gà, ngan, vịt đều là những loài gia cầm.

- Các ý (d,f) vi phạm phương châm lịch sự: lời nói thiếu tôn trọng người giao tiếp.

Chữa lại: chọn cách diễn đạt dễ tiếp nhận hơn.

Ví dụ:

- Nam dắt xe đạp vào quán sửa xe rồi nói: " Bác làm ơn bơm dùm cháu cái xe đạp này ạ".

- Chờ bạn lâu, Hà bảo : " Cậu nhanh lên kéo muôn rồi".

Câu 3:

- Phương châm hội thoại đã bị vi phạm là phương châm về chất.

- Sự không tuân thủ phương châm hội thoại như vậy là để thực hiện mục đích khác: Bà không muốn cháu thông báo cho bố mẹ biết những khó khăn ở nhà để bố mẹ cháu yên tâm công tác. Qua đó thấy được sự hi sinh của bà vì con cháu và tình cảm của bà đối với kháng chiến, đối với đất nước.

Câu 4:

Về nguyên tắc, cách nói *thủ... giống thủ... , xôi... giống xôi* vi phạm nguyên tắc về lượng (vì lặp lại nội dung thông tin) , song , trong câu chuyện đã cho, cách nói đó được hiểu như sau:

Thủ trên mâm giống thủ thầy phù thủy mang về hôm trước, xôi cũng vậy.

Phiếu bài tập số 2

Câu 1: Chỉ ra lời dẫn trực tiếp, gián tiếp trong các trường hợp sau:

a)

- Lời dẫn trực tiếp: Đặt sau dấu gạch ngang đầu dòng:

Có lẽ tất cả các bài đều rất tốt, bà tới ngày trước cũng rất tốt.

- Lời dẫn gián tiếp: đặt sau dấu (:) Ngày trước, trước kia, đã có thời...

b)

- Lời dẫn trực tiếp: Đặt trong dấu ngoặc kép: "Ruồi có tội mà có người cũng có lỗi. Con người phải thường xuyên diệt trừ thức ăn, làm vệ sinh môi trường, nhà vệ sinh, chuồng trại phải xây dựng theo lối mới thì mới ngăn chặn ruồi sinh sôi và hạn chế tác hại của ruồi được".

- Lời dẫn gián tiếp:
- + Ruồi khổ sai chung thân;
- + Chim chóc, cóc, nhái, thằn lằn, kiến, nhện ra sức giết bót ruồi, không cho đẻ nhiều.

Câu 2: Chuyển:

- a) Họa sĩ nghĩ rằng khách tới bất ngờ chắc anh thanh niên chưa kịp quét tước, dọn dẹp nhà cửa, chần màn.
- b) Vũ Nương nói rằng nàng bị chồng ruồng rẫy, thà già ở chốn làng mây cung nước, chứ chẳng còn mặt mũi nào về gặp Trương Sinh nữa.
- c) Vua Quang Trung tự mình đốc suất đại binh, cả thủy lẫn bộ cùng ra đi. Ngày 29 đến Nghệ An, vua Quang Trung cho mời người cống sĩ ở huyện La Sơn là Nguyễn Thiếp vào dinh và hỏi quân Thanh sang đánh, ông sắp đem binh da chống cự. Mưu đánh và giữ, cơ được hay thua thế nào.
- d) Nguyễn Thiếp nói rằng hiện giờ trong nước trống không, lòng người tan rã. Quân Thanh ở xa tới, không biết tình hình quân ta yếu hay mạnh. Quang Trung ra đi chuyến này, không quá mười ngày, quân Thanh sẽ bị dẹp tan.

Câu 3:

Khi viết đoạn văn, chú ý để lời dẫn trực tiếp được đặt trong dấu ngoặc kép. Tham khảo đoạn văn sau:

Tác dụng của văn học đối với đời sống con người thật là to lớn. Đặc biệt là văn học bằng tiếng mẹ đẻ. Về điều này, nhà thơ Xuân Diệu viết: "**Yêu quốc văn, yêu văn Việt thì tâm hồn ta sẽ dạt dào thêm sức sống, sức cảm xúc, mến yêu và suy nghĩ, do đó mà thêm sức chiến đấu**". Đúng như vậy, biết yêu văn học, biết cảm thụ văn học, con người sẽ giàu tình cảm hơn và sẽ có cuộc sống nội tâm phong phú hơn, hoàn thiện hơn.

Phiếu bài tập số 3

Câu 1:

- a)
 - Từ "ngiên" trong "nhịp chày nghiêng" là nghĩa gốc của từ, chỉ trạng thái của chiếc trời không theo phương thẳng đứng mà nghiêng về một bên.
 - Từ "ngiên" trong "giấc ngủ em nghiêng" được dùng với nghĩa chuyển theo phương thức ẩn dụ, chỉ trạng thái giấc ngủ của em cu Tai. giấc ngủ của em không được yên mà chập chờn nghiêng theo nhịp chày giã gạo của mẹ. Điều này chứng tỏ nỗi vất vả của mẹ đã lan truyền sang em, em cũng đang chia sẻ vất vả, nhọc nhằn cùng mẹ.
- b)
 - Từ "xuân" trong "Mùa xuân là tết trồng cây" hiểu theo nghĩa gốc: mùa đầu tiên trong năm, chuyển tiếp từ mùa đông sang, khi trời ấm áp, vạn vật sinh sôi, căng tràn sức sống.
 - Từ xuân trong câu "Làm cho đất nước càng ngày càng xuân" được dùng với nghĩa chuyển theo phương thức ẩn dụ, chỉ sự tươi trẻ, sức sống dồi dào...

Câu 2:

- Trong câu thơ, từ *cân*, *ép* được dùng theo nghĩa ẩn dụ.
- Nghĩa của từ:
 - + *Cân*: đánh giá xem ra sao. (Mã Giám Sinh đánh giá tài sắc của Kiều)
 - + *Ép*: bắt buộc (buộc Kiều miễn cưỡng làm theo)

Câu 3: Tìm và chữ lỗi dùng từ trong các câu sau:

- a) Vấn đề cơm ăn áo mặc cho nhân nhân là một trong những vấn đề quần bách và cần thiết.
- b) Cuộc đời cách mạng rất quảng đại của các lãnh tụ cách mạng là tấm gương sáng để chúng ta noi theo.
- c) Anh Trời vẫn hiên ngang đến phút chót lọt.
- d) Người cách mạng không sợ gió bão mưa phùn
- e) Em hãy tả lại tinh thần ham học của một bạn trong lớp
- f) Trong tù, người chiến sĩ cách mạng ấy ngâm thơ rất hay, giọng đầy cảm khoái.
- g) Yếu điểm của anh ấy là thiếu quyết đoán trong công việc

II. TẬP LÀM VĂN

Gv cho học sinh tham khảo một số đề văn:

Đề 1: Có lần em làm một việc tốt, được cha, mẹ (hoặc thầy, cô) khen ngợi. Hãy kể lại chuyện đó. Trong bài làm có sử dụng yếu tố miêu tả nội tâm.

(Đề thi HK 1 năm học 2008-2009, Đà Nẵng)

Đề 2: Hãy kể lại một việc (một câu chuyện) thể hiện lòng nhân ái mà em đã làm (hoặc chứng kiến, hoặc nghe kể) trong đó có sử dụng các yếu tố nghị luận và miêu tả nội tâm.

(Đề thi HK 1 năm học 2009-2010, Đà Nẵng)

Đề 3: Những năm tháng trên ghế nhà trường, em đã có nhiều kỉ niệm khó quên về tình bạn. Hãy kể lại một kỉ niệm sâu sắc nhất.

(Đề thi HK 1 năm học 2010-2011, Đà Nẵng)

Đề 4: Kể lại một sự việc hoặc một câu chuyện trong đời sống đã để lại trong em ấn tượng tốt đẹp về tình người.

(Đề thi HK 1 năm học 2011-2012, Đà Nẵng)

Đề 5: Có lần em đã làm một việc không tốt khiến cha, mẹ (hoặc thầy, cô) buồn lòng. Hãy kể lại chuyện đó.

(Đề thi HK 1 năm học 2012-2013, Đà Nẵng)

Đề 6: Kể lại một câu chuyện xảy ra trong hoặc ngoài nhà trường đã khiến em trăn trở về đạo đức, lối sống của các bạn trẻ hiện nay.

(Đề thi HK 1 năm học 2014-2015, Đà Nẵng)

Đề 7: Kể lại một câu chuyện thể hiện lòng hiếu thảo của em hoặc của người khác mà em đã được chứng kiến (hay được nghe kể lại).

(Đề thi HK 1 năm học 2015-2016, Đà Nẵng)

Đề 8: Đóng vai Trương Sinh kể lại nỗi oan của Vũ Nương.

Đề 9: Đóng vai bé Thu kể lại đoạn trích “Chiếc lược ngà”

Đề 10: Thuyết minh về một tác phẩm em đã học trong chương trình Ngữ văn 9.

III. củng cố - Dặn dò

- HS xem lại kiến thức Tiếng Việt, Tập làm văn, Văn học

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

BUỔI 20: LUYỆN ĐỀ

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức: Giúp hs

Củng cố, khắc sâu hơn những kiến thức đã học ở 3 phân môn Văn học, Tiếng Việt và Tập làm văn ở Ngữ văn 9.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng tổng hợp, luyện giải đề thi

- Rèn kĩ năng đọc-hiểu, phân tích, cảm thụ văn bản cũng như các chi tiết, hình ảnh đặc sắc

3. Thái độ, phẩm chất:

- Yêu mến thơ văn dân tộc.
- Sống có trách nhiệm, yêu quê hương đất nước.
- Tự giác, hứng thú trong học tập

4. Năng lực:

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực cảm thụ thẩm mỹ.
- HS có phẩm chất : Tự tin , tự chủ.

II. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

PHÒNG GD & ĐT

TRƯỜNG THCS

ĐỀ ÔN TẬP HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2020 - 2021

Môn Ngữ văn 9 (Thời gian: 120 phút)

ĐỀ SỐ 1

I. PHẦN ĐỌC - HIỂU (4.0 ĐIỂM)

Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi:

"Lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam và có lẽ cả thế giới, có một vị Chủ tịch nước lấy chiếc nhà sàn nhỏ bằng gỗ bên cạnh chiếc ao làm "cung điện" của mình. Quả như một câu chuyện thần thoại, như câu chuyện về một vị tiên, một con người siêu phàm nào đó trong cổ tích. Chiếc nhà sàn đó cũng chỉ vẻn vẹn vài phòng tiếp khách, họp Bộ chính trị, làm việc và ngủ, và những đồ đạc rất mộc mạc, đơn sơ. Và chủ nhân chiếc nhà

sàn này cũng trang phục hết sức giản dị, với bộ quần áo bà ba nâu, chiếc áo trấn thủ, đôi dép lóp thô sơ như của các chiến sĩ Trường Sơn đã được một tác giả phương Tây ca ngợi như một vật thần kì. Hằng ngày, việc ăn uống của Người cũng rất đạm bạc, với những món ăn dân tộc không chút cầu kì, như cá kho, rau luộc, dưa ghém, cà muối, cháo hoa." (Lê Anh Trà, "Phong cách Hồ Chí Minh, cái vĩ đại gắn với cái giản dị", trong *Hồ Chí Minh và văn hóa Việt Nam*, Viện văn hóa xuất bản, Hà Nội, 1990).

Câu 1 (1.0 điểm). Nêu tên tác giả và tên văn bản chứa đoạn trích. Cho biết phương thức biểu đạt và nội dung chính của đoạn văn bản trên.

Câu 2 (0.5 điểm). (Lê Anh Trà, "Phong cách Hồ Chí Minh, cái vĩ đại gắn với cái giản dị", trong *Hồ Chí Minh và văn hóa Việt Nam*, Viện văn hóa xuất bản, Hà Nội, 1990) là bộ phận gì của đoạn văn bản được trích dẫn?

Câu 3 (0.5 điểm). Trong đoạn trích, tác giả đã thể hiện thái độ, tình cảm gì đối với Bác?

Câu 4 (1.0 điểm). Chỉ ra ít nhất một phép tu từ được sử dụng trong câu: "*Và chủ nhân chiếc nhà sàn này cũng trang phục hết sức giản dị, với bộ quần áo bà ba nâu, chiếc áo trấn thủ, đôi dép lóp thô sơ như của các chiến sĩ Trường Sơn đã được một tác giả phương Tây ca ngợi như một vật thần kì*". Nêu hiệu quả của phép tu từ đó.

Câu 5 (1.0 điểm). Qua đoạn trích, hãy trình bày suy nghĩ về những điều em học tập được từ phong cách Hồ Chí Minh.

II. PHẦN LÀM VĂN (6.0 ĐIỂM)

Câu 1 (2.0 điểm): Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 từ) cảm nhận những câu thơ sau:

“Xót người tựa cửa hôm mai
Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ
Sân lai cách mấy nắng mưa
Có khi gốc tử đã vừa người ôm”

(“Kiều ở lầu Ngưng Bích”, Nguyễn Du, Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam)

Câu 2 (4.0 điểm).

Em hãy viết một bài văn ngắn (khoảng 300 từ) giới thiệu tác phẩm “*Chuyện người con gái Nam Xương*” của Nguyễn Dữ (Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam).

----- HẾT -----

PHÒNG GD & ĐT
2020 - 2021

ĐỀ ÔN TẬP HỌC KÌ I - NĂM HỌC

TRƯỜNG THCS
phút)

Môn Ngữ văn 9 (Thời gian: 120

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 1

Phần 1	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC - HIỂU	4,0
	1	- Tác giả: Lê Anh Trà	0,25
		- Văn bản: “ <i>Phong cách Hồ Chí Minh</i> ”	0,25
		- Phương thức biểu đạt: Nghị luận kết hợp với miêu tả, biểu cảm	0,25
		- Nội dung chính: Tác giả tập trung làm rõ nét đẹp văn hóa trong phong cách Hồ Chí Minh, nổi bật là lối sống giản dị	0,25

		mà thanh cao của Người.	
	2	(Lê Anh Trà, “ <i>Phong cách Hồ Chí Minh, cái vĩ đại gắn với cái giản dị</i> ”, trong <i>Hồ Chí Minh và văn hóa Việt Nam</i> , Viện văn hóa xuất bản, Hà Nội, 1990) là bộ phận chú thích (nêu thông tin về xuất xứ, tác giả,...) của đoạn văn bản được trích dẫn.	0,5
	3	Trong đoạn trích, tác giả đã thể hiện thái độ, tình cảm đối với Bác: + Tự hào, ngưỡng mộ + Kính trọng, tin yêu	0,25 0,25
	4	- Gọi tên và chỉ ra cụ thể 1 biện pháp tu từ: So sánh hoặc liệt kê,... - Tác dụng: + Nhấn mạnh lối sống giản dị mà thanh cao của Người. + Thể hiện tình cảm kính yêu, ngưỡng mộ đối với Bác. + Làm cho câu văn thêm cụ thể, sinh động, hấp dẫn, giàu sức gợi hình, gợi cảm.	0,5 0,5
	5	Những điều em học tập được: - Lối sống giản dị mà thanh cao: + Ở vừa đủ, gần gũi với thiên nhiên. + Ăn theo phong vị dân tộc, đầy đủ mà không cầu kì. + Trang phục đủ dùng cho các hoạt động, thời tiết, hoàn cảnh... - Cuộc sống ngày nay, nhu cầu và mức sống đã được nâng lên nhưng chúng ta cũng cần có lối sống đầy đủ nhưng không xa hoa, lãng phí; phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh sống,...	0,75 0,25
II		LÀM VĂN	6,0
	1	Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 từ) cảm nhận những câu thơ sau: <i>“Xót người tựa cửa hôm mai Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ</i>	2,0

	<p><i>Sân lai cách mấy nắng mưa</i> <i>Có khi gốc tử đã vừa người ôm”</i> (“Kiều ở lầu Ngưng Bích”, Nguyễn Du, Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam)</p>	
	<p>a. Hình thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo hình thức một đoạn văn, dung lượng phù hợp, diễn đạt mạch lạc, lập luận chặt chẽ. - Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. 	0.25
	<p>b. Nội dung trình bày:</p>	1.5
	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả, tác phẩm và đoạn trích. 	0. 25
	Cảm nhận	1..25
	<ul style="list-style-type: none"> - Đoạn thơ thể hiện nỗi nhớ thương cha mẹ của Thúy Kiều + Chữ “xót” diễn tả một cách chính xác tấm lòng của Thúy Kiều dành cho cha mẹ + Nàng xót xa khi hình dung ra chốn quê nhà cha mẹ vẫn tựa cửa ngóng trông, lo lắng cho nàng. + Nàng tự trách bản thân vì chưa làm tròn chữ Hiếu: Thành ngữ “Quạt nồng ấp lạnh” cho thấy sự day dứt khôn nguôi vì không thể chăm sóc, nâng giãc cho cha mẹ. Nàng lo lắng không biết giờ đây ai là người chăm sóc cha mẹ khi thời tiết đổi thay. Nàng tưởng tượng nơi quê nhà đã đổi thay, “gốc tử đã vừa người ôm”, thời gian trôi đi mẹ cha ngày càng già yếu mà mình không thể phụng dưỡng. + Cụm từ “Cách mấy nắng mưa” vừa nói được sự xa cách bao mùa mưa nắng, vừa gợi sự tàn phá của thời gian đối với cảnh vật và con người, làm cho cha mẹ ngày càng già yếu và cần đôi bàn tay chăm sóc của nàng. ⇒ Thúy Kiều là người con hiếu thảo với cha mẹ - Nghệ thuật: + Nỗi nhớ được bộc lộ qua ngôn ngữ độc thoại nội tâm nên càng chân thực, cảm động + Cách sử dụng điển tích, điển cố và thành ngữ dân gian. 	0.75
	c) Sáng tạo	0.25

	Có cách diễn đạt độc đáo, hấp dẫn, sáng tạo	
2	Viết một bài văn ngắn (khoảng 300 từ) giới thiệu tác phẩm “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ (Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam).	4,0
	* Yêu cầu chung: Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kĩ năng về dạng bài thuyết minh để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, đảm bảo tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp..	
	* Yêu cầu cụ thể: a) Nội dung trình bày:	3,25
	Giới thiệu về đối tượng thuyết minh: “Chuyện người con gái Nam Xương” của nhà văn Nguyễn Dữ.	0,25
	- Thể loại: truyện truyền kỳ. - Nguồn gốc: là truyện thứ 16 trong số 20 truyện của tác phẩm <i>Truyền kì mạn lục</i> , viết bằng chữ Hán, dựa vào cốt truyện cổ tích dân gian <i>Vợ chàng Trương</i> .	0.5
	- Tóm tắt truyện: + Vũ Thị Thiết lấy chồng là Trương Sinh con nhà giàu nhưng ít học lại hay ghen. Trương Sinh đi lính, Vũ Nương ở nhà lo toan chu toàn việc gia đình. + Giặc tan, Trương Sinh trở về, nghe lời con nhỏ, nghi là vợ mình không chung thủy, mắng nhiếc đánh đập và đuổi nàng đi. + Vũ Nương bị oan, bèn gieo mình xuống sông Hoàng Giang tự tử. + Một đêm, đưa con chỉ chiếc bóng trên tường nói đó là cha nó nên chàng hiểu ra vợ mình đã bị oan. + Phan Lang gặp Vũ Nương dưới thủy cung được nàng gửi chiếc hoa vàng cùng lời nhắn cho Trương Sinh. Chàng lập đàn giải oan, Vũ Nương hiện về giữa dòng nói lời tạ từ rồi biến mất.	0,75

	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị nội dung: + Phản ánh hiện thực về cuộc sống gia đình dưới xã hội phong kiến nam quyền, thấp thoáng bóng dáng của cuộc chiến tranh phong kiến phi nghĩa; phản ánh số phận bi kịch của người phụ nữ qua câu chuyện về cuộc đời và cái chết thương tâm của Vũ Nương. + Truyện thể hiện niềm thương cảm sâu sắc đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ phong kiến; khẳng định vẻ đẹp truyền thống của họ; tố cáo lên án những thế lực vùi dập con người; ước mơ cho con người đặc biệt là người phụ nữ được hạnh phúc có một xã hội tốt đẹp để được sống bình an, hạnh phúc. 	0.75
	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị nghệ thuật: + Là một áng văn hay, thành công về nghệ thuật xây dựng truyện, miêu tả tâm lý nhân vật, kết hợp tự sự với trữ tình. + Truyện có bố cục chặt chẽ, nhân vật có được tính cách riêng. + Cách kể chuyện hết sức khéo léo. + Nhiều yếu tố sáng tạo trong việc kết hợp những yếu tố kì ảo với những tình tiết có thực, tạo nên vẻ đẹp riêng của truyện truyền kì. 	0.5
	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá và nêu cảm nghĩ về truyện : + “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ là một áng văn xuôi cổ tuyệt hay, xứng đáng là một thiên cổ kì bút (áng văn hay của ngàn đời). + Truyện góp phần khẳng định tên tuổi Nguyễn Dữ. 	0,5
	b) Hình thức trình bày:	0,5
	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo cấu trúc bài văn thuyết minh - Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. 	
	c) Sáng tạo:	0,25
	Học sinh có thể sáng tạo trong cách diễn đạt nhưng phải hợp lý và đảm bảo được những ý chính.	

Lưu ý chung: 1. Đây là đáp án mở, thang điểm không quy định điểm chi tiết đối với

từng ý nhỏ, chỉ nêu mức điểm của các phần nội dung nhất thiết phải có.

2. Chỉ cho điểm tối đa theo thang điểm ở từng ý hay cả bài khi đáp ứng yêu cầu chung và yêu cầu cụ thể.

3. Cho điểm lẻ tới 0,25; không làm tròn điểm số của bài.

PHÒNG GD & ĐT ĐỀ ÔN TẬP HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2020 – 2021

TRƯỜNG THCS

Môn Ngữ văn 9 (Thời gian: 120 phút)

ĐỀ SỐ 2

I. PHẦN ĐỌC - HIỂU (4.0 ĐIỂM):

Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi:

*“Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng là bể
như là sông là rừng*

*Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình.”*

Câu 1 (0.5 điểm). Đoạn trích trên nằm trong văn bản nào? Đoạn trích sử dụng phương thức biểu đạt chính là gì?

Câu 2 (0.5 điểm). Hai từ “*mặt*” trong câu “*Ngửa mặt lên nhìn mặt*”, từ nào được dùng theo nghĩa gốc, từ nào được dùng theo nghĩa chuyển?

Câu 3 (1.0 điểm). Chỉ ra các từ láy được sử dụng trong đoạn thơ trên và nêu tác dụng?

Câu 4 (1.0 điểm). Trong khổ thơ cuối, tại sao tác giả lại chuyển cách dùng từ: “*trăng*” sang “*ánh trăng*”? Cái “*giật mình*” có ý nghĩa như thế nào?

Câu 5 (1.0 điểm). Từ nội dung đoạn thơ trên, em rút ra được thái độ sống gì cho bản thân?

II. PHẦN LÀM VĂN (6.0 ĐIỂM):

Câu 1 (2.0 điểm).

Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 từ) cảm nhận những câu thơ sau:

Một bếp lửa chờn vờn sương sớm

Một bếp lửa ấp iu nồng đượm

Cháu thương bà biết mấy nắng mưa.

(Bằng Việt, trích ***Bếp lửa***, Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam)

Câu 2 (4.0 điểm).

Em hãy viết một bài văn ngắn (khoảng 300 từ) giới thiệu bài thơ “*Đoàn thuyền đánh cá*” của Huy Cận (Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam).

----- HẾT -----

PHÒNG GD & ĐT ĐỀ ÔN TẬP HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2020 - 2021
 TRƯỜNG THCS Môn Ngữ văn 9 (Thời gian: 120 phút)

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 2

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC - HIỂU	4,0
	1	- Đoạn trích trên nằm trong văn bản “ <i>Ánh trăng</i> ” - Đoạn trích sử dụng PTBD chính: Biểu cảm	0,25 0,25
	2	Trong câu: “ <i>Ngửa mặt lên nhìn mặt:</i> - Mặt 1: Chỉ mặt người -> Nghĩa gốc. - Mặt 2: Chỉ mặt trăng -> Nghĩa chuyển.	0,25 0,25
	3	- Các từ láy được sử dụng trong đoạn thơ trên: <i>Rung rung, vành vạnh, phăng phắc.</i> - Tác dụng: + Làm cho đối tượng biểu đạt hiện lên cụ thể, sinh động, câu thơ gợi hình, gợi cảm. + “ <i>Rung rung</i> ”: Cảm xúc ứa về, trào dâng như muốn khóc -> sự thức tỉnh.	0,5 0,25 0,25

		<p>“<i>Vành vạnh</i>”: Khắc họa độ tròn đầy, không khiếm khuyết của vầng trăng -> quá khứ vẹn nguyên.</p> <p>“<i>Phăng phắc</i>”: Độ tĩnh lặng gần như tuyệt đối -> cái nhìn nghiêm nghị của quá khứ soi rọi lương tâm người lính.</p>	
	4	<p>- Giải thích: Trong khổ thơ cuối, tác giả lại chuyển cách dùng từ: “<i>trăng</i>” sang “<i>ánh trăng</i>”:</p> <p>+ “<i>Trăng</i>”: Biểu tượng của quá khứ ân tình.</p> <p>+ “<i>Ánh trăng</i>”: Ánh mắt nhìn từ quá khứ, soi rọi lương tâm người lính.</p> <p>- Ý nghĩa của từ “<i>giật mình</i>”:</p> <p>+ Sự thức tỉnh của lương tâm.</p> <p>+ Cảm xúc ăn năn, day dứt khi nhận ra lỗi lầm lãng quên quá khứ, bội bạc...</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
	5	<p>Thái độ sống cho bản thân:</p> <p>- Lối sống ân nghĩa, thủy chung với quá khứ, đạo lí uống nước nhớ nguồn.</p> <p>- Thân thiện, gần gũi với thiên nhiên; tích cực học tập và rèn luyện xứng đáng với lớp cha ông đi trước,...</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p>
II		LÀM VĂN	6,0
	1	<p>Viết một đoạn văn (khoảng 200 từ) cảm nhận những câu thơ sau:</p> <p style="padding-left: 40px;">Một bếp lửa chồn vờn sương sớm Một bếp lửa ấp iu nồng đượm Cháu thương bà biết mấy nắng mưa.</p>	2,0
		<p>a. Hình thức:</p> <p>- Đảm bảo hình thức một đoạn văn, dung lượng phù hợp, diễn đạt mạch lạc, lập luận chặt chẽ.</p> <p>- Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.</p>	0.25
		b. Nội dung trình bày:	1,5
		- Giới thiệu tác giả, tác phẩm và đoạn trích.	0,25
		- Cảm nhận:	1..0
		<p>Hình ảnh bếp lửa khơi nguồn cho dòng hồi tưởng cảm xúc về bà: <i>hình ảnh bếp lửa</i> (là hình ảnh thân thương, gần gũi, ấm áp, quen thuộc trong mỗi gia đình từ bao đời...); <i>hình ảnh người bà</i> (bàn tay kiên nhẫn, khéo léo và tấm lòng chi chút nhóm lửa; cuộc đời bao vất vả nhọc nhằn ...)</p> <p>+ Từ ngữ, từ láy, hình ảnh giàu sức gợi; các biện pháp tu</p>	<p>0,75</p> <p>0,25</p>

	từ (điệp ngữ, ẩn dụ)	
	- Đánh giá khái quát: Tình cảm nhớ thương cháu dành cho bà.	0,25
	c. Sáng tạo: Thể hiện lập luận sắc sảo, sáng tạo, có cách diễn đạt độc đáo...	0,25
2	Em hãy viết một bài văn ngắn (khoảng 300 từ) giới thiệu bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận (Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam).	4,0
	a. Nội dung trình bày:	3,25
	Giới thiệu về đối tượng thuyết minh: Bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận	0,25
	- Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ được sáng tác năm 1958, khi Huy Cận có chuyến đi thực tế dài ngày ở vùng mỏ Quảng Ninh. Từ chuyến đi thực tế này, hồn thơ Huy Cận mới thực sự nảy nở trở lại và dồi dào trong cảm hứng về thiên nhiên, đất nước, về lao động và niềm vui trước cuộc sống mới - Xuất xứ: In trong tập “Trời mỗi ngày lại sáng”	0.75
	- Đề tài: Người lao động trong công cuộc xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa. - Thể thơ : Bảy chữ - Mạch cảm xúc: mạch cảm xúc của bài thơ đi theo trình tự không gian, thời gian. Không gian gắn liền với nhịp vận động thiên nhiên vũ trụ. Thời gian gắn liền với hành trình của đoàn thuyền đánh cá ra khơi rồi trở về.	0,5
	- Bố cục: Phần 1: 2 khổ thơ đầu : Cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi lúc hoàng hôn. Phần 2: 4 khổ thơ tiếp: Cảnh đoàn thuyền đánh cá trên biển đêm. Phần 3: khổ cuối: Cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về trong buổi bình minh.	0.5
	- Giá trị nội dung: + Bài thơ khoắc họa nhiều hình ảnh đẹp tráng lệ, thể hiện sự hài hòa giữa thiên nhiên và con người lao động. + Bộc lộ niềm vui, niềm tự hào của nhà thơ trước đất nước và cuộc sống. - Giá trị nghệ thuật	0.75

	+ Bút pháp lãng mạn, cảm xúc tràn đầy + Bài thơ có nhiều sáng tạo trong việc xây dựng hình ảnh bằng liên tưởng, tưởng tượng phong phú, độc đáo; có âm hưởng khỏe khoắn, hào hùng, lạc quan. + Kết cấu đầu cuối tương ứng đặc sắc. + Sử dụng nhiều biện pháp nghệ thuật: So sánh, ẩn dụ, nhân hóa, liệt kê,...	0.5
	b. Hình thức trình bày:	0,5
	- Đảm bảo cấu trúc bài văn thuyết minh - Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.	
	c. Sáng tạo:	0,25
	- Có nhiều cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo.	

Lưu ý chung:

1. Đây là đáp án mở, thang điểm không quy định điểm chi tiết đối với từng ý nhỏ, chỉ nêu mức điểm của các phần nội dung nhất thiết phải có.
2. Chỉ cho điểm tối đa theo thang điểm ở từng ý hay cả bài khi đáp ứng yêu cầu chung và yêu cầu cụ thể.
3. Cho điểm lẻ tới 0,25; không làm tròn điểm số của bài.

PHÒNG GD & ĐT
 2020 - 2021

ĐỀ ÔN TẬP HỌC KÌ I - NĂM HỌC

TRƯỜNG THCS
 phút)

Môn Ngữ văn 9 (Thời gian: 120

ĐỀ SỐ 3

I. PHẦN ĐỌC - HIỂU (3.0 ĐIỂM)

Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi:

Lòng tự tin thực sự không bắt đầu bởi những gì người khác có thể nhận ra như gia thế, tài năng, dung mạo, bằng cấp, tiền bạc, quần áo,...Mà nó bắt đầu từ bên trong bạn, từ sự BIẾT MÌNH. Biết mình có nghĩa là biết điều này: Dù bạn là ai thì bạn cũng luôn có sẵn trong mình những giá trị nhất định.

Hơn thế nữa, nếu bạn thực sự tự tin, bạn cũng sẽ biết tôn trọng người khác. Bởi nếu bạn đã hiểu được giá trị của bản thân mình, chắc chắn bạn sẽ hiểu được giá trị của mỗi người bạn gặp. Bạn sẽ nhìn thấy sự giống nhau giữa một ca sĩ nổi tiếng và một người

quét rác vô danh, giữa một danh nhân xuất khẩu hàng nghìn tấn thủy sản đi nước ngoài và một bà cụ bán cá tươi trong chợ. Bạn sẽ trân trọng những người đó như nhau.

Bản thân mỗi chúng ta là giá trị có sẵn. Nếu bạn muốn có một cơ sở để xây dựng lòng tự tin thì hãy bắt đầu từ đó: “TỪ CHÍNH BẢN THÂN MÌNH”.

(Phạm Lữ Ân – “Nếu biết trăm năm là hữu hạn”, NXB Hội Nhà văn, tr45)

Câu 1 (0.5 điểm). Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích trên?

Câu 2 (0.5 điểm). Theo tác giả, lòng tự tin bắt nguồn từ đâu?

Câu 3 (1.0 điểm). Theo em, tự tin khác tự cao, tự đại như thế nào?

Câu 4 (1.0 điểm). Lời khuyên “Nếu bạn muốn có một cơ sở để xây dựng lòng tự tin thì hãy bắt đầu từ đó : “TỪ CHÍNH BẢN THÂN MÌNH” có ý nghĩa gì với em?

II. PHẦN LÀM VĂN (7.0 ĐIỂM)

Câu 1 (2.0 điểm). Từ nội dung phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về ý nghĩa của sự tự tin trong cuộc sống.

Câu 2 (5.0 điểm).

Phân tích nhân vật ông Hai trong đoạn trích sau :

Ông lão ôm thẳng con út lên lòng, vỗ nhẹ nhẹ vào lưng nó, khẽ hỏi:

- Húc kia! Thầy hỏi con nhé, con là con ai?

- Là con thầy mấy lại con u.

- Thế nhà con ở đâu?

- Nhà ta ở làng Chợ Dầu.

- Thế con có thích về làng chợ Dầu không?

Thằng bé nép đầu vào ngực bố trả lời khe khẽ:

- Có.

Ông lão ôm khít thằng bé vào lòng, một lúc lâu ông lại hỏi:

- À, thầy hỏi con nhé. Thế con ủng hộ ai?

Thằng bé giơ tay lên, mạnh bạo và rành rọt:

- Ủng hộ cụ Hồ Chí Minh muôn năm!

Nước mắt ông lão giàn ra, chảy ròng ròng trên hai má. Ông nói thủ thỉ:

- Ủ đúng rồi, ủng hộ cụ Hồ con nhỉ.

Mấy hôm nay ru rú ở xó nhà, những lúc buồn khổ quá chẳng biết nói cùng ai, ông lại thủ thỉ với con như vậy. Ông nói như để ngỏ lòng mình, như để mình lại mình oan cho mình nữa.

Anh em đồng chí biết cho bố con ông.

Cụ Hồ trên đầu trên cổ xét soi cho bố con ông.

Cái lòng bố con ông là như thế đấy, có bao giờ dám đơn sai. Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai: Mỗi lần nói ra được đôi câu như vậy nỗi khổ trong lòng ông cũng vơi đi được đôi phần.

(Trích *Làng* - Kim Lân, Ngữ văn lớp 9, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011, tr.169 - 170)

----- HẾT -----

PHÒNG GD & ĐT
2020 - 2021

ĐỀ ÔN TẬP HỌC KÌ I - NĂM HỌC

TRƯỜNG THCS
(phút)

Môn Ngữ văn 9 (Thời gian: 120

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 3

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC - HIỂU	3,0
	1	Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận	0.5
	2	Theo tác giả, lòng tự tin bắt nguồn từ: Lòng tự tin thực sự không bắt đầu bởi những gì người khác có thể nhận ra như gia thế, tài năng, dung mạo, bằng cấp, tiền bạc, quần áo, ...mà nó bắt đầu từ bên trong bạn, từ sự biết mình.	0.5
	3	- Tự tin là: Hoàn toàn tin tưởng vào chính mình, dựa trên cơ sở nhận thức và nắm rõ được điểm yếu, điểm mạnh của bản thân, chủ động trong mọi việc, dám tự quyết định và hành động một cách chắc chắn, không hoang mang, dao động. Người tự tin là người cương quyết, dám nghĩ, dám làm. - Tự cao, tự đại là: Tự cho mình là người tài giỏi hơn người khác, luôn vỗ ngực tự khen mình, xem thường người khác, cho rằng người khác là kém cỏi, không cần sự hợp tác, góp ý và	0,5 0.5

		giúp đỡ của bất kì ai.	
	4	<p>Học sinh có thể đưa ra những ý kiến riêng nhưng cần đảm bảo chuẩn mực về đạo đức, pháp luật. Có thể trả lời theo hướng sau: Lời khuyên trên có ý nghĩa với chúng ta vì:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khuyên chúng ta trước tiên phải tự tin vào chính bản thân mình, biết điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, từ đó sẽ có cách khắc phục điểm yếu, phát huy điểm mạnh để vượt qua khó khăn, đạt được thành công trong cuộc sống. - Nhận thức được tầm quan trọng của sự tự tin vào bản thân mình trong cuộc sống. Vì khi ta tự tin vào chính mình thì mới có thể tự tin với mọi người xung quanh, tự tin khi đối diện với bất cứ hoàn cảnh nào. 	<p>0,75</p> <p>0,25</p>
	5	<p>Cảm nhận về đẹp phẩm chất của nhân vật “tôi” được bộc lộ trong đoạn trích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tinh thần trách nhiệm cao trong công việc: - Bản lĩnh vững vàng, dũng cảm, kiên cường: <p>=> Vẻ đẹp tiêu biểu của tuổi trẻ Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p>
II		LÀM VĂN	7,0
	1	Từ nội dung phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về ý nghĩa của sự tự tin trong cuộc sống.	2,0
		<p>* Yêu cầu chung: Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kĩ năng về văn nghị luận xã hội để tạo lập đoạn văn. Đoạn văn phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc, giàu sức thuyết phục; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.</p>	
		<p>* Yêu cầu cụ thể:</p> <p>a) Nội dung trình bày:</p>	1,25
		- Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Ý nghĩa của sự tự tin trong cuộc sống.	0,25
		- Giải thích: Tự tin là tin tưởng vào chính mình, dựa trên cơ nhận thức và nắm rõ được điểm yếu điểm mạnh của bản thân, chủ động trong mọi việc, dám tự quyết và hành động một cách chắc chắn không hoang mang, dao động.	0,25
		- Bàn luận : Ý nghĩa của sự tự tin	0,75

	<p>+ Tự tin giúp con người có thêm sức mạnh, nghị lực, vượt qua mọi thử thách trong cuộc sống, hăng say, sáng tạo trong học tập, lao động từ đó dễ dàng vươn tới thành công.</p> <p>+ Tự tin tạo sự tin cậy đối với mọi người, dễ dàng nắm bắt được cơ hội trong cuộc sống để khẳng định giá trị bản thân, đóng góp tích cực cho cộng đồng xã hội.</p> <p>+ Có sự tự tin, con người cảm thấy lạc quan, yêu đời, trân trọng cuộc sống.</p> <p>⇒ Bài học nhận thức và hành động: Sự tự tin đối với mỗi cá nhân là vô cùng quan trọng vì nó chính là gốc rễ để bạn có thể đạt được thành công trong cuộc sống. Vì vậy, chúng ta hãy tin vào chính mình, tin vào những điều tốt đẹp mà cuộc sống mang lại.</p>	
	b) Hình thức trình bày:	0,5
	<p>- Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận gồm 3 phần: Mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn.</p> <p>- Lập luận chặt chẽ, mạch lạc; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.</p>	
	c) Sáng tạo: Thể hiện quan điểm riêng, sâu sắc, sáng tạo, có cách diễn đạt độc đáo...	0,25
2	Phân tích nhân vật ông Hai trong đoạn trích : “Ông lão ôm thằng con...vời đi được đôi phần”	5,0
	* Yêu cầu chung: Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kĩ năng về dạng bài văn nghị luận văn học để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc, giàu sức thuyết phục; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.	
	* Yêu cầu cụ thể: a) Nội dung trình bày:	3.75
	Giới thiệu khái quát tác giả, tác phẩm, tình huống của truyện ngắn, vị trí đoạn trích, nhân vật ông Hai.	0,5
	Phân tích nhân vật ông Hai trong đoạn trích – cuộc nói chuyện của ông Hai với đứa con út.	2.75
	Nhân vật ông Hai hiện lên với diễn biến tâm lí phức tạp và tình yêu	

	<p>làng, yêu nước sâu sắc, thiêng liêng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nỗi niềm của ông Hai không biết giải bày cùng ai đành trút cả vào những lời trò chuyện cùng đứa con thơ dại. - Ông chọn nói chuyện với cu Húc- đứa con út vì nó là đứa nhỏ nhất, ngây thơ, ông dễ nói chuyện và dễ bày tỏ. - Ông Hai hỏi con về nhà, thực chất là đang tự khẳng định tình yêu của mình với làng chợ Dầu - Tấm lòng thủy chung với kháng chiến, với cách mạng sâu sắc, bền chặt và thiêng liêng. - Lòng yêu nước rộng lớn, bao trùm trên lòng yêu nước. <p>=> Đoạn trích xây dựng sống động, đẹp đẽ hình ảnh người nông dân thời kì kháng chiến chống Pháp với tình yêu làng, yêu nước sâu sắc trong ý nghĩ và tình cảm.</p>	
	Nghệ thuật xây dựng nhân vật	0,5
	<ul style="list-style-type: none"> + Ngôn ngữ giản dị, tự nhiên, mang tính khẩu ngữ và cá thể hóa + Ngôn ngữ độc thoại lồng trong đối thoại + Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế 	
	b) Hình thức trình bày:	0,75
	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận gồm 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài. - Lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc. - Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. 	
	c) Sáng tạo:	0,5
	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện được quan điểm và thái độ riêng, sâu sắc nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật. - Có nhiều cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo. 	
<p>Lưu ý chung:</p> <p>1. Đây là đáp án mở, thang điểm không quy định điểm chi tiết đối với từng ý nhỏ, chỉ nêu mức điểm của các phần nội dung nhất thiết phải có.</p> <p>2. Chỉ cho điểm tối đa theo thang điểm ở từng ý hay cả bài khi đáp ứng yêu cầu chung và yêu cầu cụ thể.</p> <p>3. Cho điểm lẻ tới 0,25; không làm tròn điểm số của bài.</p>		

III, Củng cố, DẶN DÒ

- Củng cố lại cách làm bài đọc - hiểu
- Sưu tầm một số đề thi tuyển sinh vào lớp 10 của các sở GD (kèm theo đáp án) trong mấy năm gần đây để buổi sau giới thiệu cả lớp tham khảo.